TƯ LIỆU THẢO LUẬN 1955 VỀ TẬP THƠ VIỆT BẮC

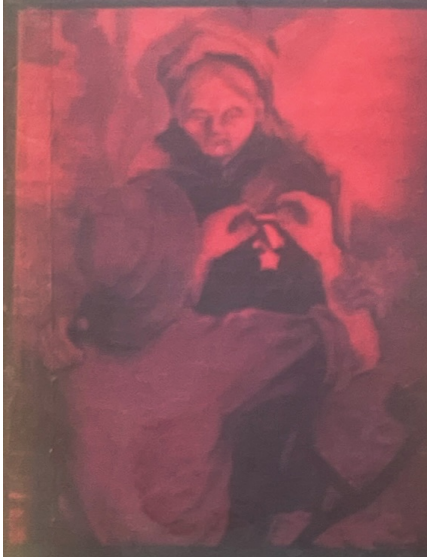

LẠI NGUYÊN ÂN
sưu tầm và biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

TƯ LIỆU
THẢO LUẬN 1955
VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

LẠI NGUYÊN ÂN
sưu tầm và biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh
ĐT: (04) 7733041 - Fax: (04) 7733041
Email: sach32bt@hn.vnn.vn
Website: www.nhasachdongtay.com.vn

LỜI DẪN

Cuốn sách mà bạn đọc đang cầm trên tay là một tập hợp những tư liệu thông tin bài vở thảo luận và tranh luận về tập thơ Việt Bắc *của Tố Hữu, ngay sau khi tác phẩm này lần đầu in thành sách riêng và phát hành rộng rãi khắp miền bắc Việt Nam khi đó, tức là từ tháng 12.1954.*

Người soạn tập tư liệu này vốn không phải là -- và cũng không có tham vọng trở thành -- một chuyên gia về Tố Hữu, dù chỉ về phần sáng tác thơ hay là về toàn bộ các thể loại tác phẩm của tác gia ấy. Sưu tập này được thực hiện chỉ vì người soạn thấy rằng tiến trình thảo luận và tranh luận xung quanh tập thơ Việt Bắc *hồi nửa đầu năm 1955 trên báo chí ở Hà Nội, trong giới văn nghệ và cả trong một bộ phận công chúng nữa, -- là một sự kiện văn học sử không thể bỏ qua.*

Các tư liệu rút từ báo chí đương thời mà tôi đã tập hợp từ cách nay vài chục năm, ban đầu chỉ như một hồ sơ tư liệu để dùng riêng, càng về sau càng trở thành loại tư liệu tương đối khó tìm. Bởi vậy, gần đây nhân xem lại tập tư liệu này, tôi đã giành thời gian bổ sung, hoàn chỉnh và đưa in làm tài liệu dùng chung cho các đồng nghiệp nghiên cứu và những bạn đọc có quan tâm.

Có đồng nghiệp khuyên nên viết một chuyên luận hoặc ít ra là một bài dăm ba chục trang in cùng với sưu tập này, bảo rằng làm thế mới bõ công sưu tập. Người soạn đã toan làm theo, chợt nghĩ chính bài viết đó có thể sẽ khiến người ta ngờ các tài liệu tập hợp in vào đây đã bị dàn dựng theo một ý đồ "định hướng" nào đấy, -- điều mà người soạn hoàn toàn không có chủ định. Vậy thì xin gác bài viết ấy

lại. Tập sách này chỉ làm nhiệm vụ cung cấp tư liệu mà thôi.

Khi tập hợp in vào sách này, các tư liệu được xếp theo trật tự thời gian chúng xuất hiện trên báo chí đương thời. Người soạn chú trọng giữ lại diện mạo đương thời của các tư liệu nên đã cho in đúng theo văn bản đăng báo, không sửa lại theo những văn bản được các tác giả của chúng nhuận chính và sắp xếp lại, đưa in trong các cuốn sách về sau.

Cũng nhằm giúp bạn đọc sách này hình dung những đường nét của sự kiện văn học sử đã lùi xa càng rõ càng cụ thể bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, người soạn đã sưu tầm đưa in vào phụ lục sách này toàn bộ tập thơ Việt Bắc *theo đúng dạng thức văn bản in sách lần đầu của tác phẩm này, tức là với đúng những văn bản các câu thơ bài thơ mà những người đương thời đã đọc, từ đó đã có những nhận xét, những ý kiến, rồi viết thành những bài nhận xét có kèm theo những trích dẫn mà báo chí đương thời đã đăng tải, -- và cả hai thứ nói trên đều là đối tượng tập hợp của sưu tập tư liệu này. Sự sửa chữa, nhuận sắc vào các bài thơ trong mỗi lần in lại về sau là thuộc thẩm quyền nhà thơ tác giả; còn ở sưu tập này điều cần thiết lại là giữ lại diện mạo các bài thơ ở lát cắt thời gian văn học sử xác định ấy.*

Chuẩn bị ra sách vào thời điểm này, một việc nữa người soạn lẽ ra cần làm là liên hệ xin phép các tác giả những bài viết và tác phẩm được đưa vào sưu tập này. Tuy vậy sau 50 năm, việc liên lạc với tất cả các tác giả là điều rất khó thực hiện. Người soạn tin rằng các tác giả từng can dự sự kiện văn học đã lùi xa 50 năm nay không phản đối công việc có tính chất thuần tư liệu của tôi ở đây

Với tất cả nỗ lực và sự nghiêm túc của một người làm tư liệu, hy vọng tập sách này sẽ có ích. Người soạn rất mong nhận được sự chỉ bảo và bổ sung của đồng nghiệp và bạn đọc gần xa.

Hà Nội, tháng Tám 2004

LẠI NGUYÊN ÂN

PHÁC QUA TIẾN TRÌNH THẢO LUẬN VÀ TRANH LUẬN

30.11.1954:	Sách *Việt Bắc* (106 trang khổ 11 x 16 cm), tập thơ của Tố Hữu, in xong tại nhà in Xuân Thu, 89 Đại lộ Nguyễn Thái Học, Hà Nội.
8.12.1954:	Sách *Việt Bắc* được xuất bản.
15.12.1954:	Sách *Việt Bắc* được nộp lưu chiểu tại Thư viện Quốc gia.
21.1. 1955:	Báo *Nhân dân* số Tết Ất Mùi đăng bài của Xuân Trường: *Vài ý nghĩ sau khi đọc tập thơ* "Việt Bắc" *của Tố Hữu*.
15.2.1955:	Báo *Văn nghệ* số 63 đăng (kỳ 1) bài phê bình của Xuân Diệu: *Đọc tập thơ* "Việt Bắc".
28.2.1955:	Báo *Văn nghệ* số 64 đăng tiếp (kỳ 2, hết) bài phê bình của Xuân Diệu.
4.3.1955:	Mạn đàm về tập thơ *Việt Bắc* do Phòng Văn nghệ quân đội tổ chức.

11.3.1955: Báo *Văn nghệ* số 65 công bố mở một "tự do diễn đàn" thảo luận về tập thơ *Việt Bắc*, mở đầu bằng việc đăng bài của Hoàng Yến: *Tập thơ* "Việt Bắc" *có hiện thực không* ? Và đăng tin do A.T. viết: *Hai cuộc thảo luận về tập* "Việt Bắc" *và* "Vượt Côn Đảo".

23.3.1955: Báo *Văn nghệ* số 66 đăng bài của Minh Tranh: *Tình yêu trong tập thơ "Việt Bắc"*.

31.3.1955: Cuộc họp thảo luận thứ nhất về tập thơ "Việt Bắc" do Ban Văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức tại trụ sở của hội.

1.4.1955: Báo *Văn nghệ* số 67 trong đề mục "*Tranh luận về tập thơ Việt Bắc*" đăng:

-- bài của Vũ Đức Phúc: *Hoàng Yến chưa nắm vững vấn đề hiện thực*.

-- bài của Hoàng Cầm: *Tập thơ* "Việt Bắc" *ít chất sống thực tế*.

3.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng:

-- tin về cuộc họp thứ nhất (31.3.1955) thảo luận về tập thơ "*Việt Bắc*" ở Hội Văn nghệ Việt Nam;

-- bài của Hoàng Yến: *Đọc thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu* (kỳ 1).

4.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng tiếp bài của Hoàng Yến (kỳ 2).

5.4.1955: Xuân Diệu nói chuyện với sinh viên về "*Địch và Ta trong thơ Tố Hữu*";

báo *Nhân dân* đăng tiếp bài của Hoàng Yến (kỳ 3, hết).

7.4.1955: Cuộc họp thảo luận thứ hai về tập thơ "*Việt Bắc*" do Ban Văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức.

8.4.1955: Tuần báo *Nói thật* số 4 đăng bài: *Tập thơ "Việt Bắc"của Tố Hữu có thiếu chất sống thực tế không* ?

10.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng bài: *Đẩy mạnh phong trào phê bình văn nghệ.*

11.4.1955: Báo Nhân dân đăng tin và tường thuật cuộc họp phê bình tập thơ "Việt Bắc" ở Hội Văn nghệ Việt Nam tối 7.4.1955.

11.4.1955: Báo *Văn nghệ* số 68 trong mục "*Tranh luận về tập thơ Việt Bắc*" đăng:

-- bài của Vũ Đức Phúc: *Phản đối cái buồn của Hoàng Cầm khi đọc thơ Tố Hữu*;

-- bài của Lê Đạt: *Giai cấp tính trong thơ Tố Hữu*;

-- ký giả Hiện Thực (?) trong mục "Sổ tay văn nghệ" chấn chỉnh một câu trong một bài thảo luận về tập thơ "Việt Bắc";

-- đưa tin Xuân Diệu nói chuyện về thơ Tố Hữu cho sinh viên.

14.4.1955: Cuộc họp thảo luận thứ ba về tập thơ "Việt Bắc" do Ban Văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam tổ chức.

14.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng bài của Nhân Hồng: *Chúng ta tiếp thu di sản của nhà thơ Xô viết vĩ đại như thế nào?*

15.4.1955: Sách "*Việt Bắc*" in lần thứ hai, in xong tại nhà in Xuân Thu.

17.4.1955: Báo *Nhân dân* đưa tin cuộc họp thảo luận thứ ba về tập thơ "*Việt Bắc*" tại Hội Văn nghệ Việt Nam.

20.4.1955: Báo *Tổ quốc* số 9 đăng bài của Phan Cự Đệ: *Đọc tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu: Tình cảm chưa theo kịp ý thức con người.*

21.4.1955: Báo *Văn nghệ* số 69 trong mục *"Tranh luận về tập thơ "Việt Bắc"* đăng:

-- bài của Nguyễn Văn Phú: *Vài điểm non yếu trong nghệ thuật tập thơ "Việt Bắc"*;

-- bài của Hoài Việt: *Không đồng ý với Hoàng Yến và Hoàng Cầm*;

-- tin các cuộc họp phê bình tập thơ "*Việt Bắc*" các tối 7.4 và 14.4.1955;

-- bài của Lê Đạt: *Học tập Maiakovski, phát huy sức sống mới của thi ca Việt Nam* (kỳ 1);

21.4.1955: Báo *Nhân dân* trong mục "*Phê bình văn nghệ*" đăng bài của Lê Quang Thành: *Góp ý kiến thảo luận về tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu* (kỳ 1).

22.4.1955 Báo *Nhân dân* đăng tiếp (kỳ 2,hết) bài trên của Lê Quang Thành.

23.4.1955: Báo *Độc lập* số 96 đăng bài của Nguyễn Viết Lãm: *Góp ý kiến về tập thơ "Việt Bắc": Tư tưởng và tình cảm trong tập thơ "Việt Bắc" có hiện thực không*?

27.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng bài của Nhân Hồng: *Vấn đề phê bình văn nghệ ở Liên Xô* (kỳ 1);

28.4.1955: Báo *Nhân dân* đăng tiếp bài trên của Nhân Hồng (kỳ 2, hết).

30.4.1955: Báo *Độc lập* số 97 đăng bài của Thẩm Lăng: "*Việt Bắc*" *và Tố Hữu* .

1.5.1955: Báo *Văn nghệ* số 70 đăng:

-- bài của Hoàng Cầm: *Bổ sung ý kiến của tôi về tập thơ "Việt Bắc"*;

-- bài của Lê Đạt: *Học tập Maiakovski, phát huy sức sống mới của thi ca Việt Nam* (kỳ 2, hết);

-- bài của Đông Hoài: *Góp ý kiến về tập thơ "Việt Bắc"*;

-- ký giả Hiện Thực (?) trong mục "*Sổ tay văn nghệ*" nêu ý kiến uốn nắn sự sùng bái hình thức thơ leo thang;

-- toà soạn trích dịch ý kiến Chu Dương (Trung Quốc) về phê bình văn nghệ.

5.5.1955: Sách "*Việt Bắc*" (in lần thứ hai) nộp lưu chiểu.

5.5.1955: Báo *Nhân dân* trong mục " ý kiến bạn đọc" đăng ý kiến phản ứng với một số nhận xét trong cuộc phê bình tập thơ "*Việt Bắc*";

7.5.1955: Báo *Độc lập* số 98 đăng bài của Nguyễn Viết Lãm: *Đặc tính sáng tạo trong tập thơ Tố Hữu.*

8.5.1955: Báo *Nhân dân* đăng bài của Hồng Giao: *Cuộc phê phán tư tưởng Hồ Thích ở Trung Quốc .*

10.5.1955: Báo *Văn nghệ* số 71 trong đề mục "*Chung quanh tập thơ Việt Bắc*"đăng:

-- các ý kiến của Lê Bá Suý, Ngô Linh Ngọc, Đức Minh, Lê Bạch Sơn trong bài *Bạn đọc góp ý kiến*;

-- Ý kiến của Vũ Đức Phúc:*Thư bạn đọc*;

-- toà soạn đăng trích dịch xã luận tạp chí "*Người cộng sản*"(Liên Xô) về phê bình văn học.

14.5.1955: Báo *Độc lập* số 99 đăng bài của Nguyễn Viết Lãm: *Những nhược điểm của tập thơ "Việt Bắc".*

21.5.1955: Báo *Văn nghệ* số 72 trong đề mục *"Chung quanh tập thơ "Việt Bắc"* đăng:

-- bài của Trần Độ:*Vài cảm tưởng của một độc giả thông thường*;

-- bài *Bạn đọc góp ý kiến về tập thơ "Việt Bắc"* với các ý kiến của Nguyễn Văn Sáng, Xuân Sách.

1.6.1955: Báo *Văn nghệ* số 73 trong mục *"Chung quanh tập thơ "Việt Bắc"* đăng:

-- ý kiến Trương Chính trong mục "*Ý kiến các bạn văn nghệ*".

4. 6. 1955: Báo *Nhân dân* đăng tin Toà soạn báo "*Văn nghệ*" tự phê bình về mục chữ và nghĩa đã được bạn đọc báo "*Nhân dân*" (5.5.1955) góp ý.

5. 6. 1955: Báo *Tổ quốc* số 12 đăng bài của Vũ Đình Liên: *Mối tình dân tộc trong tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu.*

10. 6. 1955: Báo *Văn nghệ* số 74 đăng bài của Hoài Thanh: *Tình yêu quê hương đất nước trong tập thơ "Việt Bắc".*

20.6.1955: Báo *Văn nghệ* số 75 đăng bài của Tú Mỡ: *Góp ý kiến về tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu.*

3. 7. 1955: Báo *Nhân dân* đăng bài của Ngô Điền: *Nhân dân Trung Quốc vạch mặt và đòi trừng trị tên phản cách mạng Hồ Phong.*

5. 7. 1955: Báo *Tổ quốc* số 14 khởi đăng bài của Đặng Thai Mai: *Hồ Thích, từ tư tưởng mại bản đến chỗ phản quốc* (đăng liền 3 kỳ, đến số 16, ngày 5.8).

14. 7. 1955: Báo *Văn nghệ* số 77 đăng bài của Nguyễn Đình Thi: *Thơ Tố Hữu đi vào thực tế quần chúng.*

21.7.1955: Báo *Văn nghệ* số 78 đăng bài của Nguyễn Đình Thi: *Lập trường giai cấp và Đảng tính. Vấn đề hiện thực và lãng mạn.*

28.7.1955: Báo *Văn nghệ* số 79 đăng bài của Nguyễn Đình Thi: *Nhà thơ lớn lên với thời đại.*

7.8.1955: Báo *Nhân dân* đăng bài của Trọng Anh: *Đồng bào miền Nam với thơ Tố Hữu.*

11.8.1955: Báo *Văn nghệ* số 81 đăng bài của Hoàng Trung Thông: *Ý kiến kết thúc cuộc thảo luận về tập thơ "Việt Bắc".*

11.8.1955: Báo *Nhân dân* đăng kỳ 1 bài trên của Hoàng Trung Thông.

12.8.1955: Báo *Nhân dân* đăng tiếp (kỳ 2, hết) bài trên của Hoàng Trung Thông.

20.9.1955: Báo *Tổ quốc* số 19 đăng bài của Đặng Thai Mai: *Thanh trừ tư tưởng Hồ Phong và tập đoàn phản động của y.*

15.3.1956: Báo *Văn nghệ* số 112 đăng thông cáo của Ban Giám khảo và Kết quả Giải thưởng văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955:

về Giải thưởng thơ:

Giải Nhất: *Việt Bắc*, tập thơ của Tố Hữu.

VÀI Ý NGHĨ SAU KHI ĐỌC TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU

XUÂN TRƯỜNG

Trong thời kỳ cách mạng chưa thành công, chế độ thực dân còn chà đạp lên đời sống của nhân dân ta, bóp nghẹt tâm hồn của chúng ta, thơ Tố Hữu đã có tác dụng làm ấm lòng người đọc, bồi dưỡng lòng yêu Tổ quốc của quần chúng, khuyến khích người cán bộ nằm trong nhà tù giữ vững lòng tin đối với tiền đồ vẻ vang của dân tộc. Tập thơ *Việt Bắc* chủ yếu gồm những bài thơ sáng tác trong thời kỳ kháng chiến từ sau thu đông thắng lợi 1947, những bài thơ đã làm ấm lòng của chúng ta; và một số bài thơ sáng tác sau khi hoà bình thắng lợi những bài thơ này cũng đã có tác dụng giáo dục, cổ vũ cán bộ và nhân dân. Tập thơ *Việt Bắc* vừa mới ra chưa được 2 tháng, con số phát hành đã lên gần 3 vạn quyển. Chưa có một quyển sách nào phát hành nhiều như thế trong một thời gian ngắn.

Ở đây tôi không giới thiệu toàn quyển và đi sâu vào tập thơ *Việt Bắc*. Tôi chỉ trình bày một vài ý nghĩ đầu tiên khi đọc lại những bài thơ trong tập thơ này.

Có thể nói chủ đề bao trùm tập thơ *Việt Bắc* là tinh thần thiết tha yêu nước, chí khí phấn đấu kiên quyết bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Hình ảnh tiêu bao cho tinh thần đó là

Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, linh hồn của kháng chiến và anh bộ đội anh dũng, thân mến, nổi nhất trong tập thơ *Việt Bắc*. Tố Hữu đã để cả tâm hồn, tất cả tình cảm đằm thắm nhất của mình để diễn tả những hình ảnh yêu kính và quý mến nhất ấy của thời đại chúng ta.

Đối với anh bộ đội, chỉ "gần nhau là thân thiết", chỉ "một thoáng lặng nhìn nhau" là "âm thầm thương mến". Trong đời sống bình dị của người nông dân Việt Nam có phút nào yêu nhau say sưa bằng chia cho nhau điếu thuốc lào:

Trưa nay trên đèo cao
Ta say sưa vài phút!
Chia nhau điếu thuốc lào
Nào anh hút tôi hút
Rồi lát nữa chia đôi
Anh về xuôi tôi ngược
Lòng anh và lòng tôi
Mang nặng tình cá nước

Tố Hữu thông cảm với anh bộ đội không phải chỉ qua bộ quần áo nâu. Tố Hữu thông cảm qua sức lao động của con người.

Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh Vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!

Tố Hữu đã từng mặc áo bộ đội, vai nặng ba lô, chân đạp rừng gai đá sắc, trèo đèo lội suối, cùng ăn cơm vắt thấm nước, dãi gió nằm sương với anh bộ đội. Nên Tố Hữu là nhà thơ thông cảm mãnh liệt đối với sức lao động ấy một khi nó dốc ra mặt trận đánh đổ quân thù. Xúc động biết bao khi đọc

những đoạn thơ Tố Hữu để tình cảm của mình rung lên những nhạc điệu, những ý thơ hùng dũng:

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm
khoét núi ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn
Những đồng chí thân chôn làm giá súng
Đầu bịt lỗ châu mai
Băng mình qua núi thép gai
Ào ào vũ bão
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo
Nát thân, nhắm mắt còn ôm
Những bàn tay xẻ núi, lăn bom
Nhất định mở đường cho xe ta lên chiến trường tiếp viện

Trong tập thơ *Việt Bắc* ngoài hình ảnh anh bộ đội, những hình ảnh bà mẹ, em thiếu nhi, chị phụ nữ cũng nổi lên đầy tình mến thương của nhà thơ. Nhưng Tố Hữu tha thiết yêu anh bộ đội, Tố Hữu không muốn tình yêu ấy bị chia xẻ. Tố Hữu muốn đặt tất cả những hình ảnh trong một cảm xúc chung đối với người chiến sĩ. Những bà mẹ trong thơ Tố Hữu là những bà mẹ của chiến sĩ, giản dị như cánh đồng quê, thiết tha yêu con nhưng lại yêu nước hơn. Em thiếu nhi trong thơ Tố Hữu là chiến sĩ nhỏ tuổi, tâm hồn em hồn nhiên, nhưng lòng em thấm sâu tình yêu nước, em là những chú "đồng chí

nhỏ" làm nhiệm vụ giao thông vượt qua mặt trận, không sợ đạn của giặc, không sợ hiểm nghèo. Những chị phụ nữ trong thơ Tố Hữu là những chị dân công dù con bế con bồng "em cũng theo chồng đi phá đường quan", những chị ngày đêm ra tiền tuyến phục vụ chiến trường. Có những lúc tình cảm của Tố Hữu đi ra ngoài biên giới, nhớ tới em bé Triều Tiên, nhân dân Triều Tiên đang anh dũng chiến đấu. Tố Hữu yêu em bé Triều Tiên và em bé Triều Tiên trong thơ Tố Hữu là con của người dân công tải đạn, con của người nữ cứu thương, con của anh bộ đội "mặt đen khói đạn, chặn đường giặc lui".

Tố Hữu để hết tấm lòng yêu nước, yêu Đảng, yêu dân vào một người, người anh hùng kiệt xuất, người lãnh tụ vĩ đại của dân tộc và của Đảng: Hồ Chủ tịch. Trong bài *Sáng tháng Năm*, hình ảnh Hồ Chủ tịch là hình ảnh của người cha thân yêu và hiền từ, là hình ảnh chói lọi làm "trong sáng lòng anh xung kích", làm "vững tay người chiến sĩ nông thôn", vững tay anh công nhân quốc phòng, em học sinh đốt đuốc đến trường làng và "các chị dân công mòn đêm vận tải".

Lãnh tụ của chúng ta vĩ đại, vì Người là biểu hiện tập trung nhất những đức tính cao quý của dân tộc. Tố Hữu ca tụng lãnh tụ qua tình cảm của quần chúng đối với lãnh tụ.

Giọng của Người không phải sấm trên cao
Thấm từng tiếng, ấm vào lòng mong ước
... Người là Cha là Bác là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ

Qua những bài thơ ca tụng lãnh tụ, Tố Hữu đã tăng cường lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp của dân tộc dưới lá cờ vinh quang của Hồ Chủ tịch.

Ngoài bài Sáng tháng Năm, trong những bài thơ khác cũng như hình ảnh người chiến sĩ, hình ảnh của Hồ Chủ tịch

vĩ đại bao giờ cũng là hình ảnh tươi sáng nhất, bao trùm tất cả.

Điều làm người đọc thông cảm nhất với hình ảnh những người con yêu quý của nhân dân ta trong thơ Tố Hữu là những hình ảnh ấy gắn chặt với đất nước, dân tộc, quê hương. Đây chính là phần mà thơ Tố Hữu hấp dẫn bạn đọc nhiều nhất, nâng cao tình cảm của chúng ta nhiều nhất. Và đây cũng chính là phần sáng tác tươi nhất trong tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Đọc thơ Tố Hữu, chúng ta càng tin tưởng nhân dân ta anh hùng, đất nước ta đẹp đẽ, quê hương ta đầm ấm.

Hình ảnh vĩ đại của Hồ Chủ tịch là hình ảnh rộng lớn của đất nước:

Bác ngồi đó lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non

Bên cạnh hình ảnh bộ đội gặp nhau lưng đèo Nhe là:

Cánh đồng quê tháng mười
Thơm nức mùa gặt hái

Người chiến sĩ trên chiến trường Tây Bắc

Mỗi bước, vàng theo đồng lúa chín
Lửa vui từng mái nứa tươi xanh

Và còn cảnh nào đẹp hơn khi chiến sĩ chiến thắng trở về:

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

Em Lượm, em bé giao thông anh dũng hy sinh vì nhiệm vụ, thi sĩ lặng người lại trước "một dòng máu tươi", nhưng em Lượm hy sinh mà em Lượm không chết. Tố Hữu đặt em Lượm nằm trên cánh đồng lúa vàng rượi, tượng trưng cho lẽ sống:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Người chiến sĩ anh dũng tuyệt vời của chúng ta ở trên chiến trường một khi ngã xuống:

Máu của anh chị, của chúng ta, không uổng
Sẽ xanh tươi đồng ruộng Việt Nam
Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam
Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng

Đất nước và con người, cảnh và người đối với Tố Hữu không thể xa rời, nhưng đất nước tốt đẹp là do người làm nên, cảnh vật vui tươi cũng là do người quyết định. Đối với Tố Hữu cảnh vật đất nước của chúng ta bao giờ cũng vui cũng tươi cũng đẹp và cái vui tươi trong thơ Tố Hữu bao giờ cũng biểu hiện một lòng tin vững chắc ở tương lai, vì nhân dân chúng ta chiến đấu ngày nay đã nhìn thấy thắng lợi ngày mai. Tinh thần lạc quan cách mạng tươi sáng ấy xuất phát từ lòng thiết tha yêu nước và lòng tin tưởng ở quần chúng đã tác động mãnh liệt đến người đọc.

Trước cảnh chết, *Giữa thành phố trụi*, thi sĩ nhìn thấy mầm sống, thấy sức mạnh, sức mạnh ấy bản thân cảnh vật không có, mà do chúng ta xây dựng nên:

Bàn tay đã nắm lời thề
Ra đi quyết phá, ngày về sẽ xây
Từ trong đổ nát hôm nay
Ngày mai đã đến từng giây từng giờ

Bài thơ *Ta đi tới* đã diễn tả nhân dân vui sướng, quang cảnh tưng bừng của hoà bình, của thắng lợi vĩ đại sau 8, 9

năm kháng chiến. Cảnh và người hoạt động sau thắng lợi của hoà bình ăn nhịp với nhau, con người của chúng ta anh dũng, đất nước của chúng ta đẹp đẽ vô cùng. Cảm xúc của Tố Hữu rạt rào trên rừng cọ, đồi chè, bến đò, trên những cánh đồng phì nhiêu bát ngát, cảm xúc của Tố Hữu vào tận đáy lòng của mỗi người. Vui quá, thi sĩ như muốn nhảy lên, ôm lấy mọi người, hát lên tiếng hát thắng lợi, nói lên tiếng nói của mỗi dân tộc anh hùng.

Nhưng còn nửa nước ta chưa giải phóng. Trong nỗi vui mừng của thi sĩ sáng lên lòng tin tưởng ở sự thống nhất nước nhà:

Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân
Dù ai rào rậu ngăn sân
Lòng ta vẫn giữ là dân Cụ Hồ

Sáng lên sức mạnh của dân tộc ta:

Ta đi tới trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chỉ ta lớn như biển Đông trước mặt!

Cảm xúc của Tố Hữu đối với những con người, đối với đất nước, Tổ quốc quê hương còn đằm thắm hơn một khi nó biểu hiện lên như tình yêu vợ chồng, tình mẹ con.

Đối với anh bộ đội ra tiền tuyến xa xôi "yêu bầm, yêu nước, cả đôi mẹ hiền".

Việt Bắc là nơi chôn rau cắt rốn của cách mạng, là căn cứ địa của kháng chiến. Hoà bình trở lại, Chính phủ, Trung ương Đảng về Hà Nội. Mỗi người chúng ta đều nhớ Việt Bắc,

nhớ những bà mẹ, những người chị đã nuôi nấng chúng ta, nhớ anh du kích đã dẫn đường cho chúng ta, nhớ núi rừng đã giúp ta chặn tay giặc, nhớ suối, nhơ nương, nhớ rẫy, nhớ những bãi rừng xanh hoa chuối đỏ tươi, những ngày xuân hoa mai nở trắng. Nỗi nhớ nhung ấy đối với Tố Hữu âu yếm lạ lùng. Trong những lời nhắn nhủ say tình của bài Việt Bắc, chúng ta không còn phân biệt Việt Bắc và Tố Hữu, tiếng nói của Việt Bắc và của Tố Hữu là của hai người, nhưng nó lại nằm trong một người. Và thắm thiết gì hơn khi nỗi nhớ nhung ấy biến thành nỗi nhớ nhung của đôi trai gái yêu nhau hàng chục năm ròng mà phải xa cách!

- Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu
Nhớ gì như nhớ người yêu

Tố Hữu, nhà thơ của chúng ta, đưa tình yêu vào trong thơ để nói lên lòng yêu chân thành đối với Tổ quốc với đất nước. Tình yêu đối với Tố Hữu cũng như đối với tất cả những người chiến sĩ cách mạng không phải là mục đích mà nó là động cơ cách mạng. Nói đến tình yêu trong tập thơ *Việt Bắc*, chúng ta không quên nhắc đến những bài thơ dịch của Tố Hữu *Đợi anh về, A-lê-sa nhớ chăng* (của Xi-mô-nôp). Tố Hữu cảm thông với thi sĩ Xi-mô-nôp và đồng thời giới thiệu với chúng ta những tình yêu cách mạng. Con người cách mạng là con người xúc cảm nhất, con người biết yêu đằm thắm và cũng biết cách giữ gìn và bảo vệ tình yêu ấy, tình yêu ấy là động cơ thúc đẩy chúng ta thêm mạnh trên đường chiến đấu bền bỉ và lâu dài.

*

Bộ đội, cán bộ nhân dân thích đọc thơ Tố Hữu, nhớ thơ Tố Hữu, vì thơ Tố Hữu đã nói lên khá mãnh liệt tình yêu quê hương, yêu đất nước, yêu Tổ quốc, khêu gợi trong lòng chúng ta sức tin tưởng ở chúng ta, ở những con người lao động đã chiến đấu, sản xuất và đang xây dựng, bồi dưỡng thêm tinh thần lạc quan cách mạng của chúng ta của nhân dân ta, vì thơ Tố Hữu đã hun đúc thêm chí căm thù, nâng cao chí khí chiến đấu của chúng ta quyết tâm bảo vệ quê hương và đất nước.

Nhưng đọc tập thơ *Việt Bắc*, chúng ta chưa thoả mãn. Tuy ca tụng người chiến sĩ bộ đội là Tố Hữu đã ca tụng người nông dân, tình cảm, sức mạnh của người chiến sĩ trong thơ Tố Hữu là tình cảm, sức mạnh của người nông dân, những bà mẹ, những người chị, người vợ trong thơ Tố Hữu là những nông dân lao động, nhưng chúng ta muốn những người nông dân lao động sản xuất ở hậu phương được nêu cụ thể hơn. Trong tập thơ *Việt Bắc*, hình ảnh người nông dân sản xuất bị mờ đi trong những tình cảm chung ca tụng đất nước, quê hương. Tuy trong tất cả những bài thơ của Tố Hữu đã nói lên tư tưởng của giai cấp công nhân, đường lối chỉ đạo của Đảng, ca tụng Hồ Chủ tịch, nhưng như vậy vẫn chưa đủ, chúng ta muốn hình ảnh Đảng tiên phong của dân tộc, người công nhân được nêu cụ thể hơn, đầy đủ hơn, chúng ta rất tiếc rằng Tố Hữu chưa nói lên hộ lòng biết ơn, sức tin tưởng của hàng chục triệu con người đảng viên và quần chúng đối với Đảng tiên phong của giai cấp công nhân, Tố Hữu chưa ghi lại cho chúng ta hình ảnh của người công nhân trên các ngành hoạt động luôn luôn nêu cao chí khí phấn đấu, khắc phục khó khăn, chưa ghi lại cho chúng ta hình ảnh người nông dân đã

vươn mình dậy đánh đổ thế lực của giai cấp địa chủ. Chống đế quốc và chống phong kiến là hai nhiệm vụ không thể tách rời trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta. Trong cuộc đấu tranh chống phong kiến hiện nay của hàng triệu nông dân đang diễn ra gay go ở nông thôn, chúng ta hy vọng ở Tố Hữu những bài thơ nói lên khí thế của nông dân, cũng như Tố Hữu đã ca tụng khí thế của người chiến sĩ ngoài mặt trận.

Thời đại của chúng ta đẹp đẽ vô cùng, sinh hoạt hàng ngày của quần chúng muôn màu muôn vẻ, tình cảm của quần chúng thật dồi dào và chúng ta đang ở trong một thời đại biến chuyển dồn dập. Những màu sắc ấy, những tình cảm ấy Tố Hữu đã cố ghi lại một phần nào nhưng những màu sắc và tình cảm ấy ở một số bài thơ trong tập thơ *Việt Bắc* chưa được thể hiện cụ thể. Bài *Đời đời nhớ Ông* mới nói lên những tình cảm chung, nó chưa đi vào tình cảm, hành động cụ thể của nhân dân, nó chưa biểu hiện lên được lực lượng của quần chúng trong sự đau xót xé ruột xé gan khi nghe Sta-lin mất. Hoà bình lập lại, sung sướng nhất là những người lao động sản xuất, những người nông dân vùng tự do cũ cũng như vùng mới giải phóng. Nỗi sung sướng ấy nói lên chưa được hả dạ trong bài *Ta đi tới*. Hà Nội sống tủi nhục dưới ách thực dân và phong kiến, tinh thần chiến đấu, chịu đựng của nhân dân Hà Nội, tinh thần quật khởi của công nhân thủ đô đáng lẽ phải được nói lên đầy đủ hơn, rõ ràng hơn trong một bài thơ như bài *Lại về*...

*

Những bài thơ đăng trong tập thơ *Việt Bắc* đã nói lên một phần tình cảm tốt đẹp nhất của con người mới của một

thời đại mới, dưới một chế độ mới. Tình yêu thiết tha của Tố Hữu đối với quê hương, đất nước, Tổ quốc, lòng tin tưởng vững bền, tinh thần lạc quan cách mạng bao trùm tập thơ của Tố Hữu đã từng kích thích chúng ta trong những năm chiến đấu gay go gian khổ nhất, cũng như trong cuộc đấu tranh ái quốc gay go và phức tạp hiện nay. Đọc tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu chúng ta được nuôi dưỡng thêm tinh thần và tình cảm mạnh mẽ đó. Về mặt nghệ thuật thì những thành công đó chính là những thành công của chủ nghĩa hiện thực cách mạng, của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng trong thơ.

Tố Hữu là một thi sĩ cộng sản. Tập thơ *Việt Bắc* trào lên lòng yêu nước nồng thắm chứng tỏ thêm một nguyên lý: những người cộng sản là những người tha thiết yêu mến Tổ quốc của mình, yêu mến nhân dân của mình và suốt đời tận tuỵ đấu tranh cho sự nghiệp của dân tộc.

XUÂN TRƯỜNG

Nhân dân, số ra ngày 24.1.1955.

ĐỌC TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

XUÂN DIỆU

Tập thơ thứ hai của Tố Hữu, Việt Bắc, xuất bản trong những ngày tưng bừng rầm rộ nhân dân ta, giữa thắng lợi hoà bình, kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến cách đây tám năm, kỷ niệm 10 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam; riêng ở thủ đô mới giải phóng, lại thêm không khí nhân dân thủ đô cuồn cuộn dự lễ chào mừng Hồ Chủ tịch và Chính phủ trở về Hà Nội. Trong những ngày lớn lao ấy của dân tộc, có hoà chen một ngày lớn của thơ Việt Nam.

Chín năm thơ của Tố Hữu, từ Tổng khởi nghĩa, trải qua kháng chiến, đến hoà bình, đã được tuyển lựa thành tập thơ Việt Bắc. Mới nhìn qua, đó chỉ là một bìa sách sáng tươi, trang nhã giữa bao nhiêu bìa sách khác, nhưng tập sách gọn gàng kia quả là đánh dấu một việc lớn của văn chương Việt Nam. Những bài thơ tám chín năm nay tác chiến trên mặt trận tinh thần, khi ào ạt "sét đánh ngày đêm xuống đầu giặc Pháp", khi rì rầm trong nghìn vạn lòng người, khi tươi nở theo bài hát, điệu ngâm, những bài thơ làm công tác quần chúng một cách sâu sắc, vững vàng, nay hợp thành sách cho ta yêu mến, ngẫm nghĩ lâu dài, cho ta cân nhắc và định giá. Chúng ta cần đọc đi đọc lại, xem kỹ, thảo luận, phê bình, để

hoàn toàn tiếp lĩnh sự cống hiến của Tố Hữu vào cái vốn chung, để nâng niu xứng đáng những tâm huyết của người làm thơ, và người ấy đã cho ta hơn cả sự sống của người ấy, cho ta những tinh chất ngày đêm lọc ra từ hồn, từ óc, từ trái tim, mạch máu của người làm thơ.

CÁCH MẠNG VÀ THƠ

Con đường ngót 20 năm nay Tố Hữu đã đi là một con đường vinh quang kỳ diệu. Chỗ kỳ diệu lớn lao là nhà thi sĩ làm cách mạng và nhà cách mạng làm thơ, và thơ rất thành công. Cái vinh quang của văn nghệ Việt Nam là đã có một nhà thơ con đẻ của cách mạng, lớn lên với cách mạng và kết tinh cuộc cách mạng. Cả cuộc đời của Tố Hữu đến nay là một thuỷ tinh trong sáng; từ tuổi thiếu niên đi học đã hoài bão phản phong, phản đế; tuổi thanh niên là bao nhiêu năm tù đầy, vượt ngục; tuổi tráng niên mải miết dựng xây, thực hành lãnh đạo; cái say mê vui thú của Tố Hữu là làm cách mạng; cái hơi thở tự nhiên của tâm hồn Tố Hữu là chiến đấu, hy sinh. Thơ Tố Hữu hay, vì cuộc đời và tâm hồn của Tố Hữu đẹp. Cuộc đời Tố Hữu là một bài thơ cách mạng rồi.

Thơ Tố Hữu từ cuộc đời cách mạng của thi sĩ và từ phong trào cách mạng của nhân dân mà phát ra, trở lại góp sức đẩy cho cách mạng lớn mạnh. Cách mạng càng ngày càng thắng lợi, càng to lớn, đồng thời cũng đưa tài thơ của Tố Hữu nở dần đến chỗ tròn đầy, lộng lẫy. Đó là sự tương quan mật thiết giữa hành động và văn chương và Tố Hữu là điển hình đẹp nhất.

NHÀ THƠ CỦA THỜI ĐẠI

Từ 1932 đến 1945, trong khi các nhà thơ khác đắm chìm trong phong trào "thơ mới" mơ mộng, than khóc, u sầu, Tố Hữu đã đi tiên phong, hát những bài ca tranh đấu. Tập *Thơ* của Tố Hữu ra sau Tổng khởi nghĩa (1946)(*) tập hợp 10 năm thơ cách mạng đã là tiếng thơ tiến bộ nhất của thời đại; có thể nói: một mình Tố Hữu đã giương cao lá cờ chiến đấu của thơ, tô thắm cho nó và giữ thắm cho nó trong suốt một thời kỳ nghiêng nghèo, tối tăm, để đưa nó ra tung bay dưới mặt trời rực rỡ của cách mạng tháng Tám.

Từ đó Tố Hữu tiếp tục hát ca những tình cảm chính của thời đại, từ sau Tổng khởi nghĩa, trải qua 8 năm kháng chiến; đến hoà bình. Tố Hữu là một nhà thơ thời sự. Nhưng cái thời sự của Tố Hữu không giống cái thời sự của Tú Mỡ. Cố nhiên tôi không thể so sánh một nhà thơ trào phúng với một nhà thơ trữ tình(**) mà chỉ đem so sánh hai tính chất thời sự thôi, vì theo ý tôi, Tố Hữu và Tú Mỡ là hai nhà thơ thời sự nhất. Tú Mỡ viết báo bằng thơ trào phúng, viết rất hợp thời và "có ngay", nhưng đây mới chỉ là cái thời sự của tin tức và sự việc, cái thời sự làm cho người ta vui thích mà chưa đi sâu thực hiện "nhà thơ là một kỹ sư của tâm hồn". Còn thơ Tố Hữu là cái thời sự tình cảm của thời đại, không nhất thiết phải kịp

(*) Đây là nói đến tác phẩm in thành sách đầu tiên của Tố Hữu, nhan đề là *Thơ*, Hội Văn hoá Cứu quốc xuất bản, Hà Nội, 1946. Về sau tác giả bổ sung và in lại tập thơ trên với nhan đề mới là *Từ ấy*, đầu sách có bài tựa của Đặng Thai Mai, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1959. Về việc này xin xem thêm cuốn: *Cuộc thảo luận (1959-1960) về tập thơ "Từ ấy"* / Nguyễn Văn Long sưu tầm và biên soạn / Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1998. (NST).

(**) Trữ tình: diễn tả tình cảm (nguyên chú của X.D. ở bản đăng báo).

hàng tuần, hàng tháng, không nhất thiết việc gì cũng phải nói đến, nhưng những ý tình lớn của con người cách mạng và kháng chiến, Tố Hữu đã nói lên thấm thía, những chuyển biến lịch sử, Tố Hữu đã kết đọng lại thành tâm tình.

Một số bài thơ không in lại trong tập *Việt Bắc* này, người đọc vẫn nhớ: *Huế tháng Tám* (1946) gợi lại mối tình đầu của đất Thần kinh phong kiến đối với cuộc Cách mạng của nhân dân; *Tình khoai sắn* (1946) ngợi ca phong trào tăng gia sản xuất khi mới nhóm; *Nhớ người chị phương Bắc* (1946), là lời tỏ tình thứ nhất của Cách mạng tháng Tám với Cách mạng tháng Mười (lời tỏ tình thứ hai là *Bài ca Tháng Mười,* 1950).

Cuộc kháng chiến bùng nổ. Bài thơ xuất sắc đầu tiên trong giai đoạn này của Tố Hữu là bài *Cá nước*. Tôi còn nhớ năm 1947, khi bài thơ này xuất hiện trên tạp chí *Văn nghệ* số 1. "Bóng tre trùm mát rượi" không những lưng đèo Nhe, mà trùm mát rượi cả bài thơ. Anh Vệ quốc quân kháng chiến lần đầu vào trong thơ, trong sáng lạ thường. Nhìn anh trong bài thơ, cả nước Việt Nam đồng lòng đọc lên hai câu thơ của Tố Hữu giản đơn như không có gì, mà thực ra mạnh mẽ như một chân lý:

Anh Vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!

Tình cá nước xưa kia, theo điển tích, có nghĩa là tình chồng vợ, thì đến nay, dựa theo một câu của Giải phóng quân Việt Nam trong thời kỳ bí mật: "Dân là nước, du kích là cá", Tố Hữu đã lấy sức mạnh của thơ làm cho tình "cá nước" thành hẳn điển hình của một tình cảm mới lớn lao của thời đại: tình quân dân.

Một bài thơ khác được truyền tụng đến thành bài thuộc lòng của dân chúng, là bài *Phá đường* (1947). Giai đoạn

phòng ngự của kháng chiến được lột tả độc đáo trong một sự việc; đường hiện nay đã đắp liền lại rồi, mà bài thơ ghi tạc không phai cái công sức phá đường của nhân dân vào lịch sử.

Tố Hữu đã mến yêu rất mực bà Mẹ Việt Nam, bà mẹ đẻ những người Vệ quốc quân, bà mẹ nuôi các anh cán bộ, bà mẹ mà tấm lòng yêu thương như biển cả là một nguồn ủi an, khuyến khích vô hạn cho lũ con. Tố Hữu đã ca ngợi bà mẹ đó trong hình ảnh bà mẹ Việt Bắc ngồi kể "chuyện nhà chuyện cửa" bên bếp lửa, trên nhà sàn; trong hình ảnh "bà bủ nằm ở chuối khô" nhớ con đi bộ đội:

Năm xưa cơm củ ngon chi
Năm nay cơm gié nhà thì vắng con

Trong hình ảnh bà bầm suốt đời thắt lưng buộc bụng, vì tuyệt vời hy sinh tận tuỵ, nên mới sinh ra những đứa con bộ đội anh dũng tuyệt vời:

Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.

Tố Hữu đã tạo ra được điển hình chú Lượm tượng trưng cho các cháu tươi vui và anh dũng của Bác Hồ:

Cháu bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhẩy trên đường vàng.

Qua một bài thơ nhỏ *Em bé Triều Tiên*, Tố Hữu đã tỏ cảm tình của dân tộc ta với dân tộc bạn đau thương, anh dũng đang kháng chiến như mình.

Sta-lin mất, những dòng nước mắt của nhân dân ta đã chảy thành những câu thơ *Đời đời nhớ Ông* của Tố Hữu.

Và tôi suy nghĩ: nhà thơ ca ngợi Hồ Chủ tịch vĩ đại của chúng ta trong nhiều trường hợp hơn cả, và bằng những lời sâu xa hơn cả cũng là Tố Hữu của chúng ta. (*Sáng tháng Năm* và nhiều đoạn thơ khác).

Đến năm 1954! Kháng chiến lớn mạnh phi thường. Những sự việc tiệm tiến bao lâu, nay bỗng chốc lớn lao vượt bực! Tháng Năm 1954: Chiến thắng Điện Biên Phủ nổ như một tiếng sấm chấn động địa cầu. Bước mạnh của lịch sử lúc này đã nhìn thấy Tố Hữu thật xứng đáng là nhà thơ của thời đại. Như một cánh buồm kỳ diệu kịp giương lên với gió lớn, bọc lấy gió lớn trong thân mình và rướn lên mạnh mẽ, tài thơ của Tố Hữu theo tiếng gọi kích thích của lịch sử, cũng từ chỗ tiệm tiến vượt lên, nở ra, rộng toả, chín thơm. Liên tiếp mấy bài thơ lớn sinh ra. Bài *Hoan hô chiến thắng Điện Biên* đúc kết những chuyện hy sinh chiến đấu hàng ngày của quân và dân ta, khoét sâu cái nhục nhã của địch và nghiêm khắc cảnh cáo bè lũ chúng nó. Rồi quân địch phải nhận đình chiến. Bài *Ta đi tới* khí thơ hùng mạnh, tương xứng với bước đi không có gì ngăn nổi của dân tộc ta. Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ sắp sửa về thủ đô: Tố Hữu vẫy chào và hứa hẹn với căn cứ địa *Việt Bắc* trong một bài thơ thật đẹp. Những ngày đầu tiếp quản, nhân dân Hà Nội đã được đọc bài *Lại về* trên báo *Nhân Dân*. Cho đến khi tập *Việt Bắc* đã in và phát hành rồi, đón một lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trước kia ta mới có rừng núi, có đêm, ngày nay ta có thêm biển,

thêm ban ngày...", Tố Hữu đã ghi câu nói lịch sử, sự kiện lịch sử, và ngày, tháng, năm lịch sử (1-1-55) trong những vần thơ đúng, sát:

Cảm ơn người Hồ Chí Minh vĩ đại
Bốn nghìn năm ta lại là ta
Việt Nam Dân chủ Cộng hoà
Hôm nay mười tuổi cầm hoa tặng người

Như vậy, chúng ta thấy Tố Hữu đã nói được những tình cảm lớn của thời đại; chúng ta thấy ở mỗi bước lịch sử của Cách mạng, của Dân tộc, hồn thơ của Tố Hữu đã có những tiếng ngân vang xứng đáng, kết tinh được thời gian và không gian cụ thể đó và truyền mãi tiếng thơ về sau... Chúng ta tưởng như tâm hồn Tố Hữu là một cái kho luôn luôn sẵn, đầy, có đủ hình ảnh, nhạc điệu, ý tình để âu lo, vui sướng, ngợi ca với toàn dân tộc. Cái kho quý báu đó, chính cuộc đời cách mạng của Tố Hữu đã tích luỹ cho Tố Hữu. Tính cách thời sự của thơ Tố Hữu quyết không phải là một bộ máy tốt để bắt vần, mà là một sự sáng tạo tươi mới luôn, bằng tinh lực của tâm trí. Hoa trái ngày nay thơm, tốt, nhưng rễ thì đã mọc sâu từ hai mươi năm. Rễ nuôi bằng tư tưởng, lập trường của chiến sĩ, rễ sống bằng tơ lòng, mạch huyết của thi nhân. Tố Hữu chân chính là nhà thơ của thời đại.

TÍNH CÁCH QUẦN CHÚNG

Rất nhiều người làm thơ trong bao nhiêu năm đã đi tìm cái *mới*. Có người đã tưởng cái mới ở trong những câu thơ lý luận biện chứng pháp; có người tưởng cái mới ở trong những tiếng địa phương, những tiếng dùng của nông dân cho vào thơ;

có người đã sáng kiến ra: mới là làm thơ không vần; hiện nay cũng còn những người tưởng thơ mình mới nhất vì cách tạo hình ly kỳ, nhịp thơ khúc khuỷu, điệu thơ âu tây...

Cho đến năm 1951-52, nhiều bạn thơ vẫn còn tìm đường, trong khi đó thì từ 1947, 48, Tố Hữu đã đi con đường đúng, con đường mới. Bài *Phá đường* in ra, trăm miệng một lời đều yêu thích, ai cũng cảm cái thi vị bao la của những câu:

Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế
Gió qua rừng đèo Khế gió sang

Ai cũng thấm thía hình ảnh người phụ nữ Việt Nam:

Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét, nước làng em lo
Nhà em phơi lúa chưa khô
Ngô chửa vào bồ, sắn thái chưa xong
Nhà em con bế con bồng
Em cũng theo chồng đi phá đường quan.

Chưa bao lâu, rất nhiều người đã thuộc, và ở xã, các bà mẹ, các chị đã hát ru em... Bài *Phá đường* là thành công hoàn hảo đầu tiên của thơ kháng chiến; nó bỏ xa lắc xa lơ cái điệu thơ mệt nhọc, cũ kỹ của một số nhà thơ đang vẫn nặng mang quá khứ; thật không còn một chút tăm hơi bóng dáng gì của điệu thơ cũ, nó thật là mới, nó thật là trẻ, gân cốt thanh xuân, nó đi thoăn thoắt, lời thơ trong như nước suối, điệu thơ nhanh nhẹn, vui tươi.

Cái mới, cái xuân ấy ở đâu ra?

Ở nơi quần chúng mà ra. Tố Hữu đã tìm thấy điệu thơ mới, điệu thơ của thời đại không phải ở đâu xa, không đợi ở chốn nào hiểm hóc, lạ lùng, mà ở ngay trong đất nước nhà, trong bà con thôn xóm hàng ngày, trong những người lao

động, trong quần chúng.

Bài *Phá đường* năm 1948 là một sáng tạo. Tác giả không làm bài thơ của một văn nghệ sĩ mô tả, suy luận về công tác phá hoại, mà làm bài thơ của một phụ nữ đi phá đường, bài thơ của người chủ lực, của quần chúng. Bài thơ ngọt như một bài ca hát, tươi tắn như người vừa làm việc, vừa cười vui, thiết thực, giản đơn, ý nhị; tiếng cuốc phá đường ở Bắc Giang, ở khắp Việt Bắc hoà vào khung cảnh mênh mông gió rét trăng lu.

Thơ làm theo phương pháp ấy nhất định là mới, là trẻ. Vì cái mới, cái trẻ của thời đại chúng ta then chốt nằm ở trong những lực lượng mới, trẻ của quần chúng vĩ đại; trên sân khấu của lịch sử, họ là những vai chính mới, trẻ. Căn bản cái mới, cái hay của thơ Tố Hữu, theo ý tôi, là tính cách quần chúng của thơ ấy.

Một nhà thơ nào khác muốn ngợi ca căn cứ địa Việt Bắc có lẽ đã làm một bài thơ rắc rối, tham lam; Tố Hữu lấy lời của một bà cụ hiền lành:

Đêm nay trên sàn
Bập bùng ngọn lửa
Mẻ kể nguồn cơn
Chuyện nhà chuyện cửa.

Câu chuyện từng đoạn, từng đoạn, chậm rãi(*) thấm vào lòng người, và đến câu thơ cuối cùng, người nghe chỉ còn tự kết luận:

- Đấy là Việt Bắc anh dũng, thuần tuý, thiêng liêng...

Năm 1948, Tố Hữu đi với pháo binh, viết tặng pháo binh những bài thơ mà các anh chiến sĩ nâng niu, thuộc lòng, vì

(*) Bản gốc là: "chậm rải", có lẽ in sai, ở đây sửa lại (NST).

chính những nỗi lòng mình đã được nhà thơ nâng niu, hiểu, thuộc. Trong kháng chiến, bao nhiêu con xa mẹ, bao nhiêu mẹ xa con mà không yêu mến, cảm tạ nhà thi sĩ đã viết những câu thấu tận nhân tình như:(*)

Bầm ơi có rét không bầm,
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy, bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu...

Người ta tự hỏi: Sao người thi sĩ có thể hiểu biết sự vật, hiểu biết lòng người đến như vậy? Đó là những câu thơ chảy nước mắt, cái nước mắt không bi thảm, mà là cái nước mắt sung sướng của tâm hồn khi được nghệ thuật động tới chỗ cao sâu. Cả bài thơ vào nằm trong lòng người và ở luôn trong đó như một suối ngọt ngào, một niềm an ủi. Bài Bầm ơi thật xứng đáng với tình mẹ con muôn đời.

Phần lớn những bài thơ Tố Hữu đều có một dáng dấp hiền lành như thế. Tố Hữu diễn tả tình cảm bản thân của quần chúng, nhân vật trong thơ là quần chúng tự nói, cách nói cũng là cách nói của quần chúng. Sta-lin mất, bao nhiêu nhà thơ chân thành đau đớn, nhưng chỉ diễn tả từ trong bản thân ra, nên sự truyền cảm cũng hẹp đi; Chế Lan Viên còn viết:

(*) Câu viết này của Xuân Diệu, độc giả thời nay (2004) có thể cho là diễn tả không thật sáng cái ý cần nói là: những người mẹ xa con, những đứa con xa mẹ trong kháng chiến không thể không yêu mến và cảm tạ nhà thơ đã viết những câu thơ đậm tình người (BT).

Nhớ bài thơ Nê-ruy-đa cũ(*)

Ca ngợi đêm khuya phòng điện Krem-lanh(**)

cách dùng điển tích mới như vậy thực ra chỉ có một thiểu số hiểu. Chỉ riêng Tố Hữu, với cái quan điểm quần chúng đã hầu như một thiên tính trong người chiến sĩ cách mạng lâu năm, làm ngay lời của một người mẹ nói với con nhỏ:

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh
Ông Stalin bên cạnh nhi đồng
Áo Ông trắng giữa mây hồng
Mắt Ông hiền hậu, miệng Ông mỉm cười.

Và bài thơ *Đời đời nhớ Ông* cũng là bài thơ khóc Stalin phổ biến hơn cả, khả dĩ nói được nỗi lòng của đa số người.

Bộ đội, nông dân, công nhân, các cán bộ xã, các bà mẹ, các chị rất dễ gần với thơ Tố Hữu; họ không thấy xa xa, khác khác, ngại ngại như đọc những giọng thơ thông thái, khó khăn. Tố Hữu và quần chúng gặp nhau là thoải mái liền; thi sĩ nói giọng người nhà, lời thì thân mật, nôm na nhưng tứ thơ lại rất bao la, thấm thía:

...Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ...
...Bàn tay con nắm tay Cha
Bàn tay Bác ấm vào da vào lòng

(*) Pablo Neruda: một nhà thơ trứ danh của dân tộc Chilê(nguyên chú của X.D).

(**) Chỗ này tác giả Xuân Diệu nhắc tới câu thơ trong bài thơ "*Stalin không chết*" của Chế Lan Viên đăng tạp chí *Văn nghệ* số 40 (tháng 3-1953), ra trong dịp các vùng kháng chiến (tức là vùng do phía VNDCCH kiểm soát) được lệnh để tang Stalin. (NST).

Bác ngồi đó, lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non

(Sáng tháng Năm)

Như vậy, chúng ta không lấy làm lạ, một số bài thơ của Tố Hữu, trước khi công bố lên mặt báo chí, trong khi tác giả còn cân nhắc thêm và sửa chữa, người ta đã tay nọ chuyền tay kia chép vào sổ tay; chúng ta không lấy làm lạ người mới thông quốc ngữ cầm bài thơ Tố Hữu đọc từng dòng một; chúng ta không lấy làm lạ các anh bộ đội đi hành quân, buột mồm lấy thơ Tố Hữu làm thơ của mình; bài *Em bé Triều Tiên*, bài thơ dịch *Đợi anh về* đem phổ thành bài hát.

TÌNH THƯƠNG MẾN

Đọc thơ Tố Hữu, người ta cảm thấy một dấu hiệu riêng như nét mặt của những bài thơ, làm cho thơ Tố Hữu không trộn lẫn được với thơ người khác, cảm thấy một thứ nhạc tâm tình riêng bàng bạc thấm lấy các câu thơ, nhiều khi thành một thứ "thi tại ngôn ngoại"(*) của Tố Hữu. Cái nền nhạc đặc biệt đó, theo ý tôi, là lòng thương mến. Có thi sĩ lấy tình yêu tha thiết làm nét chính của hồn thơ; có người lấy sự suy tưởng làm nét chính, có người nét chính là sự quan sát tỷ mỷ, sự phân tách tinh vi v.v... và có rất nhiều người làm thơ mà chưa có một nét chính gì đặc biệt của tâm hồn. Tình thương mến đặc biệt trong thơ Tố Hữu là một sự cảm hoà với người, với cảnh; một lòng thân yêu, yên ấm với chung quanh. Đây không phải là người tình nhân của cuộc đời, không phải sự

(*) "Thi tại ngôn ngoại": hồn thơ hiểu ngầm ở ngoài lời thơ (nguyên chú của Xuân Diệu).

yêu đương sôi nổi, say sưa, nhìn ngoại cảnh thành những cảm xúc vào xương thịt. Đây là người bạn chí thân của người, của cảnh, người bạn chân thành một lòng, một dạ, cảm thông sâu sắc những nỗi khổ, an ủi xác đáng những niềm đau. Thơ Tố Hữu không say mê, mà ngọt ngào; không xôn xao, mà thấm thía. Người thi sĩ cán bộ gặp anh Vệ quốc quân trên lưng đèo Nhe, chưa nói với nhau lời nào mà đã hiểu, đã yêu:

Một thoáng lặng nhìn nhau
Mắt đã tìm hỏi chuyện
Đôi bộ áo quần nâu
Đã âm thầm thương mến

Nét bút Tố Hữu vẽ anh bộ đội trong bài *Lên Tây Bắc* cũng thương mến như vậy:

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân,
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

Nhìn khẩu đại bác của pháo binh, Tố Hữu nhìn ngay bằng con mắt của Vệ nhìn pháo, thân mật, chăm chút, mến thương; Tố Hữu yêu pháo, và càng yêu Vệ pháo:

Ta bế ta bồng
Voi lên ta vác
Vai ta vai sắt
Chân ta chân đồng
Hoan hô voi ta
Hoan hô Vệ pháo
Yêu voi cởi áo
Lau cho voi nhà

Các em thiếu niên, thiếu nhi, nhi đồng được lòng thương

yêu trìu mến của Tố Hữu. Không ai quên được chú Lượm của Tố Hữu; không ai không thắt lòng khi Tố Hữu hạ xuống hai chữ

Ra thế
Lượm ơi!

và tả chú đồng chí nhỏ đi liên lạc trúng đạn của quân thù. Em bé hy sinh rồi mà như vẫn sống, như em bé trong giấc tươi đẹp:

Cháu nằm trên lúa,
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Trong tưởng tượng, Tố Hữu cúi xuống bế em bé Triều Tiên đang lạc giữa tuyết, ủ ấp cho em, hôn em, dỗ em:

Em bé Triều Tiên ơi
Mẹ của em đâu rồi
Tìm đâu mẹ của em...

Tình thương mến kia, Tố Hữu hoà vào cả trong phong cảnh, câu thơ khi nói đến đất nước cũng hoá ra êm đẹp, mượt mà. Một sáng tháng 5, đi giữa chiến khu *Việt Bắc*, Tố Hữu vẽ nét suối đi, tả chiều gió thổi rất mịn, rất trong:

Suối dài xanh mướt nương ngô
Bốn phương lồng lộng thủ đô gió ngàn

Khi hoan hô chiến thắng Điện Biên, Tố Hữu đã cảm mến vô cùng cảnh đẹp của Tây Bắc, một phong cảnh đầm ấm, nuôi người:

Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam,
Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng

Con mắt nhìn của Tố Hữu bao trùm cả loài vật, nhìn em

bé như chim bồ câu:

Cái mồm thơm sữa xinh xinh
Như con chim của hoà bình trắng trong;

nhìn chim bồ câu như một em bé:

Con bồ câu trắng ngây thơ
Nó đi tìm thóc nhởn nhơ quanh nhà

Cái niềm thương mến đó của thơ Tố Hữu do sự công tác quần chúng lâu năm bồi dưỡng; nó là hương vị của thơ Tố Hữu, nó toát lên thơm tho, dịu ngọt; nó là đạo đức cách mạng; nó làm nên cái sức hấp dẫn của thơ Tố Hữu, một hồn thơ gần gũi với con người, chí tình với con người.

"TA ĐI TỚI" VÀ "VIỆT BẮC"

Trong bài *Sáng tháng Năm* ca ngợi Hồ Chủ tịch (1951) Tố Hữu đã viết:

Ta lớn cao lên bay bổng diệu kỳ
Trên đường dài hai cánh đỡ ta đi

Hai câu thơ thấy trước đà lớn mạnh của kháng chiến Việt Nam và cũng mang mầm cái thơ lớn, rộng về sau của Tố Hữu. Cái mầm thơ lớn, rộng, mạnh, sắc đó cũng đã có từ trong *Bài ca Tháng Mười* (1950):

Hoan hô Sta-lin
Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát hoà bình
Đứng đầu sóng ngọn gió
Hoan hô Hồ Chí Minh
Cây hải đăng mặt biển

Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ kháng chiến

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ của ta, quân địch phải ký kết đình chiến; trước biến chuyển lịch sử lớn lao: chúng ta chiến thắng dành được hoà bình và từ nông thôn trở về thành thị, cái mầm thơ rộng lớn đã tiềm tàng từ trước vụt xuất hiện trong hai bài thơ hay nhất của Tố Hữu: *Ta đi tới* và *Việt Bắc*. *Ta đi tới* mạch thơ cuồn cuộn, câu thơ đi ào ạt như thác chảy, như quân đội nhân dân của ta tiến bước, như dân tộc ta nghìn triệu người đạp băng tất cả những trở lực để đi tới hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nhà thi sĩ đã mở hồn thơ mình theo kích thước của Tổ quốc, trong một tấm lòng đã ủ ôm bao nhiêu tên đất, tên nước, tên tỉnh, tên khu; trong một cái nhìn đã gợi lại mười mấy năm khởi nghĩa, đấu tranh cách mạng; mắt ngắm "rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt", tai nghe tiếng hát trên sông, nhìn xuống thấy con đường rộng mới làm, ngẩng lên là trời thu xanh lồng lộng! Đó là cảm tưởng của dân tộc ta làm chủ đất nước, làm chủ lịch sử, làm chủ gân cốt, sức lực của mình, nhất định "ta đi tới". Tôi muốn trích những câu hay trong bài ra, nhưng câu nọ liền dính với câu kia, đoạn nào cũng đáng thuộc. Những câu thơ quyện vào trí nhớ của tôi; khi đi giữa những đại lộ của thủ đô, cảm thấy lực lượng vững vàng của chúng ta, tôi bỗng đọc:

Đường ta rộng thênh thang tám thước.

Dự buổi diễn của Đại hội Văn công Toàn quốc, giữa hàng vạn đồng bào quanh mình, xem màn "các dân tộc về Đại hội", thấy các lối y phục, các điệu âm nhạc, các màu sắc, ca vũ giàu có lạ thường, cũng bỗng đến trong trí tôi câu thơ Tố Hữu:

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!

Những bài thơ cách mạng của Tố Hữu từ trước đến nay đều mang một chiến đấu tính mạnh mẽ, nhưng đến bài *Ta đi tới*, khí thơ mới thật là khoái trá, tràn đầy, mãnh liệt:

Ta đi tới trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông

Những câu thơ trong bài là ý nghĩ của mọi người, là lời mọi người muốn nói mà chưa nói ra, đó là bài thơ mà giai đoạn lịch sử đang chờ đợi; nên khi công bố bài thơ đó, nhà thi sĩ như châm mồi lửa thần diệu làm rực cháy muôn lòng người đọc đang bừng bừng.

Đến bài thơ *Việt Bắc*, lại là đỉnh thơ cao nhất mà Tố Hữu đã bước lên. Với bài này, hồn thơ cũng như nghề thơ của Tố Hữu chín rộ. Chúng ta cũng vẫn thấy cái giọng thơ thân mật, ấm cúng từ xưa đến nay của Tố Hữu, ngợi ca *Việt Bắc* bằng lời tiễn đưa nhau của một đôi lứa tượng trưng cho miền ngược và miền xuôi; lời hỏi, lời đáp; lời nói ra, lời đồng vọng; lời dặn dò, lời hò hẹn; nhờ sáng tạo ra cảnh "ngược xuôi đôi mặt một lời song song" như vậy, tác giả mới nói được hết ân tình. Nhưng hoà hợp với cái thân mật ấm cúng kia, chúng ta còn thấy bài thơ lộng lẫy, nhiều đoạn tuyệt đẹp; không phải một cây bút trong tay Tố Hữu nữa, mà nhiều ngọn bút nở cùng một lúc, bút tả tình, bút tả cảnh, bút tả người. Người ta thấy văn chương cách mạng, văn chương nói chiến đấu, gian khổ, quyết tâm cũng lại là cái văn chương chí nghĩa, chí tình, cái văn chương nên thơ, nên nhạc; cái văn chương mà có người sợ dễ khô khan, lại là cái văn chương nhuần nhị bậc nhất. Con người cách mạng trong bài thơ *Việt Bắc* là người tình nhân mặn nồng, người chồng chung thuỷ, người con hiếu

thảo, người bạn thiết cốt, người cán bộ tận tuỵ, là con người mang cái tình mến yêu của Tố Hữu đến cao độ, những lời nói ra làm cho mọi người khóc được, cười được, xúc động gan ruột người ta.

Lên đến một điểm cao của tâm hồn, nhà thi sĩ nhìn được bao quát cả Việt Bắc trong thời gian, qua mười lăm năm, "nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh", trong thời tiết sương sớm, nắng chiều; trong các mùa cỏ hoa thay đổi; tổng hợp bao nhiêu cảnh cơ quan, quân đội, dân công, xe cộ, đường sá. Một cuộc họp của Hội đồng Chính phủ trong một hang núi, từ tính cách chính trị, tác giả gợi thành cái thi vị bao la, to rộng của sự lãnh đạo:

Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương,
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu

Khi làm vì lợi ích của nhân dân, mỗi việc đều nên thơ tất cả, và như vậy, Cụ Hồ là nhà thơ vĩ đại cao nhất, vì Người tạo ra cái hay, cái tốt, cái đẹp cho toàn dân tộc ta.

Trong bài Việt Bắc này, sự xúc cảm của nhà thơ đã tới chỗ thấu đáo, tinh vi; tác giả từ bao nhiêu năm trời cặn kẽ trông nhìn đồng bào miền núi, mến thương từng hành động của họ; đã bao nhiêu mùa ngắm nhìn phong cảnh, thuộc các mùa hoa của núi rừng:

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô...
...Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách(*) đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình

Để đề cao tình thuỷ chung sau trước của miền xuôi miền ngược, sự khăng khít giao lưu của người về kẻ ở, Tố Hữu chuyển những sự kiện kinh tế tài chính thành những tình cảm sâu xa; lâm thổ sản và tiểu công nghệ đều nói lên thi vị của đất nước và tình nghĩa của nhân dân; mà chính vì những thứ đó quan thiết đến đời sống nhân dân, nên lại càng đậm đà, gắn bó:

Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm, cho ai nhớ mình
Trâu về xanh lại Thái Bình
Nứa mai gài chặt mối tình ngược xuôi...
...Muối Thái Bình ngược Hà Giang
Cày bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh
Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông...

Mọi sự kiện chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, địa dư, nhân chủng đều hoà thành một "tiếng hát ân tình thuỷ chung"; cả bài như một buổi chiều vàng mùa thu trong đẹp, mà mỗi gốc cây, mỗi hòn đá đều vang ngân lên để cuộc tiễn đưa đầy cả ân tình. Cho đến cái lặng im cũng đầy ý vị.

(*) Phách: tên một thứ cây ở miền núi (nguyên chú của Xuân Diệu).

Ngòi bút của Tố Hữu tiến lên nối tiếp truyền thống của các nhà thi hào cổ điển của ta; bút pháp đã tinh, nên khêu gợi nhiều hơn diễn tả; chữ đúc lại với nhau ("Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai", "Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay"). Có những câu đẩy đưa, người bộp chộp sẽ tưởng như là cũ càng, nhưng thực ra biểu hiện tình cảm rất man mác:

Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Có những câu tình tứ như những câu thơ tình ái xưa nay:

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

Và bức tranh cuối bài *Việt Bắc*, theo ý tôi, là của một danh họa. Trong mấy nét, lột được phong thái cao quý lớn lao của Hồ Chủ tịch; khi Người đi qua, rừng núi cũng như học theo tác phong của Hồ Chủ tịch, con ngựa của Người cưỡi như cũng nhịp bước chân cho hợp với cái bình tĩnh ung dung của Người; qua sáu câu thơ có một bản nhạc tấu lên và Người đi rồi, nhạc hãy còn văng vẳng:

Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người...

NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM

Những ưu điểm của thơ Tố Hữu bao trùm thành cái chính; nên tôi không muốn nói về những khuyết điểm lặt vặt, là những cái phụ. Theo ý tôi, bất tất phải chiếu lệ cho đủ hai mặt khen chê. Chúng ta không thể đòi bài thơ nào của Tố Hữu cũng phải như *Ta đi tới* và *Việt Bắc*. Nhưng có một điều chắc, là bài thơ nào của Tố Hữu cũng đem tới một cái gì cho tư tưởng và tình cảm; nếu chưa lộng lẫy, tuyệt diệu, thì cũng đủ ý vị, và bao giờ cũng có ít nhiều sáng tạo.

Tôi chỉ muốn nói đến hai nhược điểm mà ý riêng tôi thấy là quan trọng:

Điều thứ nhất, là thơ Tố Hữu thiếu hẳn một mảng lớn: nặng về tình cảm xã hội, mà hầu như không nói đến những tình cảm của cá nhân. Có lẽ vì Tố Hữu nặng lo về công tác; người cán bộ trong Tố Hữu bao trùm con người thường.

Tập *Việt Bắc* (và cả tập *Thơ* 1946) không có một bài thơ về tình yêu. Tôi nghĩ đến Aragon, nhà thơ kháng chiến của Pháp có những vần sâu sắc về người yêu Elsa; tôi nhớ Maiakovski, nhà thơ cách mạng Liên Xô, có nói:

"Những câu thơ xứng đáng với người yêu"

Tôi nhớ đến Victor Hugo, bậc thiên tài mà những câu thơ đấu tranh làm cho bạo chúa, cường quyền phải khiếp sợ, Victor Hugo cũng là nhà thơ say đắm của những bản tình ca. Công chúng Việt Nam cũng mong muốn Tố Hữu thêm một giây tình vào cây đàn mà họ lắng nghe từng tiếng.

Việc người đọc hoan nghênh những bài thơ của Xi-mô-nốp do Tố Hữu dịch chứng tỏ chỗ thiếu sót của thơ Tố Hữu. Tâm tình của người thi sĩ Liên Xô dám đi vào chỗ thầm kín của lòng người, coi ái tình là một trong những tình cảm thiết tha sâu sắc nhất của con người ta, lấy ái tình làm một mãnh

lực giục người chiến đấu, hy vọng:

... Dù tuyết rơi gió nổi
Dù nắng cháy em ơi
Bạn cũ có quên rồi
Đợi anh về em nhé...

Người thi sĩ Liên Xô lại nhìn trực diện những tang tóc của chiến tranh, không sợ rằng nói như vậy làm nhụt lòng người, mà chính nghệ thuật nói những nỗi đau khổ sâu sắc chừng nào lại càng làm cho người ta yêu dấu con người, và càng thúc đẩy người ta chống địch chừng ấy. Thơ Tố Hữu chưa có những đoạn như dưới đây:

A-liêu-sa nhớ Bô-ri-xốp
Tiếng khóc than xé ruột nhà nào
Lệ người thiếu nữ tuôn trào
Và người mẹ goá mái đầu hoa râm
Áo tang trắng lạnh ướt đầm...
... Ta vui vì mẹ Nga sinh
Vui vì một sớm chiến chinh lên đường
Có người vợ rất yêu thương
Hôn ta ba bận, lệ thường tiễn đưa

Không nói đến tình yêu, Tố Hữu cũng ít nói đến những tình cảm của cá nhân mình. Tố Hữu chỉ nói đến, khi những tình cảm cá nhân đó mang một tính chất xã hội rõ rệt hay có tính cách là những tình cảm tập thể (như *Tình cá nước*(*) và *Sáng tháng Năm*). Theo ý tôi, thơ là tiếng hát của những tâm hồn và của mỗi một tâm hồn; những tình cảm của từng cá nhân, khi đã đúng hướng tiến bộ của toàn xã hội, cần được diễn tả vào sâu đến khía đặc biệt, vì những tình cảm đó đều

(*) Chỗ này tác giả Xuân Diệu viết thiếu chính xác : nhan đề bài thơ là *Cá nước* chứ không phải *Tình cá nước*.

tiềm tàng một ý nghĩa xã hội.

Người thi sĩ là một cán bộ quần chúng rất hoan nghênh những bài thơ làm với con mắt nhìn đúng đắn của một cán bộ; nhưng nếu những bài thơ kia làm với giọng nói của một con người thường, có lẽ quần chúng sẽ cảm thấy tha thiết hơn lên, gần gũi thêm lên. Những việc xa cách, sum họp, sống chết, yêu đương, sinh nở, thư từ... được cách mạng hoá đi, nhưng vẫn là những việc thiết cốt, hàng ngày của con người, nhà thơ cần xông vào đó nghiên cứu, diễn đạt sâu xa, để có thể đưa những tình cảm đó đi tới.

Do nhược điểm trên đây của Tố Hữu, tôi thấy thêm một nhược điểm thứ hai:

Những năm về sau này, thơ Tố Hữu càng nặng về tổng hợp. Đó là một ưu điểm; tâm tưởng nhà thơ càng lên cao, càng nhìn được những nét lớn lao của lịch sử của thời đại, tiếng hát càng bao quát, rộng xa. Nhưng cũng phải đề phòng một nguy cơ: sự tổng hợp không nên thành nếp của hồn thơ, vì hơn tất cả mọi ngành nghệ thuật nào, thơ phải thật cá thể và cụ thể. Nhà thơ thành sử gia của thời đại, phải đề phòng toàn vẽ bằng nét lớn, nét chung, bỏ mất những nỗi niềm của mỗi một con người, của mỗi cá nhân trong quần chúng. Tố Hữu phải đề phòng dần dần đi xa những bài thơ *Cá nước, Phá đường, Bầm ơi* v. v... là những bài thơ của sự sống khi nó mới phát nguyên từ quần chúng. Có lẽ tốt hơn hết là Tố Hữu làm cả hai lối thơ, và hoà hợp hai lối ấy với nhau.

BÀI HỌC CỦA THƠ TỐ HỮU

Tố Hữu cho ta suy nghĩ nhiều về con người với tài thơ, về hành động và sáng tác. Thơ của Tố Hữu là cuộc đời chiến

sĩ của Tố Hữu, là lập trường giai cấp, quan điểm quần chúng, đạo đức cách mạng của Tố Hữu; có cuộc đời chiến đấu ấy mới có được thơ ấy.

Tố Hữu cũng cho ta suy nghĩ nhiều về tác phẩm liên quan với thời đại. Vì Tố Hữu nằm ngay trong lòng thời đại, ở ngay chỗ đầu sóng ngọn gió của phong trào, Tố Hữu làm một với trái tim và khối óc của cách mạng, nên mới có được cái nhìn đúng đắn, cao cả. Người thơ thuyền xuôi theo giòng thời đại, buồm căng theo gió thời đại, hết lòng phục vụ thời đại, thì đến lúc thời đại lớn lên, thơ mình cũng được song song lớn lên.

Ta đi tới và *Việt Bắc* là chiến công của thơ Việt Nam, là một công trình của nhân dân ta qua cây bút của Tố Hữu. Hai bài thơ đó cho ta hy vọng vô cùng: Chúng ta chứng kiến từ tập *Thơ* đầu 1946 đến tập thơ *Việt Bắc* 1954, tài thơ của Tố Hữu đã tiến một bước dài. Từ một nhà thơ đầy nhiệt tình cách mạng và ý tình cách mạng có một không hai, nhưng tài thơ chưa thật có bản sắc riêng biệt, và bởi vậy chưa thật là một thi sĩ đầy đủ, nhà thơ Tố Hữu đã từng bài một, từng năm một, nẩy nở tài năng theo đà kháng chiến, dần dần sắc hương càng thơm càng đẹp, cho đến khi tròn đầy, sáng rực một mặt trăng rằm! Cho đến khi thi sĩ Tố Hữu là một hiện tượng của thơ Việt Nam, tạo ra một lối riêng, một điệu riêng, một bản ngã in nét sâu xa vào văn chương của dân tộc. Đó quả thật là một bài học lạc quan sáng tác cho tất cả những bạn làm thơ.

Chúng ta còn học được đường lối làm thơ của Tố Hữu. Đường lối đó là đường lối dân tộc và đại chúng. Tôi thiết nghĩ đó là con đường duy nhất đúng của thơ Việt Nam. Có một số bạn mới, học nhiều, xem sách nhiều, nhuốm phải tiền phong chủ nghĩa, tưởng như mình có thể dựng lên một lối thơ gì mới

lạ, xuất sắc, và có ý như xem thường thơ Tố Hữu. Theo ý tôi, những bạn đó chưa nghiên cứu kỹ về thơ. Rất nhiều bạn khác đã nói với tôi: "Khi người đọc thơ chưa chín chắn, thì xem thơ Tố Hữu (nhất là những bài trước 1954) họ không thấy gì. Có lẽ vì họ thấy nó thân mật, bình thường quá, như không có kỹ thuật, không có dầu dấm, chanh ớt. Nhưng khi đến một trình độ yêu hiểu quần chúng, thấu nghe lòng người, nắm vững ngôn ngữ, người ta sẽ thấy thơ Tố Hữu là một cái gì thật đặc biệt". Tôi hoàn toàn đồng ý. Ngay bản thân tôi, những năm đầu kháng chiến, tôi chưa thấy tất cả cái hay của *Bà mẹ Việt Bắc*, "Bà bủ nằm ổ chuối khô", *Phá đường, Bầm ơi*... Là vì lúc đó tôi chưa biết yêu biết trọng cái lớn lao của các bà bủ, tôi chưa thấy cái say sưa của quần chúng đang lao động, tôi còn tìm những cái gì bóng chuốt, chạm trổ, uốn éo. Càng ngày đọc những bài trên kia, tôi càng thấy hay. Tôi càng thấy thơ Tố Hữu là thơ chân thực, thơ của nội tâm con người. Tôi đồng lòng với mỗi câu nói đơn sơ của *Bà mẹ Việt Bắc*: câu nói của bà mé thì đơn giản, nhưng bài thơ của thi sĩ thì sâu xa:

Tôi ôm lấy nó
Tôi kể trước sau
Nỗi nhà mất bố
Nỗi anh chết tù
Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi:
Mé ơi đừng khóc
Nước độc lập rồi!

Trừ một vài trường hợp (như phần trên của bài *Những thành phố trụi* thí nghiệm một lối thơ mà đa số công chúng không yêu:

Lại ngồi dưới gốc di lăng
Ở đây còn có ai chăng với mình?
- Có!
- Ai nói đó?
- A! các anh chiến luỹ!)

tất cả thơ Tố Hữu đều làm thế nào cho quần chúng dễ đọc, dễ nhớ, dễ thuộc, đều giữ gìn một sắc thái Việt Nam; dịch thơ nước ngoài, Tố Hữu càng nắm vững phương châm "dân tộc hoá". Càng đi sâu vào nghề thơ, càng luyện chắc tay, Tố Hữu đã bước tới cái cổ điển mới. Cái cổ điển mới ấy, tức là câu thơ sáng sủa, thi sĩ muốn nói gì, thì người đọc hiểu dễ dàng; tức là ý tình tinh vi, giàu đủ, súc tích, mà diễn tả vẫn chân thực, giản đơn; tức là nhạc điệu tiết tấu nhịp nhàng, không gập ghềnh, kỳ khu, líu tíu; tức là câu thơ không ngọng nghịu, lai căng. Trong những câu thơ hay nhất của mình, Tố Hữu đã đi theo truyền thống của Nguyễn Du. Nối liền được với thiên tài đã qua của dân tộc mình, đó là vẻ vang của thơ cách mạng.

Có hàng trăm cách làm thơ, nhưng chỉ có một đường lối: dân tộc và đại chúng. Các nhà thơ có nhiệm vụ phát huy tất cả cái đặc sắc, cái riêng biệt của mình, nhưng phải làm sao cho dân tộc công nhận, cho đại chúng mến yêu. Đi xa con đường ấy, là làm mất thì giờ của bản thân mình, và phí công sức chung. Tố Hữu là cái gương thành công đẹp đẽ mà ta cần học tập. Theo sự nhận xét của tôi, một số bài thơ của ta hiện nay đã đi chệch con đường dân tộc, đại chúng ấy. Các tác giả làm những bài thơ không nên trách tại sao thơ mình đã đăng báo, đã được in, mà công chúng vẫn không để ý đến mình.

*

Trong giai đoạn vừa rồi, nổi bật trong thơ Tố Hữu: lòng yêu Tổ quốc, yêu nhân dân lao động phục vụ kháng chiến, yêu chiến sĩ, yêu Hồ Chủ tịch, yêu nhân loại gian khổ và dũng cảm. Những tình yêu lớn đó của thơ Tố Hữu đã thành sức mạnh trong ngàn vạn lòng người.

Con đường Tố Hữu còn dài, còn xa. Chúng ta luôn luôn đón chờ Tố Hữu.

Thật là sung sướng có Tố Hữu trong thơ Việt Nam, trong văn nghệ Việt Nam... và trong cách mạng Việt Nam. Bao nhiêu thi sĩ đã gắng công, hàng nghìn bạn trẻ mới làm thơ ngày đêm dùi mài; chúng ta nhào nặn nội dung, vật lộn với hình thức, lo nghĩ, chăm chú để sáng tạo những bài thơ hay; rất nhiều hay hầu hết chúng ta chưa thành công, nhưng nhìn đằng trước, thấy lá cờ của thơ Việt Nam có rực rỡ ở trên chiến tuyến; chúng ta tự hào về lá cờ đó, nhân dân ta cũng tự hào về lá cờ đó, và chúng ta thêm tin tưởng quyết tâm.

Thơ Tố Hữu là lá cờ ấy.

14-1-55

XUÂN DIỆU

Văn nghệ, s. 63 (15.2.1955);
s. 64 (28.2.1955)

HAI CUỘC THẢO LUẬN VỀ "*VIỆT BẮC*" VÀ "*VƯỢT CÔN ĐẢO*"

Để đẩy mạnh phong trào phê bình trong văn nghệ, nâng cao tinh thần đấu tranh tư tưởng chống những khuynh hướng sai lầm, xây dựng đường lối văn nghệ hiện thực, Phòng Văn nghệ quân đội đã tổ chức một cuộc mạn đàm về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và đã tổ chức một cuộc thảo luận về truyện *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán.

Tối ngày 4-3-1955, anh em đã trao đổi sôi nổi về tính chất hiện thực trong thơ Tố Hữu. Một số anh em nêu lên tính chất thiếu hiện thực của tập thơ *Việt Bắc*.

Một số anh em khác không đồng ý, nêu lên tác dụng của thơ Tố Hữu trong quần chúng, sự có mặt của thơ Tố Hữu trong những biến cố lớn của dân tộc. Cuộc trao đổi chưa kết thúc. Anh em đồng ý với nhau đó chỉ là một cuộc trao đổi mở đầu, và còn cần phải có sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Tiếp theo chiều 5-3-55 tại Câu lạc bộ Đoàn Kết anh em lại trao đổi ý kiến về tập *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán. Rất nhiều ý kiến nêu lên phân tích những quan niệm mà anh em cho là những sai lầm khá trầm trọng của tác giả trong việc quan niệm tính chất của Đảng, sự lãnh đạo của Đảng và bản chất của người anh hùng mới.

Một số khác thì cho tác giả đã thông cảm được với những chiến sĩ cách mạng ở Côn Đảo và đã truyền vào người

đọc những tình cảm mới.

Cuộc trao đổi kéo dài hơn ba tiếng đồng hồ, mà vẫn còn nhiều anh em chưa được nói. Anh em hẹn nhau tiếp tục trao đổi thêm tối ngày 10-3-1955.

Không khí bằng phẳng, thiếu phê bình của Văn nghệ được khuấy động, hứa hẹn nhiều kết quả.

Phê bình đấu tranh là một điều kiện sống còn của tiến bộ, của Cách mạng. Chúng ta phấn khởi, hăng hái tham gia cuộc thảo luận và hy vọng cuộc thảo luận sẽ càng ngày càng rộng rãi thu hút được đông đảo quần chúng, đẩy mạnh phê bình văn nghệ tiến tới làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà nhân dân giao phó cho chúng ta, xây dựng đường lối Văn nghệ hiện thực, giáo dục tình cảm mới cho quần chúng thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị tiến tới.

A.T.

Văn nghệ, s.65 (11.3.1955).

TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CÓ HIỆN THỰC KHÔNG?

HOÀNG YẾN

Tập thơ Việt Bắc, sau khi xuất bản đã gợi ra một số thắc mắc văn nghệ làm đầu đề cho những cuộc bàn cãi sôi nổi.

Thơ Tố Hữu đã trở thành một vấn đề văn nghệ nóng hổi của chúng ta hiện nay. Và một triển vọng có thể đạt tới là việc nghiên cứu, phê bình tập thơ Việt Bắc nếu mở rộng, đào sâu thì nhất định sẽ đẩy mạnh sáng tác và soi rõ thêm cho đường lối của thi ca Việt Nam.

Để bắt đầu cuộc thảo luận, chúng tôi đăng bài dưới đây của Hoàng Yến,(*) một bạn công tác văn nghệ trong quân đội, tiếp theo bài của Xuân Diệu đăng hai kỳ trước. Sau bài này sẽ còn nhiều bài khác và chúng tôi mong anh chị em văn nghệ cũng như độc giả thuộc các giới tham gia đông đảo.

(*) Bài của Hoàng Yến, một trong những ý kiến gây nên cuộc tranh luận, được đăng trên một số tờ báo ở Hà Nội đương thời, sớm nhất có lẽ là trên tờ *Sinh hoạt văn nghệ* (tiền thân của tạp chí *Văn nghệ quân đội*). Như ta sẽ thấy, dạng văn bản đăng báo *Văn nghệ* được biên tập lại, ngắn gọn hơn so với dạng văn bản đăng trên báo *Nhân dân*. Do tính tư liệu của cuốn sách này, người sưu tầm in cả hai văn bản, cùng với lời dẫn của toà soạn hai tờ báo trên (NST).

Chúng tôi mở một "tự do diễn đàn" và yêu cầu các bạn tích cực tỏ bày ý kiến riêng, theo đúng tác phong "nói thật, nói thẳng, nói hết", dù có những điểm mà chúng tôi không đồng ý, chúng tôi cũng hoan nghênh.

VĂN NGHỆ

Tập thơ *Việt Bắc* chủ yếu là tập thơ kháng chiến. Sự sống trong thơ là sự sống nhiều mặt của cuộc kháng chiến toàn diện, toàn dân. Tình cảm trong thơ là những tình cảm lớn của con người kháng chiến đồng thời cũng là những tình cảm lớn của thời đại.

Vấn đề đặt ra là tôi muốn biết tác giả đã đi đến với sự sống nhiều mặt đó như thế nào? Đã xúc cảm người đọc đến mức độ nào? Hay nói một cách khác, tôi muốn thử nghiên cứu, xác định, đánh giá khả năng hiện thực trong thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Qua tám năm kháng chiến, cuộc sống lớn mạnh và cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc ta có tất cả các hình thức sinh động, muôn vẻ muôn màu. Chưa bao giờ tâm hồn của con người chúng ta luôn luôn có những biến chuyển lớn lao như vậy. Những tình cảm ươn hèn của con người cũ rụng dần vào dĩ vãng. Ngày ngày những tình cảm mới phát triển và sinh thành. Cái quá trình tiến triển ấy dĩ nhiên là không phải thẳng tuột mà ngoằn ngoèo, phức tạp. Chỉ nhìn giản đơn một chiều, sẽ không hiểu thấu được cuộc sống. Tính chất hiện thực của sáng tác do đấy sẽ bị hạn chế và giảm sút đi nhiều. Với một quan niệm như vậy tôi đi vào phân tích một vài tình cảm lớn đã thể hiện qua thơ Tố Hữu.

Tôi bắt đầu với tình cảm phá đường trong bài thơ *Phá*

đường, một bài thơ được phổ biến rộng khắp từ Bắc chí Nam. Tình cảm phá đường là một tình cảm tiêu biểu trong một giai đoạn chiến tranh nhất định. Tình cảm ấy đã được tác giả đào sâu và lột tả như thế nào? Trong đoạn đầu bài thơ, tác giả đưa ra hình ảnh một người phụ nữ nông thôn, mặc dù trăm công nghìn việc, con bế con bồng vẫn vui vẻ theo chồng đi phá đường quan. Cái tinh thần hăng hái phục vụ, cái nhiệt tình kháng chiến quên mình ấy, tác giả đã khéo đưa lên với những câu thơ mộc mạc và ý nhị. Nhưng cái tinh thần và tình cảm ấy không chỉ riêng gì trong công việc phá đường mà nó biểu hiện trong mọi công tác phục vụ khác bất kỳ ở đâu, lúc nào, khi mà kháng chiến cần những bàn tay chiến đấu sáng tạo của người nông dân lao động.

Đoạn sau tác giả mô tả cảnh phá đường bao trùm trong không khí phấn khởi thi đua làm việc. Đây cũng lại là những cảnh lao động thông thường chung chung mà người ta thường bắt gặp bất kỳ ở hậu phương hay tiền tuyến, trong công tác phá hoại hay kiến thiết. Cái đặc trưng của tình cảm phá đường vẫn chưa được lột tả.

Cách đây không lâu, tôi nhớ có đọc một bài thơ của người anh em mô tả cảnh đắp đường. Nội dung, bố cục cũng giống na ná như bài *Phá đường*. Tuy cách nói có khác nhau nhưng ý tình cũng vẫn là: "Nhà em con bế con bồng, em cũng theo chồng đi (đắp) đường quan", cũng: "Hì hà, hì hục, lục cục, lào cào" cũng thi đua phấn khởi: "Anh tài thì em cũng tài, đường dài ta (lấp) sức dai ngại gì".

Tôi bỗng tự hỏi thế thì tình cảm của con người "phá đường" trong kháng chiến và "đắp đường" trong hoà bình khác nhau ở chỗ nào? Câu hỏi ấy, tác giả bài *Phá đường* trong một vài câu đơn sơ để vào đoạn cuối:

Thằng gian Tây mày cứ vẩn vơ
Có hố này chờ chôn sống mày đây...
Ớ anh, ớ chị nhanh tay
Nhanh tay ta cuốc chôn thây quân thù

chưa giải đáp được thoả đáng.

Dĩ nhiên trong hai sự việc ấy, trông bên ngoài đều có những hiện tượng, những động tác giống nhau. Lưỡi cuốc phá đường chặn giặc và lưỡi cuốc đào mương khai nước cùng là một lưỡi cuốc. Nhưng trong mỗi sự việc, có những ý tình khác nhau, những tâm tư khác nhau. Tuy trong hai sự việc đều dạt dào một niềm phấn khởi cách mạng, nhưng mức độ tình cảm khác nhau, khía cạnh tình cảm khác nhau, cái đặc tính của tình cảm và lý trí ở mỗi sự việc khác nhau.

Tình cảm phá đường là tình cảm tiêu biểu trong một giai đoạn kháng chiến. Người nông dân kháng chiến chính tự tay mình phải huỷ hoại con đường của mình, của đất nước yêu dấu của mình để chặn đường giặc tiến không phải không thấy lòng đau xót. Và chính cái niềm đau xót lành mạnh ấy đã khởi bùng thêm ngọn lửa căm thù để biến thành hành động. Cái ý chí diệt thù, người dân phá đường đem trút trên từng nhát cuốc, đường gân. Có thế, cái khía tích cực của tình cảm phá đường mới khơi động được sâu sắc.

Cái khía tích cực của tình cảm ấy, cái đau xót chân thành ấy tôi tưởng đã lột tả được trong mấy câu mở đầu của một bài ca dao kháng chiến ở Liên khu Năm:

Lấy búa mà bửa chân trời
Lấy dao mà chặt lìa đôi nhịp cầu
Thà rằng cách trở sông sâu...

Con đường ấy, cái cầu ấy thường ngày đã in bao dấu vết

của cuộc sống thân yêu, thế mà bây giờ phải lấy dao mà chặt lìa đôi nhịp cầu. Và thà rằng đó đây có cách trở sông sâu đi nữa, còn hơn là để cho giặc có cầu giặc qua.

Một câu thơ phá đường khác của một người du kích Nam Bộ nói lên tình cảm ấy một cách gọn ghẽ, trọn vẹn và tài tình hơn:

Con đường số Bẩy của tao
Nó đi theo giặc tao đào nó đây

Con đường đó trước kia là con đường của tao, một khúc ruột của đất nước tao. Nhưng giặc đã dùng được nó, nó đã đi theo giặc nên tao phải đào nó đấy. Thấm thía xót xa nhưng cũng quyết liệt mạnh mẽ xiết bao! Tay đào con đường mà lòng tưởng như phải giết chết một người thân yêu phản bội đi theo giặc. Có thế mới phản ảnh đúng được cuộc sống sinh động muôn vẻ, muôn màu. Có thế mới gợi lên được những tình cảm vĩ đại kết tinh từ trong máu lửa, nước mắt mồ hôi, rèn luyện qua bao nhiêu thử thách trong cuộc kháng chiến anh dũng trường kỳ.

Trong hầu hết các bài thơ đầu kháng chiến của Tố Hữu một hình ảnh nổi bật lên: hình ảnh anh bộ đội chiến đấu. Tác giả đã dành riêng cho anh bộ đội một góc thơ, một góc lòng, ấm cúng và thân yêu nhất của mình.

Mang theo tấm nhiệt tình ấy, tác giả vác ba-lô, tay dao, tay súng, đạp rừng gai, đá sắc, lội suối trèo đèo, lên Tây Bắc, sát cánh cùng người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu ở mặt trận. Nhưng bài *Lên Tây Bắc* đã làm ta hơi thất vọng. Thi sĩ còn xa cách người chiến sĩ. Tác giả còn đương đi tìm anh bộ đội.

Anh đi tìm giặc, tôi tìm anh
Người lính trường chinh áo mỏng manh

Hình ảnh anh bộ đội, thi sĩ thấy rất đẹp:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới
Lá ngụy trang reo với gió đèo.

Nhưng đó là cái đẹp bên ngoài, cái đẹp hiên ngang, bóng dài trên đỉnh dốc, trong ánh nắng chiều.

Và qua bao ngày lặn lội, thông cảm nỗi gian khổ của người bộ đội, tác giả viết:

Lại những ngày đi vắt với sương
Ngô bung xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua rét nhức xương

Trước cái "vô cùng gian khổ", cái gian khổ cao độ và trường kỳ của người lính chiến đấu, mấy câu thơ trên quả đã bàng quan và bất lực.

Và ở đây tôi cũng lấy làm lạ tại sao tác giả đã cùng chiến sĩ đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi trong hành quân, lúc chiến đấu, đã từng "vắt cơm thấm nước, tàu lá lót lưng" mà không hề đả động đến mối tình đồng đội ruột thịt ấy. Tôi tưởng đó là một tình cảm mới nhất, tình cảm của những người chiến đấu sống chết có nhau từng chia nhau củ sắn trên đồi chè, múi bưởi trong rừng cọ, một mảnh chăn đơn, một tàu lá chuối, trong giá rét, trong mưa dầm.

Đêm nay gió rét lạnh lùng
Cắt tàu lá chuối lót lưng đỡ đầu...
Anh ơi! ôm lấy lưng tôi
Chúng ta đùi cặp lấy đùi cho nhau

(Thơ chiến sĩ)

Cái tình keo sơn gắn bó, máu chảy ruột mềm, cái tình đoàn kết tương trợ cao quí và thiêng liêng ấy tôi tưởng thắm thiết hơn cả tình đào viên kết nghĩa, đạo nghĩa vợ chồng. Tôi nghĩ đến anh Phần lấy thân bắc cầu cho đồng đội bước qua. Tôi nghĩ đến anh Hàn miệng cổ cháy khô vẫn nhịn chút nước cho đồng chí bị thương rồi bò đi liếm từng giọt sương trên cỏ lá. Tôi nghĩ đến câu nói "đào cho nó thêm vài xuống, liệm thêm cho nó cái màn để cho nó mồ yên mả đẹp". Nằm trong tình giai cấp rộng lớn, được chủ nghĩa soi đường, cái tình ấy trở nên sáng suốt lạ thường đến đỗi khi thấy một đồng đội đào ngũ đã nói lên:

Chém cha cái bọn giặc Tây
Cái mùi tôi tớ đến nay vẫn còn

(Thơ chiến sĩ)

Nói đến con người bộ đội chiến đấu mà không nói đến tình cảm ấy, tôi tưởng đó là một thiếu sót. Vẫn còn rất xa lạ với tâm tình người chiến sĩ. Nhưng một khi Tố Hữu đi sâu vào tình cảm của người "nông dân mặc áo lính", đi sâu vào cái nguồn tiếp tế tinh thần dồi dào vô tận của người chiến sĩ, cái tình gửi về hậu phương, nơi chôn rau cắt rốn, nơi mái thôn nếp rạ, vách đất bờ tre, ở đấy có người mẹ già tóc bạc hoa râm, thì câu thơ trở nên thắm thiết, ấm cúng lạ lùng.

Không phải thơ Tố Hữu nữa mà là nỗi lòng nhớ thương của người chiến sĩ đương thánh thót:

Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu

Trên con đường chiến đấu gay go ác liệt mỗi khi nhớ đến

bầm, đến cả cuộc đời đầy nước mắt mồ hôi, còng lưng dưới ách đế quốc địa chủ cường hào, thắt lưng buộc bụng nuôi con, thì bao nhiêu gian lao khổ ải trước mắt như chửa thấm vào đâu.

Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khổ nhọc đời bầm sáu mươi

Nhưng con là con đẻ của nhân dân lao động, nên tuy xa bầm, mà lòng con vẫn được ấp ủ trong tình thương của bao nhiêu bầm:

Con đi mỗi bước gian lao
Xa bầm nhưng lại có bao nhiêu bầm

Chỉ hai câu thơ thôi, thi sĩ đã truyền vào lòng mọi người chiến sĩ cả một nguồn an ủi, khuyến khích, mến thương, sâu rộng.

Nhưng một khi nhà thơ không đi sâu vào tâm hồn mà trở lại làm người khách của bộ đội để: "Chúc anh pháo binh bắn thẳng vào đồn cho đúng", để "anh đại bác, tôi chờ anh để hát" thì giòng thơ lại trở nên dửng dưng, thiếu sinh khí.

Phút công đồn là phút quyết liệt nhất trong cuộc đời người lính chiến đấu. Cái nhiệm vụ cao nhất của người chiến sĩ đã sắp đến tay rồi. Nhân dân nuôi cơm nghìn bữa để hôm nay đánh giặc một giờ. Bao hồi hộp lo âu, tin tưởng phấn khởi và quyết tâm cùng đổ dồn trong một lúc. Nhưng tình cảm ấy tác giả chưa thông cảm. Đọc xong bài *Bắn* chúng ta thấy không gợi được một cảm giác gì, không để lại một ấn tượng gì dù là không sâu sắc. Con mắt nhìn đồn địch trên khoảnh đồi đỏ "ngon như miếng thịt bò tươi" thì thật là xa lạ với chiến sĩ. Vả lại người nông dân mặc áo lính cũng ít khi được thấy đĩa

thịt bò tươi. Không kể đoạn giữa bài thơ mô tả một cách tự nhiên và thô sơ cảnh trông đợi khai hoả và cảnh chào cờ trong đồn địch, ngay đoạn tác giả gợi căm thù cũng rất chung chung, đại khái, không sôi sục được lòng người đọc:

Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta, bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quẳng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang

Tác giả đã nói đúng và đủ. Nhưng chất thơ không phải ở chỗ đúng và đủ. Đặc tính của thơ là nói ít mà gợi nhiều. Có thể nói tác giả đã tổng kết sự việc trên tài liệu chứ chưa kinh qua thực tế của cuộc sống để tổng kết chất thơ. Cũng vì vậy những câu thơ mô tả những chiến công lịch sử ở Điện Biên tuy đôi đoạn hơi thơ có vẻ mạnh, khí thơ có vẻ hùng nhưng người đọc, nhất là những đồng chí đã dự mặt trận Điện Biên thấy chưa thoả mãn và còn giả tạo.

Thiếu tính chất cụ thể, thiếu chi tiết sống điển hình, thơ sẽ mất nhiều hiệu năng gợi cảm. Mà những tính chất cụ thể ấy những chi tiết điển hình ấy chỉ có thể có trong sự sống. Tôi nghĩ rằng, thơ cũng phải kinh qua giai đoạn sống, thụ thập "tất cả cái văn học nghệ thuật dưới hình thái tự nhiên" thì thơ mới biểu hiện được cuộc sống một cách sâu sắc và trọn vẹn. Cái nhược điểm trên đây đã làm một số bài thơ trong tập *Việt Bắc* ít rung cảm được người đọc và làm yếu tác dụng hiện thực đi nhiều.

Tập thơ *Việt Bắc* nói đến những tình cảm lớn của thời đại. Nhưng nó đã kết tinh trọn vẹn được tình cảm của thời đại chưa? Nó đã nói được tiếng nói tiêu biểu của thời đại chưa?

Thời đại đó như thế nào? Nó có những đặc điểm gì?

Rõ ràng thời đại chúng ta là thời đại quần chúng đương chuyển biến, mạnh mẽ và dồn dập. Dưới sự lãnh của Đảng, cả một dân tộc nhất tề đứng dậy bảo vệ quê hương, bảo vệ đất nước; hàng triệu nông dân lao động vùng lên thét căm thù vào mặt địa chủ cường hào. Bước đi rầm rập tưởng như chuyển đất rung trời.

Thời đại chúng ta cũng lại là thời đại có nhiều mất mát, chia ly và đau xót. Tiếng nói bao trùm cả thời đại là tiếng nói giận dữ căm hờn thúc giục chiến đấu.

Tôi tưởng một thi phẩm phản ảnh được thời đại phải trào lên những giòng thơ hừng hực chiến đấu, đỏ rực căm thù, có mãnh lực động viên kích thích hàng triệu người ra mặt trận đấu tranh.

Đọc xong *Việt Bắc*, hình ảnh để lại trong lòng ta là những hình ảnh đẹp, ý nhị, nhẹ nhàng. Khía rung động sâu sắc nhất là khía mến thương thắm thiết, tâm tình. Phần lớn các câu thơ đều có dáng dấp hiền lành dìu dịu.

Đối chiếu với cuộc sống mãnh liệt đi băng băng như con ngựa phi, cuồn cuộn như giòng thác đổ, thơ Tố Hữu còn bước những bước đi thong thả, giòng thơ còn trôi chảy lặng lờ. Đôi lúc cũng có sông xáo(*) nhưng đó chỉ là những sóng nhỏ vỗ bờ.

Có một điều tôi tưởng cần phân biệt là không phải trong thơ Tố Hữu không nói đến căm thù, chiến đấu, nhưng nói trong thơ là một việc còn thơ tự nó nói lên lại là một việc khác.

Bài thơ *Việt Bắc* là một trong những bài thơ thắm thiết nhất của Tố Hữu.

(*) Có lẽ là "sóng xao" (bản gốc in lầm?).

Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

Cái tình thương người mến cảnh nồng nàn ấy đã biến thành một tiếng hát trong ngần, "tiếng hát ân tình thuỷ chung". Cả một đoạn thơ dài:

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy...
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...
Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng...

Ta tưởng như nghe tiếng nói thầm lặng rì rào của đất nước thân yêu từ ngàn xưa vọng lại.

Nhưng khi Tố Hữu nói đến cái *Việt Bắc* oai hùng, cái đất thần thánh, thiêng liêng của cách mạng thì hơi thơ đuối, khí thơ đoản, cái nhiệt tình nóng cháy trên kia tưởng như giảm sút đi. Những câu:

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh đao(*) đầu súng, bạn cùng mũ nan

(*) Ánh đao: có lẽ tác giả trích dẫn sai, hoặc báo in sai; đáng ra là "ánh sao".

Dân công đỏ đuốc những đoàn.
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay

Và những đoạn như:

Ai về ai có nhớ không
Ta về ta nhớ Phủ Thông, Đèo Giàng
Nhớ sông Lô, nhớ Phố Ràng
Nhớ từ Cao Lạng, nhớ sang Nhị Hà

chưa dựng được trong lòng ta cái *Việt Bắc* tôn kính, khởi điểm của cách mạng, chủ não của kháng chiến, miếng đất lịch sử đã ghi những chiến thắng lịch sử quyết định bước chuyển biến cả một giai đoạn chiến tranh.

Nhưng điểm cần chú ý trong bài thơ *Việt Bắc*, là cách đặt vấn đề, cách nhìn cái khía tình cảm của tác giả. Cái việc từ *Việt Bắc* tiến về Thủ Đô là một sự kiện lịch sử lớn lao, đánh dấu một bước thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Đó là ngày mong đợi thiết tha nhất của mọi tấm lòng, trong đó có cả tấm lòng *Việt Bắc*. *Việt Bắc* anh dũng oai hùng cũng để cho Thủ Đô có ngày giải phóng. Thủ Đô lộng lẫy đẹp tươi càng làm cho Việt Bắc thêm anh dũng oai hùng. Việt-Bắc Thủ Đô không mâu thuẫn mà thống nhất khăng khít trong bước trưởng thành chung của dân tộc. Tôi tưởng người Việt Bắc không phải chỉ vì chút tình riêng tây mà quên cái vui tưng bừng chiến thắng, không vì cái uỷ mị tình cảm nhất thời mà quyến luyến phân ly "bước đi một bước, giây giây lại dừng", "Mình về mình có nhớ ta".

Tôi quan niệm cái việc tiến về Thủ Đô là cả một khí thế xuất sơn tiến về đồng bằng, cái khí thế "Nam hạ" mạnh mẽ, bừng bừng không sức gì cản nổi. Những câu thơ:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son...
Nước trôi nước có về nguồn
Mây đi mây có cùng non trở về

đã không gợi đến cái khí thế bừng bừng ấy mà làm ta thêm ái ngại ngậm ngùi với cảnh heo hút đìu hiu của Việt Bắc sau lúc cơ quan bộ đội rút về xuôi. Khác với câu thơ lục bát trong sáng hồn nhiên trong bài *Bầm ơi!*, câu thơ trong bài *Việt Bắc* uốn éo với một lời duyên dáng nửa cũ nửa mới thiếu thành thực. Kỹ thuật thơ trong bài *Việt Bắc* rất điêu xảo nhưng nội dung tình cảm rất yếu đuối và có chiều đi xuống.

Và khi về Thủ Đô, những câu thơ sau đây trong bài *Lại về*:

Hà Nội ta không khuất
Hoả Lò thêm Nhà Tiền
Những đứa con vào chật
Hà Nội ơi vùng lên!...

chưa lột tả được sức đấu tranh sôi sục trong lòng Thủ đô, sức chịu đựng dũng cảm của người dân Hà Nội, tinh thần quật khởi của người công nhân Hà Nội. Nói chung cái khía tích cực của tình cảm mới, Tố Hữu chưa khơi động hết.

Viết đến đây tôi sực nhớ lại câu chuyện ở một trạm xá quân y hoả tuyến trên mặt trận phối hợp Hà Nam Ninh, thu đông 52. Trận đánh đương ở thời kỳ gay go quyết liệt, thuốc men lại thiếu thốn vô cùng. Mổ xẻ, cưa chân cưa tay thường là không có thuốc tê. Buổi sáng ấy trời mưa dầm. Tôi vừa bước chân vào trạm xá thì nghe một giọng ngâm thơ sang

sảng, bài thơ rất quen thuộc. Tôi thấy một chiến sĩ trẻ măng bị thương ngồi để y sĩ cưa chân, vừa ngâm thơ Tố Hữu.

.....

Thì em hỡi đi tìm cảnh lạ
Ở làm chi nấn ná cho thêm phiền
Đi đi! Vui vẻ với hồn yên
Vì đói khổ phải đâu là tội lỗi.....

Ra về tôi nghĩ thầm: "Sung sướng thay cho độc giả chúng ta có một nhà thơ như vậy. Và cũng vinh dự thay cho nhà thơ có những độc giả như vậy".

Thời đại chúng ta là một thời đại có nhiều đau xót. Bọn giặc thú dữ không còn một chút nhân tính đã chà đạp lên tất cả cái gì thân yêu cao quý nhất của con người. Bao tang tóc, chia ly và tan vỡ. Bao giọt nước mắt thương yêu, căm thù và phẫn nộ.

Những giọt nước mắt ấy, tác giả không phải không thông cảm nhưng tác giả không nói, mà phải nói qua những giọt nước mắt của A-liêu-sa (dịch thơ Xi-mô-nốp).

Tôi nghĩ rằng thơ thời đại phải dựng được cái quá trình sinh thành của những tình cảm mới. Điểm này thơ Tố Hữu chưa tiêu biểu được một cách đầy đủ.

Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ so sánh thơ Tố Hữu trong thời kỳ trước với thơ Tố Hữu trong thời kỳ này. Trong thời kỳ trước cách mạng với nhu cầu cụ thể của nó, thơ Tố Hữu là lá cờ tiền phong hướng dẫn đấu tranh. Với thời đại kháng chiến bây giờ, với những đòi hỏi lớn lao gấp bội thơ Tố Hữu quả chưa làm tròn được nhiệm vụ tiền phong chiến đấu như thời kỳ trước. Nếu đem so sánh đối chiếu với mỗi thời đại, cái tỷ lệ tương xứng ấy cho ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn

thơ Tố Hữu trước kia. Bé vì Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hừng hực chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc. Bé vì chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo và công thức.

Bàn về thơ Tố Hữu là một vấn đề lớn có nhiều mặt nhiều phương diện. Trong một bài báo ngắn không thể nói hết được ưu điểm cũng như khuyết điểm. Tôi chỉ đề cập đến một vấn đề chính là chủ nghĩa hiện thực trong thơ Tố Hữu qua một số bài thơ trong toàn bộ tập thơ *Việt Bắc*. Mấy ý kiến ấy, tôi mạnh dạn trình bày, mong các bạn tham gia thảo luận.

28-2-55

HOÀNG YẾN

Văn nghệ, s. 65 (11.3.1955)

ĐỌC THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU

HOÀNG YẾN

L.T.S. - Cuộc phê bình truyện Vượt Côn Đảo *của Phùng Quán và cuộc phê bình tập thơ* Việt Bắc *của Tố Hữu hiện nay đang tiến hành song song trong giới văn nghệ.*

Tiếp theo hai bài phê bình truyện Vượt Côn Đảo *của Đức Minh và Thúc Đạt, hôm nay chúng tôi đăng lại bài dưới đây của bạn Hoàng Yến phê bình tập thơ* Việt Bắc *của Tố Hữu đã đăng trong báo* Sinh hoạt văn nghệ *số 35 của quân đội, để góp phần đẩy mạnh phong trào phê bình văn nghệ và mở rộng dư luận đối với hai tác phẩm nói trên.*

Chúng tôi rất hoan nghênh các bạn gửi bài tiếp tục góp thêm ý kiến về hai tác phẩm nói trên.(*)

Nói đến thơ Tố Hữu tôi nhớ đến một người bạn đồng đội rất yêu thơ thường nói với tôi: "Thơ Tố Hữu hay thật!" Nhưng khi tôi hỏi: "Hay ở chỗ nào?" thì anh bạn không đi vào câu hỏi của tôi mà chỉ trả lời chung chung: "Bài nào cũng hay mà đúng đường lối không chê vào đâu được." Tôi hỏi thêm: "Thế

(*) Đây là lời Toà soạn báo *Nhân dân* khi đăng lại bài này (NST).

anh có thấy khuyết điểm nào không?" Anh ngẫm nghĩ rồi tặc lưỡi: "Khó nói quá!".

Mà quả khó nói thật. Nhất là đối với thơ của Tố Hữu. Câu chuyện trên phản ánh đúng cái tâm trạng mà hầu như thành thói quen của phần đông anh em chúng tôi khi đọc được một tác phẩm bao trùm những chủ đề lớn lao của thời đại. Nội dung chính trị và tư tưởng của tác phẩm lắm khi làm cho ta quáng mắt. Không ai chối cãi rằng ý nghĩa xã hội và chính trị là tiêu chuẩn quyết định của một tác phẩm văn nghệ. Nhưng một điều chúng ta ít chú ý là chủ đề càng rộng lớn bao nhiêu thì phương pháp sáng tạo và kỹ thuật biểu hiện càng quan trọng bấy nhiêu. Tác phẩm đã đề cập đến những vấn đề mấu chốt trong cuộc sống hiện thực thì tác giả càng phải hiểu biết sự sống hiện thực ấy một cách thuần thục, sâu sắc và trọn vẹn. Có thế, tác phẩm mới phản ánh trung thành được cuộc sống. Riêng thơ mới truyền được những xúc cảm mạnh mẽ, những rung động sâu sắc vào lòng người.

Tập thơ *Việt Bắc* chủ yếu là tập thơ kháng chiến. Sự sống trong thơ là sự sống nhiều mặt của cuộc kháng chiến toàn diện, toàn dân. Tình cảm trong thơ là những tình cảm lớn của con người kháng chiến, đồng thời cũng là những tình cảm lớn của thời đại.

Vấn đề đặt ra là tôi muốn biết tác giả đã đi đến với sự sống nhiều mặt đó như thế nào? Đã xúc cảm người đọc đến mức độ nào? Hay nói một cách khác, tôi muốn thử nghiên cứu, xác định, đánh giá khả năng hiện thực trong thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Qua 8 năm kháng chiến, cuộc sống lớn mạnh và cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc ta có tất cả các hình thức sinh động muôn vẻ, muôn màu. Chưa bao giờ tâm hồn của con người chúng ta luôn luôn có những biến chuyển

lớn lao như vậy. Những tình cảm ươn hèn của con người cũ rụng dần vào dĩ vãng. Ngày ngày những tình cảm mới phát triển và sinh thành. Cái quá trình tiến triển ấy dĩ nhiên là không phải thẳng tuột mà ngoằn ngoèo, phức tạp. Chỉ nhìn giản đơn một chiều sẽ không hiểu thấu được cuộc sống. Tính chất hiện thực của sáng tác đó đây sẽ bị hạn chế và giảm sút đi nhiều. Với một quan niệm như vậy, tôi đi vào phân tích một vài tình cảm lớn đã thể hiện quanh thơ Tố Hữu.

Tôi bắt đầu với tình cảm phá đường trong bài thơ *Phá đường*. Một bài thơ được phổ biến rộng khắp từ Bắc chí Nam. Tình cảm phá đường là một tình cảm tiêu biểu trong một giai đoạn chiến tranh nhất định. Tình cảm ấy đã được tác giả đào sâu và lột tả như thế nào? Trong đoạn đầu bài thơ, tác giả đưa ra hình ảnh một người phụ nữ nông thôn, mặc dù trăm công nghìn việc, con bế con bồng vẫn vui vẻ theo chồng đi phá đường quan.

Cái tinh thần hăng hái phục vụ, cái nhiệt tình kháng chiến quên mình ấy, tác giả đã khéo đưa lên với những câu thơ mộc mạc và ý nhị. Nhưng cái tinh thần và tình cảm ấy không chỉ riêng gì trong công việc phá đường mà nó còn biểu hiện trong mọi công tác phục vụ khác bất kỳ ở đâu lúc nào, khi mà kháng chiến cần những bàn tay chiến đấu sáng tạo của người nông dân lao động.

Đoạn sau, tác giả miêu tả cảnh phá đường bao trùm trong không khí phấn khởi thi đua làm việc. Đây cũng lại là những cảnh lao động thông thường chung chung mà người ta thường bắt gặp bất kỳ ở hậu phương hay tiền tuyến, trong công tác phá hoại hay kiến thiết. Các đặc trưng của tình cảm phá đường vẫn chưa lột tả.

Cách đây không lâu tôi nhớ có đọc một bài của người

anh em miêu tả cảnh đắp đường. Nội dung bố cục cũng giống na ná như bài *Phá đường*. Tuy cách nói có khác nhau, nhưng ý tình cũng vẫn là "nhà em con bế con bồng, em cũng theo chồng đi đắp đường quan", cũng "hì hà, hì hục, lục cục, lào cào", cũng thi đua phấn khởi - "Anh tài thì em cũng tài. Đường dài ta lấp sức giai ngại gì".

Tôi bỗng tự hỏi thế thì tình cảm của con người phá đường trong kháng chiến và đắp đường trong hoà bình khác nhau ở chỗ nào? Câu hỏi ấy, tác giả bài *Phá đường* trong một vài câu đơn sơ thêm vào đoạn cuối:

Thằng Tây mày cứ vẩn vơ
Có hố này chờ chôn sống mày đây...
Nhanh tay ta cuốc chôn thây quân thù

chưa giải đáp được thoả đáng.

Dĩ nhiên trong hai việc ấy, trông bên ngoài đều có những hiện tượng, những động tác giống nhau. Lưỡi cuốc phá đường chặn giặc và lưỡi cuốc đào mương khai nước cũng là một lưỡi cuốc. Nhưng trong mỗi việc có những ý tình khác nhau, những tâm tư khác nhau. Tuy trong hai việc đều dạt dào một niềm phấn khởi cách mạng, nhưng mức độ tình cảm khác nhau, khía cạnh tình cảm khác nhau, cái đặc tính của tình cảm và lý trí ở mỗi việc khác nhau.

Bạn đọc mong đợi ở bài thơ nói lên không những chỉ ở cái không khí phấn khởi của lao động mà cả cái tâm sự kín đáo, những tình cảm sâu sắc của con người nông dân kháng chiến phá đường. Tiếng nói thầm kín của lòng người dân phá đường, tác giả không đả động đến.

Tình cảm phá đường là tình cảm tiêu biểu trong một giai đoạn kháng chiến. Người nông dân kháng chiến tự tay mình phải huỷ hoại con đường của mình, của đất nước yêu dấu của

mình để chặn đường giặc tiến không phải không thấy lòng đau xót. Và chính cái niềm đau xót lành mạnh ấy đã khơi bừng thêm ngọn lửa căm thù để biến thành hành động. Cái ý chí diệt thù người dân phá đường đem trút trên từng nhát cuốc, đường gân. Có thế, cái khía tích cực của tình cảm phá đường mới khơi động được sâu sắc.

Cái khía tích cực của tình cảm ấy, cái đau xót chân thành ấy, tôi tưởng đã lột tả được trong mấy câu mở đầu của một bài ca dao kháng chiến ở Liên khu 5:

Lấy búa mà bửa chân trời
Lấy dao mà chặt lìa đôi nhịp cầu
Thà rằng cách trở sông sâu...

Con đường ấy, cái cầu ấy thường ngày đã in bao dấu vết của cuộc sống thân yêu, thế mà bây giờ phải lấy dao mà chặt lìa đôi nhịp cầu. Và thà rằng đó đây có cách trở sông sâu đi nữa còn hơn là để cho giặc có cầu giặc qua.

Một câu thơ phá đường khác của một du kích Nam Bộ nói lên tình cảm ấy một cách gọn ghẽ, trọn vẹn và tài tình hơn:

Con đường số bảy của tau
Nó đi theo giặc tau đào nó đây

Con đường đó trước kia là con đường của tau, một khúc ruột của đất nước tau. Nhưng giặc đã dùng được nó, "nó đã đi theo giặc" nên tau phải đào nó đây. Thấm thía xót xa nhưng cũng quyết liệt, mạnh mẽ xiết bao. Tay đào con đường mà lòng tưởng như phải giết chết một người thân yêu phản bội đi theo giặc.

Có thế mới phản ánh đúng được cuộc sống sinh động muôn vẻ muôn màu, có thế mới gợi lên được những tình cảm vĩ đại kết tinh từ trong máu lửa, nước mắt, mồ hôi, rèn luyện qua bao nhiêu thử thách trong cuộc kháng chiến

trường kỳ và anh dũng.

Cái niềm đau xót ấy đôi lúc tác giả cũng cảm thấy thấm thía khi đi "giữa thành phố trụi". Nhưng cái đau xót ấy chưa thật bắt nguồn trong cuộc sống, chưa bước thẳng chân vào cảnh, vào tình nên kém phần sâu sắc. Xúc cảm của tác giả chưa đến mức độ để biến thành những giòng thơ rung động của lòng người. Vì thế khi tác giả chuyển qua ca ngợi cảnh tiêu thổ thì câu thơ trở nên gượng gạo, thiếu hồn nhiên:

A! Các anh chiến luỹ!
Sắt gỗ giăng thành
Cả các anh
Những di lăng, sấu, gạo
Không liếc lá cành xanh
Vật ngang đường cản giặc

Tôi tin rằng một người thị dân khi tự tay mình phá từng mảnh tường, nạy từng viên gạch, xô bẹp mái nhà thân yêu, nơi đọng bóng cả một cuộc đời từ thuở ấu thơ qua thời niên thiếu để trọn đường với kháng chiến, với dân tộc, tôi tưởng khi nhìn lại miếng đất hoang tàn giữa thành phố trụi, tình cảm của họ chắc sẽ cụ thể và thấm thía hơn nhiều. Và chắc không dễ dàng gì trong chốc giây họ có thể bình thản:

Gõ gót vui nghe tiếng hát
Của mỗi hòn gạch nát mỗi cành khô.

Tình cảm của thi sĩ trong *Giữa thành phố trụi* đã xuất phát từ khái niệm nhiều hơn là từ thực tế của cuộc sống.

Trong hầu hết các bài thơ đầu kháng chiến của Tố Hữu, một hình ảnh nổi bật lên: hình ảnh anh bộ đội chiến đấu. Tác giả đã dành riêng cho anh bộ đội một góc thơ, một góc lòng, ấm cúng và thân yêu nhất của mình.

Trang thơ mở đầu cũng là mở đầu cuộc gặp gỡ giữa nhà thơ và anh bộ đội, cuộc gặp gỡ bất ngờ mà tưởng chừng như một cuộc hò hẹn có tiền duyên của đôi lứa nhân tình. Mới "một thoáng lặng nhìn nhau", hai tâm hồn đã "âm thầm thương mến". Nhìn:

Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ

Thi sĩ nói lên một cách hồn nhiên tiếng nói của lòng mình:

Anh vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!

Câu nói ấy chúng ta rất đồng tình. Mà chúng ta cũng đã đồng tình ngay trước lúc thi sĩ chưa nói. Hình ảnh của người vệ quốc thân yêu quả đã in bóng trong tấm lòng của người dân từ những ngày đầu kháng chiến. Tình mến thương ấy, người đọc muốn thi sĩ nâng cao lên và khắc sâu mãi trong lòng mình. Hình ảnh ấy, người đọc muốn được tô bằng những nét đậm hơn, sâu hơn, cụ thể hơn. Những câu thơ:

Anh kể chuyện tôi nghe,
Trận chợ Đồn chợ Rã
Ta đánh giặc chạy re
Hai đứa cười ha hả.
Mồm anh nở rất tươi
Mặt anh vàng thắm lại
Cánh đồng quê tháng mười
Thơm nức mùa gặt hái

mới tả cái dáng dấp bên ngoài của anh bộ đội. Sự thông cảm của tác giả mới ở trên cảm giác.

Chúng ta muốn biết cái tâm hồn đẹp đẽ, cái phẩm chất cao quý của người chiến sĩ giết giặc để xây dựng cho tình mến thương nồng nàn của ta một cơ sở vững bền. Chúng ta

muốn có những giòng thơ đi sâu vào những góc sâu kín nhất của tâm tư, làm lòng chúng ta rung lên khi thầm nhắc đến tên anh bộ đội.

Nhưng mỗi phút giây gặp nhau, chưa dễ đi sâu vào tình cảm, tác giả còn phải đi sát và đi sâu vào cuộc sống hơn nữa. Mang theo tấm nhiệt tình ấy, tác giả vác ba lô, tay dao, tay súng, đạp rừng gai đá sắc, lội suối trèo đèo, lên Tây Bắc, sát cánh cùng người chiến sĩ trực tiếp chiến đấu ở mặt trận. Nhưng bài *Lên Tây Bắc* đã làm ta hơi thất vọng. Thi sĩ còn xa cách người chiến sĩ. Tác giả còn đang đi tìm anh bộ đội:

Anh đi tìm giặc, tôi tìm anh
Người lính trường chinh áo mỏng manh.

Hình ảnh anh bộ đội, thi sĩ thấy rất đẹp:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài trên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới,
Lá nguỵ trang reo với gió đèo.

Nhưng đó là cái đẹp bên ngoài "bóng dài trên đỉnh dốc, trong ánh nắng chiều".

Và qua bao ngày lặn lội, thông cảm nỗi gian khổ của người bộ đội, tác giả viết:

Lại những ngày đi vắt với sương
Ngô bung xôi nhạt nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua rét nhức xương

Trước cái "vô cùng gian khổ", cái gian khổ cao độ và trường kỳ của người lính chiến, mấy câu thơ trên quả đã bàng quan và bất lực. Thi sĩ không nói được cái mình muốn nói, không gợi được một trong trăm nghìn phần cái thực tế gian khổ và sức chịu đựng phi thường của người chiến sĩ trên

chiến trường rừng núi.

Và ở đây, tôi cũng lấy làm lạ tại sao tác giả đã cùng chiến sĩ đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi trong hành quân, lúc chiến đấu, đã từng vắt cơm thấm nước, tàu lá lót lưng, mà không hề đả động đến mối tình đồng đội ruột thịt ấy. Tôi tưởng đó là tình cảm mới nhất, tình cảm của những người chiến đấu sống chết có nhau, từng chia nhau củ sắn trên đồi chè, múi bưởi trong rừng cọ, một mảnh chăn đơn, một tàu lá chuối, trong giá rét, trong mưa dầm:

Đêm nay gió rét lạnh lùng
Cắt tầu lá chuối lót lưng đỡ đầu
Anh ơi! Ôm lấy lưng tôi
Chúng ta đùi cặp lấy đùi cho nhau.

(Thơ chiến sĩ)

Cái tình keo sơn gắn bó, máu chảy ruột mềm; cái tình đoàn kết tương trợ cao quý thiêng liêng ấy, tôi tưởng thắm thiết hơn cả tình đào viên kết nghĩa, đạo nghĩa vợ chồng. Tôi nghĩ đến anh Phấn lấy thân bắc cầu cho đồng đội bước qua. Tôi nghĩ đến anh Hàn miệng cổ cháy khô vẫn nhịn chút nước cho đồng chí bị thương rồi bỏ đi liếm từng giọt sương trên cỏ lá. Tôi nghĩ đến câu nói "Đào cho nó thêm vài xuống, liệm thêm cho nó cái màn để cho nó mồ yên mả đẹp". Nằm trong tình giai cấp rộng lớn, được chủ nghĩa soi đường, cái tình ấy trở nên sáng suốt lạ thường đến đỗi khi thấy một đồng đội đào ngũ đã nói lên:

Chém cha cái bọn giặc Tây
Cái mùi tôi tớ đến nay vẫn còn

(Thơ chiến sĩ)

Nói đến con người bộ đội chiến đấu mà không nói đến tình cảm ấy, tôi tưởng đó là một thiếu sót.

Và 4 câu thơ tỏ tình của chiến sĩ:

Ai biết trưa nay giữa bụi bờ
Anh nằm sưởi nắng mắt lơ mơ
Tôi ngồi không ngủ nghe anh thở
Khe khẽ lòng ngâm lên tiếng thơ

vẫn còn rất xa lạ với tâm tình người chiến sĩ.

Nhưng một khi Tố Hữu đi sâu vào tình cảm của người "nông dân mặc áo lính", đi sâu vào cái nguồn tiếp tế tinh thần dồi dào vô tận của người chiến sĩ, cái tình gửi về hậu phương, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mái thôn nếp rạ, vách đất bờ tre, ở đấy có người mẹ già tóc bạc hoa râm, thì câu thơ trở nên thắm thiết, ấm cùng lạ lùng.

Không phải thơ Tố Hữu nữa, mà là nỗi lòng nhớ thương của người chiến sĩ đang thánh thót:

Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu

Trên con đường chiến đấu gay go, ác liệt, mỗi khi nhớ đến bầm, đến cả cuộc đời đầy nước mắt, mồ hôi, còng lưng dưới ách đế quốc, địa chủ cường hào, thắt lưng buộc bụng nuôi con, thì bao nhiêu gian lao khổ ải trước mặt như chưa thấm vào đâu:

Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi

Nhưng con là con đẻ của nhân dân lao động, nên tuy xa bầm, mà lòng con vẫn được ấp ủ trong tình thương của bao nhiêu bầm:

Con đi mỗi bước gian lao
Xa bầm nhưng lại có bao nhiêu bầm

Chỉ hai câu thơ thôi thi sĩ đã truyền vào lòng mọi người chiến sĩ cả một nguồn an ủi, khuyến khích, mến thương sâu rộng.

Và ở nơi đồng ruộng xa xôi, đêm đêm lòng bầm cũng theo con từng bước:

Đêm nay bộ đội rừng khe
Mưa ướt dầm dề gió buốt chân tay
Nó đi đánh giặc đêm nay
Bước run bước ngã bước lầy bước trơn

Ta tưởng như lòng thương của người mẹ đang hướng theo bóng trăng buồn trong hơi gió, theo từng "bước run bước ngã bước lầy bước trơn" của người con đêm nay đi đánh giặc ở phương xa.

Và nỗi vui mừng của nhân dân khi bộ đội về bản đã dệt nên những câu thơ tươi đẹp và không kém phần thắm thiết:

Anh về cối lại vang lừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

Và hiện nay trong hoàn cảnh hoà bình trở lại, tư tưởng hoà bình đang biến diễn phức tạp, tôi tưởng những câu sau đây:

Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi:

"Mẹ ơi! đừng khóc
Nước độc lập rồi!"
Tôi bảo con tôi:
"Mày đi tao nhớ
Tuổi đã lớn rồi
Liệu mà cưới vợ"
Nó chỉ cười khì:
"Vợ con gì gấp
Con còn phải đi
Giữ gìn độc lập"

còn có nhiều tác dụng góp vào việc nâng cao ý chí chiến đấu không ngừng, không mỏi của người chiến sĩ, quân nhân cách mạng.

Nhưng một khi nhà thơ không đi sâu vào tâm hồn mà trở lại làm người khách của bộ đội để "chúc anh em pháo binh bắn thẳng vào đồn cho đúng", để "anh đại bác, tôi chờ anh để hát" thì giòng thơ lại trở nên dửng dưng, thiếu sinh khí.

Phút công đồn là phút quyết liệt nhất trong cuộc đời người lính chiến đấu. Cái nhiệm vụ cao nhất của người chiến sĩ đã sắp đến tay rồi. Nhân dân nuôi cơm nghìn bữa để hôm nay đánh giặc một giờ. Bao hồi hộp lo âu, tin tưởng, phấn khởi và quyết tâm cùng đổ dồn trong một lúc. Những tình cảm ấy tác giả chưa thông cảm.

Đọc xong bài *Bắn*, chúng ta thấy không gợi được một cảm giác gì, không để lại một ấn tượng gì dù là không sâu sắc. Con mắt nhìn đồn địch trên khoảnh đồi đỏ "ngon như một miếng thịt bò tươi" thì thật là xa lạ với chiến sĩ. Vả lại người nông dân mặc áo lính cũng ít khi được thấy đĩa thịt bò tươi. Không kể đoạn giữa bài thơ mô tả một cách tự nhiên và

thô sơ cảnh trông đợi khai hoá và cảnh chào cờ trong đồn địch, ngay đoạn tác giả gợi căm thù cũng rất chung chung đại khái, không sôi sục được lòng người đọc:

Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta, bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quẳng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang

Có thể nói tác giả đã nói đúng và đủ. Nhưng chất thơ không phải ở chỗ đúng và đủ. Đặc tính của thơ là nói ít mà gợi nhiều, nói hiện tại mà ấp ủ tương lai. Có thể nói tác giả đã tổng kết các việc trên tài liệu chứ chưa kinh qua thực tế của cuộc sống để tổng kết chất thơ. Sự sống có thiên hình vạn trạng. Mọi người dân kháng chiến ít hay nhiều đều mang trong lòng một mối căm thù với quân giặc cướp nước, dằng dặc có, nhức nhối có, sâu sắc có. Trong muôn nghìn sự việc ấy, trong muôn nghìn khía cạnh của tình cảm ấy, nhà thơ sẽ chọn cái nào điển hình nhất, xúc cảm nhất. Trong trăm nghìn sợi tơ ấy, nhà thơ sẽ chọn cung bậc nào để khi gõ vào như một ngọn đũa thần gợi lên cả một bầu trời tình cảm. Tiếng thơ đã dứt mà âm hưởng còn ngân nga quyện vào từng nếp nhỏ trong tâm hồn. Vì thế nhà thơ xúc cảm mãnh liệt với đề tài chưa đủ, tuy đó là điều kiện căn bản để làm thơ, mà việc chính là làm cho những đề tài ấy xúc động mãnh liệt vào lòng người đọc.

Cũng vì vậy những câu thơ miêu tả những chiến công lịch sử ở Điện Biên tuy đôi đoạn hơi thơ có vẻ mạnh, khí thơ có vẻ hùng nhưng người đọc, nhất là những đồng chí đã dự mặt trận Điện Biên, thấy chưa thoả mãn và còn thấy là giả tạo. Những câu thơ ấy mới nói chung quanh khái quát, còn thiếu

những tính chất cụ thể điển hình để nâng cao hiệu lực gợi cảm lên nữa. Thi sĩ mới tổng kết những việc xảy ra thành vần thành thơ, chứ chưa thật tổng kết chất thơ của sự việc.

Thiếu tính chất cụ thể, thiếu chi tiết sống điển hình, thơ sẽ mất nhiều hiệu năng gợi cảm. Mà những tính chất cụ thể ấy, những chi tiết điển hình ấy chỉ có thể có trong sự sống. Tôi nghĩ rằng thơ cũng phải kinh qua giai đoạn sống, thu thập "tất cả cái văn học, nghệ thuật dưới hình thái tự nhiên", thì thơ mới biểu hiện được cuộc sống một cách sâu sắc và trọn vẹn. Cái nhược điểm trên đây đã làm một số bài thơ trong tập *Việt Bắc* ít rung cảm được người đọc và làm yếu tác dụng hiện thực đi nhiều.

Tập thơ *Việt Bắc* nói đến những tình cảm lớn của thời đại. Nhưng nó đã kết tinh trọn vẹn được tình cảm của thời đại chưa? Nó đã nói được tiếng nói tiêu biểu của thời đại chưa? - Nó là vấn đề thứ hai tôi đề ra để chúng ta cùng nghiên cứu.

Trước khi đi vào vấn đề, chúng ta hãy thử nhìn lại thời đại chúng ta đang sống. Thời đại đó như thế nào? Nó có những đặc điểm gì?

Rõ ràng thời đại chúng ta là thời đại quần chúng đang chuyển biến, mạnh mẽ và dồn dập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cả một dân tộc muôn người như một, bừng bừng sát khí, nhất trí đứng dậy bảo vệ quê hương, bảo vệ đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hàng triệu nông dân lao động vùng lên thét căm thù vào mặt địa chủ cường hào. Bước đi rầm rập tưởng như chuyển đất rung trời, xô non lấp biển.

Thời đại chúng ta cũng lại là thời đại có nhiều mất mát chia ly và đau xót.

Với những điểm trên, chúng ta có thể nói thời đại chúng ta là thời đại yêu nước nồng nàn, căm thù sôi sục, tin tưởng

sâu sắc, chiến đấu quyết liệt. Tiếng nói bao trùm cả thời đại là tiếng nói giận dữ, căm hờn, thúc giục chiến đấu của một dân tộc bị áp bức bóc lột đang vươn mình dậy. Cơn "giận dữ lôi đình" chính đáng ấy là đặc điểm của thời đại chúng ta đang sống.

Tôi tưởng một thi phẩm phản ánh được thời đại phải trào lên những dòng thơ hừng hực chiến đấu, đỏ rực căm thù, có mãnh lực động viên, kích thích hàng triệu người ra mặt trận đấu tranh.

Đọc xong tập thơ *Việt Bắc*, chúng ta gấp sách lại. - Hình ảnh để lại trong lòng ta là những hình ảnh đẹp ý nhị, nhẹ nhàng. Khía rung động sâu sắc nhất là khía mến thương thắm thiết tâm tình. Phần lớn các câu thơ đều có dáng điệu hiền lành, dìu dịu. Chúng ta bỗng thấy thơ Tố Hữu còn thiếu một chất gì để thoả đáp những tình cảm mạnh mẽ đang sôi sục trong lòng chúng ta. Và tôi nghĩ rằng cái chất thiếu ấy là "tiếng nói lôi đình" của thời đại. Thơ Tố Hữu chưa toát lên được cái hơi thở dồn dập, sôi nổi, nóng rực của thời đại. Thơ Tố Hữu còn thiếu một tiếng thét căm hờn, một tiếng kèn xung trận, một tiếng gọi lên đường thúc giục hành động, thúc giục đấu tranh.

Đối chiếu với cuộc sống mãnh liệt đi băng băng như con ngựa phi, cuồn cuộn như dòng thác đổ, thơ Tố Hữu còn bước những bước đi thong thả, dòng thơ còn trôi chẩy lững lờ. Đôi lúc cũng có xông xáo(*) nhưng đó chỉ là những gợn sóng nhỏ vỗ bờ.

Có một điều tôi tưởng cần phân biệt là không phải trong thơ Tố Hữu không nói đến căm thù, chiến đấu, nhưng nói trong thơ là một việc, còn thơ tự nó nói lại là một việc khác.

(*) Có lẽ là "sóng xao" thì cả câu mới hợp lý (bản gốc xếp chữ sai?).

Bài thơ *Việt Bắc* là một trong những bài thơ thắm thiết nhất của Tố Hữu.

Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn.

Cái tình thương người mến cảnh nồng nàn ấy sẽ biến thành một tiếng hát trong ngân, "tiếng hát ân tình chung thuỷ". Cả một đoạn thơ dài:

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy...
Nhớ ai tiếng mõ rừng chiều
Chầy đêm nện cối đều đều suối xa...
Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng...

Ta tưởng như nghe tiếng nói thầm nặng(*) rì rào của đất nước thân yêu từ nghìn xưa vọng lại.

Nhưng khi Tố Hữu nói đến cái Việt Bắc oai hùng, cái đất thần thánh, thiêng liêng của cách mạng thì hơi thơ đuối, khí thơ đoản, cái nhiệt tình nồng cháy trên kia tưởng như giảm sút đi. Những câu:

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung

(*) Phải chăng là "thầm lặng"? (bản gốc xếp chữ sai?).

Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc những đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay

Và những đoạn như:

Ai về ai có nhớ không
Ta về ta nhớ Phủ Thông đèo Giàng
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao-Lạng, nhớ sang Nhị Hà

chưa dựng được trong lòng ta cái Việt Bắc tôn kính, khởi điểm của cách mạng, chủ não của kháng chiến, miếng đất lịch sử đã ghi những chiến thắng lịch sử quyết định bước chuyển biến cả một giai đoạn chiến tranh.

Những điểm cần chú ý trong bài thơ *Việt Bắc* là cách đặt vấn đề, cách nhìn cái khía tình cảm của tác giả. Cái việc từ Việt Bắc tiến về thủ đô là một sự kiện lịch sử lớn lao, đánh dấu một bước thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Đó là ngày mong đợi thiết tha nhất của mỗi tấm lòng, trong đó có cả tấm lòng Việt Bắc. Việt Bắc anh dũng, oai hùng cũng để cho thủ đô có ngày giải phóng. Thủ đô lộng lẫy đẹp tươi càng làm cho Việt Bắc thêm dũng, oai hùng. Việt Bắc - thủ đô không mâu thuẫn mà thống nhất khăng khít trong trưởng thành chung của dân tộc. Tôi tưởng người Việt Bắc không phải chỉ vì chút tình riêng tây mà quên cái vui tưng bừng chiến thắng, không vì cái uỷ mị tình cảm nhất thời mà quyến luyến phân ly "bước đi một bước, giây giây lại dừng" "mình về mình có nhớ ta".

Tôi quan niệm cái việc tiến về thủ đô là cả một khí thế xuất sơn tiến về đồng bằng, cái khí thế "Nam hạ" mạnh mẽ bừng bừng không sức gì cản nổi. Những câu thơ:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son...
Nước trôi nước có về nguồn
Mây đi mây có cùng non trở về...
Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng
Mình đi ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc tưng bừng thêm vui.

đã không gợi đến cái khí thế bừng bừng ấy mà làm ta thêm ái ngại với cảnh heo hút đìu hiu của Việt Bắc sau lúc cơ quan rút về xuôi. Khác với câu thơ lục bát trong sáng hồn nhiên trong bài *Bầm ơi*!, câu thơ trong bài *Việt Bắc* uốn éo với một lời duyên dáng nửa mới nửa cũ đến khó chịu.

Và khi về thủ đô, những câu thơ sau đây trong bài *Lại về*

Hà Nội ta không khuất
Hoả Lò thêm Nhà Tiền
Những đứa con vào chật
Hà Nội ơi vùng lên!
Giành lại bao năm tháng
Giành lại mọi người con
Từng ngọn đèn tươi sáng
Từng giọt nước lành ngon!

chưa lột được sức đấu tranh sôi sục trong lòng thủ đô, sức chịu đựng dũng cảm của người Hà Nội, tinh thần quật khởi của người thợ Hà Nội, những người còn ưu tú tuy xa Bác, xa

Trung ương, nằm trong nanh vuốt của giặc vẫn không hề lỏng tay chiến đấu một phút, một giây. Nói chung cái khía tích cực của tình cảm mới, Tố Hữu chưa khơi động hết.

Thời đại chúng ta không chỉ là "thời đại giận dữ" mà còn là một thời đại có nhiều đau xót. Bọn giặc cướp nước thú dữ không còn một chút nhân tính đã chà đạp lên tất cả cái gì thân yêu, cao quý nhất của con người. Bao tang tóc, chia ly và tan vỡ. Bao giọt nước mắt thân yêu, căm thù và phẫn nộ, lúc kín đáo âm thầm, lúc lộ liễu, lúc ráo hoảnh.

Những giọt những mắt ấy, tác giả không phải không thông cảm, nhưng tác giả không nói mà phải nói qua những giọt nước mắt của A-liêu-sa, người con gái vùng Smô-len.

Tôi nghĩ rằng thơ thời đại phải dựng được cái quá trình sinh thành của những tình cảm mới. Có yêu mến thắm thiết mới có đau xót chân thành. Có đau xót chân thành mới có căm thù sâu sắc. Có căm thù sâu sắc mới có chiến đấu năng nổ. Và qua chiến đấu, tình cảm con người được nâng cao mãi lên và rộng lớn mãi lên. Từ chỗ mến yêu mảnh vườn, thửa ruộng đến tình yêu đất nước, Tổ quốc, từ chỗ căm thù riêng tây, đến căm thù giai cấp, căm thù dân tộc. Sự sâu sắc và lớn mạnh của những tình cảm ấy là bản chất của những tình cảm mới của thời đại, của chủ nghĩa anh hùng mới cần thể hiện trong văn thơ. Điểm này thơ Tố Hữu chưa tiêu biểu một cách đầy đủ được thời đại.

Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ so sánh trong thời kỳ trước với Tố Hữu trong thời kỳ này. Trong thời kỳ trước cách mạng, với nhu cầu cụ thể của nó, thơ Tố Hữu là lá cờ tiên phong hướng dẫn đấu tranh. Tố Hữu với thời đại kháng chiến và bây giờ, một thời đại có nhiều đòi hỏi lớn lao gấp bội, thơ Tố Hữu quả chưa làm trọn được nhiệm vụ tiên phong chiến đấu như thời

kỳ trước. Nếu đem so sánh đối chiếu với mỗi thời đại, cái tỷ lệ tương xứng ấy cho ta thấy Tố Hữu ngày nay bé hơn Tố Hữu trước kia. Bởi vì Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hừng hực chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc. Bé vì chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo và công thức.

Bàn về thơ Tố Hữu là một vấn đề lớn, có nhiều mặt. Trong một bài báo ngắn không nói hết được ưu điểm cũng như khuyết điểm. Tôi chỉ đề cập một vấn đề chính là chủ nghĩa hiện thực trong thơ Tố Hữu qua một số bài thơ trong toàn bộ tập thơ *Việt Bắc*. Mấy ý kiến ấy, tôi mạnh dạn trình bày, mong các bạn tham gia thảo luận.

Hà Nội, 28-2-1955

HOÀNG YẾN

TÌNH YÊU TRONG TẬP THƠ *"VIỆT BẮC"*

MINH TRANH

*L.T.S. - Chúng tôi mời bạn đọc và các bạn văn nghệ tham gia phát biểu về bài của Hoàng Yến nói riêng "*Tập thơ Việt Bắc có hiện thực không?*" (đăng kỳ trước) và về thơ Tố Hữu nói chung, để cùng nhau thảo luận, tìm tòi, học tập, giúp nhau giải quyết một số vấn đề văn nghệ*

Kỳ này, chúng tôi đăng một bài của Minh Tranh(*).

Nhân dân ta rất giàu tình cảm. Tất nhiên tình cảm ấy là tình cảm cách mạng, đẫm một lòng yêu tha thiết với tất cả những cái gì gắn với tổ quốc, với tiến bộ, với cách mạng. Tình cảm của nhân dân ta không thiếu, nó man mác, lẻ tẻ, nó tràn ra, lắng xuống, trào lên rồi lại lắng xuống trong nhiều thơ ca phong phú tám, chín năm qua. Nhưng ghi được những cái tình cảm phong phú ấy, tả ra được cho đúng, không phải bất cứ thi sĩ nào cũng làm được. Phải là một thi sĩ hiểu lòng ta nhiều lắm, gần với lòng chúng ta nhiều lắm. Tố Hữu chính là nhà thơ ấy. Tập thơ *Việt Bắc* đã nói lên hộ chúng ta những

(*) Đây là lời toà soạn báo *Văn nghệ*.

cái gì chúng ta vẫn cảm vẫn rung động, nói lên lòng yêu, lòng căm hờn, lòng tin tưởng của nhân dân ta.

*

Một số anh em chúng tôi không sành thơ hỏi nhau khi mỗi người đọc xong *Việt Bắc*: "Anh thấy cái gì trong thơ Tố Hữu?". Chúng tôi đồng thanh: "Lòng yêu man mác, sâu xa, đằm thắm, và trước hết là lòng yêu Tổ quốc". Tổ quốc chúng ta không phải là trừu tượng. Nó là cảnh, là người, nó đẹp vô cùng. Nó là *Lưng đèo Nhe, bóng tre mát rượi*; nó là *cánh đồng quê tháng mười, thơm nức mùa gặt hái*. Nó là:

Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyến phà rào rạt bến nước Bình Ca

Tổ quốc của chúng ta là Phú Thọ, Tuy Hoà, khu Ba, khu Bốn, là thủ đô Hà Nội, là Nam Bộ, Tiền Giang và Hậu Giang, là Đồng Tháp Mười:

Việt Bắc miền Nam, mồ ma giặc Pháp

Là: *Nam Ngãi, Bình Phú, Khánh Hoà, Phan Rang, Phan Thiết, Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc*, là *Khu Năm dằng dặc khúc ruột miền Trung.*

Nhưng tổ quốc chúng ta không phải chỉ là không gian có núi cao, sông dài, có những chí lớn như biển Đông trước mặt, tổ quốc chúng ta còn lâu dài với thời gian nữa. Nó là hàng thế kỷ, là mỗi giờ, mỗi phút, mỗi giây. Tố Hữu nói với chúng ta:

Của ta, trời đất, đêm ngày
Núi kia, đồi nọ, sông này của ta.

Tiếng *của* của Tố Hữu ở đây sao đáng yêu quá, vì đúng quá. Trời đất Việt Nam là *của* chúng ta; đêm và ngày ở Việt

Nam là *của* người Việt Nam, không phải là của kẻ nào khác và không thể là của những kẻ nào khác. Đọc tất cả những bài thơ Tố Hữu, chúng ta càng cảm sâu hơn lòng yêu tổ quốc, yêu núi sông của ta, yêu năm tháng đêm ngày của chúng ta. Và lòng yêu ấy càng sâu thì chúng ta càng thấy cái *ta* là to lớn mạnh mẽ. Lòng tất cả mọi người chung lại thành một khối:

Bắc Nam liền một biển
Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một Cụ Hồ
Lòng ta chung một thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam

Sung sướng thay những ai có một *lòng ta* rộng lớn mênh mông như thế.

*

Tổ quốc chúng ta là một khối hai mươi triệu người, kết tinh lại trong một vĩ nhân: Hồ Chủ tịch. Cho nên đã yêu tổ quốc không thể không yêu Hồ Chủ tịch, và yêu Hồ Chủ tịch chính là yêu tổ quốc.

Trong cơ quan chúng tôi, có một cháu nhỏ mười sáu tháng đang học nói. Tiếng đầu tiên nó thốt ra là "Pa Hồ". Hai tiếng rời nhau nhưng nó gắn lại làm một, rồi nó nín hơi, ra sức nói lên một âm thanh đáng yêu đáo để. Rồi ngón tay xinh xinh của nó chỉ lên tấm ảnh trên tường. Người lớn chúng ta không hay hỏi nhau như thế. Nhưng giá có một người nào hỏi chúng ta: "Anh yêu ai?" thì tôi tưởng hình ảnh đầu tiên đến với chúng ta không thể nào khác hơn là "Bác Hồ". Lòng chúng ta đã ghi sâu hai tiếng "Bác Hồ" rõ ràng rành rọt hơn là các em nhỏ. Vì lòng yêu Bác của chúng ta đã từ tâm khảm

biến thành lý trí. Nhưng dù đã được nâng lên lý tính, lòng yêu Bác Hồ của chúng ta vẫn không khác mấy lòng yêu của các em nhỏ. Vì Bác Hồ gần chúng ta lắm. Dù là ai đã được gặp Bác, dù là ai mới chỉ thấy Bác trong ảnh, nhưng ai cũng đều có một lòng yêu Bác như lòng yêu của thi sĩ Tố Hữu. Tố Hữu hỏi chúng ta:

Các anh chị, các em ơi, có phải
Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh
Môi ta thầm kêu Bác "Hồ Chí Minh"
Và mỗi trận, mỗi mùa vui thắng lợi
Đôi mắt Bác hiện lên cười phấn khởi
Ta lớn cao lên bay bổng diệu kỳ...

Chỉ riêng hình ảnh của Bác đã là một sức động viên vô tận rồi. Bác luôn luôn

Với cây chỉ đỏ
Chỉ đường đi từng bước từng giờ

Tố Hữu đã nói lên ý nghĩ, tâm tình của chúng ta:

Không gì vinh bằng chiến đấu dưới cờ
Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại

Đứng trước một cảnh đẹp, một con người vĩ đại, ta rung cảm, nhưng giá có ai hỏi: "Cảnh ấy thế nào? Người ấy thế nào? " thì nhiều anh chị em ta thường trả lời: "Tuyệt, hay lắm, vĩ đại lắm" hoặc "không thể tả được". Hoặc đôi khi diễn tả cái đẹp, cái vĩ đại, thì thấy làm sao ấy, diễn ra không thông. Đối với Tố Hữu, không phải như thế. Tố Hữu đã ghi lại tình cảm của mình bằng hình ảnh, bằng âm thanh mà hình ảnh, âm thanh ấy không có gì xa lạ với chúng ta, trái lại gần gũi chúng ta nhiều, khiến cho chúng ta thấy lòng Tố Hữu như lòng chúng ta vậy.

Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà.

Đây là Bác Hồ khi còn ở Việt Bắc. Đến nay Bác đã về thủ đô. Chúng ta thấy Bác, tuy không phải là chiếc áo nâu nữa, nhưng y phục của Bác, lời lẽ của Bác, cái nhìn của Bác vẫn đậm đà màu quê hương rất bền bỉ. Người của Bác là người của quê hương, tinh thần của Bác là tinh thần của Tổ quốc. Và có chung một Tổ quốc thì nhất định là:

Lòng ta chung một Cụ Hồ

Một tiêu chuẩn để đo tinh thần yêu nước, tinh thần cách mạng của mỗi người là xét xem người ấy đối với lãnh tụ của cách mạng như thế nào. Chúng ta có thể nói rằng:

- Càng yêu Tổ quốc, càng yêu Hồ Chủ tịch.

*

Đã yêu Bác Hồ, yêu Tổ quốc thì không thể nào không yêu anh bộ đội. Anh bộ đội của chúng ta là những người bạn hiền lành *Người lính trường chinh áo mỏng manh*, những ngày đi của anh là những ngày *vắt với sương*,

Ngô bung xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua rét nhức xương

Nhưng khi anh bộ đội về thì:

Cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

Bác Hồ, anh bộ đội, đó là những hình ảnh luôn luôn xuất hiện trong những bài thơ của Tố Hữu có khi nổi hẳn

lên, có khi thấp thoáng. Và bóng của Bác, bóng của anh bộ đội không bao giờ hút cả. Trong bài *Cá nước, Voi, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* chúng ta thấy anh bộ đội trước mặt chúng ta; trong bài *Bầm ơi, Bà mẹ Việt Bắc*, Tố Hữu hướng ta theo dõi bóng anh bộ đội. Thi sĩ Tố Hữu cũng như chúng ta, hiểu cuộc đời anh bộ đội lắm, qua mấy câu thơ:

Xa xôi đầu xóm tre xanh
Có bà ru cháu nằm khoanh lòng già
Cháu ơi cháu lớn với bà
Bố mày đi đánh giặc xa chưa về

Cám ơn thi sĩ đã nói hộ tất cả những mối tình của chúng ta đối với những

Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không sờn
Những đồng chí thân chôn làm giá súng
Đầu bịt lỗ châu mai
Băng mình qua núi thép gai
Ào ào vũ bão
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm
Những bàn tay xẻ núi, lăn bom
Nhất định mở đường cho xe ta lên chiến trường tiếp viện.

*

Trong những tình yêu thắm thiết trên đây, đã chất chứa sẵn một mối căm thù sâu sắc đối với những kẻ muốn chà đạp lên nhân dân Việt Nam không bao giờ chịu khuất phục. Người Việt Nam không thể nào khoanh tay đứng nhìn những kẻ gây ra cảnh *xác nằm ngổn ngang, phố đổ nhà hoang vắng*, những kẻ đã làm cho Thủ đô chúng ta *cay đắng tám năm ròng, năm cửa ô rào thép*. Nhân dân ta căm thù bọn chúng rất sâu sắc. Cho đến tất cả những cái gì có trên đất Việt Nam cũng căm thù. Chiến luỹ, sắt gỗ giăng thành...

Di lăng, sấu gạo,
Không tiếc lá cành xanh
Vất ngang đường cản giặc
Các anh nữa, những giòng chữ sắc
Thân cây tảng đá góc phòng
" - Phá tan tấn công mùa Đông của Pháp"
Bằng than, bằng gạch, bằng sơn
Nét muôn tay hằn vạn đại căm hờn

Căm hờn ấy càng ngày càng lớn lên. Từ Bông Lau, Ỷ La, sông Lô năm 1947, ta tiến tới Điện Biên Phủ năm 1954:

Nghe trưa nay, tháng 5 mồng 7
Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!
Trông, bốn mặt, luỹ hầm sập đổ
Tướng quân bay lố nhố cờ hàng
Trông chúng ta cờ đỏ sao vàng
Rực trời đất Điện Biên toàn thắng.

Không có một thác lửa căm hờn kẻ thù của Tổ quốc thì nói làm sao được đến lòng yêu Tổ quốc. Lòng yêu và lòng căm hờn đã khiến cho "*anh cuốc, em cuốc, đá lở đất nhào*"

để phá đường chặn giặc, biến những con đường thành những nơi cảnh cáo giặc: "*Thằng Tây mà cứ vẩn vơ, có hố này chờ chôn xác mày đây*". Và cũng chính lòng yêu và lòng căm hờn ấy đã khiến cho bà mẹ của anh bộ đội nói với con: "*Mày đi, mày lo cho khoẻ, đừng nghĩ lo gì, ở nhà có mẹ...*"(*)

*

Lòng yêu và lòng căm thù dính liền với lòng tin tưởng tất thắng.

Lòng tin của nhân dân ta từ khi có Hồ Chủ tịch, có Đảng mỗi ngày càng vững mạnh, càng không có gì lay chuyển nổi. Ngày đầu kháng chiến, bà mẹ của anh bộ đội bảo con đi, nhìn theo con, trong lòng đã nhìn thấy ngày "*nó về thắng trận*". Những thành phố trụi của Tố Hữu cũng hát ca:

Mùa đông dài lạnh sẽ qua
Phố ta lại dựng, nhà ta lại về
Bàn tay đã nắm lời thề
Ra đi quyết phá, ngày về sẽ xây
Từ trong đổ nát hôm nay
Ngày mai đã đến từng giây từng giờ.

Anh bộ đội nâng niu khẩu đại bác, dặn dò: "*Voi hăng voi nhé, trận này lập công!*". Anh chị dân công khi đưa cuốc lên đã thách nhau "*nhanh tay ta cuốc chôn thây quân thù*". Người chiến sĩ đi ra trận dặn bà mẹ "*nhớ con bầm cũng đừng buồn, giặc tan con lại về luôn với bầm*". Lòng tin tưởng ấy từ đầu 1947 đã làm cho người chiến sĩ luôn luôn đi tới và làm cho cuối 1954:

(*) Lưu ý: các câu thơ dẫn chứng có khác biệt ít nhiều so với nguyên bản tập thơ.

Làng ta giặc chạy rồi!
Tre làng ta lại mọc
Chuối làng ta xanh chồi
Trâu ta ra bãi ra đồi
Đồng ta lại hát hơn mười năm xưa...

Người, vật, cảnh, và tình trong thơ Tố Hữu đều đầy rẫy cái lạc quan cách mạng.(*)

*

Thơ Tố Hữu gần chúng ta, dễ cảm chúng ta, không những vì tình cảm của thi sĩ là tình cảm của chúng ta, mà còn vì thi sĩ đã nói lên những lời quen thuộc với chúng ta nhiều lắm. Chúng ta hãy đọc:

Ai về ai có nhớ không
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch Thu Đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường...

Và suốt cả những câu kế tiếp trong bài *Việt Bắc* hình như là những lời ca dao thân thuộc với ta, hình như là những câu Kiều lẩy, và có lẽ một đoạn nào đó trong *Lục Vân Tiên*? Nó là tất cả những phong vị dân tộc ấy trộn lại, toát ra và được nâng lên thành những cái gì mới mẻ mà trong đó ta vẫn thấy tiếp nối bao nhiêu cái cũ của ngàn xưa.

Hay là đây nữa:

(*) Lưu ý: cách diễn đạt này ("đầy rẫy") của tác giả có thể gây phản cảm ở thời kỳ sau; chỗ này sưu tập giữ nguyên là do tính chất tư liệu (B.T.).

Voi là voi ơi
Voi là voi quý
Voi nằm voi nghỉ
Voi nghỉ voi chơi
Voi là voi ơi
Voi ta đầu thép
Voi cong chân đẹp
Voi nghểnh voi cười

Đọc bài này ai không nhớ lại bài "*Con vỏi con voi, cái vòi đi trước*". Con voi của pháo binh khác hẳn với con voi ngày xưa, nhưng nhạc điệu của bài mới phảng phất dội lại bài hát cũ của quần chúng, làm cho con voi của pháo binh càng thêm thân mật.

Chúng ta dễ thuộc thơ của Tú Mỡ vì lời Tú Mỡ thân với ta, chúng ta dễ thuộc thơ Tố Hữu vì thơ Tố Hữu đậm một hình thức dân tộc.

Đã lâu lắm chúng ta không đề cập đến vấn đề chủ nghĩa nhân văn cách mạng. Thơ của Tố Hữu chính là biểu hiện chủ nghĩa nhân văn của chúng ta. Chủ nghĩa nhân văn là nêu cao cái tôi tiến bộ, cách mạng của mỗi con người trong cái ta của Tổ quốc. Chúng ta được đào tạo trong cùng một lý tưởng với thi sĩ Tố Hữu nên chúng ta yêu thơ Tố Hữu, và thấy thơ Tố Hữu là những lời hát của chúng ta. Với mắt nhìn của Tố Hữu, sức sống luôn luôn vươn lên, trong ngày hôm qua đã chớm nở buổi hôm nay; trong quá khứ đã sẵn có tương lai, giữa thành phố trụi đã có cảnh xây dựng lại nhà cửa, v.v... Tất cả những người yêu Tổ quốc, yêu tiến bộ, yêu hoà bình đều nghĩ như vậy. Hai vợ chồng Rô-xân-bơ (Rosenberg) ngay trong lúc bị kẻ thù của nhân loại giam cầm trong ngục tối vẫn nhìn thấy

Mai sau đời sẽ hát ca
Mai sau cây cỏ nở hoa trên mồ
Đời ta phơi phới tự do
Hoà bình thân ái tắt lò chiến tranh

Chủ nghĩa nhân văn không có gì khác hơn là nhằm vun trồng giá trị của con người. Giá trị của con người không phải là sự tính toán ích kỷ của mỗi cá nhân; không phải là sự quanh quẩn chật hẹp, mà chính là trong cái ta rộng rãi, to lớn. Đã có một thời các thi sĩ khi làm thơ thì đầu đề trước nhất là "tự thuật", "tự tình", rồi tự gì gì nữa. Thời ấy đã qua rồi. Chúng ta đang cùng nhau đi tới trên con đường tự do cuồn cuộn, trên con đường mà mỗi chúng ta hoà mình với Tổ quốc, với thủ đô, với Bác Hồ, với anh bộ đội... Thơ của Tố Hữu không có những cái "tự thuật" của thời xưa. Thơ của Tố Hữu có núi sông, có đêm ngày của đất nước, có những

Ngày mai xanh lại từng cây
Ngày mai lại đẹp hơn rày năm xưa...

Thơ của Tố Hữu là chủ nghĩa nhân văn cách mạng.

MINH TRANH

Văn nghệ, s.66 (21.3.1955)

TIN NGẮN VĂN NGHỆ

Cuộc họp thứ nhất thảo luận về tập thơ "Việt Bắc" của Tố Hữu tại trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam

Để đẩy mạnh phong trào phê bình văn nghệ, ban văn học của Hội văn nghệ Việt Nam đã tổ chức vào tối 31-3-1955 vừa qua tại trụ sở của Hội cuộc họp thứ nhất thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Kỳ họp đầu tiên này mở trong một phạm vi hẹp, chủ yếu dành cho anh chị em hoạt động trong ngành thơ và một số các bạn yêu thơ, có tính chất mở đầu cho những cuộc họp rộng rãi hơn sau này để tiếp tục thảo luận về tập thơ của Tố Hữu.

Gần 60 anh chị em đến dự cuộc thảo luận đã trao đổi ý kiến về tác phẩm của Tố Hữu.

Cuộc thảo luận hướng theo ba vấn đề lớn đã được phát hiện về tập thơ *Việt Bắc* trong những bài phê bình đăng trên các báo văn nghệ gần đây: tính chất hiện thực, tính chất thời đại và tính chất quần chúng của thơ Tố Hữu như thế nào? Trong gần 3 tiếng đồng hồ thảo luận, các ý kiến phát biểu đã xoay quanh một vấn đề chính: chủ nghĩa hiện thực trong tập

thơ *Việt Bắc*. Anh chị em đã sôi nổi phân tích, trình bày những điểm dẫn chứng cụ thể để tỏ rõ lập luận của mình.

Cuộc thảo luận đầu tiên nhìn chung có kết quả tốt. Anh chị em đến tham dự đã tích cực góp ý kiến. Mỗi người đã cố gắng trong việc phát huy tự do tư tưởng, thành thật phát biểu ý kiến(*).

Nhân dân, 3.4.1955

(*) Tin của báo, không ký tên phóng viên.

HOÀNG YẾN CHƯA NẮM VỮNG VẤN ĐỀ HIỆN THỰC

VŨ ĐỨC PHÚC

Ý chính trong bài phê bình của Hoàng Yến (đăng trong *Văn Nghệ* số 65) là: "Tập thơ *Việt Bắc* có hiện thực không?". Vấn đề quan trọng ở điểm này.

Sở dĩ tôi phải nhắc lại vấn đề và nhấn mạnh là vì theo tôi hiểu, Hoàng Yến trong khi phê bình thơ Tố Hữu, đã nhiều lần rơi vào chủ nghĩa tự nhiên hoặc chủ nghĩa lãng mạn. Đó là việc tôi sẽ chứng minh sau.

Ngay cách Hoàng Yến đặt vấn đề "Tập thơ *Việt Bắc* có hiện thực không?" cũng chưa được rõ. Bởi vì có hai thứ hiện thực: Hiện thực phê bình và hiện thực xã hội chủ nghĩa (còn gọi là hiện thực mới nữa).

Trong bài này, để bạn đọc dễ liên hệ ý của tôi với ý của Hoàng Yến, tôi cũng tạm dùng hai tiếng "hiện thực" không thôi, nhưng xin hiểu là "hiện thực xã hội chủ nghĩa".

Vấn đề thứ hai cần phải nêu lên khi phê bình một tác giả, không thể dựa vào một ý muốn chủ quan của mình rồi bắt buộc người được phê bình phải có thêm những cái mà họ không thể có. Mở đầu cho bài phê bình, Hoàng Yến nêu lên: "Tập thơ *Việt Bắc* chủ yếu là tập thơ kháng chiến. Sự sống trong thơ là sự sống nhiều mặt của cuộc kháng chiến toàn diện, toàn dân. Tình cảm trong thơ là những tình cảm lớn của con người kháng chiến đồng thời cũng là những tình cảm lớn của thời đại". Nếu sau khi đọc tập thơ mà có cảm tưởng như vậy (như anh Xuân Diệu) thì đó là quyền của người ta. Nhưng đặt một cái nhiệm vụ rất to lớn ấy cho tập thơ, trước khi đi vào phê bình, dựa vào đó mà phê bình như ta kiểm thảo việc thực hiện nghị quyết, như vậy là một phương pháp phê bình hết sức chủ quan. Ta không nên đòi hỏi một chiến binh có tài phải là một chỉ huy có tài nữa, cũng như không thể nói rằng khuyết điểm của đại tướng Võ Nguyên Giáp là không bắn được "bách phát bách trúng". Người ta hay đòi hỏi nhà văn nghệ những đức tính mà họ không thể có, những điều mà họ không thể biết, do chỗ khả năng con người nói chung và những cá nhân nói riêng, dù có phát triển tột bực và đúng hướng, cũng chỉ có hạn. Nếu theo ý muốn của mình mà phê bình thì có thể chỉ trích "bạt mạng" bất kỳ một nhà văn siêu việt nào.

Riêng về Tố Hữu, mặc dầu người ta vẫn ca tụng anh như thế nào cũng chưa từng biểu lộ tham vọng gói ghém "tất cả tình cảm của thời đại" vào trong một tập thơ rất là mỏng. Đứng về phía độc giả mà nói, thì được đọc một bài thơ hay, nói lên một tình cảm sâu sắc gì đó, ta cũng đủ cám ơn tác giả rồi. Dù Tố Hữu có là thánh đi chăng nữa, cũng không thể quan niệm đọc Tố Hữu là không cần đọc ai nữa cũng đủ cho tất cả buồng tim, thớ thịt của mình rung chuyển theo thời đại.

*

Dựa trên hai quan niệm căn bản ấy tôi xin góp ý kiến về tập thơ *Việt Bắc* đồng thời chống lại một vài nhận xét của Hoàng Yến mà tôi cho là không đúng.

Bắt đầu ngay vào bài *Phá đường*, Hoàng Yến cũng bắt đầu phê bình với tình cảm phá đường trong bài thơ đó. Bài thơ *Phá đường* được phổ biến từ Bắc chí Nam. Riêng một điều đó cũng nói đủ rồi. Bài *Phá đường* không tả chàng thanh niên mà lại tả một phụ nữ nông dân có con mọn, việc nhà neo bấn. Từng ấy nét là những nét rất điển hình, rất dân tộc, rất hiện thực. Cũng vì vậy nên bài *Phá đường* không phải chỉ có tác dụng động viên người ta đi phá đường mà thôi; mà anh cán bộ, anh đội viên, người dân công đi phục vụ, v. v... nói tóm lại tất cả những người phải "tranh đấu tư tưởng" ít hay nhiều, để phục vụ cách mạng, để thanh toán những thắc mắc phổ biến như gia đình, vợ con, việc nhà neo bấn... những người đó cũng thấy bài thơ gần gụi với mình. Ngay bây giờ bài thơ cũng còn truyền cảm và có tác dụng. Đó là chỗ đạt của bài thơ, không phải là khuyết điểm.

Đó là tác dụng nâng cao trình độ tư tưởng của văn nghệ hiện thực.

Hoàng Yến có nói một người anh em nào đó có làm bài thơ *Đắp đường* na ná như bài *Phá đường* rồi kết luận: "Tôi tự hỏi như thế thì tình cảm của con người "phá đường" trong kháng chiến và "đắp đường" trong hoà bình khác nhau ở chỗ nào?". Nhưng trước khi đối chiếu hai bài, Hoàng Yến quên không nghĩ tới một vấn đề căn bản là bài *Đắp đường* nào đó là một bài thơ "tồi". Hai nữa, Tố Hữu không làm một bài *Đắp đường*, nhưng khi hoà bình được lập lại, anh làm bài *Ta đi tới*:

Đường ta rộng thênh thang tám thước.

Nếu nghiên cứu bài *Phá đường* và bài *Ta đi tới* sẽ trả lời được câu hỏi của Hoàng Yến. Một bài nói về phá đường, chờ giặc Pháp tấn công; một bài nói về những con đường rộng thênh thang mới đắp, đi đến độc lập, tự do, thống nhất. Hai bài, hai giai đoạn lịch sử, tình cảm làm sao giống nhau được? Ngay bây giờ, thí dụ Hoàng Yến cần đọc bài thơ *Phá đường* cho một người lạ nghe, tất nhiên cũng phải nói đến tới hoàn cảnh nào, thời kỳ nào mới có con người ấy, tình cảm ấy trong thơ Tố Hữu. Một bài như vậy có tác dụng trong các công tác khác như đắp đường trong thời bình chẳng hạn, thì chỗ đó chỉ chứng tỏ tính chất hiện thực của nó. Nhưng nếu theo kiểu "bài hát ta theo điệu tây" trọng thời kỳ 1936-1940 rồi viết ra một bài *Đắp đường* như người anh em nào đó thì bỗng đâm ra nhạt phèo. Lấy một tỉ dụ: trong thời kỳ hoà bình hiện nay, nếu cần phải đắp đường, cái thắc mắc về neo bấn, về vợ mọn con thơ v.v... có thể là thứ yếu và nhiều khi không thành vấn đề, mà tinh thần vui vẻ xây dựng, quyết tâm phấn khởi đi tới thống nhất, độc lập, tinh thần căm thù Mỹ có thể là tình cảm nổi bật. Thực tế trong hoàn cảnh hiện nay Chính phủ tổ chức mọi người đi công trường kiến thiết đường giao thông, nói chung là có áo rét hẳn hoi, mà nếu lại hạ câu "*Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*" thì thật là lạc điệu và dớ dẩn.

Cách nhằm vào một bài thơ đã được nhân dân cách mạng hưởng ứng lâu rồi mà phê phán như Hoàng Yến, không nâng cao quan niệm của anh về nghệ thuật chút nào và chỉ tỏ ra vụng về. Theo ý tôi, nếu ta hiện thực một chút, nếu ta quả là "thực sự cầu thị", thì phải nghiên cứu, phân tách một bài thơ đã trải qua thử thách như bài *Phá đường* để học lấy kinh nghiệm làm thơ thì phải hơn.

Hoàng Yến lại đưa ra mấy câu thơ sau này để đề cao và đối chọi với bài *Phá đường*:

Lấy búa mà bửa chân trời
Lấy dao mà chặt lìa đôi nhịp cầu
Thà rằng cách trở sông sâu.

Đưa ra mấy câu thơ như vậy làm tiêu chuẩn thực là nguy hiểm cho nền thơ dân tộc. Mấy câu đó có gì là hiện thực hơn bài thơ Tố Hữu. Dù gọi là một kiểu tìm "hình ảnh" theo đúng "mỹ từ pháp"[1] cũng không thể tưởng tượng, so sánh việc phá đường với lấy búa bửa chân trời, hoặc một cái cầu trên sông sâu mà có thể cầm dao chặt lìa đôi như một cây ta bắc qua lạch được. Cái kiểu nói "quá đi một tý" theo những câu trên, dù phân tách thế nào cũng không thể tìm thấy "hiện thực" ở chỗ nào được. Tình cảm giả tạo của nó biểu lộ rõ ràng.

Một câu thơ nữa mà Hoàng Yến đưa ra để chọi với bài *Phá đường*:

Con đường số Bẩy của tao
Nó đi theo giặc tao đào nó đây

Đồng chí du kích nào sáng tác ra câu đó mà hò, cũng không ai kiểm duyệt. Nhưng để đối chọi với bài *Phá đường*, chỉ tìm được những câu như thế, đề cao lên là thơ hiện thực thì không hiểu quan niệm về thơ hiện thực của Hoàng Yến như thế nào? Con đường mà ta phá đi cho giặc không lợi dụng được, không mấy người quan niệm là "nó đi theo giặc". Nói hẳn rằng quan niệm như thế sai. Đã sai sao gọi là hiện thực? Hai câu đó chỉ là một cách ví von ấu trĩ. Nhân dân sáng tác truyền khẩu từ khi lập quốc đến nay có đến hàng triệu triệu bài như những câu thơ trên, trong đó cái số ca dao còn lại và được truyền tụng chỉ là một số ít thôi. Còn như hai câu mà Hoàng Yến ca tụng chỉ là đọc ra rồi để quên đi. Mặc dầu người đọc rộng lượng đến thế nào chăng nữa, giàu óc tưởng

(1) "mỹ từ pháp": cách nói cho đẹp lời (nguyên chú của VĐP).

tượng đến đâu nữa, cũng rất ngạc nhiên khi thấy Hoàng Yến gán ghép cho hai câu trên là "thấm thía xót xa", "phản ảnh được cuộc sống sinh động muôn vẻ muôn màu".

Trong vở hài kịch của Mô-li-e nhan đề là *Phụ nữ kiểu cách lố bịch* có tả một đoạn một anh đầy tớ giả làm quan lớn tên là Mát-ca-ri đến đọc thơ cho hai cô ả kiểu cách là Ca-tốt và Ma-đờ-lông nghe. Tôi xin tạm dịch đoạn văn "điển hình" đó ra đây:

"MÁT-CA-RI (*đọc thơ*):

- Chao ôi, chao ôi! Tôi không chú ý đề phòng:
Trong khi, không có tình ý gì, tôi nhìn cô
Con mắt của cô, rình mò, chộp ngay quả tim tôi
Ô kẻ trộm! Ô kẻ trộm! Ô lũ trộm! Ô kẻ trộm!

CA-TỐT. - Trời! Thật là diễn tả việc ca tụng đến tột bậc của nó.

MÁT-CA-RI. - Tất cả những cái tôi sáng tác đều có vẻ khoáng đạt tự do, không có gì là sách vở cả.

MA-ĐỜ-LÔNG. - Thật là xa sách vở đến hai nghìn dặm ấy chứ lại.

MÁT-CA-RI. - Các chị có chú ý đoạn ra mở đầu "Chao ôi, chao ôi!" chăng? Như thế mới là khác đời: "Chao ôi, chao ôi!" như là một người bỗng nhìn chợt nhận ra. "Chao ôi, chao ôi!" đó là cách diễn tả sự ngạc nhiên. "Chao ôi, chao ôi!".

MA-ĐỜ-LÔNG. - Phải, tôi nhận thấy chữ "Chao ôi, chao ôi!" đó thật đáng khen ngợi.

MÁT-CA-RI. - Thoạt nghe, tưởng chừng như đáng chú ý.

CA-TỐT. - Trời! Sao lại nói thế? Những câu thơ như thế thật là quý vô giá!

MA-ĐỜ-LÔNG. - Đúng rồi còn gì nữa; tôi ước mong sáng tác được mấy chữ "Chao ôi! Chao ôi!" đó hơn là làm một thiên anh hùng ca...".

Hai câu:

Con đường số Bẩy của tao
Nó đi theo giặc tao đào nó đây.

mà Hoàng Yến đã tán tụng là "... phản ảnh đúng được cuộc sống sinh động muôn vẻ muôn màu: Có thế mới gợi lên được những tình cảm vĩ đại kết tinh từ trong máu lửa, nước mắt mồ hôi, rèn luyện qua bao nhiêu thử thách trong cuộc kháng chiến anh dũng trường kỳ". Hai câu trên và ý kiến của Hoàng Yến làm tôi nhớ lại đoạn văn trên của Mô-li-e và tôi có nhận định chắc chắn rằng Hoàng Yến đã rơi vào lập trường của ả Ma-đờ-lông, cách xa hiện thực xã hội chủ nghĩa đến ba thế kỷ, và có lẽ lại còn cũ kỹ hơn cả Ma-đờ-lông nữa.

Nói về anh bộ đội, mặc dầu Tố Hữu đã nói tới trong nhiều bài: *Bà mẹ Việt Bắc, Lên Tây Bắc, Bao giờ hết giặc, Bắn, Voi, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* v.v... và nhiều bài thơ dịch của anh; mặc dầu là đã nói nhiều như thế, cũng chỉ nói được phần nào về anh bộ đội của ta, không thể nói hết được. Chúng ta muốn đòi hỏi phải nói hết, cũng không được. Anh em bộ đội chờ đợi, đòi hỏi Tố Hữu nói nhiều chỉ là vì thơ của Tố Hữu đã đi sâu vào lòng anh bộ đội, không phải là khuyết điểm. Tố Hữu chưa thấm thía mối tình đồng đội thì anh không thể viết ra được. Nhưng về phía khác, những bài thơ của anh tả tình cảm bà mẹ nhớ con đi bộ đội, tả bộ đội nhớ mẹ già, thật là thấm thía, chưa ai viết được như anh. Về mặt ấy, chính Hoàng Yến cũng phải công nhận là Tố Hữu đã thành công. Nhưng Hoàng Yến có nêu lên mấy câu thơ sau đây trong bài *Lên Tây Bắc* của Tố Hữu:

Lại những ngày đi vắt với sương
Ngô bung xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua, rét nhức xương

Nêu lên như vậy, Hoàng Yến nhận định là mấy câu thơ đó "bàng quan và bất lực". Cách nhặt mấy câu trong một bài thơ chủ yếu không phải là tả cảnh khổ của bộ đội, mà là tả tình cảm một người đi theo bộ đội đánh giặc, cách nhặt mấy câu như trên rồi kết luận là "bàng quan và bất lực", là chưa nắm được nội dung chính của bài thơ. Bài thơ không phải như một cuốn tiểu thuyết có thể nói lan man kỹ lưỡng về nhiều vấn đề. Nội dung chính của bài *Lên Tây Bắc* là nói lên tình cảm tin tưởng, ngưỡng mộ, phấn khởi của người đi theo bộ đội:

Tôi ngồi không ngủ nghe anh thở
Khe khẽ lòng ngân lên tiếng thơ

Không thể đòi hỏi một bài thơ như thế đi sâu vào tả cảnh chịu đựng gian khổ của bộ đội. Ta phải đòi hỏi ở tác phẩm khác, tác giả khác, hoặc chọn lọc trong số thơ của bộ đội. Không phải cái gì cũng hỏi anh Tố Hữu. Nếu đòi hỏi đi sâu vào những ý phụ, bài thơ có thể lại mất nội dung chính của nó và như thế là hỏng.

Cũng như đối với bài *Bắn*, thì phê bình của Hoàng Yến cũng không hiện thực chút nào. Tố Hữu có tả người lính khi chuẩn bị nhìn đồn địch trên khoảng đất đỏ, thèm thuồng thấy "ngon như một đĩa thịt bò tươi". Hoàng Yến căn cứ vào chỗ bộ đội ít được ăn thịt bò tươi, bảo rằng câu thơ đó xa lạ đối với chiến sĩ. Thực tế người ta thèm thuồng những cái gì ít khi được hưởng thụ. Chính vì ít khi anh bộ đội được ăn thịt bò tươi, anh thèm thịt, nên ví cái đồn địch như một đĩa thịt bò tươi là rất đúng. Cái cảm giác "thèm thuồng đồn địch" mà chiến sĩ cần phải có đó, cũng là tính chất hiện thực mới. Vì nó có tác dụng nâng cao tư tưởng người đọc ở chỗ thèm thuồng diệt địch cho nên nó *mới*. Anh bộ đội hay ao ước "chất" nhất, mà "chất" nếu không là thịt lợn thì thường là

"thịt bò", cho nên câu thơ đó *hiện thực*. Lời phê bình của Hoàng Yến làm cho người ta có cảm giác rằng chính tư tưởng Hoàng Yến mới xa lạ với tình cảm của bộ đội mặc dầu trong thực tế Hoàng Yến có thể gần anh bộ đội hơn.

Cũng trong bài *Bắn* có mấy câu sau:

Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta, bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quăng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang!

Hoàng Yến trích mấy câu đó, rồi phê phán: "tác giả đã tổng kết sự việc trên tài liệu". Nói như vậy trước hết là thiếu "thực sự cầu thị", tức là không hiện thực chút nào. Đọc một bài *Em bé Triều Tiên* cũng hiểu tác giả có một mối căm thù rộng lớn và sâu sắc. Ngay bài *Bà mẹ Việt Bắc* cũng tả rất cụ thể tội ác của giặc. Ngay dưới mấy câu thơ trên đây, Tố Hữu còn viết một câu kết tinh lòng căm thù mà Hoàng Yến đã cắt nghĩa một cách độc đoán:

Chúng bay cười?
- Đến giờ chưa đồng chí?

Một người đã vào sinh ra tử trong bao nhiêu năm trời, nếm trải mọi mùi tàn ác của đế quốc, chứng kiến bao nhiêu cảnh dã man mà chúng gây ra, một người như Tố Hữu phải đâu là người không cảm thông được nỗi căm hờn giặc, dù là chỉ nghe chuyện mà hình dung ra sự việc. Một người như vậy nếu ta kết luận là "tổng kết sự việc trên tài liệu", thì cũng nên suy nghĩ một chút.

Hai nữa, cũng như bài *Lên Tây Bắc*, nội dung chính trong bài *Bắn* không phải là tả lan man về mối căm thù của

anh bộ đội. Nếu trong lúc bắn pháo, mà anh bộ đội lan man như thế thì anh bộ đội bắn trượt mất, mà người tả như thế là một nhà thơ mơ mộng chứ không hiện thực chút nào. Anh bộ đội sắp bắn, phải hết sức chú mục vào việc bắn. Cảm giác chính là thèm thuồng, bồn chồn, những hình ảnh căm thù chỉ thoảng qua và thúc đẩy anh nóng ruột thêm.

Chúng bay cười?

- Đến giờ chưa đồng chí?

Bồn chồn như vậy, căm thù như vậy mà vẫn phải cẩn thận, bình tĩnh để "còn trông còn ngắm từng ly", để "sửa lại cho ngay nòng súng". Hình ảnh bọn địch chắc chắn sẽ bị tiêu diệt làm cho anh càng sốt tiết thêm, đầu "cháy bùng lên như cục lửa". Tất cả những tình cảm đó, Tố Hữu đã nhận xét rất tinh, rất thực tế. Đọc xong bài thơ, chúng ta hình dung ngay được một cảnh khoái trá là một tràng đạn đại bác oàng oàng rơi vào đầu địch. Một bài thơ như vậy, không thể trích một vài câu như trên, một vài câu khía cạnh, rồi kết luận là tác giả "tổng kết sự việc trên tài liệu" được.

Để nêu lên cái tình đồng đội, Hoàng Yến có nhắc tới mấy câu thơ sau của một chiến sĩ:

Đêm nay gió rét lạnh lùng
Cắt tầu lá chuối lót lưng đỡ đầu
Anh ơi! ôm lấy lưng tôi
Chúng ta đùi cặp lấy đùi cho nhau.

Mấy câu thơ đó có thể làm bộ đội bật cười về cái hình ảnh "đùi cặp lấy đùi". Nhưng cũng không thể đặt mấy câu đó lên trên thơ Tố Hữu và gọi nó là hiện thực mới được. Chỗ này Hoàng Yến đã lầm lẫn "chủ nghĩa tự nhiên" với "hiện thực mới". Rét quá lại thiếu chăn thì anh nào dù không có cảm tình với nhau mà chẳng phải quặp lấy nhau mà ngủ, mà

chẳng phải kiếm một thứ rơm, rạ, lá lẩu gì đó mà lót lưng, cứ gì phải có "tình đồng đội", phải "gắn bó keo sơn" hơn là Lưu, Quan, Trương, mới biểu hiện ra như thế. Trong hàng vạn bài thơ, ca dao của chiến sĩ, chọn mấy câu thơ ấy đặt lên trên thơ Tố Hữu, làm cho người ta có thể hiểu nhầm thơ bộ đội toàn thế cả. Đó là việc đuổi ruồi cho bạn ngủ ngon bằng cách ném tảng đá vào con ruồi đậu trên mũi bạn. Mấy câu thơ đó nâng cao tư tưởng ở chỗ nào mà bảo là "hiện thực mới"?

Hoàng Yến còn nói: "Nội thi phẩm phản ánh được thời đại phải trào lên những giòng thơ *hừng hực*(1) chiến đấu, *đỏ rực*(2) căm thù, có mãnh lực động viên kích thích hàng triệu người ra mặt trận đấu tranh.

Đọc xong *Việt Bắc*, hình ảnh để lại trong lòng ta là những hình ảnh đèm đẹp, ý nhị, nhẹ nhàng, khía rung động sâu sắc nhất là khía mến thương thắm thiết, tâm tình. Phần lớn các câu thơ đều có dáng dấp hiền lành, dìu dịu.

Đối chiếu với cuộc sống mãnh liệt đi *băng băng như con ngựa phi, cuồn cuộn như giòng thác đổ* (3), thơ Tố Hữu còn bước đi thong thả, giòng thơ còn trôi chảy lặng lờ. Đôi lúc cũng có sóng xao nhưng đó chỉ là những sóng nhỏ vỡ bờ".

Đoạn văn phê bình trên đây chứa đựng nhiều sai lầm. Hoàng Yến muốn Tố Hữu phải là một người làm những thiên anh hùng ca thật là kêu gào. Điều đó không phải là nên khuyến khích. Những bài kêu gào, rất nhiều hình dung từ chồng chất, vị tất đã đi sâu vào lòng con người như những bài thắm thiết, sâu sắc. Thời đại chúng ta anh hùng thật; nhưng mà tả nó trước hết phải chống lại *xu hướng lãng mạn đã hết thời* (không phải là lãng mạn cách mạng không mâu thuẫn gì

(1) - (2) Do tôi gạch dưới (in ngả) để độc giả chú ý cách dùng chữ (V.Đ.P.).

(3) Do tôi gạch dưới (in ngả) để độc giả chú ý cách dùng chữ (V.Đ.P.).

với hiện thực xã hội chủ nghĩa mà còn nằm trong đó) và *xu hướng kêu gào, gầm thét rỗng tuếch*. Thử đọc những bài thơ tuyệt tác của Si-mô-nốp, những bài Tố Hữu đã dịch cũng như bài dân ca Nam Tư, những bài đó nói tới chuyện nhớ nhung, chuyện nhớ của cha mẹ, vợ chồng, con cái, rất thắm thiết, cho nên cũng rất anh hùng. Tố Hữu, theo tôi, đã có những bước tiến bộ về mặt ấy. Ta thử đọc lại bài *Ly rượu thọ* cũ của anh (1935) sẽ thấy hình ảnh Mã Chiếm Sơn ít nhiều còn nhuốm màu anh hùng chủ nghĩa: tác giả tả Mã Chiếm Sơn như một vị thiên thần. Giai đoạn lịch sử đó thực tế có phải như chuyện "thần thoại" đó đâu? Dứt bỏ được khuyết điểm cũ đó Tố Hữu đa chắc chắn vững vàng hơn xưa nhiều.

Do nhận xét đó, mấy câu thơ sau đây của Tố Hữu trong bài *Việt Bắc*, dù chưa phải là hay nhất, nhưng cũng không thể bắt tội là "khí thơ đoản, hơi thơ đuối" như Hoàng Yến hạ bút phê phán được:

Những đồng Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc những đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Tả như trên là thấm thía. Nếu theo Hoàng Yến cần phải tả: "Việt Bắc *oai hùng*, cái đất *thần thánh thiêng liêng*[1] của cách mạng" không khéo chỉ là thêm một số hình dung từ ồn ào mà thôi. Nhiều người quan niệm các vị lãnh tụ cách mạng, các anh hùng chiến sĩ của ta một cách rất "lãng mạn", đến khi gần gũi các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn

(1) Do tôi gạch dưới (in ngả) để độc giả chú ý cách dùng chữ (V.Đ.P.).

Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, lại không thấy gì là giản dị hơn, thân mật hơn. Thực tế như vậy, phải thức tỉnh các nhà văn nhà thơ lãng mạn tưởng tượng những chuyện lay trời chuyển đất như chuyện Lý Nguyên Bá tung đôi truỳ nặng tám trăm cân lên đánh trời.

Xuân Diệu, theo ý tôi, cũng đòi hỏi Tố Hữu những cái mà Tố Hữu không thể có, hay Tố Hữu đặt xuống hàng thứ yếu. Xuân Diệu có phê bình nhược điểm thơ Tố Hữu là nhẹ về tình cảm cá nhân mà nặng về tình cảm xã hội. Theo ý Xuân Diệu, tình cảm cá nhân (căn cứ theo bài phê bình của anh) là *tình yêu* và *sự chết*.

Trước hết, quan niệm về thơ trữ tình, bó hẹp tình cảm cá nhân trong tình yêu, thiên nhiên và sự chết như kiểu Guýt-sta-vơ Lăng-xông (Gustave Lanson) đó đã cũ lắm rồi. Tình yêu Tổ quốc, yêu nhân loại, yêu giai cấp, cùng với tình yêu gia đình vợ con, bè bạn, bố mẹ v.v... theo đúng hướng của nó cũng đặt vào phạm vi thơ trữ tình. Theo quan niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa mà nói, rất khó phân biệt tình cảm xã hội và tình cảm cá nhân. Chỉ có tình cảm tiến bộ và tình cảm lạc hậu. Ái tình cũng có hai mặt đó. Chính Xuân Diệu cũng nhận là "tình cảm từng cá nhân khi đã đúng hướng tiến bộ của toàn xã hội, cần được diễn tả vào sâu đến khía đặc biệt, vì những tình cảm đó đều tiềm tàng một ý nghĩa xã hội".

Như vậy là trong chỗ này, Xuân Diệu công nhận khó phân biệt tình cảm cá nhân và xã hội, nhưng ở trên, anh lại phân tách độc đoán ra hai loại tình cảm khác nhau và trách Tố Hữu nặng mặt nọ nhẹ mặt kia.

Riêng về Tố Hữu, nhận định như Xuân Diệu cũng không đúng. Tố Hữu có tả tình cảm mẹ con một cách rất sâu sắc như bài *Bà mẹ Việt Bắc*, *Bầm ơi*, *Em bé Triều Tiên*... Về ái tình, có

những nhà thơ nói sâu sắc hơn Tố Hữu, như Si-mô-nốp, thì khi anh dịch anh đã để hết cả tình cảm của mình vào đó. Đối với một người dù đã có gia đình và là một người chồng gương mẫu (nói thí dụ) nhưng đứng trước nhiệm vụ đã tuyên bố "lòng không vướng nợ bén duyên gì", ta cũng không nên đòi hỏi đi sâu vào ái tình, vào sự chết nhiều quá.

Viết đến đây, tôi đã nói hết về hiện thực mới trong thơ Tố Hữu. Tôi cũng có thể nói về những thiếu sót của thơ anh. Nhưng những thiếu sót ấy không liên quan gì đến tính chất hiện thực mới của thơ Tố Hữu.

Gia Lâm, 3-1955

VŨ ĐỨC PHÚC

Văn nghệ, s.67 (1.4.1955)

TẬP THƠ *VIỆT BẮC* THIẾU CHẤT SỐNG THỰC TẾ

HOÀNG CẦM

Sức truyền cảm của đa số bài thơ trong tập *Việt Bắc* thường thường là đi từ từ, nhẹ nhàng vào lòng người đọc, rồi đi vòng quanh, lởn vởn ở bên ngoài chứ không *đột phá* vào một khía cạnh nào của tâm hồn cho thật sắc bén.

Bài *Cá nước*: tình cảm gặp gỡ giữa anh cán bộ và anh bộ đội cũng chỉ nhẹ nhàng lớt phớt:

Một thoáng lặng nhìn nhau
Mắt đã tìm hỏi chuyện
Đôi bộ áo quần nâu
Đã âm thầm thương mến.

Từ nguồn gốc sâu xa nào hai người mới gặp nhau mà trở nên thân thiết, bài thơ không gợi ra được. Ở đây tôi chỉ thấy hai người gặp nhau như một chút "duyên cá nước" rất ít mặn nồng như một cảnh gặp nhau thường, giữa hai người bạn. Sự gặp gỡ, cuộc nói chuyện giữa anh bộ đội và anh cán bộ chưa truyền cho người đọc một phút nào rung động mãnh liệt. Đọc hết bài thơ tình cảm còn lại trong lòng tôi chỉ thoáng như một cơn gió mát của một buổi trưa hè, dịu dàng, thân mật và hơi gợn một chút buồn. Cái buồn ở ngoài lời. Lời ru cháu xa xôi văng vẳng của một bà cụ già, rồi "chia nhau điếu thuốc lào",

đến lúc "anh về xuôi tôi ngược", thì cái buồn đã lên tới độ khá cao. Bài thơ êm êm rồi thoảng tan đi, không để lại trong lòng tôi một chút gì gắn bó thiết tha. Lòng anh cán bộ của thời đại yêu mến anh chiến sĩ bộ đội không những chỉ có cái bề ngoài ấy mà bên trong còn xoắn xít ràng buộc với nhau như gan với ruột, không thể có gì dằng xé ra được. Bài thơ không nói được bề sâu, chỉ mới thấy bề rộng. Đọc lần đầu, cái không gian của bài thơ choán lấy tâm hồn tôi một lúc, như bóng rợp một đám mây giữa đường trời nắng. Bóng mây qua... Tình cá nước ở tên đề và ở câu kết cũng không bật lên được: cá nước từ đây dường như cũng cách biệt nhau, mỗi bên mang theo một kỷ niệm đẹp, lòng vấn vương như sau một giấc mơ. Đâu, cái khăng khít, mật thiết cụ thể, từng giờ, từng phút của quân và dân trong một cuộc chiến tranh du kích?

Đến tình cảm bài *Phá đường* mở đầu bằng "rét" và kết thúc bằng "gió rét trăng lu", còn đoạn giữa tả một cảnh lao động bình thường, cặm cụi trong lúc "trăng non mới hé", tất cả chỉ truyền vào lòng tôi một chút hơi thở nhè nhẹ của công việc phá đường, vẫn đượm một chút hắt hiu. Tại sao lại gió rét? Gió rét ấy có cắt nghĩa được cái gian nan vất vả của việc phá đường không? Tuyệt nhiên là không! Nó chỉ gợi được ra cái buồn. Tôi đã đi qua những nơi nhân dân phá đường hồi đầu kháng chiến. Một buổi sáng mùa hè, một đêm mưa, một trưa nắng gắt. Nặng nhọc vất vả ở hai cánh tay và ở cả trong lòng những người phá đường. Nhưng giặc đã đến đầu ngõ, phải phá ngay, không thì nó đi được nhanh, nó sẽ giết con mình, đốt nhà mình! Đau đớn, nhưng mạnh mẽ quyết liệt. Bài thơ *Phá đường* cũng lại không truyền được tình cảm đó của thời đại.

Trong khi đó thì ở *Giữa thành phố trụi* không khí u tối, lạnh lẽo hiện lên ngay từ đầu:

Đông lạnh ghê người
Chiếc lá vèo rơi xuống cỏ

và

Ô cửa mắt tròn thăm thẳm
Ai lên tiền tuyến đường muôn dặm

Tuy về sau, bài thơ cố gợi ra tương lai:

Ngày mai xanh lại từng cây
Ngày mai lại đẹp hơn rầy, hơn xưa

và

Từ trong đổ nát hôm nay
Ngày mai đã đến từng giây từng giờ...

Cái cảm giác chung vẫn là một sự tan vỡ, u uất. Mấy câu sau chỉ là suy luận, khái niệm chứ không truyền cảm. Cái hắt hiu cô đơn ấy lại rõ ràng trong *Bà bủ nằm ổ chuối khô:*

Đêm nay tháng chạp mồng mười
Vài mươi bữa nữa tết rồi hết năm

và

Ngoài phên gió núi ù ù
Mưa đêm mưa tự chiến khu mưa về...

Cả bài, câu nào cũng ngậm ngùi, điu hiu vắng vẻ. Mà bà bủ lại "*càng nghĩ càng căm thù*". Căm thù ai? Một ý nghĩ rất trừu tượng, đại khái. Cả bài là một tình cảm buồn vắng, nhớ con, nhớ đứa con bộ đội, con đi "*bước run, bước ngã, bước lầy, bước trơn*" và "*năm xưa cơm củ ngon chi, năm nay cơm gié nhà thì vắng con*". Thật rất thương tâm, não nuột! Có một đồng chí bộ đội đọc bài thơ này thấy buồn quá, nói với tôi:

- Mẹ tôi không nhớ tôi thế này.

Tôi hỏi:

- Thế nhớ thế nào?

- Nhớ hơn thế này, nhưng mà... khó nói quá... không buồn thế đâu!

Buồn, lạnh lẽo đến ghê rợn khi tôi đọc:

Xác ai nằm ngổn ngang
Bãi tuyết lặng quanh làng
Phố đổ nhà hoang vắng
Mẹ của em đấy ư?
Cái thân trắng lắc lư
Đầu giây treo lủng lẳng
Cha của em đấy ư?
Cái đầu lâu rũ tóc
Máu chảy dài thân cọc

(Em bé Triều Tiên)

Không căm thù, chỉ thấy ghê rợn. Tuy về sau bài thơ cố tạo ra cái không khí chiến đấu rộn ràng vẫn không át được cái ghê rợn ban đầu. Không khí buồn, xa vắng vẫn kéo dài sau cái chết của đồng chí Sta-lin:

Trên đường quê sáng tinh sương
Hôm nay nghỉ ngút khói hương xóm làng
Ngàn tay trắng những băng tang
Nối liền khúc ruột nhớ thương đời đời.

Đành rằng sau một cái chết thì buồn, nhưng sau khi Sta-lin mất, cái buồn đã biến thành sức mạnh. Không khí và tình cảm bài thơ *Đời đời nhớ ông* không phản ảnh được tình cảm thực của nhân dân ta sau cái chết đó: xót thương, nhưng rồi băng băng đi dân công, đi gánh thóc thuế, sôi nổi phát động đấu tranh chống giai cấp địa chủ toát ra "ngoài lời" ở khắp bài thơ, trong đó có cái ngậm ngùi trách móc của một đôi tình nhân chia tay, tuy miệng thì nói là chung thuỷ mà trong tình

ý đã thấy là sẽ không gặp nhau bao giờ nữa.

Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng?
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Mình đi ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc tưng bừng thêm vui?

Ý hỏi thì nhẹ nhàng trách móc như thế, thấm thía như thế, mà trả lời thì gượng quá và hơi loanh quanh:

Đường về đây đó gần thôi
Hôm nay rời bản về nơi thị thành
Nhà cao chẳng khuất non xanh
Phố đông càng giục chân nhanh bước đường

Người về xuôi không nói lên được là lòng vẫn ở Việt Bắc. Người ở lại núi rừng thì chỉ thấy xa xôi chia cách mà ít thấy hy vọng tin tưởng. Nhớ Hồ Chủ tịch, cũng lại thấy hình bóng người xa dần.

Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người

Hai câu này khiến tôi nhớ đến câu thơ Nguyễn Du:

Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san

Cô đơn vắng vẻ, đó là hai cảm giác của bài thơ gợi ra.

Một cán bộ ở Việt Bắc về Hà Nội cuối tháng 10-1954 đã kể chuyện với tôi:

- Khi thấy bài thơ *Việt Bắc* tôi đọc và thích quá, tôi ngâm cho một gia đình ở vùng Chợ Chu nghe. Cả nhà sụt sịt khóc. Cảm động quá. Nhưng sau đó, tôi vẫn phải tạ từ, đeo ba lô đi.

Nhìn lại, trong bóng tối nhà sàn: ông ké, bà mé và chị con gái vẫn ngồi im, khóc lặng lẽ. Tôi cũng cảm thấy như không bao giờ mình còn trở lại Việt Bắc nữa. Thật là một cảnh chia ly đau xót.

Bài thơ *Việt Bắc* đã dựng lên cảnh chia ly ấy và bồi thêm mũi kim đau xót vào chỗ yếu đuối nhất của lòng người.

Và bài thơ vớt vát lại ở hai câu kết giả tạo, gượng ép:

Cầm tay nhau hát vui chung
Hôm sau mình nhé, hát cùng Thủ đô

Người ở lại Việt Bắc thấy cầm tay gượng, ậm ừ với lời chào hẹn chiếu lệ nghe đã quá quen tai. Chưa kịp nghĩ đến bao giờ "hát cùng Thủ đô", hát thế nào và cái hát ấy có sẽ bù được sự chia ly hay không thì... thôi thế là xa rồi!

*

Với nội dung truyền cảm trình bày trên kia, tập thơ *Việt Bắc* đã tạo nên những hình ảnh như thế nào của những tình thế, nhân vật điển hình của thời đại?

Đầu tiên là hình ảnh anh bộ đội:

Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ

và

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo

Có những hình ảnh cụ thể do tác giả vẽ nên và có những hình ảnh không vẽ ra, nhưng do toàn bộ bài thơ để lại, thí dụ như trong các bài *Bắn, Voi, Bao giờ hết giặc,* v.v...

Nói chung hình ảnh bộ đội trong tập thơ *Việt Bắc* là hình ảnh đẹp một cách mỏng manh, mờ nhạt như dáng dấp một

người lẩn trong sương, trong một bức tranh chấm phá. Con người bằng xương bằng thịt, có bao nhiêu tình cảm, lúc bồng bột, lúc vui buồn, hờn giận, thương xót, lúc vào bộ đội, khi nhớ quê hương đồng ruộng, cha mẹ vợ con, khi tác chiến anh dũng, khi nhịn đói hành quân, lúc chia sẻ ngọt bùi cay đắng với cán bộ, với đồng đội, tôi chưa tìm thấy trong thơ *Việt Bắc*. Chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gặp bất cứ ở chỗ nào, thoáng qua và mờ dần vì không rõ hình nét, không "thực" đến độ in sâu vào lòng người.

Anh bộ đội trong bài *Cá nước* chỉ thấp thoáng trên lưng đèo rồi lại đi. Anh bộ đội Tây Bắc:

Quê hương anh đó, gió sương mù
Và rú rừng đây của chiến khu
Cỏ ngập đồng khô mờ lối cũ
Tan hoang làng cháy khói căm thù

Anh đi rất nhiều, gian nan cũng lắm, lòng anh chưa có gì bật lên trong bài thơ và kết cục thì "anh nằm sưởi nắng mắt lơ mơ". Bà bủ nhớ con bộ đội, trọng ý nghĩ của bà thấy anh bộ đội bé bỏng đáng thương:

Nó đi đánh giặc đêm nay
Bước run, bước ngã, bước lầy, bước trơn
Nhà còn ổ chuối lửa rơm
Nó đi đánh giặc đêm hôm sưởi gì?

Trong bài *Voi*, tôi thấy có anh bộ đội khiêng pháo lên đèo, thấy gian nan khó nhọc nhưng mới thấy ở "chữ", chưa thấy ở "người".

Nghe như kể một câu chuyện vác pháo gian lao khó nhọc, bài thơ mới tả cảnh chứ không dựng được người "bộ đội khiêng pháo" anh dũng và vĩ đại trước mắt tôi.

Còn ở bài *Bắn*, thì hình ảnh anh bộ đội là một tượng gỗ tay cầm giây súng và có hình ảnh một anh bàng quan đứng ngoài hô hào gào hét ầm ỹ, giục pho tượng giật giây nổ súng bắn cho hả.

Năm phút nữa: Sao mà lâu thế nhỉ
Anh pháo binh, anh còn đợi chờ gì?

Không thấy anh pháo binh đâu, chỉ thấy một người nào đứng ngoài múa tay hoa chân giục bắn:

Anh pháo binh, anh chưa bắn đi à?
Một phút nữa. Đầu tôi cháy bừng lên như cục lửa
Sướng bao nhiêu chốc nữa sẽ thành than.

Anh pháo binh không trả lời (vì có anh ấy đâu mà trả lời). Người nào đó lại gọi:

Ơi các anh xung kích dưới cỏ âm thầm
Hãy sẵn sàng tay mác nhảy lên đâm
Giết, bắt sống không mống nào được thoát.

Bài thơ tuy có vẻ sôi nổi giục bắn, mà thực ra bàng quan lạ lùng. Việc bắn là việc của anh bộ đội, đứng ngoài hò hét như thế không những không động viên được bộ đội, mà còn làm cho anh pháo binh bực mình. Anh bộ đội trước khi bắn, tâm tư thế nào, không ai biết, lại chỉ thấy tiếng giục, và kết thúc bằng một câu rất khó chịu:

Anh đại bác, tôi chờ anh để hát!

Còn hình ảnh chú bé liên lạc (trong bài *Lượm*):

Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

Lượm là người thân yêu khi bị giặc bắn chết mà người còn sống lại thấy cái chết ấy đẹp và nhẹ:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Chú Lượm chết không khác gì một con chim trúng đạn chết ở giữa đồng lúa. Rồi cái chết ấy thoáng đi, trên đường vắng lại có những con chim chích khác.

Hình ảnh một em bé liên lạc của kháng chiến, một em bé thân yêu ruột thịt của những cán bộ, của bộ đội của nhân dân, sống thế nào, chết thế nào? Sau cái chết ấy, hình ảnh của em còn lại trong lòng người thế nào, chua xót, đau đớn, nhưng trong trẻo, mạnh mẽ thế nào? Bài thơ chỉ để lại trong óc tôi hình ảnh của một con chim đẹp, sống hồn nhiên, chết tự nhiên. Nhà thơ đau đớn và căm thù ở chỗ nào?

Đến hình ảnh lãnh tụ, là đúc kết những tinh tuý của quần chúng. Hình ảnh lãnh tụ chính là hình ảnh vĩ đại của quần chúng lao động đang đấu tranh, và cuồn cuộn đi đến một tương lai tốt đẹp.

Ta thường ví Hồ Chủ tịch với "ngôi sao", với "trời biển" với

Cây hải đăng mặt biển
Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ kháng chiến.

Tôi chưa thấy bài thơ nào tả đúng lãnh tụ, tả đúng Hồ Chủ tịch, chỉ mới có những bài thơ, những đoạn thơ tả đúng một phần, hoặc tả bề ngoài hoặc thần thánh hoá, tách rời lãnh tụ với quần chúng.

Trong tập thơ *Việt Bắc*, tôi thấy Hồ Chủ tịch:

Người ngồi đó với cây chì đỏ
Chỉ đường đi từng phút từng giờ
... Bác Hồ đó ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông thanh thản một vòm trời
... Bác đang cúi xuống bản đồ
Chắc là nghe tiếng quân hò quân reo

Lãnh tụ xa xôi và cách biệt, có lúc giống như một đạo sĩ đi nhàn du trong núi rừng:

Áo nâu, túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo

Hồ Chủ tịch của chúng ta không những chỉ có thế. Tất cả hình ảnh trên mới là một đôi chút bề ngoài của Hồ Chủ tịch. Còn những giờ Người ra tiền tuyến, đến bên cạnh dân công, bộ đội; Người ở nông thôn, bàn bạc chuyện trò với các cụ phụ lão nông dân, Người ở đâu đến đâu thì quần chúng thêm mạnh mẽ phấn khởi.

Hình ảnh Hồ Chủ tịch trong tập thơ *Việt Bắc* thong dong nhiều hơn là hành động và lúc hành động tôi thấy "cây chì đỏ", "cúi xuống bản đồ" và nhân dân nhìn lên Hồ Chủ tịch chưa thấy ấm áp gần gũi, dù có những câu: *Ta bên Người, Người toả sáng ta, Ta bỗng lớn ở bên Người một chút*, tôi vẫn chưa thấy "sáng" ở chỗ nào và "lớn" ở chỗ nào.

Cách ca ngợi lãnh tụ như thế chưa phải là tình cảm của toàn dân đối với Hồ Chủ tịch.

Nghệ thuật tập thơ *Việt Bắc* có nhiều sức thấm vào lòng người đọc, vì nó hay gợi cái buồn kín đáo, man mác. Thời đại chúng ta có nhiều cái buồn, nhưng cái hơi buồn của một số bài thơ tập *Việt Bắc* là một hơi thở đã trở thành cũ kỹ, lạc hậu,

trong khi thời đại chúng ta đang tràn đầy một niềm vui lớn, một sức chiến đấu mãnh liệt, băng băng tiến tới...

Tập thơ *Việt Bắc* cũng có "nói" đến những cái đó, nhưng chưa "xây dựng" những cái đó. Vì chỉ "nói" thôi nên có thể êm tai, đẹp mắt, nhưng giả tạo, gò ép.

Đây, vui mừng giữa những người về giải phóng Hà Nội và những người ở Hà Nội giải phóng:

Hôm nay về lại đây Hà Nội
Giàn giụa vui lên ướt mắt cười
... Đường quen phố cũ đây rồi
Thủ đô tươi dậy mặt người như hoa
...Tay vui sóng vỗ rạt rào
Người về kẻ đợi, mừng nào mừng hơn

"Mừng nào mừng hơn" chưa thể bao hàm cái mừng vô cùng trong ngày lịch sử giải phóng Hà Nội.

Và đây là quang cảnh Hà Nội giải phóng.

Hồ Gươm xanh thắm quanh bờ
Thiên thu hồn nước mong chờ bấy nay
Bây giờ đây lại gặp đây
Quốc kỳ đỉnh tháp, sao bay mặt hồ

Sao quang cảnh thủ đô giải phóng lại "tĩnh" và lặng lờ như thế? Bài thơ *Lại về* là tâm trạng của một người du lịch se sẽ rung động vì cảnh, vì người gặp lại, rồi trong lòng lại yên tĩnh như không. Lạnh lùng, bàng quan và giả dối. Biết đâu bao nhiêu đau đớn quằn quại, bao nhiêu lúc vùng lên, ngã xuống rồi lại quật khởi cho đến ngày giải phóng thì tất cả Hà Nội trào lên như sóng bể.

Còn tình cảm chiến đấu? Cả bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* nói đủ ý về chiến thắng Điện Biên Phủ, nói đầy đủ

quá nên không chen vào chỗ nào được những tình cảm con người của chiến dịch Điện Biên. Bài thơ đó là một bài tham luận về chiến dịch Điện Biên đã thi vị hoá bằng một kỹ thuật khá điêu luyện.

Đao to búa lớn:

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Hoan hô đồng chí Võ Nguyên Giáp
Sét đánh ngày đêm xuống đầu giặc Pháp

Một loạt hình ảnh một chiều, cứng nhắc, kém sinh động:

Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
...Những đồng chí thân chôn làm giá súng
Đầu bịt lỗ châu mai
...Những bàn tay xẻ núi lăn bom

Những hình ảnh ấy đã có sẵn ở chiến trường và ở trong cảnh thực còn sâu sắc hơn trong bài thơ. Nếu bài thơ muốn ôm tất cả, cả đến Hội nghị Giơ-ne-vơ, thì còn hàng nghìn hình ảnh nữa cần phải nêu ra. Bài thơ đầy đủ quá cho nên thiếu thốn. Và kết luận:

Nhân dân Việt Nam anh dũng
Đã cầm súng tiến lên
Nhất định hoàn toàn thắng lợi

Một khẩu hiệu chính trị đã nêu lên ngay từ khi toàn quốc bắt đầu kháng chiến. Khẩu hiệu diễn biến trong tâm trạng người dân Việt Nam, trong lòng anh bộ đội thành những tình, những ý gì thầm kín, sâu sắc? Khẩu hiệu đó đã tạo ra bao nhiêu hình ảnh đẹp, mạnh, sinh động vô cùng trong thời đại chúng ta? Muôn sắc muôn màu, muôn hình vạn trạng trong chiến dịch Điện Biên, ta không thể tham vọng nói hết trong một bài thơ

và lại kết luận bằng khẩu hiệu.

Người đọc, đọc một bài báo tóm tắt về chiến dịch Điện Biên và đọc một bài thơ trên, có thấy gì khác không? Bài thơ dễ lọt tai hơn, thế thôi. Anh bộ đội đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ, không thấy được ở bài thơ chút gì tâm sự, bè bạn thâm tình. Nhiều độc giả bộ đội khen bài thơ hay rồi hôm sau thì quên. Bộ đội muốn có những bài thơ để nắn nót chép vào sổ tay, đút vào túi ngực, giữa hai đợt chiến đấu lại giở ra đọc, lúc vui, lúc lo nghĩ là lại lấy bài thơ làm người bạn tâm tình. Đa số bài thơ về bộ đội đã có trong tập *Việt Bắc* chưa thành người bạn tâm tình của bộ đội.

Vì nhiều bài thơ rộng quá, tổng hợp quá, "chính trị" quá, nên nó bao quát và tất nhiên trở nên chung chung đại lược. *Ta đi tới*, ta đi khắp cả và nhất định "ta đi tới" thống nhất đất nước. Lời đẹp, ý đúng, tình cảm bay rộng khắp nhưng không xoáy chặt vào lòng người. *Ta đi tới* cũng giống như *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* từ đầu đến cuối rất đầy đủ về ý nghĩa chính trị. Ở bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* tôi thấy những câu những chữ rắn chắc, sấm sét, hùng mạnh, đến bài *Ta đi tới* tôi thấy những chữ những câu bóng bẩy, tha thiết, trùng điệp những tên thị trấn địa phương để khêu gợi lòng yêu đất nước. Một cảnh lấp lánh ánh sáng khắp nơi, khi lại gần thì nhạt nhẽo, không thấy đẹp nữa.

Ở một số bài thơ gần đây của Tố Hữu, tôi thấy như vậy: Đầu tiên thì nêu lên một vấn đề rồi tiếp đến suy luận bằng những câu văn đèm đẹp. Thành phố đã phá trụi thì nhất định là ngày sau phải tưng bừng. Cha mẹ em bé Triều Tiên chết treo khủng khiếp, em bơ vơ lạc lõng thì nhất định là có cả một dân tộc ở bên em, săn sóc cho tương lai em, và nhất định em sẽ sung sướng. Đã chia ly Việt Bắc thì sau phải nghĩ đến Việt Bắc

và trao đổi hàng hoá với Việt Bắc. Điện Biên đã thắng thì nhất định ở Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ thêm điều kiện thuận lợi đấu tranh với kẻ thù. Thật khó mà tìm thấy một khuyết điểm nào về ý nghĩa chính trị. Những bài thơ đó đầy đủ thế, nhưng rất ít chất của cuộc sống một dân tộc đã đấu tranh gay go phức tạp và đã giành được thắng lợi hoà bình. Tôi thấy bài *Ta đi tới* hoặc bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* giống như một vại nước to, đầy tràn, pha loãng một màu sữa. Loãng quá. Tôi thèm một cốc dù nhỏ thôi, nhưng chan chứa những chất sống nuôi dưỡng tâm hồn.

Theo ý tôi, giá trị thơ không phải ở chỗ đầy đủ mạch lạc về một vấn đề chính trị. Thơ phải đi vào từng góc cạnh của tâm hồn từng lớp người đang xây dựng thời đại mới. Muốn nói tất cả phải đi sâu vào một khía. Và nhiều bài thơ góp lại, mỗi bài một góc tâm hồn khác nhau sẽ thành ra toàn bộ phản ảnh thời đại đi vào hiện thực chủ nghĩa. Như vậy từ con người đang dào dạt sức sống kết lại thành thơ, chứ không thể từ một khái niệm về đời sống, từ một luận đề chính trị viết ra thơ, dù rằng lúc viết, tác giả cũng cố tìm cảm xúc và tạo hình ảnh. Làm như thế, dễ rơi vào công thức, giả tạo. Và lập trường chính trị trong thơ chính là nói đúng được sự sống và xây dựng tâm hồn của con người đang sống trong một thời đại cách mạng. Ở thời đại chúng ta, cái *hiện thực xã hội chủ nghĩa* nhất là ở lòng người dân đang tiến lên đè bẹp đế quốc và phong kiến. Sức sống mãnh liệt này tôi thấy rất ít trong tập thơ *Việt Bắc*. Tôi đã ngâm nga những bài đứng về phía đánh đế quốc chủ nghĩa để xem con người Việt Nam đứng lên tiêu diệt đế quốc xâm lược ra sao? Tôi thấy nhiều chữ, nhiều lời, nhiều cảnh đẹp và buồn, ít thấy hình ảnh con người điển hình của thời đại hiện ra

bằng xương thịt rắn chắc, bằng đau đớn xót xa, bằng bước đi vững chãi. Thơ nói:

Ta đi tới trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông

Tôi vẫn chưa thấy con người bước đi rắn như thép cụ thể ở chỗ nào. Và "trùng trùng điệp điệp" chỉ là bốn chữ cố khêu gợi sức mạnh nhưng bản thân sức mạnh ấy không hiện ra.

Còn những con người đau khổ tủi nhục vì bị giai cấp địa chủ bóc lột đến xương tuỷ, những người nông dân ngấm ngầm nuôi sức mạnh và rồi ào ào tiến lên, phá tung cảnh đọa đầy của mấy nghìn năm phong kiến, tôi chỉ thấy vẻn vẹn có hai câu nói hăng hái nhưng trống rỗng:

Những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!

Đọc thơ và ngâm những bài thơ trong tập *Việt Bắc*, nhiều khi tôi thường có cảm giác buồn ngậm ngùi, đôi lúc xa vắng. Có ấm áp cũng là cái ấm áp mong manh chóng tắt và thấy cái đẹp cũng nhè nhẹ mơ màng. Đôi khi thấy tha thiết mến thương nhưng không được bao lâu vì nhẹ quá và rộng quá. Tôi thèm ở Tố Hữu những bài thơ tâm sự với mình lâu dài. Nhưng trong tập *Việt Bắc*, phần lớn tôi chỉ gặp những bài rủ rỉ một lát rồi thôi.

Rồi tôi suy nghĩ: Những bài thơ nào diễn tả lòng người sâu sắc nhất, lòng người của một thời đại, nhất định đều để lại trong lòng người ta những hình ảnh rung động lâu bền nhất. Tập thơ *Việt Bắc* ít chất thực tế để đúc thành thơ. Đành rằng cần phải có những bài thơ do suy luận, nhằm mục đích

hô hào, động viên, nhưng thực chất của bài thơ vẫn phải tìm trong cuộc sống sâu sắc. Thiếu sự sống phong phú, thơ trở nên vô duyên, khô khan, dù lời đẹp ý tốt. Tôi đã đọc nhiều bài thơ "mới nghe thì hay, nghe nhiều lần thì chán". Đó cũng là cảm tưởng cuối cùng của riêng tôi đối với tập thơ *Việt Bắc*.

HOÀNG CẦM

Văn nghệ, s. 67 (1.4.1955)

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ

Trong vòng hơn một tháng nay, một phong trào phê bình đã nhóm lên trong giới văn nghệ với những cuộc hội họp thảo luận về truyện *Vượt Côn đảo* của Phùng Quán, tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, và những bài phê bình về hai tác phẩm đó đăng trên các báo *Văn nghệ*, cơ quan của Hội Văn Nghệ Việt Nam, *Sinh hoạt văn nghệ*, của quân đội và một vài báo khác. Báo *Nhân dân*, rất hoan nghênh phong trào phê bình văn nghệ hiện nay, vừa rồi cũng đã đăng bài của các bạn Đức Minh, Thúc Đạt phát biểu ý kiến về truyện *Vượt Côn đảo*, bài của Hoàng Yến về tập thơ *Việt Bắc*.

Đó là một dấu hiệu tốt cho văn nghệ. Việc phê bình có tác dụng nâng cao lập trường, tư tưởng của anh chị em trong công tác văn nghệ, giúp anh chị em nhận rõ những ưu điểm cần phát huy, những khuynh hướng sai lầm cần sửa chữa, để tiến tới xây dựng những tác phẩm có giá trị hơn nữa về nội dung và nghệ thuật.

Cuộc phê bình truyện *Vượt Côn đảo* và tập thơ *Việt Bắc* đã được một số khá đông anh chị em công tác văn nghệ ở thủ đô sốt sắng hưởng ứng. Điều đó tỏ rõ trong các buổi họp thảo luận do Hội Văn nghệ Việt Nam và Phòng Văn nghệ quân đội tổ chức, hoặc bằng những bài phê bình gửi đăng trên các báo. Nhưng muốn thu được nhiều kết quả, cuộc phê bình cần được

sự hưởng ứng rộng rãi hơn nữa của giới văn nghệ, không những ở thủ đô, mà cả ở các khu, các tỉnh. Ngoài ra cuộc phê bình cũng cần được sự hưởng ứng và tham gia của quần chúng. Báo *Sinh hoạt văn nghệ* vừa rồi đã có sáng kiến trích đăng một số thư của bộ đội nhận xét về cuốn *Vượt Côn đảo*. Chúng tôi thấy đó là một ưu điểm. Vì những tác phẩm văn nghệ của chúng ta ngày nay đã có một số người đọc tương đối đông đảo trong hàng ngũ bộ đội, cán bộ, học sinh, trí thức, trong nhà máy và ở nông thôn. Do đó, việc thu thập những ý kiến phê bình của quần chúng là một điều cần thiết. Mặt khác, tiếng nói phê bình của quần chúng cũng đã đặt một sự liên hệ tốt giữa người đọc và nhà văn, một sự liên hệ chỉ có thể thực hiện dưới chế độ dân chủ của chúng ta, và có tác dụng khuyến khích nhà văn trên con đường tu dưỡng và sáng tác.

Để mở rộng phong trào phê bình, trước hết phải phát huy tự do tư tưởng trong phê bình, mỗi người cần mạnh dạn và thành thật nói lên những ý nghĩ đối với tác phẩm đề ra phê bình. Mục đích duy nhất của sự phê bình đúng đắn là giúp đỡ nhau học tập, tiến bộ, gây một không khí phấn khởi sáng tác. Các cuộc thảo luận phê bình truyện *Vượt Côn đảo* và tập thơ *Việt Bắc* cho thấy rằng nói chung anh chị em công tác văn nghệ có một thái độ phê bình xây dựng cần hoan nghênh. Bên cạnh đó, cũng có một vài hiện tượng phê bình cần tránh là thiếu tinh thần xây dựng, giúp đỡ. Phê bình với thái độ đả kích hoặc thiên vị cố nhiên không đúng. Nhưng nay phong trào phê bình mới chớm bắt đầu, hiện tượng e dè còn nhiều, ta cần khuyến khích làm sao để mọi người hăng hái tham gia phong trào phê bình. Còn những lệch lạc có thể xảy ra thì không đáng ngại. Và nhất là khi phong trào phê bình chưa hăng hái rộng rãi mà ta nhấn mạnh quá về thái độ phê bình, e rằng khó gây được một phong trào rộng rãi hoặc khó gây

được thành phong trào

Muốn cho công tác văn nghệ của ta tiến lên mãi, chúng ta cần nhân dịp này mở rộng phong trào phê bình, tự phê bình về một số tác phẩm. Rồi do những cuộc phê bình ấy mà đi đến những kết luận cần thiết, giúp ích cho công tác của chúng ta từ đây về sau.

Báo *Nhân dân* rất hoan nghênh các bạn đọc có ý kiến phát biểu về hai tác phẩm trên. Vì hiện nay ta còn nhiều công tác lớn hơn rất quan trọng nên thì giờ và tâm sức để vào việc phê bình văn nghệ này chỉ có hạn. Cuối cùng báo *Nhân dân* sẽ phát biểu ý kiến của mình đối với hai tác phẩm nói trên để cùng các bạn trao đổi ý kiến(*).

Nhân dân, 10.4.1955

(*) Bài này không ký tên tác giả. Có thể coi đây là ý kiến của Ban biên tập báo *Nhân dân*.

TIN VĂN HOÁ

(trích)

Hai cuộc nói chuyện văn nghệ

Tối 5-4-1955, trước 3000 sinh viên các ngành đại học và đại học nhân dân, anh Xuân Diệu đã nói chuyện về "Địch và Ta trong thơ Tố Hữu".

Tối 8-4-1955, nhân buổi Thành Đoàn Thanh niên Việt Nam ở Hà Nội phát giải thưởng cho cuộc thi ca dao chống Mỹ, cùng một diễn giả đã nói chuyện trước 400 thanh niên về " Thơ ca kháng chiến của nhân dân".

Văn nghệ, số 68 (11.4.1955)

CUỘC HỘI NGHỊ PHÊ BÌNH TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU LẦN THỨ 2 SÔI NỔI VÀ TIẾN BỘ RÕ RỆT

Sau cuộc họp thứ nhất tối 31-3-1955, Ban văn học Hội văn nghệ Việt Nam lại triệu tập cuộc họp tối 7-4-1955 phê bình lần thứ hai tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Lần họp này chủ yếu vẫn dành riêng cho những anh chị em trong ngành thơ và một số bạn yêu thơ. Có 68 người dự, trong đó có 5 phụ nữ, nhiều anh em công tác văn thơ miền Nam và nhiều anh em văn nghệ bộ đội. Những nhà thơ quen biết đều có mặt: Tú Mỡ, Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Hoàng Trung Thông, Bảo Định Giang, Tế Hanh, Hằng Phương. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng cục chính trị cũng tới dự. Lần này lại có thêm các giáo sư đại học Hoàng Xuân Nhị, Trần Văn Giầu tham gia. Không khí thảo luận sôi nổi hơn lần trước.

Cũng như lần trước, cuộc họp này chứng tỏ dưới chế độ dân chủ cộng hoà, tự do tư tưởng đang được phát triển, và giữa thủ đô Hà Nội không khí phê bình, tự phê bình lành mạnh đang thu hút các bạn văn nghệ cùng nhau tìm rõ phương hướng tiến lên. Trong buổi họp, cuộc thảo luận xoay quanh vấn đề mà Hoàng Yến đã đặt ra " thơ Tố Hữu đã hiện thực chưa? ". Nhiều bạn đã đi sâu phân tích, so sánh thơ Tố

Hữu trong thời kỳ đấu tranh bí mật và thơ Tố Hữu trong thời kỳ kháng chiến vừa qua. Việc phê bình đang dần dần đi vào nề nếp suy luận chín chắn, căn cứ vào hoàn cảnh thời gian, không gian và xúc cảm thật của tác giả trong khi sáng tác mà đối chiếu với tiêu chuẩn tư tưởng của văn học, phê bình với tinh thần xây dựng. Nhà văn Nguyễn Hữu Đang phát triển những ý kiến đã phát biểu trên báo của Hoàng Yến và Hoàng Cầm cho rằng trong tập thơ *Việt Bắc* cái buồn tiểu tư sản rơi rớt từ đầu đến cuối và không thấy con người Việt Nam qua kháng chiến thử thách lớn mạnh lên chút nào. Giáo sư Hoàng xuân Nhị và thi sĩ Huy Cận bênh vực những bài thơ của Tố Hữu đã bị phê bình nhiều nhất. Theo giáo sư Hoàng Xuân Nhị, thơ Tố Hữu đã được nâng cao, đã đạt tới chỗ "thơ ở ngoài lời" mà người xưa đã nói. Thi sĩ Huy Cận muốn phân biệt chủ nghĩa hiện thực với tưởng tượng lãng mạn, và cho rằng chủ nghĩa hiện thực là đi từ thực tế theo một hướng phát triển có lãnh đạo của giai cấp công nhân mà sáng tác, như vậy thì thơ Tố Hữu trước kia có nhiều tính chất tưởng tượng lãng mạn, còn thơ Tố Hữu ngày nay là hiện thực chủ nghĩa: hướng chung là có đi lên trên cơ sở thực tế. Tuy vậy theo thi sĩ Huy Cận, tập thơ *Việt Bắc* chưa phải là kiệt tác, chất thơ có hạn, gợi đồng cảm còn ít, nhiều chỗ còn ngậm ngùi, rơi rớt buồn.

Thi sĩ Huy Cận nhường lời cho thi sĩ Lưu Trọng Lư, chưa nói hết ý kiến mình về điểm này. Nhiều người còn muốn phát biểu ý kiến nhưng vì thời giờ hạn chế nên phải để đến những lần khác.

N.H.

Nhân dân, 11.4.1955

CUỘC HỌP THỨ BA THẢO LUẬN VỀ TẬP THƠ *VIỆT BẮC*

Tiếp theo hai cuộc họp trước, tối thứ năm 14-4-1955 Ban văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam đã triệu tập cuộc họp thứ ba để thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Đến dự, cũng như trong hai cuộc họp trước, có đông đủ anh chị em quen biết trong ngành thơ và một số anh chị em yêu thơ hoặc hoạt động trong các ngành nghệ thuật khác.

Cuộc thảo luận rất sôi nổi vẫn xoay quanh vấn đề tính chất hiện thực trong thơ Tố Hữu.

Cuộc thảo luận vẫn tiếp tục.

Nhân dân, 17.4.1955

TIN VĂN HOÁ

(trích)

Các cuộc họp phê bình tập thơ *Việt Bắc*

Tối 7 và tối 14 - 4 - 55 vừa qua Ban Văn học Hội Văn nghệ Việt Nam tiếp tục triệu tập các cuộc họp phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu. Các buổi họp này vẫn chủ yếu dành riêng cho anh chị em trong ngành thơ và một số bạn yêu thơ. Các giáo sư đại học, sinh viên, cán bộ phụ nữ, nhiều anh em công tác Văn nghệ miền Nam và nhiều anh em văn nghệ và cán bộ quân đội đều có mặt.

Văn nghệ, s. 69 (21.4.1955)

SỔ TAY VĂN NGHỆ

(*trích*)

Trong một bài thảo luận về tập thơ *Việt Bắc*, tác giả có viết một câu: "Phút công đồn là phút quyết liệt nhất trong cuộc đời người lính chiến đấu... Nhân dân nuôi cơm nghìn bữa để hôm nay đánh giặc một giờ..."(*).

Tôi rất hiểu tác giả muốn nói bộ đội biết ơn nhân dân, biết ơn công sức của nhân dân, nên quyết tâm vì nhân dân diệt địch. Nhưng cách nói không ổn. Đọc câu này tôi liên tưởng nhớ đến thời nhỏ đọc sách truyện Trung Quốc, khi các nhà vua và tướng phong kiến đưa quân đi đánh trận, chúng thường kể ơn cho ăn cho mặc, đại khái nói: "Nuôi quân nghìn ngày, dùng quân một lúc"..v.v.. Câu văn của tác giả cũng vậy, có tính cách đếm ngày nuôi, đếm bữa ăn, đếm giờ đánh giặc, gợi ra một tương quan đếm lường không đúng. Nhất định chúng ta không bao giờ có ý nghĩ "Ăn cơm bà chúa, bây giờ múa đi!".

Tinh thần tác giả muốn nói một đằng, câu văn tác giả lại nói một nẻo.

HIỆN THỰC(2)

Văn nghệ, s. 68 (11.4.1955).

(*) Đây là ý và câu trích từ bài của Hoàng Yến.

(**) Hiện Thực là bút danh ký dưới các bài trong tiểu mục "Sổ tay văn nghệ" của báo Văn nghệ trong năm 1955. Chưa rõ những nhà văn nào thường viết cho mục này. Sang năm 1956, một trong số những người viết mục này ký là Bạch, tức là nhà văn Nguyễn Tuân.

GIAI CẤP TÍNH TRONG THƠ TỐ HỮU

LÊ ĐẠT

Phê bình thơ Tố Hữu có phải để đánh giá một người không?

Nếu thế thì chúng ta cũng chẳng phải tranh luận nhiều làm gì.

Yêu cầu của chúng ta lớn hơn. Chúng ta muốn nhân tập thơ Tố Hữu đề cập đến vấn đề hiện thực trong thơ, đến vấn đề đấu tranh cho chủ nghĩa hiện thực mới, nó là một vấn đề sống còn của văn nghệ hiện nay. Cán bộ chúng ta chịu trách nhiệm trước phong trào, cũng như trước quần chúng. Cho nên thích hay không thích cũng phải đứng trên yêu cầu đó. Trong những cái thích hay không thích lẫn lộn, nhiệm vụ của chúng ta là phải rút ra những nguyên tắc, những nhận định căn bản để hướng dẫn dư luận, hướng dẫn cái thích của quần chúng.

Một tác phẩm được hoan nghênh nhất định là có một giá trị nào. Nhưng hoan nghênh như thế không có nghĩa là đã hiện thực, đã tiêu biểu được cho cái mới.

Bây giờ không ai còn "bốc"như Xuân Diệu, ca tụng thơ Tố Hữu là tiêu biểu cho thời đại, là lá cờ dẫn đầu của thi ca Việt Nam nữa rồi. Người ta suy nghĩ chín chắn hơn và bắt đầu dè dặt.

Hoàng Cầm và một số anh em thấy thơ Tố Hữu buồn. Nhưng tại sao buồn? Thực chất của cái buồn đó như thế nào?

Hoàng Yến và một số anh em khác nhận xét tập *Việt Bắc* không hiện thực, không thể hiện được cuộc sống nhiều mặt của thực tế. Nhưng vì đâu mà không hiện thực?

Căn bản của vấn đề là ở đâu?

Nếu ta cứ trích từng bài hay từng câu, chẻ sợi tóc ra làm tư để phân tích, phê phán thì khó có thể dẫn đến kết quả mong muốn.

Tính chất hiện thực của một nhà thơ không phải chỉ nằm trong một câu hay một bài mà ở toàn bộ những bài thơ, không phải ở một vài chữ, một vài hình ảnh, một vài ý, mà ở toàn bộ điệu thơ nó là điệu tâm hồn của tác giả.

Mà nói đến hiện thực là phải nói đến giai cấp. Căn bản của vấn đề hiện thực là vấn đề giai cấp. Thực chất của cái buồn trong thơ Tố Hữu cũng là vấn đề giai cấp. Tách rời khỏi vấn đề giai cấp sẽ không thể nào bàn đến vấn đề hiện thực một cách sâu sắc và triệt để được. Tách rời khỏi vấn đề giai cấp thì cũng như thầy bói xem voi, người sờ được cái vòi, người sờ được cái tai, mà không hiểu được toàn thể con voi như thế nào.

Đi tìm tính chất giai cấp trong thơ Tố Hữu, ta thấy gì?

Ta thấy tác giả có nhiều cố gắng đi tới công nông, nhưng vì sự thâm nhập thực tế của tác giả còn thiếu sót nên trong thơ của Tố Hữu còn rơi rớt nhiều tính chất tiểu tư sản biểu hiện ở tính chất ngậm ngùi, buồn buồn, ít hành động,

nó toát ra từ đại bộ phận những vần thơ của Tố Hữu, nó là cơ sở của điệu tâm hồn Tố Hữu. Cái điệu ngùi ngùi, heo hút ấy nó không phải là thực chất tâm hồn của công nông, tâm hồn yêu đời tự tin của những người chiến thắng, chiến thắng kẻ thù, chiến thắng hết thảy để xây dựng lại xã hội.

Người ta thường ca ngợi thơ Tố Hữu nhiều tình. Hình ảnh của những bà mẹ thật đằm thắm, nhưng ngùi ngùi làm sao! Bà mẹ giữa cảnh "*heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn*", "*chân lội xuống bùn tay cấy mạ non*" mong manh buồn tủi quá.

Nói đến bộ đội cũng thế, Tố Hữu nghĩ ngay đến

Người lính trường chinh áo mỏng manh

và

Bước run bước ngã, bước lầy, bước trơn

Lòng yêu của Tố Hữu làm người bộ đội bé hẳn lại. Tố Hữu mang cái ngậm ngùi, cô đơn tiểu tư sản của mình khoác cho thực tế.

Cái yêu mến của Tố Hữu còn nhiều rơi rớt xót xa của thời đại trước, cái xót xa của con người bất lực trước xã hội, con người chưa nhận thức được đầy đủ sức mạnh của tập thể, chưa khắc phục được cái buồn thương tiểu tư sản. Về bài *Việt Bắc* cũng thế, tác giả đã nhuộm bài thơ trong một màu ly biệt ảm đạm, heo hút:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng măng mai để già.

Ta thấy Việt Bắc nhỏ bé quá. Việt Bắc sướt mướt như một người đàn bà sợ bị tình phụ. Có người nói bài *Việt Bắc* âm điệu phong phú, hình ảnh đằm thắm nghe hay lắm.

Nhưng kết quả bài thơ dạy ta cái gì, cho ta cái gì? Đọc xong bài thơ, thương nhớ ngậm ngùi tràn ngập lòng ta.

Bài thơ làm ta rung động. Nhưng thơ có phải chỉ là rung động thuần tuý theo cảm tình đâu, thơ còn là tư tưởng, là hành động. Xét một tác phẩm không thể chiều theo những rung cảm chưa được giáo dục kỹ của mình.

Nói như thế không phải chúng ta không chủ trương nói buồn nói nhớ. Trong kháng chiến, trong cuộc đời mới lớn lên của chúng ta có bao nhiêu vui, buồn, nhớ, thương, giận, ghét, nếu bóc hết cả đi thì còn gì là đời sống con người nữa? Phải nói, nói hết, nhưng nói gì thì nói, kết quả cũng phải làm ta thêm yêu, thêm giận, thêm tin tưởng, thêm quyết tâm chiến đấu. Chúng ta chống là chống "tình cảm chủ nghĩa" tiểu tư sản, yếu ớt, cũng như chúng ta chống chủ nghĩa công thức bất cứ bài gì cũng phải nhét các thứ khẩu hiệu vào cho đủ mặt hàng.

Lại có người nói: "Bài *Việt Bắc* phản ảnh được đúng sự nhớ thương của tôi khi tôi rời trên ấy về xuôi". – Đúng. Mới đầu tôi đọc tôi cũng thấy thế. Nhưng vấn đề là cái "tôi" nào? Trong mỗi người, ta không nên quên, đều có hai cái "tôi": cái "tôi" cũ và cái "tôi" mới. Nhiều lần ta cứ nhầm cho rằng cái "tôi" cũ, cái "tôi" tiểu tư sản, đại diện cho mình. Không! Cái "tôi" mới, cái "tôi" của thời đại, của Đảng, mặc dầu sinh sau đẻ muộn, đôi khi còn non, nhưng cái "tôi" đó mới xứng đáng đại diện cho chúng ta.

Nhiệm vụ của văn nghệ là giáo dục những tình cảm lớn, giúp chế độ đào tạo thêm những anh hùng; nếu thấy gì viết thế, cảm xúc thế nào, viết thế ấy, sẽ rơi vào tự nhiên chủ nghĩa, không những không có lợi mà còn có hại.

Thơ Tố Hữu không những có nhiều rơi rớt tiểu tư sản mà còn nhiều rơi rớt phong kiến nữa.

Không thể quan niệm một cách quá giản đơn như Vũ

Đức Phúc, nhất định cho rằng "một người đã vào sinh ra từ bao nhiêu năm trời như Tố Hữu"... nhất định phải như thế này như thế khác. Suy luận như vậy rất dễ dẫn đến những nhận xét chủ quan sai lầm. Nếu thế thì cần gì phải xem thơ mới phê bình được, chỉ xem tên tác giả hay lý lịch tác giả có lẽ cũng quá đủ rồi.

Để dẫn chứng tôi xin phân tích một số tình cảm lớn của thời đại trong thơ Tố Hữu. Tôi sẽ không nói về tình cảm đối với Đảng vắng mặt một cách quá rõ rệt trong tập thơ (ngoài mấy câu khô khan:

Buồn là Lao động
Gió là Đảng ta

in ở đầu tập thơ, tình cảm đối với Đảng còn có gì trong suốt tập thơ?) và tình cảm đối với chế độ cụ thể trong tình cảm đối với nông dân chuyển mình trong cách mạng ruộng đất.

Tôi chỉ đề cập đến vấn đề tình cảm đối với lãnh tụ. Trước hết phải nói ngay trong những bài thơ ca ngợi lãnh tụ của chúng ta những bài thơ của Tố Hữu tương đối là những bài trội nhất.

Nhưng cũng cần phải phê bình nghiêm khắc, vì tôi cho tình cảm trong những bài đó chưa thật đúng với nhân sinh quan mới. Còn nhiều rơi rớt phong kiến quá, chưa thể hiện được đúng bản chất của lãnh tụ cách mạng.

Nói về Bác, Tố Hữu viết trong bài *Việt Bắc*:

Nhớ ông cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo

Ta thấy một ông già tiên phong đạo cốt, nhàn tản đi giữa một cảnh thần tiên, thong dong một cách rất Lão Trang. Từ

một người chiến đấu cách mạng kết tinh đến cao độ cái phần sâu sắc nhất của triết học phương Đông với cái hành động mau lẹ, sáng suốt, quyết liệt của một người Bôn-sê-vích, tác giả do cái thích thú chủ quan của mình, đã đẩy lùi hình ảnh lãnh tụ vào quá khứ. Một người mới nhất, đẹp nhất, cao quý nhất của dân tộc, qua cái nhìn không đúng của tác giả, trở thành một đạo sĩ tầm thường.

Về bài *Sáng tháng Năm* cũng vậy, trong những câu thơ

Bác ngồi đó lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng, ruộng đồng nước non...
Trán mênh mông thanh thản một vùng trời

tác giả truyền cho ta một cảm giác nguy hiểm là ta thấy ta nhỏ bé quá. Hình ảnh lãnh tụ choán hết cả. Lãnh tụ là một trái núi mà ta chỉ là một con kiến nhỏ.

Theo ý kiến tôi, ở đây bài thơ cũng mắc phải cái bệnh tôn sùng lãnh tụ nhuốm nhiều mầu sắc thần thánh hoá phong kiến còn rất phổ biến trong chúng ta.

Lãnh tụ của ta và lãnh tụ phong kiến là hai vấn đề khác nhau ở căn bản.

Lãnh tụ phong kiến biệt lập với nhân dân quần chúng. Lãnh tụ phong kiến tự tạo cho mình một uy thế dị thường đè bẹp những con người quần chúng. Lãnh tụ là trời, nhân dân là cát bụi, lãnh tụ là tất cả, nhân dân là không cái gì. Còn lãnh tụ của ta khác. Khác một trời một vực. Lãnh tụ với nhân dân là một. Lãnh tụ là cha của dân tộc, nhưng đồng thời cũng là con của dân tộc. Hồ Chủ tịch lớn là do nơi đại diện cho những con người cũng lớn vì có đấu tranh cách mạng. Uy tín của Hồ Chủ tịch là uy tín của quần chúng. Cho nên đề cao Hồ Chủ tịch bằng cách xoá nhoà chúng ta đi, làm bé chúng ta đi, là thu nhỏ hình ảnh Hồ Chủ tịch lại.

Tôi lược dịch ra đây một đoạn thơ của Mai-a-kốp-ski nói về Lê-nin để so sánh cho dễ thấy điều đó.

Nếu trên đầu Lê-nin chúng đặt một vòng
hào quang
Tôi sợ chúng làm lấp mất
Vầng trán thật của Lê-nin
Vầng trán rộng, nhân đạo và sáng suốt
Tôi sợ những đám rước, những đền đài
Lòng chiêm ngưỡng, những nghi lễ
Sẽ làm chết đuối trong nước phép
Lê-nin và tính giản dị của Người
Có thể nào quan niệm Lê-nin
Như một lãnh tụ nhờ phước lành của thượng đế
Nếu Lê-nin có vẻ vua chúa hay thần thánh
Vô cùng căm phẫn và không giữ gìn nữa
Tôi sẽ chặn ngang đám tang
Và vứt vào bọn chiêm ngưỡng mù quáng
Những lời nguyền rủa[1]

Khoẻ mạnh chân tình và tự hào bao nhiêu! Chúng ta tự hào vì lãnh tụ, nhưng lãnh tụ cũng tự hào vì chúng ta.

Tôi nói về một thiếu sót lớn nữa trong thơ Tố Hữu: tính chất xa thực tế, xa quần chúng.

Thơ Tố Hữu nhiều người thuộc thật đấy, dễ hiểu thật đấy nhưng vẫn xa quần chúng, vì quần chúng tính của một tác phẩm căn bản là có nói lên được đúng những băn khoăn mơ ước hàng ngày của quần chúng hay không. Thơ Tố Hữu mới

(1) Trích dịch bài "*Lê-nin*" một bài thơ trên 3.000 câu của Mai-a-kốp-ski, nhà thơ mà Sta-lin đã cho là lớn nhất của thời đại xô viết (nguyên chú của Lê Đạt).

chỉ một phần nào quần chúng ở hình thức. Nội dung của thơ Tố Hữu chưa theo sát được cuộc đời.

Thơ của Tố Hữu thiếu nhiều hình ảnh mới đương nẩy nở trong cuộc đời mới. Thơ Tố Hữu nhiều nhớ thương hơn là hành động. Thơ Tố Hữu ít hiện tại và ít tương lai. Những câu thơ có nhiều truyền cảm của Tố Hữu là những câu thơ buồn thương và nhớ.

Còn khi Tố Hữu đề cập đến những vấn đề hiện tại thì nhiều chỗ sượng và tầm thường:

Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
...Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu

hay

Chúng bay chỉ một đường ra
Một là tiêu diệt hai là tù binh

và đoạn cuối của bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*:

Ở Việt Nam các anh nên nhớ
Chính nghĩa thật là đáng sợ...

Tính chất tiểu tư sản và thiếu thực tế còn ảnh hưởng cả đến hình thức những câu thơ. Lời thơ bàng bạc, đèm đẹp như ở một thời gian xa xa nào, những câu lục bát nhiều dáng dấp của Nguyễn Du hơn là của ca dao:

Trông nhau tủi tủi mừng mừng
Lời thề Độc lập vang lừng nước non
.....
Mười năm những mấy ngàn ngày
Nhớ không thấy mặt đợi rầy đợi mai
.....

Bao phen tan cửa nát nhà
Đầu rơi máu chảy biết là mấy thân

Đôi chỗ giống hệt những câu sáo nhất của thơ Tản Đà:

Nước trôi nước có về nguồn,
Mây đi mây có cùng non trở về

Chính sự xa rời cuộc sống làm hơi thơ Tố Hữu càng ngày càng đuối. Tác giả phải tiêu dùng vào vốn cũ nhiều quá nên những bài sau (từ bài *Lại về* trở đi) hơi thơ yếu, điệu thơ và hình ảnh cũ lại xâm nhập vào rất mạnh.

Cứ so sánh những bài đầu tập thơ và những bài cuối tập thơ thì thấy rõ. Khi nào Tố Hữu chịu đi sát thực tế thì tính chất ngậm ngùi tiểu tư sản bớt đi, nhưng càng về sau càng xa thực tế, tính chất tiểu tư sản càng ùa vào. Con đường đi của tập thơ *Việt Bắc* có thể nói là đi từ chỗ tương đối thực tế, sa dần vào khái niệm trừu tượng. Hiện tại thụt chân vào trong dĩ vãng. Quá khứ tấn công mạnh vào thơ Tố Hữu. Nhiều khi ta thấy như thơ Tố Hữu bất lực trong việc diễn tả hiện tại.

Nói về mười năm trưởng thành của dân tộc, sau khi nhớ thương nhắc đến những ngày gian khổ đã qua trong những câu thơ tê tái xót xa:

Nhớ ngày súng mất đạn không
Mùa hè giặc quét mùa đông giặc về v.v...

Tố Hữu nhắc đến cái vĩ đại phấn khởi của hiện tại:

Lòng ta lại thấy ngày mai
Chân đi mỗi bước nở vài bông hoa
.....
Người đi thác chảy qua rừng
Hoa đâu về nở tưng bừng Thủ đô.

Sao mà vắng lặng và xưa cũ thế!

Nhất là bài *Quê mẹ* (chưa in trong tập *Việt Bắc*), từ ý thơ đến hình ảnh, đến âm điệu nhiều điểm cũ quá. Có những câu:

Mây núi hiu hiu chiều lẳng lặng
Mưa nguồn gió biển nắng xa khơi
Tiếng hát đâu mà nghe nhớ thương
Mái nhì man mác nước sông Hương
Hà ơi tiếng mẹ ru nhè nhẹ
Cay đắng bao nhiêu nỗi đoạn trường
.....
Lòng ta như nước Hương Giang ấy.

Ta tưởng đâu như thơ hồi 1936.

Tính chất tiểu tư sản và xa thực tế là hai khuyết điểm căn bản nó cản trở khả năng hiện thực của Tố Hữu. Nó là nguyên nhân của cái buồn, cái công thức, cái hời hợt rải rác trong tập thơ[1].

Vì thiếu thực tế nên Tố Hữu phải suy luận. Suy luận lại không trải qua lao động sáng tác gian khổ nên bố cục lỏng lẻo, nhiều bài giống nhau, tham ý, tham lời, thiếu tính chất cô đọng sâu sắc và tổ chức chặt chẽ của một tác phẩm nghệ thuật (Xem *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Lại về, Mười năm* và cả *Ta đi tới* nữa).

Thiếu thực tế, thiếu nghiền ngẫm suy nghĩ thật thấu đáo, không sống bài thơ mình một cách thật sâu sắc, không thể tạo được một bài thơ hay.

Chắc có bạn sẽ nói: "Làm thơ khó thế thì còn ai dám làm?"

Tôi thấy đã đến lúc có thể nói thẳng với nhau là làm thơ rất khó, khó và nhọc như bất cứ một công việc lương thiện nào ở trên đời.

---

(1) Bản gốc: in nét đậm 2 câu này (NST).

Người ta phải học năm mười năm mới thành một người thợ, sao người ta lại muốn "vẩy bút" thành thi sĩ.

Chúng ta làm thơ cũng như người thợ sản xuất, người nông dân cày ruộng, người cán bộ làm chính trị.

Một số anh em làm thơ hay than phiền là bị một số cán bộ các ngành khác coi thường. Theo ý kiến tôi, lỗi tại các cán bộ kia một phần (vì còn mang nặng cái lối đánh giá của thời đại cũ) nhưng một phần cũng lỗi tại chúng ta. Chúng ta còn chưa thật coi trọng nghề nghiệp của mình.

Từ nãy đến giờ tôi nêu ra toàn những khuyết điểm. Tập thơ không có chút ưu điểm nào chăng?

Không phải. Việc tập thơ còn được một số đông trong quần chúng hoan nghênh đủ là một bảo đảm cho giá trị của nó trong giai đoạn hiện tại.

Thơ Tố Hữu, đứng về một phương diện nào mà nói, là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị. Tố Hữu hơn một số anh em làm thơ ở chỗ giải thích chính sách bằng thơ có rung cảm mặc dầu rung cảm còn vương vất tàn tích tiểu tư sản. Thơ Tố Hữu nhiều chỗ là những bài học về chính sách tốt.

Nhưng là những bài học về chính sách tốt không phải là đã hiện thực, đã công nông. Ý tốt, ý đúng không phải đã là toàn bộ vấn đề nội dung của Thơ. **Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là vấn đề điệu tâm hồn của tác giả**[1]. Tôi thấy mức giá trị của thơ Tố Hữu, của điệu tâm hồn tác giả toả ra trong tập thơ là mức **tiểu tư sản cách mạng**[2]. Ưu điểm của Tố Hữu là ở đó, nhưng khuyết điểm của Tố Hữu cũng là ở đó.

Chắc các bạn cho là tôi đòi hỏi nhiều quá.

---

(1) - (2) Những chỗ này bản gốc in nét đậm (NST).

Nhiều và không nhiều.

Nếu bạn chỉ đòi hỏi tập thơ xem được, một tập thơ của một người yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất và so sánh với một vài tập thơ khác để đánh giá thì quả là có nhiều.

Nhưng nếu các bạn muốn đòi hỏi hơn ở thơ Tố Hữu, một nhà thơ hoạt động cách mạng mà bạn tin là còn có nhiều khả năng đóng góp hơn nữa, nếu các bạn muốn đứng vững trên lập trường hiện thực xây dựng một nền thơ Việt Nam chân chính thì chẳng có gì là nhiều cả. Phê bình Tố Hữu cũng là tự phê bình, cũng là phê bình thơ hiện đại nói chung.

Viết đến đây, tôi không thể không nghĩ đến con người Tố Hữu, đến một nhà thơ tương đối được rèn dũa lâu năm trong Cách mạng, tha thiết muốn góp phần tâm hồn của mình vào nền thơ Việt Nam.

Và tôi thấy làm thơ thật là gian khổ. Có khi tư tưởng, trí tuệ mình đã chuyển rồi, mà tình cảm vẫn còn vướng víu ở những đâu! Những rơi rớt của con người cũ bám lấy chúng ta như những kẻ chết đuối vớ được cọc. Đấu tranh chật vật và gian khổ. Nhưng chúng ta không sợ. Chúng ta là những người làm thơ có lý tưởng tha thiết với Cách mạng, với chủ nghĩa hiện thực như với hơi thở của mình. Và cũng như Cách mạng, hiện thực chính là vấn đề giai cấp, vấn đề công nông. Kiểm điểm lại, ta thấy nhiều khi ta quên mất điều đó trong sáng tác, chúng ta còn để buông ngòi bút chạy theo cảm hứng chủ quan của mình, chưa duyệt lại bản thân một cách nghiêm khắc, lấy tư tưởng, tình cảm của công nông làm một cái sàng, lọc những tình cảm yếu ớt tiểu tư sản ra ngoài. Công việc khó khăn và lâu dài, đòi hỏi chúng ta nhiều cố gắng trau dồi tư tưởng, tình cảm, quyết tâm đi vào công nông, đồng cam cộng khổ với họ. Không phải một lúc đã có thể có những bài thơ

hoàn toàn công nông ngay. Nhưng càng khó khăn, càng hăng hái, càng quyết tâm. Không phải khó khăn mà không dám làm thơ. Chúng ta sẽ còn làm thơ và làm thơ nhiều hơn trước. Qua mỗi bài thơ, ta sẽ tôi luyện tâm hồn của mình. Mỗi bài thơ sẽ là một bậc thang nâng chúng ta lên. Chóng hay chầy tuỳ khả năng, tuỳ cố gắng của từng người. Nhưng nhất định là tới, nhất định là xây dựng được một nền thơ hiện thực cống hiến cho Cách mạng. Đó là lẽ sống của chúng ta.

LÊ ĐẠT

Văn nghệ, s.68 (11.4.1955)

PHẢN ĐỐI CÁI BUỒN CỦA HOÀNG CẦM KHI ĐỌC THƠ TỐ HỮU

VŨ ĐỨC PHÚC

Tôi không phải là người thích tất cả những bài thơ, những câu thơ của Tố Hữu. Nhưng có một điều không ai chối cãi được là từ trước đến nay, Tố Hữu thực tế được đặt lên hàng đầu những nhà thơ cách mạng của ta. Mặc dầu ý kiến mọi người khác nhau, nhưng nếu đặt một câu hỏi cho tất cả những người đã có đọc thơ: "Theo ý kiến anh hay chị, nhà thơ cách mạng nào của nước ta hiện nay đáng đặt lên hàng đầu? " Ai cũng sẽ trả lời: "Tố Hữu! Tố Hữu". Nhiều người lại cho rằng hỏi như thế thật là dớ dẩn, đánh đố trẻ con.

Thời đại ta có thể nhầm lẫn chăng làm cho vàng than lẫn lộn? Việc thích thơ Tố Hữu có phải là một cái "mốt" chăng? Là do uy tín chính trị chăng? Là do theo đuôi chăng? Văn nghệ, nhất là thơ ta là "hạng bét" cho nên nhà thơ kém như thế cũng được đặt lên hàng đầu chăng? Thực tế không cho phép ta hoài nghi như vậy. Trong thời kỳ giai cấp phản động còn thống trị, ảnh hưởng của nó còn mạnh thì hoài nghi như vậy đối với các nhà văn tên tuổi "sách bán chạy nhất" là được. Nhưng nhân dân cách mạng không thể nhầm lẫn, hoặc có cũng chỉ trong một thời gian rất ngắn, không đợi đến tổng khởi nghĩa thắng lợi, kháng chiến thành công rồi mà tối đại

đa số vẫn còn nhầm. Ở Liên Xô, căn cứ vào sự hoan nghênh của quần chúng, người ta đánh giá ngay được các nhà văn nghệ và ngay bây giờ người ta đã gọi A-lếch-xít Tôn-stôi (Alexis Tolstoi) là "văn hào cổ điển của Liên bang Xô Viết". Cũng không phải là do uy tín chính trị của anh. Người ta thích thơ Tố Hữu trước khi biết quá trình hoạt động cách mạng của anh và có đến hàng trăm hàng nghìn nhà cách mạng làm thơ, nhà thơ làm cách mạng, sao không thích ai, lại yêu ngay thơ Tố Hữu nhất? Cũng không phải là do theo đuôi, vì tôi thấy nhiều người, rất nhiều người ghi trong sổ tay một vài bài của Tố Hữu, khi người khác giật lấy sổ mở ra xem, thì họ giật lại như muốn dấu diếm một bức ảnh hay một kỷ niệm gì của người yêu. Hồi đầu kháng chiến, đi đâu cũng thấy "*Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*", "*Con ơi con ngủ cho ngoan, Sang canh trăng lặn buổi tan mẹ về*". Sau đó lại có một dạo nhiều người nghêu ngao: "*Cha em đây giữa chiến trường, mặt đen khói đạn chặn đường giặc lui...*". Và bây giờ thì: "*Đẹp vô cùng tổ quốc ta ơi!*"... v.v...

Trong các hội nghị, hễ có giải lao, có ngâm thơ là có thơ Tố Hữu. Và người không ngâm thơ Tố Hữu lại ngâm cái bài thơ khác thì anh chị em thắc mắc, đặt vấn đề: "Sao không ngâm thơ Tố Hữu?"

Còn như nếu đã công nhận thơ Tố Hữu được hoan nghênh nhất, nhưng lại cho là "thùng nước loãng", tất sẽ đi đến kết luận là thơ ca của ta chẳng ra gì. Tôi chắc sẽ không ai dám nói như vậy.

Phải nhận thấy một sự thực nó kêu to đến như thế trước khi đi vào chỉ trích thơ anh là "thùng nước loãng", là "không hiện thực", là "ít chất sống", "là nghe nhiều lần thì chán" nếu chưa đi vào nghiên cứu nguồn gốc, căn nguyên, nội dung, ý

nghĩa của sự thực đó thì tốt hơn hết là "kính nhi viễn chi". Phương pháp phê bình hiện thực đòi hỏi ta phải khách quan như vậy đối với thơ Tố Hữu. Tất nhiên cần phải chú ý đến cảm xúc của bản thân ta, nhưng trong khi đó phải thận trọng phân biệt trong cái "tôi" đó, cái gì là cảm thông, đồng điệu, ăn nhịp với tình cảm tiến bộ của thời đại, cái gì là cái "tôi đáng ghét" lỗi thời.

Tất nhiên khi trưng cầu ý kiến của nhân dân thì mọi người có quyền phát biểu cảm tưởng riêng. Nhưng những cảm tưởng riêng ấy cũng cần phải lọc đi những "cái riêng quá". Còn như đã gọi là phê bình khách quan thì trước tiên phải phản đối cái lối lấy mình làm vốn của quả đất,(*) lấy cảm xúc của mình làm thước đo giá trị văn nghệ. Những câu như: "Ta đã thích tất phải hay, không thích chắc là dở", "Văn thơ tôi ai hiểu thế nào cũng được, tôi có lối hiểu riêng", từng làm nguyên tắc cơ bản cho phương pháp phê bình của một số nhà phê bình đặc xịt cá nhân chủ nghĩa, đã thành ra những luồng gió lạnh lẽo cuối mùa. Hoàng Cầm đã rơi vào một phương pháp rất chủ quan, một chiều như vậy. Cái cảm giác buồn hiu hắt cô đơn của anh khi đọc thơ Tố Hữu mà anh suy luận là tình cảm chung, cái tâm trạng đó tôi xin hô to lên rằng đó chỉ là tâm trạng của một số ít con người.

*

Mở đầu tập thơ là bài *Cá nước* viết năm 1947. Phân tích một cách khách quan, ta thấy tình cảm chính của nó muốn gây lên trong lòng người đọc là cái khăng khít, đồng tình giữa những con người kháng chiến trong hoàn cảnh gian khổ; cái

(*) Chỗ này bản gốc in lầm, lẽ ra là "lấy mình là rốn của quả đất" như VĐP sửa lại khi đưa bài này vào tập *Trên mặt trận văn học* (in sách 1972) của mình (NST).

tình khăng khít đó đi tới sự vồn vã, vui vẻ kể cho nhau nghe những tin thắng lợi một cách phấn khởi nở nang quên mệt nhọc, trong khi ấy mùi lúa chín ở đồng quê thơm phức nổi lên, ở "đầu xóm tre xanh, có bà ru cháu nằm khoanh lòng già" gợi lên một trăm mối giây liên hệ giữa hai người với nhau, giữa hai người với đất nước thân yêu, với con trẻ, bà già, với cảnh chồng đi kháng chiến, vợ ở nhà tăng gia, tất cả quấn quýt lấy nhau trong mối tình cá nước và gây nên một lòng yêu quý đất nước với làng mạc, đồng lúa, vợ con, của ta. Tất cả tình cảm đó có trong bài thơ, tôi không thêm bớt. Độc giả thử đọc lại bài thơ. Vậy mà ở đây, Hoàng Cầm đọc xong không chú ý tới tất cả, không thấy "rung động mãnh liệt", lại có những cảm giác bối rối, mơ hồ như thấy "cái không gian của bài thơ choán lấy tâm hồn tôi một lúc, như bóng rợp một đám mây giữa đường trời nắng", lại thấy "hơi gợn buồn" và cuối bài thì thấy "buồn lên cao độ". Tôi không hiểu cái buồn của Hoàng Cầm nguồn gốc sâu xa tự đâu, nhưng nhất định không phải tại cái "hoàn cảnh khách quan" là bài thơ thắm thiết của Tố Hữu. Tôi lại nhớ đến một câu trong *Truyện Kiều*:

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Người đây là Hoàng Cầm mà cảnh đây là thơ Tố Hữu.

Đến bài thứ hai: *Phá đường*, Hoàng Cầm viết: "Đến tình cảm bài *Phá đường* mở đầu bằng "rét" và kết thúc bằng "gió rét trăng lu", còn đoạn giữa tả một cảnh lao động bình thường, cặm cụi trong lúc "trăng non mới hé" tất cả chỉ truyền vào lòng tôi một chút hơi thở nhè nhẹ của công việc phá đường, vẫn đượm một chút hắt hiu". Rồi anh hỏi: "Tại sao lại gió rét? Gió rét ấy có cắt nghĩa được cái gian nan, vất vả của việc phá đường không? Tuyệt nhiên là không! Nó chỉ

gợi ra được cái buồn".

Trước hết cái tóm tắt của Hoàng Cầm là cụt đầu cụt đuôi, và không đúng: Mở đầu bài *Phá đường* là "rét" nhưng mấy câu sau đến "rét thì mặc rét". Cuối bài là "gió rét trăng lu" nhưng lại thêm một câu rất nhộn là "Rộn nghe tiếng cuốc chiến khu phá đường". Ở giữa không phải là tả một cảnh lao động bình thường mà nói tới người phụ nữ bận việc, neo bấn, con mọn, nhưng hăng hái theo chồng đi phá đường (mà vẫn không kém thương con), mà không phải phá một cách cực nhọc, mặt nặng như chì, lại phá với một tinh thần thi đua vượt mọi khó khăn thấy vui vẻ trong công việc. Người ta quen với cái "buồn" của Hoàng Cầm rồi, nhưng đến đây thì rất ngạc nhiên! Toàn bài thơ không có tác dụng gì đối với Hoàng Cầm, chỉ có một chữ "rét" làm cho anh buồn đến thế! Có lẽ phải cấm Tố Hữu không được dùng đến gió rét để Hoàng Cầm khỏi ngẩn ngơ hỏi: "Tại sao lại gió rét" và anh đâm ra buồn bã. Kết tội là hai chữ "gió rét" làm cho mình buồn, anh Hoàng Cầm lại đòi hỏi khi tả cảnh phá đường phải tả "cái gian nan vất vả" nghĩa là tả với cái buồn nặng như đá đeo. Chỗ mâu thuẫn to đó, đi sâu vào chỉ thấy cái buồn của Hoàng Cầm ở ngoài thơ Tố Hữu.

Còn cảnh phá đường lần đầu kháng chiến, Hoàng Cầm đã chứng kiến và nhận xét "nặng nhẹ vất vả ở hai cánh tay và ở cả trong lòng người phá đường. Nhưng giặc đã đến đầu ngõ, phải phá ngay, không thì nó đi được nhanh, nó sẽ giết con, đốt nhà mình...". Nói chung là có *đúng* như Hoàng Cầm nhận xét không? Có một vài trường hợp đặc biệt đúng như thế, có phải là *đáng khuyến khích* không? Ở một số thôn kém động viên, có hiện trạng đi phá đường và làm các công tác kháng chiến một cách bất đắc dĩ. Có anh đi dân công, đi bộ đội, mặt ủ mày chau, chung quy chỉ do ngại khó và sợ hãi.

Nhưng nói chung, đấy là trường hợp cá biệt. Tất cả các công tác kháng chiến người ta đều làm với một tinh thần phấn khởi, mặc dầu vất vả nặng nhọc đến đâu, mà nếu phải tả những anh chỉ thấy *gian nan vất vả* trong công việc, chỉ vì sợ quá nên phải làm, thì phải phết cho anh ấy những nét thật đích đáng, phải phê bình ra trò. Nhưng việc phá đường, rào làng, đào hầm, nhiều nơi già trẻ trai gái làm tíu tít, thanh niên phụ nữ khúc khích. Có khi họ im lặng lắm nhưng chọc một câu là cười như phá. Cách xa địch thì nào hò, nào hát. Những chuyện như thế sao Hoàng Cầm nhìn đã 10 năm không thấy? Nếu tả theo ý Hoàng Cầm thì không thể giáo dục được người đọc. Người ta sẽ chỉ thấy giao động và gian khổ. Nhận định của Hoàng Cầm có vẻ khách quan, có vẻ dẫn chứng, nhưng thực ra chỉ là lối nhìn chủ quan của một số người. Hoàng Cầm công kích thơ Tố Hữu là "buồn" nhưng nếu tả như Hoàng Cầm thì rất bi quan làm cho người yếu bóng vía thất kinh hồn. Do đó không nên trách thơ Tố Hữu ít chất sống, mà có buồn chỉ tại mình. Cái buồn đó kéo qua bài *Bà bủ nằm ổ chuối khô* cho nên Hoàng Cầm không thấy tình thấm thía xót thương căm giận: "Sao chúng chẳng để cho mụ ta yên hưởng tuổi già[1]" mà Hoàng Cầm chỉ thấy "buồn não nuột".

Đến bài *Em bé Triều Tiên*, đoạn đầu tả tội ác của giặc đã giết cha mẹ em. Hoàng Cầm đọc đến đoạn ấy "không thấy căm thù, chỉ thấy ghê rợn". Nói về tội ác của giặc, có một số người yếu bóng vía nghe thấy là ghê, thậm chí có anh giở báo ra không dám đọc những bài đó. Nhưng trong nhiều cuốn sách của Liên Xô như cuốn B*ão táp* của Ê-răng-bua, họ còn tả tỉ mỉ, cặn kẽ hơn nữa. Tại sao lại ghê rợn trước cảnh một em bé

(1) Y-li-a Ê-răng-bua(*) (nguyên chú của VĐP.).

(*)Lưu ý: chỗ này tác giả VĐP hoặc báo *Văn nghệ* dẫn sai 1 từ trong câu của Ehrenbourg:đúng ra là "mẹ ta" chứ không phải "mụ ta" (NST).

chơ vơ lạc lõng trong một hoàn cảnh thương tâm đầy xác chết do địch gây ra, mẹ em bị hiếp và treo cổ, cha em bị chặt đầu cắm cọc? Trong khi đó thì khách bàng quan, trước kia tin tưởng ở đế quốc, như bà Phen-tơn (Monica Felton) khi chứng kiến những tội ác ấy, bỗng trở nên chiến sĩ hoà bình số 1, số 2...? Tôi nhớ khi treo những bức ảnh về tội ác của đế quốc Mỹ ở Triều Tiên, những ảnh như Tố Hữu tả, đa số nhân dân ta nhìn thấy là chửi cha thằng Mỹ, rất ít người có thái độ ghê rợn. Phổ biến là họ nói: "đế quốc dã man". Những giòng thơ của Tố Hữu, ngoài việc tả những cảnh thảm thiết, điển hình, có thực, cũng không có một chữ nào nói quá đi để làm cho người đọc ghê rợn.

Đoạn sau bài thơ mà Hoàng Cầm nói là: "Cố tạo ra cái không khí chiến đấu rộn ràng", đoạn đó có hai câu thơ người đọc đến ít ai quên được:

Cha em đây giữa chiến trường
Mặt đen khói đạn, chặn đường giặc lui.

Tình cảm giả tạo không thể bật ra những câu như vậy được.

Đến bài *Đời đời nhớ Ông*, Hoàng Cầm nói là "không phản ảnh được tình cảm thực của nhân dân ta sau cái chết đó" vì rằng nó "buồn". Rồi tiếp: "Xót thương, nhưng rồi băng băng đi dân công, đi gánh thóc thuế, sôi nổi phát động đấu tranh chống giai cấp địa chủ phản động. Trên đường vẫn những tiếng *cười nói rộn ràng*(*), tin tưởng..."

Tôi không biết những người "nhân dân" đó, mà Hoàng Cầm bắt gặp, ở đâu. Nhưng tôi đưa ra một dẫn chứng không thể nói là không điển hình: Khi làm lễ truy điệu đồng chí Sta-lin, trên Việt Bắc Hồ Chủ tịch bước vào hội trường, nước mắt

(*) Do tôi gạch dưới (in ngả) V.Đ.P. (nguyên chú).

dàn dụa. Trước đó anh em đã khóc nhiều ngày và anh chị em còn cho biết rằng đã ba bốn ngày Hồ Chủ tịch đau đớn quên ăn quên ngủ. Sáu trăm cán bộ quân, dân, chính suốt từ Nam chí Bắc khi thấy Người vào, bật lên khóc không ai cầm được nước mắt. Hồ Chủ tịch lau nước mắt, nghẹn ngào mãi mới nói được ta phải "biến đau thương thành hành động". Các vị lãnh tụ của ta khóc rất nhiều, ba bốn ngày sau, anh Trường Chinh, khi trình bày sự nghiệp của đồng chí Sta-lin, còn oà lên khóc mãi. Suốt trong mấy ngày tang tóc, không có một tiếng "cười", hoạ chăng chỉ tưởng tượng ra được nụ cười đểu cáng khả ố của thằng Ai-sen-hao. Không những cán bộ các ngành mà anh chị em công, nông, trí thức cũng khóc. Nỗi đau xót đó, Tố Hữu chưa nói ra được hết trong tiếng thủ thỉ âm thầm của mẹ con trong bài *Đời đời nhớ Ông*. Những tài liệu phim ảnh về cái chết của đồng chí Lê-nin, đồng chí Đi-mi-tơ-rốp, hàng chục vạn con người khắp các nước, hoặc dự đám tang, hoặc lao động để "biến đau thương thành hành động" cũng không thấy dấu vết một nụ cười.

Hai nữa bài *Đời đời nhớ Ông* không phải như thiên trường ca khóc Lê-nin của Mai-a-kốp-ski. Nó chỉ nói lên nỗi lòng người mẹ có con thơ, đau xót, căn dặn con đời đời nhớ Ông và:

Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng, yêu nước, yêu chồng, yêu con...

Như thế vừa thắm thiết mà cũng không có khuyết điểm gì về tư tưởng. Khách quan mà nói cũng nên thương bằng cách như vậy, cứ gì phải bắt chước Mai-a-kốp-ski. Một bài giữa mẹ con như thế, không thể đùng đùng nhét những thóc thuế hay chuyện phát động quần chúng vào trong đó cho nó thêm lài nhài.

Nhưng có ai trước cái chết đau xót như vậy, trước cái tổn thất không gì đền bù được như vậy lại vẫn "cười nói, rộn ràng"?

Trước cái tàn ác của địch thì ghê rợn, trước cái chết của lãnh tụ thì thương xót nhưng cần phải "cười nói, rộn ràng" cho nó có vẻ "nhân dân". Một người như vậy, chắc Hoàng Cầm cũng rõ là không mắc bệnh về thần kinh cũng mắc bệnh về tư tưởng.

Vì vậy không ai lạ gì khi thấy Hoàng Cầm buồn bã nhớ đến chia ly khi đọc đến một bài đằm thắm, xoắn xít, đầy tin tưởng vào tương lai, vào xây dựng như bài *Việt Bắc*.

*

Trên là nỗi buồn của Hoàng Cầm. Trong khi viết, tôi đã nghiên cứu trích dẫn cẩn thận, không có dụng ý cắt xén, thêm bớt. Độc giả đọc bài của tôi, xin đọc lại bài của Hoàng Cầm.

Đoạn dưới, Hoàng Cầm nói về những "hình ảnh" trong thơ Tố Hữu:

Về "hình ảnh bộ đội", lối phê bình của Hoàng Cầm là nhặt một số câu trong dăm bài nội dung khác nhau, viết vào những thời kỳ khác nhau, cái gì "có thể" chứng minh cho nhận xét thiên lệch của anh thì anh nhặt ra, cái gì không chứng minh cho cái nhận xét đó thì anh cố tình không biết tới. Tôi xin tạm gọi đó là phương pháp phê bình "cố tình". Với phương pháp *cố tình* đó, anh viết: "Nói chung, hình ảnh bộ đội trong tập thơ *Việt Bắc* là hình ảnh đẹp một cách mỏng manh, mờ nhạt như dáng dấp một người lẩn trong sương, trong một bức tranh chấm phá. Con người bằng xương bằng thịt, có bao nhiêu tình cảm lúc vui buồn, hờn giận, thương xót, lúc vào bộ đội, khi nhớ quê hương đồng

ruộng, cha mẹ vợ con, khi tác chiến anh dũng, khi nhịn đói hành quân, lúc chia sẻ ngọt bùi cay đắng với cán bộ, với đồng đội, tôi chưa tìm thấy trong tập thơ *Việt Bắc*".

Trước hết, tôi mách thêm Hoàng Cầm là kể rất nhiều như thế cũng chưa đủ về anh bộ đội của ta. Những tác phẩm đã xuất bản mới dựng lên một phần nhỏ. Một vài bài thơ của Tố Hữu, dụng ý chỉ nói về một vấn đề gì, một khía nào, không có ý để Hoàng Cầm tổng kết về "hình ảnh đầy đủ hoàn toàn" của anh bộ đội.

Nhưng ngay trong "ý muốn" của Hoàng Cầm đó, có những cái Tố Hữu đã nói tới, mà nói đạt, một vài đoạn dưới đây phải chăng là không sinh động, đầy đủ buồn, vui, hờn giận, thương xót của một anh Giải phóng quân? Trong bài *Bà mẹ Việt Bắc*:

Bộ nó rõ oai
Vai thì đeo súng
Ngực tréo hai quai
Áo thì thắt bụng

(Bà mẹ ôm lấy con kể lể chuyện nhà cửa và những tàn ác của quân đế quốc, trong khi đó thì hình ảnh người con:)

Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi
Mà ơi đừng khóc
Nước độc lập rồi

(Khi bà cụ nhắc đến chuyện lấy vợ:)

Nó chỉ cười khì
Vợ con gì gấp!
Con còn phải đi
Giữ gìn độc lập!

.....

Ở chơi ít bữa
Nó hát cả ngày
Dọn nhà sửa cửa
Xới vườn luôn tay

Những nét cụ thể như thế, sinh động như thế, sao lại nói là "hình ảnh chung chung"? Nhiều người đã nhắc tới, và trong một thời kỳ bài *Bầm ơi* đã thành bài thơ đáy bị của bộ đội, tại sao lại nói là chưa thấy tình cảm anh bộ đội nhớ mẹ cha trong thơ Tố Hữu?

Cũng với "phương pháp cố tình" Hoàng Cầm không nhìn thấy nội dung chính, tình cảm chính, chỗ rung động nhất của bài *Cá nước* như trên kia tôi đã phân tích, mà chỗ này lại cố đi tìm hình ảnh anh bộ đội. Đi vào khía cạnh như thế, tất nhiên "chỉ thấy anh bộ đội thấp thoáng trên lưng đèo rồi lại đi" nghĩa là Hoàng Cầm chỉ thấy cái đuôi, hoặc cái chân con voi tưởng là con voi. Trong bài *Voi*, Hoàng Cầm lại không nhìn thấy sau cái gian nan vất vả của công việc là cái lạc quan, phấn khởi, tin tưởng của anh bộ đội. Trong bài *Bắn*, anh lại cố tình không nhìn thấy cái tình cảm của người ở ngoài cũng là cái tình cảm của anh bộ đội, cho nên chỉ thấy anh pháo binh như tượng gỗ.

Cái cách cưa đầu xẻ tai các bài thơ, không cần đến nội dung chính, đến chủ ý của tác giả, đến tình cảm chính nó muốn gây nên trong tâm tình người đọc, dùng cái cách đó rồi nhặt lấy những câu, những mẩu vá chắp để chống đỡ cho cái nhận định thiên lệch của mình, thì khen ai cũng được, mà chê ai cũng xuôi. Có thể nói không có một bài nào trong tập *Việt Bắc* mà Hoàng Cầm không ít nhiều dùng cách đó để chê Tố Hữu.

Về "hình ảnh chú bé liên lạc" Hoàng Cầm xưa nay vẫn chê thơ Tố Hữu là "buồn", thì đến chỗ này lại thấy cái chết của Lượm "đẹp và nhẹ", "cái chết không khác gì một con chim trúng đạn chết ở giữa đồng lúa".

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng.

Trước hết hình ảnh em bé liên lạc trong bài *Lượm* có phải chỉ là "hình ảnh em lúc chết" không? Cũng như hình ảnh các thanh niên trong cuốn tiểu thuyết *Thanh niên cận vệ đội* của Pha-đê-ép (Fadéev) *có phải chỉ là* hình ảnh một bọn người bị giết gần hết không? "Lượm" là điển hình của các em liên lạc, "*như con chim chích, nhảy trên đường vàng*", tinh nghịch, dí dỏm, không thắc mắc lo ngại gì về cá nhân, lao mình vào chiến đấu không chút giao động, khi bị giết ở giữa đồng lúa thơm mùi sữa, bàn tay vẫn nắm chắc lấy ngọn lúa đang đông sữa như nắm lấy sự sống, chết rồi mà hồn vẫn phảng phất trên đồng lúa, chết rồi mà vẫn "*như con chim chích, nhảy trên đường vàng*". Tả một em như vậy sao lại không thấy "thân yêu ruột thịt", sao lại không thấy cái chết của em "chua xót, đau đớn, trong trẻo và mạnh mẽ" như Hoàng Cầm nói? Tất cả những đòi hỏi của Hoàng Cầm về một em bé liên lạc đều có trong thơ Tố Hữu. Độc giả thử đọc lại bài đó. Ở chỗ này thấy rõ chỗ "cố tình" chứ không phải vô tình không nhìn thấy của Hoàng Cầm.

Về hình ảnh Hồ Chủ tịch, Hoàng Cầm muốn người ta phải nói đầy đủ về lãnh tụ: "những giờ Người ra tiền tuyến, đến bên cạnh dân công, bộ đội; Người ở nông thôn, bàn bạc chuyện trò với các cụ phụ lão nông dân, Người ở đâu, đến

đâu thì quần chúng thêm mạnh mẽ, phấn khởi". Hoàng Cầm cho như thế là đầy đủ về hình ảnh lãnh tụ ư? Xin nói rằng đó mới là tác phong đi sát, và tác dụng động viên của Người mà thôi. Cả một cuộc đời, hơn một nửa thế kỷ chiến đấu của Người biết bao nhiêu chuyện đáng tả! Cái mà Hoàng Cầm cho là "đủ" đó mới chỉ là bề ngoài, thực là bề ngoài.

Ở nhiều bài thì Hoàng Cầm nói là "rộng quá", trong bài *Sáng tháng Năm* và vài câu trong bài *Việt Bắc* thì lại kêu là "Hồ Chủ tịch không phải chỉ có thế". Cái mâu thuẫn đó bối rối, lủng củng trong bài phê bình của Hoàng Cầm rất nhiều. Người ta có cảm giác là không làm sao chiều anh cho được.

Bài *Sáng tháng Năm* chỉ tả tình cảm một người lên thăm Bác, nghĩa là chủ ý chỉ nói một phần. Nhưng nếu căn cứ vào vài câu như sau:

Người ngồi đó với cây chì đỏ
Chỉ đường đi từng phút từng giờ, v.v...

Rồi đi đến kết luận là tả lãnh tụ "xa xôi cách biệt" như Hoàng Cầm, thì tôi xin hỏi: bài thơ nổi tiếng trên thế giới của Nê-ru-đa (Pablo Neruda) trong đó có mấy câu thế giới dân chủ thường truyền tụng, tại sao lại chỉ là mấy câu tả "*ánh sáng đến tận đêm khuya trên cửa sổ điện Krem-lanh*"? Có lẽ thế giới dân chủ người ta ngu cả chăng? Hay là bảo đồng chí Sta-lin không được gần gũi với quần chúng?(*)

Và tại sao Hoàng Cầm lại cấm không cho "thần thánh hoá" lãnh tụ? Chính Hoàng Cầm còn nói đến Người với một

---

(*) Lưu ý: các đoạn này ở bản gốc (bản đăng báo lần đầu), về sau tác giả VĐP đã cắt bỏ, sửa đổi khi đưa vào tập *Trên mặt trận văn học* (Nxb. Văn học, H., 1972) của ông. Sưu tập tư liệu *Tố Hữu - về tác gia và tác phẩm* (Nxb. Giáo dục, 1998; tb. 2001) sử dụng bảnVĐP đã sửa (1972) chứ không dùng tư liệu bản gốc đăng báo lần đầu (NST).

chữ "Người" mà chữ N viết hoa kia mà. Ở Liên Xô, nhân dân đã thần thánh hoá Lê-nin. Ở Trung Quốc, đã có những "chuyện cổ tích" về Mao Chủ tịch. Ở ta, thử lắng nghe nỗi lòng người dân Nam Bộ! Thử nhớ đến những cảnh trong thời kháng chiến, người dân vùng tạm chiếm ra xem triển lãm vùng du kích, đứng trước ảnh Người, kể lể các nỗi khổ sở của nhân dân dưới ách địch và khóc lên! Thử nhớ lại hôm 1-1-1955 các cụ già thức suốt đêm và đi còm cọm cả ngày, mục đích chỉ để thoáng nhìn thấy Người một cái là thoả mãn. Đêm rừng Việt Bắc, anh em từ bốn phương tụ họp học tập, Người đứng lên: râu tóc bạc phơ, mắt sáng, mặt hồng hào, tiếng nói cổ kính, nghe văng vẳng như lời Mác, Ăng-ghen, Lê-nin. Hồ Chủ tịch không tách rời quần chúng, rất giản dị, thân mật, gần gũi, nhưng nhân dân coi Người là Cha của dân tộc, là cứu tinh đất nước, "còn hơn đức thánh Trần". Có gì là lạ đâu mà Hoàng Cầm cấm đoán "thần thánh hoá", bảo như thế là kém hiện thực? là "giống như một đạo sĩ"?(*)

Và trong hai câu thơ sau của Tố Hữu:

Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút.

Hoàng Cầm bảo "không thấy sáng chỗ nào và lớn chỗ nào". Nói như vậy thực là bật cười. Hồ Chủ tịch không thực là "sáng" hay sao? Ta không lấy làm vinh dự, không thấy sáng lên, lớn lên khi có một người sáng như Hồ Chủ tịch làm lãnh tụ dân tộc ta hay sao? Cái sáng của Hồ Chủ tịch không

(*) Lưu ý: các đoạn này ở bản gốc (bản đăng báo lần đầu), về sau tác giả VĐP đã cắt bỏ, sửa đổi khi đưa vào tập *Trên mặt trận văn học* (Nxb. Văn học, H., 1972) của ông. Sưu tập tư liệu *Tố Hữu - về tác gia và tác phẩm* (Nxb. Giáo dục, 1998; tb. 2001) sử dụng bảnVĐP đã sửa (1972) chứ không dùng tư liệu bản gốc đăng báo lần đầu (NST).

đào tạo ra, nghĩa là làm lớn lên, hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn anh hùng chiến sĩ hay sao? Ở gần Hồ Chủ tịch, tư tưởng, tác phong, đạo đức của mình chẳng được tốt đẹp thêm lên hay sao? Từng ấy chân lý, những anh em tận góc rừng ở Phi châu còn rõ, tại sao Hoàng Cầm không cảm thấy, mà chỉ đòi hỏi mỗi một chuyện Hồ Chủ tịch đi sát để gây nên mạnh mẽ?

Cái "không nhìn thấy" của Hoàng Cầm cao đến một độ khá bi đát là không thể cảm thông được những câu thơ sáng sủa nhất của Tố Hữu.

*

Đoạn cuối, sau khi chê thơ Tố Hữu là nhiều bài "rộng quá, tổng hợp quá, chính trị quá"; Hoàng Cầm viết:

"Ở một số bài thơ gần đây của Tố Hữu, tôi thấy như vầy: Đầu tiên thì nêu lên một vấn đề rồi tiếp đến suy luận bằng những câu văn đèm đẹp. Thành phố đã phá trụi thì nhất định là ngày sau phải tưng bừng. Cha mẹ em bé Triều Tiên chết treo khủng khiếp, em bơ vơ, lạc lõng thì nhất định là có cả một dân tộc ở bên em, săn sóc cho tương lai của em, và nhất định em sẽ sung sướng. Đã chia ly Việt Bắc thì sau phải nghĩ đến trao đổi hàng hoá với Việt Bắc. Điện Biên đã thắng thì nhất định ở Hội nghị Giơ-ne-vơ sẽ thêm điều kiện thuận lợi đấu tranh với kẻ thù. Thật khó mà tìm thấy một khuyết điểm nào về ý nghĩa chính trị. Những bài thơ đó đầy đủ thế, nhưng rất ít chất cuộc sống một dân tộc đã đấu tranh gay go phức tạp và đã giành được thắng lợi hoà bình".

Về cái "cao chê ngỏng, thấp chê lùn" của Hoàng Cầm, tôi đã trình bầy trên. Vấn đề không phải là tổng hợp hay phân tách đi sâu, không phải là rộng hay hẹp, không phải là ít hay

nhiều chính trị. Cần phải có những bài tổng hợp cũng như cần phải có những khúc "đại hợp xướng". Vấn đề là ở chỗ tình cảm bài thơ có thật hay giả tạo, nó có rung động, xúc động lòng người, giáo dục tình cảm hay không. Vấn đề là ở chỗ cái "chính trị", cái "đường lối chính sách" đã biến thành một cái mà anh Xuân Diệu gọi là "tình cảm cá nhân" của tác giả hay chưa, để có tác dụng truyền cho người đọc. Ở Tố Hữu, cũng có chỗ còn đại lược, còn chưa đạt, còn khô khan (rất ít) nhưng không thể nói là tình cảm giả. Nhiều người đã ngâm nga cái "đường lối xây dựng, kiến thiết đất nước", cái "đoàn kết giữa miền ngược và miền xuôi" ở trong bài *Việt Bắc* một cách khoái trá, dường như mới tìm ra một của quý mới lạ. Toàn bộ bài *Ta đi tới* rung lên lòng yêu nước, chí căm thù. Ở Tố Hữu, chính trị đã biến thành xương thịt, lòng yêu nước đã thành một tình cảm mê say thắm thiết không khác gì ái tình. Đi sâu vào lòng yêu con trẻ, bà già, ngọn lúa, khóm tre cũng có, mà tổng hợp cũng có. Phải chính trị đến đâu ấy chứ!

Và bài *Em bé Triều Tiên* có phải là "cả một mặt dân tộc(*) săn sóc bên em" với cái hiểu của Hoàng Cầm là "chính trị" là "chung chung, đại lược" là "suy luận" đâu? Việc săn sóc đó đã có cụ thể trên thực tế và trong thơ Tố Hữu. Trên thực thế(**) thì không những nhân dân Triều Tiên nuôi nấng những đứa con côi cút của mình mà Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Khắc, Ba Lan đã cứu vớt săn sóc các em, gây dựng cho các em thành người. Ở trong thơ Tố Hữu thì không phải là "chung chung", "suy luận" mà mẹ của "Em bé Triều Tiên" là người dân công, người nữ cứu thương, cha em là con Bác Mao, là

(*) "cả một mặt dân tộc": có lẽ bản gốc in thừa "mặt" (?).

(**) "Trên thực thế": có lẽ bản gốc in lầm, đúng ra là "Trên thực tế".

quân chí nguyện, là bộ đội.

Thực tế như vậy, tình cảm trong thơ Tố Hữu như vậy, cái đó an ủi lòng người biết bao nhiêu. Trong tập *Việt Bắc*, dân tộc ta với các hạng người đất nước yêu dấu của ta xoắn xít lấy nhau trong một mối tình đằm thắm, vùng lên chiến đấu và sản xuất như vậy.

Cũng vì vậy cho nên trong khi Hoàng Cầm kết luận một cách "nhẹ nhàng" rằng thơ Tố Hữu là "vại nước to, đầy tràn, pha loãng một màu sữa", là "ít chất sống", là "mới nghe thì hay, nghe nhiều lần thì chán", thì mười năm nay, thiên hạ người ta vẫn nói chan chát rằng người ta nhớ thơ, yêu thơ Tố Hữu, càng ngày càng nhớ nhiều và càng thêm nhiều người nhớ, mà không phải chỉ nhớ bài mới nhất rồi chán, mà nhớ cả những câu thơ hồi đầu kháng chiến, trong khi hoà bình trở lại, còn nghe văng vẳng tiếng hát *Phá đường*.

*

Tóm lại, Hoàng Cầm lấy tâm trạng và thái độ lạnh nhạt của mình mà "thưởng thức" thơ Tố Hữu. Ý kiến của anh, về tư tưởng trong văn nghệ thì có sai lầm, về phương pháp phê bình thì không hiện thực. Ở đây không phải tôi chỉ nói riêng anh mà muốn lên án chung cả một bệnh của thời đại trong Văn nghệ.

Gia Lâm, 4-1955

VŨ ĐỨC PHÚC

Văn nghệ, s.68 (11.4.1955)

NHÂN DỊP KỶ NIỆM NGÀY THI SĨ MAI-A-CỐP-SKI TỪ TRẦN

CHÚNG TA TIẾP THU DI SẢN CỦA NHÀ THƠ XÔ VIẾT VĨ ĐẠI NHƯ THẾ NÀO?

Thi sĩ Mai-a-cốp-ski, mất ngày 14-4-1930, cách đây 25 năm, là một thiên tài vĩ đại của thơ văn Liên Xô. Sta-lin đã nói "Mai-a-cốp-ski đáng là và sẽ là nhà thơ hay nhất, vĩ đại nhất của thời đại Xô Viết...".

Không phải đảng viên cộng sản, Mai-a-cốp-ski rất gắn bó tha thiết với Đảng: "Tôi không xa Đảng và tôi tự đặt cho tôi nhiệm vụ phải chấp hành tất cả những nghị quyết của Đảng bôn-sê-vích, dù rằng tôi không có thẻ đảng".

Thấm nhuần ý thức phục vụ cách mạng, Mai-a-cốp-ski còn nói: "Các đồng chí tưởng tượng hình như Mai-a-cốp-ski là nhà thơ và anh ta phải ngồi hết ngày trên cái ghế thơ nhỏ bé của anh ta. Tôi chẳng cần làm nhà thơ. Tôi không phải là

nhà thơ: tôi chỉ là một người dùng ngòi bút để phục vụ,-- các đồng chí biết rõ đấy chứ,-- phục vụ cho thời sự, cho thực tế thực sự và cho những người biểu hiện thực tế là chính quyền Xô Viết và Đảng".

Mai-a-cốp-ski đã tham gia cách mạng ngay từ lúc còn là một thanh niên học sinh, đã bị Nga hoàng cầm tù, và rất sớm biết dùng tài mình để làm thơ phục vụ cách mạng. Trước cách mạng tháng Mười, Mai-a-cốp-ski đã là một nhà thơ tiến bộ nổi tiếng, nhưng còn chịu nhiều ảnh hưởng của văn học tư sản. Cách mạng tháng Mười thành công đã mở cho nhà thơ một tiền đồ rực rỡ. Năm 1924, bài thơ kiệt tác ca tụng Lê nin ra đời. Mai-a-cốp-ski còn sáng tác bản anh hùng ca bất hủ nhan đề *150 triệu* ca tụng nhân dân Liên Xô vĩ đại và bài thơ nổi tiếng *Tốt lắm* trong đó ca tụng sự nghiệp 10 năm cách mạng và nhìn thấy tiền đồ vẻ vang của nhân dân Liên Xô, nhìn xa tưởng như đến mấy chục năm sau này nữa vẫn còn đúng.

Mai-a-cốp-ski đã từng sang Mỹ và đã thấy rõ chế độ thối tha tàn bạo của đế quốc Mỹ. Ở Mỹ về, Mai-a-cốp-ski viết một thiên phóng sự gây tác dụng làm cho "mọi người phải tìm hiểu những chỗ yếu và chỗ mạnh của Mỹ". Cũng trong dịp này, Mai-a-cốp-ski còn sáng tác bài thơ *Giấy thông hành Xô Viết* (lời Mai-a-cốp-ski) nổi tiếng là tượng trưng bằng thơ cho chủ nghĩa ái quốc.

Đối với dân tộc Việt Nam đang ra sức xây dựng một nền văn nghệ phục vụ nhân dân, Mai-a-cốp-ski là tấm gương sáng của một nhà thơ hiểu rõ "sứ mệnh của thơ ca" và suốt đời đấu tranh để cho mọi nhà thơ hiểu rõ sứ mệnh của thơ ca.

Mỗi người làm văn nghệ Việt Nam cần suy nghĩ kỹ lời nói của Mai-a-cốp-ski: "Nhà văn cách mạng là một người góp phần vào cuộc sống bình thường hàng ngày và vào việc

kiến thiết xã hội chủ nghĩa".

... "Tôi không bao giờ từ chối viết một bài thơ và đề tài(*) thời sự dù là đề tài về phú nông, về trường học, hay về những miếng da thỏ con con của mậu dịch quốc doanh".

Thơ của Mai-a-cốp-ski rất giàu tính chiến đấu, không những đối với quân thù mà cả đối với những tư tưởng, tác phong lệch lạc trong hàng ngũ cách mạng. Bài thơ của Mai-a-cốp-ski châm biếm những người cộng sản khai hội liên miên, đã được Lênin khen ngợi rằng: "về chính trị, tôi đảm bảo là hoàn toàn đúng".

Đặc biệt năm nay kỷ niệm ngày Mai-a-cốp-ski mất giữa lúc chúng ta đang có cuộc vận động phê bình văn học trong đó có phê bình thơ Tố Hữu, chúng ta cần học tập tính chất chính trị sắc bén và tinh thần phục vụ triệt để của nhà thơ Xô Viết Mai-a-cốp-ski. Chúng ta cần hiểu rõ một nền văn nghệ tiên tiến không thể tách rời đảng tính và giai cấp tính. Đó là tiêu chuẩn mà Mai-a-cốp-ski đã trao lại cho chúng ta để làm thước đo mọi tác phẩm văn nghệ. Tác phẩm của Mai-a-cốp-ski còn nêu cao tác dụng của thơ, văn ca ngợi cái tươi sáng của chúng ta và đập mạnh cái đen tối của quân thù, mài sắc tinh thần phê bình, tự phê bình sắc bén, và gắn chặt nghệ thuật với chính trị.

Kỷ niệm lần thứ 25 ngày Mai-a-cốp-ski mất, chúng ta hãy ra sức học tập Mai-a-cốp-ski, và thiết thực nhất lúc này là đem những bài học mà Mai-a-cốp-ski để lại cho chúng ta áp dụng đúng đắn vào những cuộc phê bình văn nghệ của chúng ta hiện nay.

NHÂN HỒNG

Nhân dân, 14.4.1955

(*) Có lẽ đúng ra phải là: "về đề tài..."; có thể bản gốc in lầm.

ĐỌC TẬP THƠ VIỆT BẮC CỦA TỐ HỮU:

TÌNH CẢM CHƯA THEO KỊP Ý THỨC CỦA CON NGƯỜI

Tập thơ *Việt Bắc* ra đời đã gây nên một phong trào tranh luận sôi nổi. Có nhiều ý kiến hoàn toàn đối lập nhau. Một số bạn đọc đâm ra hoang mang không biết nên theo ý kiến nào vì thực ra những ý kiến phê bình đều có những phần đúng của nó. Thế thì lấy tiêu chuẩn nào để định giá trị của tập thơ? Theo ý kiến tôi, muốn nhận chân được giá trị tập thơ *Việt Bắc*, trước hết cần phải thống nhất với nhau về một vài quan điểm phê bình đã.

Trước hết tôi đi vào lập trường của hai bạn Hoàng Yến và Hoàng Cầm. Cả hai bạn đều đã có nhiều ý kiến thống nhất: tập thơ *Việt Bắc* thiếu hiện thực, ít chất sống thực tế. Ý kiến này có phần đúng. Nhưng cái khuyết điểm chung trong phương pháp phê bình của hai bạn là đã trích ra một đoạn trong bài thơ hoặc một số đoạn trong tập thơ để đi đến một kết luận chung cho toàn thể. Tách rời bộ phận khỏi toàn thể, chưa nhìn thấy toàn diện, các khía cạnh tập thơ, đó là một

thiếu sót căn bản của hai bạn Hoàng Yến và Hoàng Cầm.

Có thể nói tập thơ *Việt Bắc* đã thành công về hiện thực, về sự truyền cảm những tình cảm lành mạnh cho thời đại nhưng ở những khía cạnh nào đó nó chưa đạt được mà thôi. Trong con người của thi sĩ có thể còn những tình cảm lạc điệu chưa theo kịp cái ý thức tiến bộ. Mới nghe qua thì có vẻ mâu thuẫn nhưng thật ra thì thống nhất. Con người mới chúng ta đang đập tan những rác rưởi của xã hội cũ để xây dựng một con người mới hoàn toàn. Trong quá trình trưởng thành của nó, tất nhiên còn có những bước chập chững, nhưng cái hướng vẫn là hướng đi lên, cái bước đi vẫn là bước đi của con người mới.

Phê bình bài *Bao giờ hết giặc* của thi sĩ Tố Hữu, anh Hoàng Cầm cho là "cả bài, câu nào cũng đìu hiu vắng vẻ". Bà mẹ thương con một cách "thương tâm, não ruột". Người bộ đội trong thơ hiện lên bé bỏng, đáng thương. Những tình cảm, những con người không phải là chất sống thực của thời đại.

Nhưng tại sao anh Hoàng Cầm không nhắc đến bà mẹ, anh bộ đội trong bài *Bà mẹ Việt Bắc*, trong bài *Bầm*. Bà mẹ và anh bộ đội trong những bài thơ này đẹp đẽ và lành mạnh biết bao! Chính Hoàng Yến đã phải công nhận rằng trong những bài thơ này "còn có nhiều tác dụng góp vào việc nâng cao ý chí chiến đấu không ngừng, không mỏi của người chiến sĩ quân nhân cách mạng". Đã có tác dụng như thế thì tất nhiên là thơ phải hiện thực, phải có chất sống rồi chứ gì nữa.

Cho nên phải nhìn cho được toàn bộ các khía cạnh của tập thơ. Không thể căn cứ vào một số ít những tình cảm lạc điệu, những nét thiếu hiện thực để đi đến kết luận rằng tập thơ *Việt Bắc* thiếu hiện thực, "tác giả tổng kết sự việc trên tài liệu" hoặc tập thơ ít chất sống, giống như "một vại nước to

đầy tràn, pha loãng một màu sữa", "mới nghe thì hay, nghe nhiều lần thì chán".

Cũng vì những quan niệm phê bình thiên lệch ở trên mà bạn Vũ Đức Phúc đã phê bình bạn Hoàng Yến là chưa nắm vững vấn đề hiện thực.

Nhưng trong khi phê bình Hoàng Yến, bạn Phúc cũng đã có những cái nhìn quá đơn giản về con người của thi sĩ. Phê bình bài *Bắn* của Tố Hữu, Hoàng Yến viết: "... Ngay đoạn tác giả gợi căm thù cũng rất chung chung, đại khái, không sôi sục được lòng người đọc. Có thể nói tác giả đã nói đúng và đủ. Nhưng chất thơ không phải ở chỗ đúng và đủ. Đặc tính của thơ là nói ít mà gợi nhiều, nói hiện tại mà ấp ủ tương lai. Có thể nói "tác giả đã tổng kết các việc trên tài liệu..." Về điểm này bạn Vũ Đức Phúc hoàn toàn không đồng ý; bạn cho rằng: "Một người đã vào sinh ra tử bao nhiêu năm trời, nếm đủ mọi mùi tàn ác của đế quốc, chứng kiến bao nhiêu cảnh dã man của chúng gây ra, một người như Tố Hữu phải đâu là người không cảm thông được nỗi căm hờn giặc, dù chỉ là nghe chuyện mà hình dung ra sự việc. Một người như vậy nếu ta kết luận là "tổng kết sự việc trên tài liệu" thì cũng nên suy nghĩ một chút!".

Tôi chỉ đồng ý phần trên của bạn Phúc. Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng đã trưởng thành trong lao tù, trong khói lửa kháng chiến. Quần chúng, Đảng đã giáo dục cho thi sĩ một lập trường vững chắc, một ý thức căm thù địch sâu sắc. Bản thân thi sĩ đã nhiều lần chứng kiến những cảnh đau thương tang tóc của đồng bào. Nhưng có ý thức căm thù chưa phải là đã có ngay tình cảm căm thù đúng mức. Ý thức chỉ giúp đỡ cho cảm xúc – nếu là ý thức tiến bộ – chứ không quyết định được cảm xúc của thi sĩ.

Trong một con người thi sĩ, có lúc tình cảm tiến bộ vượt xa hẳn ý thức lạc hậu của thi sĩ nhưng cũng có lúc ý thức đã tiến bộ mà tình cảm vẫn lẽo đẽo theo sau. Đó là một hiện tượng thường xảy ra trong lĩnh vực văn học, ở Việt Nam và ngay cả thế giới. Ở trường hợp thi sĩ Tố Hữu, không phải tình cảm hoàn toàn chưa theo kịp ý thức, nhưng một đôi khi nó đã không theo kịp con người ý thức tiến bộ của thi sĩ. Phần sau đây tôi muốn nói đến những điểm "chưa ăn khớp" đó trong tập thơ *Việt Bắc*.

*

Một trong những nhận xét của nhiều người là trong tập thơ *Việt Bắc*, đôi lúc toát ra những cảm giác buồn, ngậm ngùi, xa vắng. Rõ nhất là trong bài *Bao giờ hết giặc*. Trong lúc *Bà mẹ Việt Bắc* rất tiến bộ, lành mạnh thì ở đây tác giả vẽ lên hình ảnh của một bà mẹ, một đêm về cuối năm, nằm không ngủ được, ngong ngóng trông con về:

Từ ngày nó bước ra đi
Nó đi giải phóng đến khi nào về
Bao giờ hết giặc về quê?
Đêm đêm bà bủ nằm mê khấn thầm

Cái tin tưởng ở đây của bà mẹ mong manh lắm. Giữa cảnh "mưa đêm... gió núi ù ù" bà thương con xa nhà vất vả. Hình ảnh người bộ đội hiện lên nhỏ bé, tội nghiệp.

Nó đi đánh giặc đêm này
Bước run bước ngã bước lầy bước trơn
Nhà còn ổ chuối lửa rơm
Nó đi đánh giặc đêm hôm sưởi gì?

Nỗi lo một lúc một "bời bời" làm bà cụ ruột gan bồn

chồn cho đến sáng gà gáy. Tình thương của bà mẹ đối với chiến sĩ là một tình thương yếu ớt tiêu cực. Nó làm cho người chiến sĩ uỷ mị nhụt chí lớn. Trong thực tế kháng chiến, có thể có một thiểu số những bà mẹ như vậy nhưng không phải là những hình ảnh điển hình của những bà mẹ thời đại. Bổn phận thi sĩ là phải ghi lấy những tình cảm thực nhưng đi lên của thời đại. Có thế thì mới có tác dụng giáo dục người đọc làm cho họ yêu thương căm thù lành mạnh hơn.

Bước sang một bài khác, bài *Tình cá nước*, chúng ta cũng thấy bà mẹ ở đây hiện lên với một niềm tin tiêu cực nếu không phải là tuyệt vọng, giữa cảnh hai người cán bộ và bộ đội gặp nhau trên lưng đèo, nói chuyện đánh giặc thắng trận "cười ha hả" thì tiếng ru con từ một xóm tre xanh xa xôi vẳng lại buồn buồn:

Cháu ơi cháu lớn với bà
Bố mày đi đánh giặc xa chưa về
Cháu ngoan cháu ngủ đi nhe
Mẹ mày ra chợ bán chè bán rau
Bố mày đánh giặc còn lâu
Mẹ mày cày cấy ruộng sâu tối ngày.

Đành rằng bà mẹ ru như thế để yên lòng cháu nhỏ nhưng ở đây lời thơ ngậm ngùi, lặng lẽ tan rã, nó nói lên một cái gì thiếu tin tưởng trong tâm hồn bà mẹ chiến sĩ ấy.

Cái tình cảm buồn, ngậm ngùi lạc điệu ấy còn trà trộn trong một vài đoạn thơ của bài *Việt Bắc*, ở đây phải nói rằng cái dụng ý của tác giả là một dụng ý tốt. Sau 15 năm sống với núi rừng Việt Bắc thân yêu, tác giả muốn rằng ngày về thủ đô, người cán bộ sẽ không bao giờ quên được căn cứ địa thần thánh đó của cách mạng. Người cán bộ sẽ nhớ mãi Việt Bắc để giữ đúng tác phong giản dị, khắc khổ, "trông về Việt Bắc

mà nuôi chí bền". Và trong ý thức tác giả, giữa núi rừng Việt Bắc và thủ đô chẳng có gì là cách biệt mà "nước non đâu cũng là ta với mình". Thủ đô được giải phóng tức là Việt Bắc cũng "tưng bừng thêm vui".

Ý thức của thi sĩ là thế. Nhưng cái không khí chia tay trong bài thơ lại có vẻ ngậm ngùi ly biệt:

Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

Người ở lại nghẹn ngào, lưu luyến người đi:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng măng non để già(*)
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son

Cũng như Hoàng Yến, tôi thấy Việt Bắc ở lại có vẻ heo hút, đìu hiu quá!

Những câu thơ buồn buồn, tình cảm đi xuống, chết chóc. Nó gợi lên một cái gì khiên cưỡng trong lòng người đọc. Nó là những cung đàn lạc điệu trong một bản hợp xướng thuỷ chung và thắm thiết.

Trở lên trên là những cái lạc điệu trong tình yêu của thi sĩ. Vậy những lúc căm giận quân thù, thơ Tố Hữu như thế nào? Chúng ta cũng phải nói rằng ở một đôi bài, lòng căm thù giặc đó chưa đạt đúng mức. Rõ rệt nhất là trong bài *Bắn*. Người pháo binh ngồi ở "trên đầu chúng nó"; nòng đại bác chĩa xuống khoanh đồi đỏ trong đó bọn giặc lúc nhúc đang

(*) Chỗ này tác giả trích thơ thiếu chính xác; thực ra lời trong bài thơ Tố Hữu là "măng mai", không phải "măng non" (NST).

cười nói. Đến giờ phút này mà chúng nó còn cười? Bao nhiêu hình ảnh đau thương, căm thù hiện ra rõ rệt trước mắt người chiến sĩ:

Bao nhiêu đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quẳng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang

Sự việc đầy đủ, nhưng chưa phải là lòng căm thù phẫn nộ. Lời thơ có vẻ kể lể, giống như một bản cáo trạng của quan toà trước tội nhân. Người đọc vẫn chưa xúc động, chưa căm giận nghẹn ngào. Vấn đề không phải là kể nhiều mà phải là những sự kiện điển hình tự nó toát lên căm thù. Tôi đã đọc một bài thơ của Nông Quốc Chấn. Tác giả cũng kể lại những đau thương tang tóc trước ngày Cao Bắc Lạng giải phóng, nhưng ở đây thi sĩ chỉ đem ra một sự kiện, song xúc cảm người đọc rất nhiều. Trong một trận lùng, người cha bị giặc bắt và bị bắn ngã gục. Nhà thơ nghẹn ngào khóc lên:

- Cha ơi! Cha không biết nói nữa rồi
Chúng con còn thơ ai dạy ai nuôi
Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời
Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc

Nhưng không phải là cái khóc suông. Người trong thơ vẫn đứng lên:

Con cởi áo liệm thân cho bố
Máu đầy tay, nước tràn đầy mặt
Mày sẽ chết! Thằng giặc Pháp hung tàn
Băm xương thịt mày tan mới hả

Lòng căm thù bốc lên, cần phải hành động để trả thù cho người đã chết. Những vần thơ trên của Tố Hữu chưa đạt đến mức độ căm thù đó.

Trong thơ của thi sĩ, cái yêu nhiều hơn cái ghét. Ai cũng phải nhận thấy rằng khi nói đến tình yêu quê hương, yêu bộ đội, nhân dân, lãnh tụ, v.v... lời thơ Tố Hữu có vẻ mến thương tha thiết lạ lùng. Đọc thơ Tố Hữu người ta thấy tâm hồn mình trở nên ấm cúng, thân mật. Ngay đến cả thiên nhiên cũng có một mối tình đùm bọc đối với con người:

Núi giăng thành luỹ sắt dày
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù

Nhưng khi nói đến cái khía cạnh căm giận đau xót thì ở thơ Tố Hữu còn thiếu và đôi khi chưa đạt được. Nó chưa phải là cái căm giận nghẹn ngào, cái đanh đá quyết liệt của người nông dân đứng trước quân thù, và tôi lấy làm lạ rằng tại sao trong thơ Tố Hữu vắng hẳn cái căm thù chứa chất hàng ngàn đời của người nông dân đối với bọn địa chủ phong kiến tàn ác? Có phải là nhà thơ không nhìn thấy những căm thù, tang tóc, mất mát trong kháng chiến không? Không, hơn ai hết, thi sĩ biết rất rõ những mối thù ấy. Ngày từ giã Việt Bắc về thủ đô, nhà thơ không phải chỉ nhớ đến "hoa mơ trắng rừng", "bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng" mà tác giả còn nhớ rất rõ cái "mối thù nặng vai". Trong bài *Gửi về quê mẹ* thi sĩ xót xa với mối thù đó:

Giặc về giặc chiếm đau xương máu
Đau cả lòng sông đau cỏ cây…

Thấy rõ những mối thù nhưng vẫn chưa nói lên đầy đủ và đúng mức những mối thù ấy, đó là cái tình trạng đôi khi "tình cảm đã không theo kịp ý thức tiến bộ" của con người thi sĩ.

*

Thơ của Tố Hữu đã nói lên được lòng yêu thương tha thiết đối với quê hương đất nước, đồng bào, lãnh tụ, v.v... của chúng ta. Thơ của Tố Hữu là một niềm tin tưởng lạc quan cách mạng. Cái "ta" trong thơ càng ngày càng lớn mạnh, cái "địch" càng ngày càng suy yếu và "ta" hơn hẳn "địch". Con người trong thơ tin tưởng vào bản thân mình và thấy rõ tương lai tươi sáng của dân tộc và nhân loại. Đó là chủ nghĩa nhân văn mới trong thơ. Cũng chính vì có một nội dung phong phú như thế nên thơ của Tố Hữu đã nhóm trong lòng mọi người những ngọn lửa cổ võ chúng ta đứng lên chiến đấu dưới ngọn cờ vinh quang của Hồ Chủ tịch. Đứng về phương diện nghệ thuật mà nói "thì những thành công đó chính là những thành công của chủ nghĩa hiện thực cách mạng, của chủ nghĩa nhân đạo cách mạng trong thơ".

Đó là những thành công căn bản mà các anh Xuân Trường, Xuân Diệu đã giới thiệu với bạn đọc trên mặt báo. Bên cạnh những thành công căn bản đó chúng ta thấy rằng tình cảm trong thơ có lúc còn buồn, ngậm ngùi, xa vắng, cái căm giận đau xót còn nhẹ nhàng, chưa sâu sắc và đầy đủ. Đó là một hiện tượng "chưa ăn khớp" hoàn toàn giữa tình cảm và ý thức của thi sĩ.

San bằng được cái "chưa ăn khớp" hoàn toàn giữa tình cảm và ý thức ở trên là nhiệm vụ chủ yếu của quần chúng phải bồi dưỡng cho nhà thơ.

PHAN CỰ ĐỆ

(Sinh viên văn khoa)

Tổ quốc, s.9 (20.4.1955)

VÀI ĐIỂM NON YẾU TRONG NGHỆ THUẬT TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

NGUYỄN VĂN PHÚ

L.T.S. - Về cuộc tranh luận chung quanh tập thơ Việt Bắc *chúng tôi đã nhận được trên hai mươi bài tham gia ý kiến. Ở nhiều điểm, các bài trùng nhau mà khuôn khổ tờ báo không cho phép chúng tôi sử dụng vào vấn đề này quá ba trang mỗi kỳ.*

Bởi vậy, chúng tôi chia các bài gửi đến ra làm ba loại:

1) Sẽ đăng toàn bài (có tước bớt ít nhiều câu thừa)

2) Sẽ trích đăng một, hai đoạn ngắn có ý mới và cần thiết đối với trọng tâm tranh luận.

3) Sẽ chuyển đăng ở các báo khác.

Chắc các bạn cũng thông cảm mà vui lòng ưng thuận.

Ngoài ra bắt đầu từ số sau chúng tôi sẽ tường thuật tổng hợp các cuộc hội nghị phê bình tập thơ Việt Bắc *do Hội Văn nghệ tổ chức tại trụ sở Hà Nội.*(*)

(*) Đây là lời toà soạn báo *Văn nghệ*.

Bàn về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, Hoàng Yến đã đánh giá khả năng hiện thực về phương diện nội dung tình cảm. Hoàng Cầm cũng đồng tình với Hoàng Yến về mặt đó và cho là thơ Tố Hữu thiếu ít chất sống thực tế.

Tôi cũng đồng ý với Hoàng Yến và Hoàng Cầm, nhưng tôi không phê bình thơ Tố Hữu về nội dung chính trị. Nội dung chính trị của tập thơ *Việt Bắc* theo ý tôi nói lên đầy đủ mọi điều cần nói, không chê trách vào đâu được. Tôi chỉ đứng vào phía nghệ thuật để tìm hiểu xem nghệ thuật thơ Tố Hữu đã thành công hay chưa? Và đã trả lời nổi nội dung hiện thực xã hội chủ nghĩa chưa?

Tiêu chuẩn nghệ thuật không phải là chính yếu, nhưng là một tiêu chuẩn quan trọng. Tôi cho rằng nghệ thuật thơ Tố Hữu chưa được phong phú cho lắm nên có ảnh hưởng đến nội dung chính trị, muốn sâu sắc mà không đạt được.

Theo Mác-xim Goóc-ki, "văn chương là nghệ thuật lấy chữ và hình ảnh tạo nên những điển hình, những nhân vật để phản chiếu cuộc đời, phản chiếu thực tế cùng với mọi cảnh vật, mọi tâm tình". Thơ lại là một thứ nghệ thuật sử dụng hình ảnh và tiếng nói cực kỳ công phu, vì nếu hình ảnh và tiếng nói không có sức truyền cảm kỳ diệu vào tâm tư của con người thì không có gì là chất thơ nữa.

Tâm trạng là những thực thể trừu tượng mà văn chương phải biểu hiện ra bằng những hình ảnh cụ thể. Hình ảnh nếu chỉ được vẽ lên dưới trạng thái tự nhiên hoặc không điển hình thì nó chỉ gợi lên cảm giác mà thôi, do đó người ta muốn xúc cảm thế nào thì xúc cảm.

Với quan niệm như trên, tôi phân tích nghệ thuật thơ Tố Hữu trong tập *Việt Bắc*.

*

Bài thơ *Cá nước* có đoạn như sau:

Một thoáng lặng nhìn nhau
Mắt đã tìm hỏi chuyện
Đôi bộ quần áo nâu
Đã âm thầm thương mến

Hình ảnh được nêu lên là hình ảnh hai người mặc quần áo nâu giản dị, mới gặp nhau, đứng lặng nhìn nhau, mắt thương mến, âm thầm, kín đáo. Trước hết đôi bộ quần áo nâu không phải là nét điển hình về hình ảnh của anh bộ đội và anh cán bộ. Nếu không có đoạn kể rõ ở trên:

Anh là Vệ quốc quân,
Tôi là người cán bộ

thì đố ai hiểu hai bộ quần áo nâu ấy chỉ rõ ai. Dù nó có gợi lên cho ta thấy cái bề ngoài giản dị chăng nữa, ta cũng không rõ nguyên nhân vì sao mà lại "âm thầm thương mến" nhau.

Nhưng nét vẽ lên bằng tiếng: "lặng nhìn", "mắt hỏi", "âm thầm", cho ta cảm giác hai người quen nhau, thầm nhận nhau rồi thương nhau. Có thế thôi, rồi một mối buồn man mác bao trùm lên lòng người, gợi lên bởi những tiếng "lặng", "âm thầm". Hình ảnh và lời thơ chỉ gợi lên được cái cảm giác bên ngoài, tự nó không nói lên được cái mặn nồng giữa hai người, cái rung động của lòng người đọc. Người đọc có cảm thông gì với anh không? Có yêu hai anh không? Tuỳ ý! Sức sống không toát lên được. Hoàng Cầm cảm thấy bài thơ êm êm rồi thoáng tan đi, chính vì vậy.

Cũng bài ấy, hình ảnh ở một đoạn khác như sau:

Giọt giọt mồ hơi rơi
Trên má anh vàng nghệ.

Hình ảnh mồ hôi rơi giỏ giọt, má anh bộ đội vàng như

nghệ, gợi lên cho ta cái cảm giác anh đội(*) mệt, khó nhọc, ốm yếu. Còn người đọc có cảm thông gì với anh bộ đội thì tác giả nói lên hộ bằng lời, sau hình ảnh trên:

Anh Vệ quốc quân ơi!
Sao mà yêu anh thế!

Hình ảnh gợi cảm giác bề ngoài, bất lực, không nói lên được sức sống tình cảm bên trong lòng người Vệ quốc, người cán bộ, người đọc, người nghe.

Ăng-ghen có viết: "Khuynh hướng phải do tình thế và hành động mà bật ra, không nên nói trắng ra một cách bộc lộ".

Ở đây hình ảnh không tự nói lên được mà toàn là phải dựa vào lời của tác giả:

Anh người đâu, tôi đâu
Gần nhau là thân thiết
.....
Đã âm thầm thương mến
.....
Chắc có lúc lòng anh
Nhớ nhà, anh nhớ lắm.

Nếu thơ mà cứ phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần những lời "thân thiết", "thương mến", "yêu anh", "lòng anh nhớ nhà", "anh nhớ lắm" v.v... mà không để hình ảnh, hành động tự nó nói lên thì sức truyền cảm của thơ kém hẳn đi. Lời nói chỉ truyền cảm được khi nào chính bản thân lời nói có hình ảnh hoặc hoạt động.

Rồi câu kết luận của bài thơ:

(*) Có lẽ đúng ra là "anh bộ đội" ; bản gốc in thiếu từ "bộ" (?).

Rồi lát nữa chia đôi,
Anh về xuôi, tôi ngược.
Lòng anh và lòng tôi
Mang nặng tình cá nước

vẽ ra cảnh chia ly, kẻ xuôi người ngược, gợi một nỗi buồn man mác. Hai câu sau, "lòng anh và lòng tôi mang nặng tình cá nước", không vớt lại được cái dư âm buồn để lại phút cuối cùng sau khi đọc xong bài thơ.

*

Trong một bài thơ khác, bài *Phá đường* cũng có những cách cấu tạo hình ảnh chỉ gợi cảm giác và dùng lời nói hộ tình cảm như vậy.

Đoạn mở đầu:

Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế
Gió qua rừng Đèo Khế, gió sang

Hình ảnh gió, rét, ở chiến khu Việt Bắc. Rét thế nào, có ai cảm thấy không? Tác giả phải vận dụng cảm giác bằng óc liên tưởng cho những ai đã từng sống ở Thái Nguyên, Yên Thế, Đèo Khế. Rét thế nào cảm giác chưa rõ lắm thì cảm xúc chắc là không có.

Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét, nước, làng em lo

Đã không biết rét đến mực độ nào thì chữ "mặc" dùng ở đây cũng không có tác dụng lắm. Hãy lắng tai nghe người phụ nữ Bắc Giang kể lể:

Nhà em phơi lúa chưa khô,
Ngô chửa vào bồ, sắn thái chưa xong
Nhà em con bế, con bồng

Em cũng theo chồng đi phá đường quan.

Ta thấy có những hình ảnh gì? Lúa, ngô, sắn bề bộn khắp nơi. Con bế, con bồng ríu rít. Người đọc cảm thấy cái cảnh neo đơn, một thân một mình của người đàn bà nông dân. Nhưng cũng lại cảm thấy rằng nhà đủ ăn, không đau khổ, chỉ bận rộn thôi. Ngoài cái cảm giác ấy ra, còn cảm thông gì với người phụ nữ nữa không, cũng là tuỳ sự suy luận của người đọc. Nhà đủ ăn, nhưng bận rộn tíu tít, thế mà "em cũng theo chồng đi phá đường quan". Hình ảnh đi phục vụ chưa có hào hứng vì hai chữ "theo chồng" và chưa được quyết tâm bởi chữ "cũng" gượng gạo.

Với tám câu mở đầu kể lể: Nào rét, nào lo việc nước, nào bề bộn việc nhà, nào hy sinh, hình ảnh chỉ tả bên ngoài không tự nó gợi lên được cho người đọc cái tình cảm sâu sắc của người đàn bà nông dân căm thù giặc, quyết tâm khắc phục khó khăn, quyết tâm hy sinh. Chính bản thân người đọc, người nghe, cũng không có xúc cảm gì thấm thía trước hình ảnh ấy.

Hì hà hì hục
Lục cục lào cào
Anh cuốc em cuốc
Đá lở đất nhào
Nào anh bên trai
Nào em bên nữ
Ta thi nhau thử
Ai nào hơn ai!

Tác giả sử dụng những âm thanh bắt chước tự nhiên diễn đạt cảnh lao động khó nhọc, có tiếng thở, có tiếng cuốc, có tiếng đất rơi, đá lở. Diễn tả cái cảnh lao động khó nhọc bằng những âm thanh bắt chước đúng sự thực như vậy là một kỹ

thuật của chủ nghĩa tự nhiên, bởi vì chính âm thanh không gợi cảm xúc gì cả.

Mác-xim Gooc-ki nói: "Chủ nghĩa tự nhiên ghi chép một cách máy móc, nó giữ nguyên những sự việc. Chủ nghĩa tự nhiên là nghề chụp ảnh, thí dụ người thợ chụp ảnh có thể chụp bộ mặt của một người với nụ cười ta cho là buồn chẳng hạn, đến khi hắn ta muốn có một bộ mặt ấy với nụ cười chế nhạo hoặc vui tươi, thì hắn phải chụp một cách khác. Tất cả đều là sự thực ít hay nhiều, nhưng là sự thực một giây phút của con người sống buồn rầu hay giận dữ, vui tươi. Còn nói đến trình bày sự thực của con người trong sự sống phức tạp, thì cả người thợ ảnh lẫn nhà văn theo chủ nghĩa tự nhiên đều không thể làm được"(*).

Tám câu thơ sử dụng kỹ thuật âm thanh và nhịp điệu rất khéo léo bắt chước tự nhiên chỉ là chụp được cái cảnh đông người đang cuốc, đào, khó nhọc, vui tươi, hăng hái. Trước cảnh ấy, ai muốn cảm xúc thế nào cứ cảm xúc theo chủ quan của mình.

Tôi nghĩ rằng hình ảnh phá đường ghi theo lối chụp ảnh như vậy có thể là hình ảnh phá đường, đắp đường ở bất cứ một thời gian nào, một giai đoạn lịch sử nào, nếu nó không được giải thích bằng mấy *câu nói* ở cuối cùng bài thơ:

Thằng Tây mà cứ vẩn vơ
Có hố này chờ chôn sống mày đây
Ớ anh ớ chị nhanh tay
Nhanh tay ta cuốc chôn thây quân thù

Tình cảm thực của người nông dân phá đường giết giặc trong giai đoạn kháng chiến phòng ngự chưa được hình ảnh tự nó làm nổi bật hẳn lên.

(*) Thư gửi Grosman ngày 7-10-32 (nguyên chú).

Nguyên nhân chính của sự thất bại trong bài này là thiếu chất sống cho nên phải dùng hình ảnh tự nhiên, không hồn.

Hai câu kết luận:

Đêm nay gió rét trăng lu
Rộn nghe tiếng cuốc chiến khu phá đường

nêu lên hình ảnh đêm khuya, rừng núi, gió rét, trăng mờ cộng với âm điệu êm êm của văn lục bát gợi lên một nỗi buồn man mác. Một tiếng "rộn" không thể đủ đem lại cái vui tươi phấn khởi cho lòng người sau khi đọc.

*

Những cách cấu tạo hình ảnh gợi lên cảm giác bên ngoài và cách dùng *lời* nói hộ tình cảm rải rác rất nhiều trong tập thơ *Việt Bắc*, nhất là những bài nói về nông dân, bộ đội đang hoạt động.

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới
Lá ngụy trang reo với gió đèo

Hình ảnh của anh bộ đội thật là đẹp: Anh đang hăm hở trèo lên dốc, không ngại nhọc mệt, nắng chiều, bóng dài, đỉnh cheo leo, vai vươn tới, gió reo...

Nhưng cái đẹp bên trong lòng anh lúc đang trèo hăng hái lên dốc như vậy lại không được diễn tả bằng một hình ảnh cụ thể nào. Những *lời nói* "dốc cheo leo", "không đè nổi", "vai vươn tới", "reo với gió" dù ý nghĩa súc tích, tế nhị đến đâu cũng không gợi lên được tình cảm bên trong lòng người bộ đội. Vật giới và tâm giới chưa hoà được vào nhau. Cái đẹp của cảnh vật tự nhiên chỉ mô tả được cái đẹp bóng dáng bề

ngoài của con người mà thôi.

Anh đi tìm giặc, tôi tìm anh

Đọc xong câu đó, tôi tự hỏi tác giả đi "tìm" anh bộ đội để ngắm, để yêu ư? "Tìm anh" và "tìm giặc", hai sự việc, hai tình cảm khác nhau một trời một vực mà lại chung nhau một tiếng "tìm" gọn lỏn, khô khan. "Tìm" giặc thì thực là yếu ớt. Sao không "giết" giặc, "lùng" giặc, "săn" giặc mà lại "tìm" giặc? Tiếng "tìm" không làm cho người nghe căm thù giặc và cái quyết tâm tiêu diệt giặc một chút nào.

Lại những ngày đi vắt với sương
Ngô bung xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc, tai thao thức
Mùa lại mùa qua, rét nhức xương

Bốn câu này gợi lên hình ảnh gian khổ, nào vắt, nào sương, nào ngô bung, nào nước bương, nào đêm rình giặc, rét nhức xương. Toàn thấy khổ là khổ, còn anh bộ đội nghĩ gì, cảm gì, không có. Người đọc cảm thông ra sao, cái đó cũng lại tuỳ.

Đoạn cuối bài này có hình ảnh:

Anh nằm sưởi nắng mắt lơ mơ

Nhưng hình ảnh ấy làm cho người đọc không mến mà cũng không phục anh bộ đội. Vì mặc dầu trong thực tế lúc nghỉ ngơi anh có quyền lơ mơ, nhân dân vẫn không thích anh hiện lên trong văn nghệ với cái vẻ lơ mơ như vậy.

Đọc *Em bé Triều Tiên*, người ta thấy nhiều hình ảnh rùng rợn quá:

Xác ai nằm ngổn ngang
Bãi tuyết lặng quanh làng
Phố đổ nhà hoang vắng

.....

Cái thân trắng lắc lư

Đầu giây treo lủng lẳng

.....

Cái đầu lâu rũ tóc

Máu chảy dài thân cọc

Tuy ở những đoạn dưới có nêu lên những hình ảnh dân công, cứu thương, anh "chí nguyện quân", đồng hoa, bãi lúa, v.v... nhưng người ta vẫn không quên được cái cảm giác rùng rợn đó. Nhưng lại có người thấy cảm giác đó đưa đến tình cảm căm hờn giặc. Thành ra cái đó cũng lại tuỳ.

Đến đây, chúng ta không thể không so sánh những chỗ thành với những chỗ bại của nghệ thuật gợi cảm trong tập thơ *Việt Bắc*.

Trong tập thơ *Việt Bắc*, nếu hình ảnh và chữ nhiều khi không diễn tả được tình cảm khoẻ của người nông dân, người bộ đội trong kháng chiến mà phải dựa vào lời nói thường, thì trái lại, hình ảnh và chữ đã thành công trong những đoạn diễn tả tình cảm yếu của bà mẹ già, của người vợ trẻ, của đồng bào ở hậu phương.

Cái hình ảnh "*Mưa phùn ướt áo tứ thân*" gian khổ quyện vào hình ảnh bầm chân lội bùn vừa cấy vừa run, gợi lên tình thương vô hạn. Hình ảnh *áo chàm, cầm tay nhau,* quyện vào những chữ *bâng khuâng, bồn chồn*, truyền một nỗi buồn ngậm ngùi vào lòng người.

Hình ảnh "*trám bùi để rụng, măng mai để già*" gợi lên tình cảm quyến luyến, nhớ nhung đến tái tê trước cảnh biệt ly hầu như tuyệt vọng. Hình ảnh trong câu "*hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son*" tự nó đã gợi lên cái buồn, cái thắm thiết,

không cần một lời nào nói hộ.

Có thể trích ra rất nhiều hình ảnh và chữ thành công như thế, nhưng phần đông chỉ là gợi lên cái tình buồn, tình yêu thương thắm thiết mà thôi. **Nếu nghệ thuật sử dụng hình ảnh chỉ đạt được về phương diện gợi lên tình buồn mênh mông, tình thương yêu nhớ nhung buồn buồn mà không đạt được về phương diện gợi lên lòng căm hờn, vui tươi, hăng hái bừng bừng sức sống mạnh mẽ đang tiến lên, thì nội dung hiện thực (cách mạng) hiển nhiên là ít và những rơi rớt lãng mạn tiểu tư sản cũng không ai chối cãi được.**(*)

*

Một yếu tố trong vấn đề sáng tác là cấu tạo tứ thơ, dàn xếp ý niệm để xây dựng văn phẩm. Cấu tứ là một phương diện độc đáo của nghệ thuật. Một là nhà thơ có thể căn cứ theo lý luận mà phân tích, mô tả tình cảm. Hình ảnh và tứ thơ được dàn xếp theo trật tự lý luận minh bạch rõ ràng, nhưng rất dễ rơi vào chỗ công thức khô khan.

Hai là nhà thơ đứng hẳn trên cơ sở tình cảm mà xây dựng thi phẩm. Thực tế tự nhiên, cảnh vật phải đượm màu sắc của tâm tình, của lòng người. Lý trí ở đây phải nhường bước cho tình cảm, và áng thơ dễ trở nên lâm ly, lãng mạn tiểu tư sản.

Ba là nhà thơ không thả lỏng tâm tình chủ quan, cũng không đưa lý luận ra để bắt tình cảm phải gò ép phụ thuộc. Nhà thơ phối hợp lý tính và cảm tính. **Chất sống chính là ở nơi hình ảnh và tứ thơ được cấu tạo trên cơ sở thống nhất giữa lý tính và cảm tính.**(**)

(*) Đoạn này bản gốc in chữ nét đậm (NST).

(**) Câu này bản gốc in chữ nét đậm (NST).

Đứng trên quan điểm thứ ba, tôi tìm hiểu cách cấu tạo tứ thơ của tập *Việt Bắc* xem đã đạt được như thế nào?

Tôi lấy thí dụ bài *Phá đường*. Theo ý tôi bài này đã xây dựng trên cơ sở lý tính như sau:

a) Vấn đề phá đường đặt ra tất phải mâu thuẫn với vấn đề việc nhà bề bộn, đời sống nghèo khổ.

b) Nhân vật vì vậy phải lấy điển hình ở người nông dân, mà phải là người phụ nữ thì việc nhà việc cửa mới tăng thêm phần bề bộn.

c) Thời gian phải là mùa rét thì mới càng tăng thêm phần gian khổ.

d) Khung cảnh phải ở rừng núi heo hút thì gian khổ càng cao hơn một bực nữa.

Vấn đề nhân vật, thời gian, khung cảnh như vậy thì tứ thơ phải làm nổi bật lên mọi hình ảnh hy sinh, quyết tâm phá đường, vui vẻ thi đua, hăng hái, phấn khởi, căm thù giặc.

Nhưng lúc cấu tạo tứ thơ, thì các hình ảnh và chữ không đạt được như trên đã nói. Tất cả tâm trạng của người phụ nữ nông dân chỉ được diễn tả hời hợt bên ngoài. Các tình cảm rời rạc, riêng rẽ từng đoạn không quyện vào nhau. Cảm giác lại nhiều hơn tình cảm. Mãi đến gần cuối mới nói lên mấy lời căm thù, nếu không thì nội dung chính trị rất yếu. Hai câu kết luận gợi lên một dư âm buồn man mác, làm cho bài thơ không đạt được kết quả.

Lý luận một đằng nhưng lại cấu tạo tứ thơ bằng những hình ảnh bên ngoài nên các tình cảm tích cực, tình cảm thực đương lên trong lòng người nông dân không nổi bật lên được. **Lý tính và cảm tính không thống nhất. Bài thơ trở nên khô khan, vì nặng về khái niệm, có tính cách chung chung, không**

nêu được khía cạnh cá tính trong điển hình, khía cạnh con người trong một nội dung chính trị đầy đủ. Căn bản là thiếu tính chất sống thực.(*)

Tôi lấy thêm thí dụ bài *Việt Bắc* mà Xuân Diệu cho là hay nhất trong tập thơ.

Bài *Việt Bắc* được cấu tạo từ thơ trên cơ sở tình cảm. Trong bài này tình nhớ thương Việt Bắc làm chủ đề. Tất cả mọi sự vật, mọi hành động đều phải được biểu hiện trong nỗi niềm thương nhớ ấy, Việt Bắc, lòng người Việt Bắc, lòng người ra đi, nhớ lúc hoạt động đánh giặc, nhớ Chính phủ, nhớ T. ng ương, nhớ Bác, trở về xuôi với trăm nghìn cảnh tươi vui miền xuôi mà không quên Việt Bắc, hẹn hò ngày gặp người Việt Bắc ở thủ đô tưng bừng, dự tưởng Việt Bắc mậu dịch với các nơi, nhớ và biết ơn Bác đời đời. Nhớ nhưng không buồn, từ giã nhau vui vẻ.

Nói tóm lại tình cảm ấy được sắp xếp theo một trật tự lý luận từ tình người Việt Bắc đến tình người cán bộ ra đi, từ tình của Việt Bắc đến tình của trung châu, từ tình của cảnh vật đến tình của lòng người, từ tình của nhân dân đến tình của Trung ương, Chính phủ, của Bác, và cái mức độ của nó là từ quyến luyến nghĩa là có hơi buồn đi đến phấn khởi, vui tươi.

Tình xưa nghĩa cũ nhắc đi nhắc lại từ đầu đến cuối bằng những hình ảnh khêu gợi nhớ thương và hứa hẹn thuỷ chung, rất thành công. Trái lại tình cảm vui tươi, phấn khởi, qua nỗi nhớ thương và lời hứa hẹn ấy không làm nổi bật lên được: một không khí chia ly bao trùm cả bài thơ và cái ngậm ngùi tràn ngập lòng người đọc.

(*) Đoạn này bản gốc in chữ nét đậm (NST).

Hai câu cuối:

Cầm tay nhau hát vui chung
Hôm sau mình nhé, hát cùng thủ đô.

vẫn còn thấy bịn rịn, "vui là vui gượng kẻo mà" đấy thôi.

Lý tính ở đây không thống nhất với cảm tính và đã hoàn toàn nhường bước cho cảm tính. Những đoạn nói về Chính phủ và Trung ương Đảng Lao động, nói về mậu dịch tuy lý luận dài dòng nhưng nôm na, khô khan, gò ép nên bất lực không cứu vãn nổi. Nếu đứng về phương diện nghệ thuật của toàn bộ bài thơ này mà xét chứ không "rung đùi" về một số câu điêu luyện hay từng đoạn thắm thiết, tinh vi thì phải nói là, về căn bản, Tố Hữu đã thất bại.(*)

Còn về âm thanh và nhịp điệu, tôi nghĩ rằng thơ hiện nay tìm nguồn tài liệu trong thơ ca bình dân xưa, nhưng không phải là giữ nguyên âm thanh và nhịp điệu như vậy. Âm thanh và nhịp điệu ấy phải được cấu tạo theo với sức sống mới đương lên cuồn cuộn của thời đại chúng ta ngày nay.

Ai cũng biết lập trường vững chưa đủ, còn cần phải có nghệ thuật. Phần nghệ thuật tuy không phải là tiêu chuẩn chính yếu nhưng nó tạo ra sức gợi cảm và do đó quyết định tác dụng của nội dung chính trị trong thơ.

Trong tập thơ *Việt Bắc*, nội dung chính trị có nhiều ưu điểm, nhưng nội dung ấy chưa thật thấm vào xương máu, thớ thịt, đường gân của người đọc, người nghe. Chính là vì sức sống mạnh mẽ, dạt dào của thời đại chúng ta ngày nay chưa thể hiện đầy đủ bằng hình ảnh, tứ thơ âm thanh và nhịp điệu của tập thơ, nghĩa là chưa nhập vào tâm hồn Tố Hữu. Giá trị hiện thực

(*) Ở bản gốc đoạn này in chữ nét đậm (NST).

của tập thơ vì vậy bị hạn chế rất nhiều.(*)

Vấn đề này liên quan chặt chẽ với vấn đề giai cấp tính (tiểu tư sản) trong thơ Tố Hữu mà kỳ trước, ở đây, Lê Đạt đã phân tích rất rõ.

6-4-55

NGUYỄN VĂN PHÚ

Văn nghệ, s.69 (21.4.1955)

(*) Ở bản gốc đoạn này in chữ nét đậm (NST)

KHÔNG ĐỒNG Ý VỚI HOÀNG YẾN VÀ HOÀNG CẦM

HOÀI VIỆT

Theo ý tôi, bài nhận xét của Hoàng Cầm có nhiều điểm tương tự như bài của Hoàng Yến nên ở đây chỗ nào có thể nói chung được thì chúng tôi xin miễn tách riêng, còn chỗ nào cần để riêng thì chúng tôi xin ghi là của từng cá nhân một. Khi nhận xét về các bài thơ trong tập *Việt Bắc* hai bạn trên đã để cho độc giả chúng tôi thấy rõ thái độ xoi bói, ít xây dựng. Thái độ xoi bói, ít xây dựng đã dẫn các bạn Cầm và Yến đến chỗ bắt buộc Tố Hữu phải bóp méo sự thực khách quan và đó là một điều tôi thấy chúng ta cần tránh nhất. Lấy thí dụ khi phê bình bài *Bà bủ*, Hoàng Cầm trích bốn câu:

Nó đi đánh giặc đêm nay
Bước run, bước ngã, bước lầy bước trơn
Nhà còn ổ chuối lửa rơm,
Nó đi đánh giặc đêm hôm sưởi gì?

Và cho rằng như thế thì anh bộ đội trong ý nghĩ của bà "bé bỏng và đáng thương" quá. Tôi không thấy như Hoàng Cầm mà ngược lại tôi thấy Tố Hữu đã ghi lại rất đúng tình cảm của người mẹ có con đi đánh giặc cứu nước. Người mẹ không buồn rầu đau khổ mà người mẹ chỉ yêu thương. Tình thương đó không thể không có được. Mà cũng không thể vì thế mà bắt bà mẹ phải coi đứa con của mình to lớn, khôn ngoan, ghê gớm được. Đứa con là đứa con, đứa con là một phần linh hồn của người mẹ. Đứa con đi đánh giặc giữ nước làm nhiệm vụ đối với Tổ quốc, người mẹ không gàn quải nhưng không bao giờ quên con. Tình thương đó phải thấm thía sâu sắc và là tình thương đứng đắn. Nhìn thấy những vật quen thuộc quanh mình, những miếng ngon, người mẹ không thể không nhớ đến việc để dành phần con. Đó là tính chất "con người" trong thơ Tố Hữu.

Tính chất "con người" đó còn hiện rõ trong hầu hết các bài thơ Tố Hữu, hoặc đậm hoặc nhạt. Hãy đọc lại những bài *Em bé Triều Tiên, Đời đời nhớ Ông, Việt Bắc* để chúng ta cùng nhận định cho kỹ. Trong hai bài nhận xét của Hoàng Yến và Hoàng Cầm tôi thấy các bạn không chú trọng đến điểm đó. Đã không chú trọng, các bạn lại còn bắt Tố Hữu phải "làm như thế này như thế kia" nghĩa là làm theo ý muốn của các bạn đó. Vì vậy tư tưởng *cầu toàn* đã hiện rõ trong khi phẩm bình từng bài một, hay từng đoạn một. Lấy thí dụ: khi nói về bài thơ ca ngợi lãnh tụ, Hoàng Cầm cho rằng Tố Hữu đã làm cho lãnh tụ chúng ta "xa xôi và cách biệt, như một đạo sĩ đi nhàn du trong rừng". Hoàng Cầm muốn Tố Hữu phải tả cho kỳ đủ "những giờ Người ra tiền tuyến đến bên cạnh dân công, bộ đội; Người ở nông thôn bàn bạc chuyện trò với các cụ phụ lão nông dân". Hoàng Cầm cho rằng "lãnh tụ của ta không những chỉ có thế" và bắt Tố Hữu phải nói lên cho đầy

đủ tình cảm của toàn dân đối với lãnh tụ. Thật là máy móc, buồn cười. Tại sao Tố Hữu lại cứ phải như Hoàng Cầm nghĩ mới được.

...Không phải chỉ riêng trong các bài ca ngợi lãnh tụ, trong bài *Phá đường*, *Giữa thành phố trụi*, *Cá nước*..., chúng ta thấy cả Hoàng Cầm, Hoàng Yến đều bắt Tố Hữu phải ghi phải nói cho thật đầy đủ. Người bộ đội, theo ý Hoàng Cầm thì vĩ đại hơn nhiều mà trong thơ của Tố Hữu nó chỉ là "hình ảnh đẹp một cách mỏng manh, mờ nhạt như dáng dấp của một người lẫn trong sương, trong một bức tranh chấm phá". Ở đây thì tôi đồng ý một điểm, đó là Tố Hữu chưa nói được anh bộ đội của chúng ta trưởng thành vĩ đại như thế nào và cũng chưa chỉ cho ta thấy rõ mối tình giai cấp ruột thịt giữa các đồng chí đội viên. Nhưng Tố Hữu đã đứng về phía bản thân để nói lên cảm tình thắm thiết của một người cán bộ đối với một người Vệ quốc, mối cảm tình đó là một thứ tình giai cấp đẹp đẽ, thấm thía.

Ngoài tư tưởng cầu toàn nói trên trong hai bài phê bình của các bạn Cầm và Yến, nhất là trong bài của Hoàng Cầm, tôi còn thấy có nhiều chữ dùng quá đáng. Hoàng Cầm cho rằng hơi thở trong tập *Việt Bắc* là "một hơi thở cũ kỹ, lạc hậu, những hình ảnh trong bài *Chiến sĩ Điện Biên* là những hình ảnh cứng nhắc, một chiều, kém sinh động, có vẻ đao to búa lớn, giống như một vại nước to, nước đầy tràn pha lẫn một mầu sữa"... Theo ý tôi, Tố Hữu là một nhà thơ hai mươi năm làm cách mạng, cái đó đã cho anh nhìn thấy kẻ thù một cách rõ rệt và đun sôi lòng căm thù trong anh. Nói rằng anh hời hợt, không gây được căm thù thì không đúng. Lại nói rằng cũ kỹ, lạc hậu thì chính tôi cũng rất thắc mắc. Vì tôi chưa thấy có một bài thơ nào – ngay cả thơ của Hoàng Cầm nữa – mới mẻ, tiến bộ hơn mà không có một cái giọng na ná như thơ Tố

Hữu. Cái nhìn của Tố Hữu trong các bài thơ đều được lọc qua một nhãn quan đặc biệt. Mà cái đặc biệt nhất là thơ anh mang nặng tính chất dân tộc cách mạng chứa đựng một nhân văn chủ nghĩa cách mạng. Thơ Tố Hữu đã dạy cho chúng ta một bài học yêu nước thấm thía. Tôi xin kể ra đây một câu chuyện nhỏ. Tôi có một người bạn vừa ở Pháp về. Mười mấy năm du học ngoại quốc đã làm cho anh xa cách nhân dân, xa cách Tổ quốc; cũng vì thế anh chưa hề được đọc một tác phẩm nào viết trong cách mạng và kháng chiến. Thái độ của anh đối với chúng ta vẫn còn hoài nghi rất nặng. Nhưng anh muốn ở lại đây để nhìn tận mắt xem những điều anh đã được nghe có đúng với sự thực không? Rồi anh tìm đọc những tác phẩm của chúng ta. Cuối cùng anh ở lại, mặc dầu gia đình nhiều lần thúc giục anh ra đi. Hỏi vì sao anh ở lại? Anh trả lời chung cho tất cả các bạn hữu: - Vì tôi đã được đọc thơ Tố Hữu, vì Tố Hữu đã dạy cho tôi biết yêu đất nước của chúng ta. Tôi không thể quên được những câu sau này trong thơ Tố Hữu:

... Mây nhơ nhởn bay
Hôm nay ngày đẹp lắm
Mây của ta, trời thắm của ta
Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!
... Ai về nói với quê hương tha thiết
Sông Hương, bến Hát, cửa Tùng
Ai vô đó với đông bào đồng chí
Nói với nửa Việt Nam yêu quý
Rằng: Nước ta là của chúng ta
Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!

Thật là vinh dự cho Tố Hữu, thật là vinh dự cho những kẻ cầm bút chúng ta: Vinh dự vì đã có một Tố Hữu; tôi đọc ký sự Nguỵ Nguy, tôi thấy chỉ trong chế độ của chúng ta mới

có những văn nghệ sĩ ưu tú như thế, chỉ có những người cộng sản mới có một tình yêu Tổ quốc sâu xa đến như thế, chân thành đến mực truyền cảm rung động kỳ diệu như thế!

Câu chuyện tôi kể trên đây nó cũng là ý nghĩ chung của nhiều người. Riêng tôi, tôi chỉ muốn nhấn mạnh ở một điểm: **Nếu thơ Tố Hữu không có giá trị thì nó không được quảng đại quần chúng yêu chuộng say sưa như hiện nay.**(*) Và tôi còn muốn nói thêm: cái hay bù cái dở, thơ Tố Hữu nhất định còn được để lại được giữ lại rất lâu, không phải chỉ trong một thời gian là mất hết. Và nói như thế nghĩa là mặc nhiên công nhận thơ Tố Hữu có giá trị lớn.

Thật vậy, trong cách mạng và kháng chiến, chúng ta đã có rất nhiều nhà thơ. Những nhà thơ ấy so với Tố Hữu về số lượng sáng tác thì không kém hay có khi còn hơn nữa, nhưng về chất lượng thì không hơn được Tố Hữu. Tôi là một người yêu thơ thích làm thơ. Tôi đã tìm đọc rất nhiều thơ của các thi sĩ của chúng ta nhưng tôi chưa thấy ai giầu tâm hồn như Tố Hữu, chưa thấy ai điển hình được cho dân tộc chúng ta như Tố Hữu. Nếu không giầu tâm hồn thi sĩ thì không thể nhìn được đất nước nhìn cuộc kháng chiến thần thánh của chúng ta qua một nhỡn quan có nhiều góc cạnh đến như thế. Này là Việt Bắc thân yêu với những làng những bản, "những đồi cọ vườn chè".

Những hình ảnh tất nhiên là chưa nói đủ lên được tất cả cái vĩ đại của dân tộc chúng ta nhưng đã ghi được những nét lớn nhất của Cách mạng và Kháng chiến. Thơ Tố Hữu cho ta thấy những anh hùng mới của dân tộc, những anh hùng tập thể anh dũng và vinh quang vô cùng. Những anh hùng đó không riêng ở một cương vị nào mới xuất hiện mà có mặt ở

(*) Ở bản gốc câu này in nét đậm (NST).

trong tất cả mọi ngành, mọi tổ chức, mọi từng lớp xã hội. Chúng ta vinh dự vì được đứng trong một dân tộc có những anh hùng như thế. Đó là một điểm thành công không chối cãi được của Tố Hữu.

Tuy nhiên tôi cũng có một vài nhận xét nhỏ đối với thơ Tố Hữu. Tôi muốn nói đến những khuyết điểm của thơ anh. Tôi thấy trong thơ Tố Hữu hình ảnh của các giai cấp động lực của cách mạng rất ít được nhắc đến. Tôi muốn nhìn thấy một anh công nhân trong xưởng thợ, một người nông dân ngoài đồng ruộng và ngay cả trong bộ đội nữa, nhưng tôi chưa được thoả mãn. Trong bài *Lại về*, *Lên Tây Bắc*, thái độ của tác giả bàng quan, thụ động, thiếu tính cách thúc đẩy do đó không gây được sự đồng tình của người đọc. Nhiều đoạn thơ dài, thừa hơi như trong bài *Việt Bắc* tình cảm trải trải không cô đọng nên tác dụng cũng bớt đi nhiều.

Nếu khắc phục được một vài khuyết điểm nhỏ ở trên thì thơ Tố Hữu nhất định không phải ở trong tình trạng "đáng buồn" như Hoàng Cầm và Hoàng Yến đã phê phán.

HOÀI VIỆT
(Hà Nội)

Văn nghệ, s.69 (21.4.1955)

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 25 NĂM
NGÀY MAI-A-KỐP-SKI TẠ THẾ

HỌC TẬP MAI-A-KỐP-SKI (MAIAKOVSKI), PHÁT HUY SỨC SỐNG MỚI CỦA THI CA VIỆT NAM

LÊ ĐẠT

Mai-a-cốp-ski (Maiakovski) mất ngày 14-4-1930. Từ đó đến nay, hai mươi nhăm năm đã qua. Nhưng tiếng nói của Mai-a vẫn bao trùm thời đại, nóng hổi như một điệu kèn xuất trận, thúc giục chúng ta tiến lên phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội. Trong cái rung chuyển long trời lở đất của Cách mạng Tháng Mười, thơ Mai-a xuất hiện như một cơn động đất làm vụn nát những quan niệm tư sản cũ kỹ còn nặng nề trong thi ca Liên Xô hồi đầu.

Tôi chưa đọc được hết Mai-a. Những bài thơ Mai-a tôi đã đọc, tôi chưa giám chắc đã hiểu được hết. Ai mà hiểu hết

được thiên tài? Nhưng, là một người mới làm thơ và đang cố gắng tìm tòi về thơ cách mạng, tôi mạnh bạo trình bày với các bạn một vài bài học lớn nhất của Mai-a để chúng ta cùng nhau suy nghĩ. Mong rằng sẽ có nhiều bạn nghiên cứu Mai-a và sẽ giới thiệu Mai-a, "nhà thi sĩ hay nhất, lớn nhất của thời đại Xô Viết" (Sta-lin) với nhân dân Việt Nam một cách đầy đủ hơn.

LÀM THƠ LÀ MỘT VIỆC SẢN XUẤT ĐÚNG YÊU CẦU CỦA XÃ HỘI

Bài học thứ nhất Mai-a dạy chúng ta là thái độ nhà thơ trước thời đại, là quan niệm về nghề nghiệp về trách nhiệm của ngòi bút đối với cách mạng, đối với nhân dân. Nhà thơ không phải là một người vô công rồi nghề, mơ mộng đi bên cạnh cuộc chiến đấu. Nhưng nhà thơ cũng không phải là phấn, sáp, hoa, tô điểm cho cách mạng. Nhà thơ là một người chiến đấu, đại diện cho giai cấp, xây dựng cách mạng bằng cách đem những tư tưởng, tình cảm tiến bộ cấy vào tâm hồn quần chúng.

"*Nhà văn cách mạng không phải là một kẻ phi giai cấp làm những bài thơ phất phơ vô ích mà bụi bậm bám đầy trên những giá để sách. Nhà văn cách mạng là một người tham gia vào công việc hằng ngày của mọi người để xây dựng chủ nghĩa xã hội*"(1)

Người công nhân xây dựng xã hội bằng máy móc, người

(1) Tất cả những đoạn trích dẫn in ngả và đặt trong ngoặc kép trong bài này đều là của Mai-a. (nguyên chú của Lê Đạt).

bộ đội bảo vệ cách mạng bằng xương máu, người thợ cũng phải xây dựng xã hội, bảo vệ cách mạng bằng thơ của mình.

"Tôi muốn
Ngòi bút
Sắc bén như lưỡi lê
Tôi muốn
Sta-lin
Báo cáo lại Bộ Chính trị
Về đúc gang
Và về công việc của người
thi sĩ"

Một bài thơ là một công tác cách mạng.

Chỉ làm thơ "*khi nào trong xã hội có một vấn đề mà không có cách nào giải quyết ngoài cách giải quyết bằng thơ*". Nhà thơ phải đáp ứng yêu cầu của xã hội, đem tất cả sáng tác của mình "*phục vụ quyền lợi của giai cấp vô sản*".

Một nhà thơ không thể tách rời quyền lợi của giai cấp.

Làm thơ "*phải có một sự đòi hỏi chính xác hay nói cho đúng hơn, một sự cảm thông về những đòi hỏi của giai cấp, về một vấn đề nhất định, hướng bài thơ về một mục đích chắc chắn*".

Thơ không phải là một chuyện chung chung, không thể xuất phát từ ý muốn chủ quan của tác giả, mà phải xuất phát từ nhu cầu của xã hội. Thơ là "*một kỹ nghệ đặc biệt*" nhưng cũng là một thứ kỹ nghệ. Không nhà máy nào sản xuất lung tung, nhà thơ cũng thế.

"*Theo ý tôi thì bài thơ hay nhất phải là bài viết đáp ứng cho sự đòi hỏi của xã hội mà Quốc tế Cộng sản đã đề ra, viết cho sự thắng lợi của giai cấp vô sản, bằng những chữ dùng*

mới, có hiệu lực và dễ hiểu, được đẻ ra trong lúc cần thiết và gửi đến toà soạn bằng máy bay tốc hành".

Có thể nói không một chuyển biến sâu xa nào của thời đại mà thơ Mai-a không đề cập đến. Mai-a chăm chú quan sát, suy nghĩ về từng phát hiện mới của cuộc đời. Thơ Mai-a nẩy nở cùng với thực tế. Mai-a rất khinh lối thơ "tâm tình chủ nghĩa" xuýt xoa, và lên án lối thơ "tán gái".

"*Cứ thấy cái món trữ tình rồ dại ấy là tôi phì cười, vì làm nó dễ quá. Nhưng nó chẳng được ai chú ý cả, trừ vợ người viết*".

Mai-a cho nhà thơ phải là một cán bộ vận động quần chúng, dùng nhiệt tình, dùng thơ của mình thúc đẩy quần chúng chiến đấu. Thơ không phải là một chuyện ngâm nga trong phòng, thơ phải là một bài hịch phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội.

Trong một bài nghiên cứu về Mai-a, Si-mô-nốp sau khi công kích vị trí nhỏ bé một cách rất vô lý mà mọi người dành cho thơ trong các tờ báo, viết:

"Trong nhiều trường hợp chúng ta in thơ trong báo có tính chất trang trí, phụ hoạ vào những bài chính hay những bài diễn văn, thường thường là vào dịp hội hè. Theo truyền thống Mai-a, thơ không phải như thế. Thơ Mai-a không dùng để tô điểm cho những bài chính; nó thay thế những bài đó; nó không bình luận những diễn văn: bản thân nó là những bài diễn văn về những vấn đề xã hội chính yếu nhất".

Ở Việt Nam bao giờ chúng ta mới có những bài thơ thay thế cho những bài xã luận, những bài thơ trực tiếp giải quyết những vấn đề gay go của thực tế? Bao giờ mới có những bài thơ thoát khỏi những rung cảm tủn mủn của những con người tầm thường nhắm nháp cuộc đời như nhắm rượu?

DŨNG CẢM TẤN CÔNG ĐẾ QUỐC VÀ NHỮNG TÀN TÍCH CŨ TRONG HÀNG NGŨ CÁCH MẠNG

Bài học thứ hai Mai-a dạy chúng ta là bài học về lập trường giai cấp trong thơ.

Nói đến thơ cách mạng mà không nói đến giai cấp và Đảng của giai cấp thì chỉ là một cách nói vu vơ trên trời.

"Tất cả sức mãnh liệt của nhà thơ
Tôi cống hiến
Cho giai cấp đang tấn công
.....
Đảng
Là xương sống của giai cấp
Đảng
Là sự bất tử của chủ nghĩa
Bộ óc của giai cấp
Quyền lợi của giai cấp
Lực lượng của giai cấp
Vinh quang của giai cấp"

Với Mai-a cá nhân nhà thơ với xã hội không còn cách biệt, đối lập, vì tình cảm Mai-a hoàn toàn phù hợp với tình cảm của cách mạng. Không còn có thơ chính trị và thơ trữ tình. Thơ Mai-a là thơ trữ tình chính trị.

Ngày 7-11-1917 khi chiến hạm Bình Minh báo hiệu giờ bình minh của nhân loại, Mai-a say sưa gọi Cách mạng Tháng Mười là "cách mạng của tôi", say sưa đem tất cả trí tuệ, tình cảm của mình hiến cho cách mạng vì

"Ngoài chủ nghĩa cộng sản
Không thể có tình yêu"

Niềm vui của Mai-a lớn lên theo cách mạng, theo nhịp kiến thiết vĩ đại của kế hoạch Sta-lin. Mai-a với cách mạng là một. Nhìn những tập thơ của mình bày trong tủ kính, Mai-a hớn hở:

"Tôi hài lòng
Đấy là lao động riêng tôi
Góp vào
Lao động
Nước Cộng hoà Xô viết"

Mai-a viết tiếp:

"Tôi thấy tôi như một chiếc máy xô-viết
Chế tạo ra hạnh phúc"

Cách mạng không bóp chết cá nhân. Trái lại tất cả thơ của Mai-a là một bài thơ trữ tình nồng nhiệt "nói về thời đại và nói về mình". Cá tính giai cấp của nhà thơ càng mạnh thì nhà thơ càng phản ánh thời đại một cách đầy đủ. Cho nên dấu mình đi không dám nói đến mình, nhiều khi chỉ chứng tỏ một sự nghèo nàn, yếu đuối của tâm hồn.

Nhưng thiết tha ca ngợi chế độ không, không đủ. Tha thiết phải đi đôi với căm thù:

"Tim tôi bỗng trở nên vĩ đại
Yêu vĩ đại
Căm thù vĩ đại"

Thơ Mai-a là một tấn công không ngừng vào kẻ địch bên ngoài và những cái hủ bại của xã hội cũ còn rớt lại bên trong.

"Nói với bọn phát-xít lời nói của lửa cháy
Chĩa vào mặt chúng những chữ đạn
Những lời chửi nhọn như lưỡi lê"

Với con mắt sáng suốt của một nhà thơ vô sản hun

đúc trong lòng căm thù của giai cấp, Mai-a đã nhìn thấy từ năm 1926:

"*Nước Mỹ sẽ trở nên kẻ chiến đấu cuối cùng cho bọn tư bản hấp hối bị lịch sử lên án*".

Sau khi nêu lên hình ảnh tàn phá của chiến tranh do bọn "*đầu tròn hơn cái đĩa cao lâu, những con lợn béo quái gở*" gây ra, Mai-a lớn tiếng vạch rõ bộ mặt tàn nhẫn của bọn tư bản đế quốc Mỹ phì nộn, hể hả trên đống xương máu của loài người:

"Moóc-găng
Vợ
Mặc áo lót mình
Im lặng.
Nhìn
Rượu xâm banh
Lên bọt
Móc-găng nói
Anh tặng em
Nhân ngày kỷ niệm
Một tài sản hơi bị tàn phá
Nhưng cũng vẫn còn xinh

Thần tự do của Mỹ trước mắt Mai-a chỉ là

Một tên lính giữ nhà cho những
Sự mê hoặc
Két bạc
Mỡ.

Ý thức giai cấp sâu sắc mài nhọn cảnh giác của nhà thơ, Mai-a "*ngửi thấy mùi thuốc súng sặc sụa từ mọi biên giới bay đến*", nhưng Mai-a không sợ:

"Chúng ta ghét chiến tranh
Nhưng nếu thật chiến tranh trở lại
Chúng ta quyết không hề sợ hãi
Như một lũ ngu đần
Quyết không theo
Không trốn dưới quần
Bọn vú sữa của hoà bình chủ nghĩa"

Những vần thơ tưởng như mới làm hôm qua, hôm kia! Thời gian không làm mòn được thiên tài. Một nhà thơ lớn bao giờ cũng hiện tại.

Tấn công bọn đế quốc, đồng thời cũng phải tấn công những tàn tích thối nát còn rơi rớt lại trong nội bộ đất nước, trong lòng cách mạng.

Mai-a thù hằn bọn phong kiến, lái buôn đội lốt cách mạng, dùng cái nhãn hiệu vô sản để yểm hộ cho những cái thối nát của chúng.

Cuộc đấu tranh với những "*cái xác chết mà cuộc đời chưa kịp chôn*" này lâu dài và gian khổ không những không kém mà có khi còn hơn cuộc đấu tranh với kẻ thù cầm súng. Vì kẻ thù cầm súng tương đối nhìn dễ thấy hơn những tư tưởng lạc hậu nguỵ trang dưới lá bùa cách mạng, vô tình hay hữu ý lợi dụng những nguyên tắc của cách mạng để bảo vệ cái cũ. Mai-a sáng tác những bài thơ đả kích quyết liệt. Mai-a đã nâng thơ đả kích lên thành những "khẩu súng công phá". Tiếc rằng lúc này tôi không có một số bài thơ đả kích của Mai-a trước mặt để giới thiệu với các bạn, tôi xin tạm phỏng dịch một đoạn của Pa-péc-ni (Paperny)[1] nói về thơ đả kích của Mai-a.

---

(1) Đăng trong tạp chí "Văn học Xô viết"(*) (Nguyên chú của Lê Đạt).

(*) Có lẽ là muốn nói tới bản tiếng Pháp "*Lettre Sovietique*" của tạp chí này, do Hội nhà văn Liên Xô xuất bản (NST).

Trong bài *Tắm*, Mai-a đập mạnh vào loại quan liêu điển hình, những "người chui trong túi", cận thị và mù quáng, suy xét và chủ trương đều dựa tất cả vào lời vàng thước ngọc đề ra trong sách, những cái máy định xây dựng xã hội mới bằng cách lùa tất cả những hành động của con người vào những trang giấy mà chúng tôn sùng như kinh thánh, tự biến mình thành những cảnh sát vô vị canh gác những nguyên lý cứng đờ.

Chủ nghĩa cộng sản không cần những con người như thế.

Trong bài thơ *Bọn hội nghị* Mai-a diễu cợt những đệ tử trung thành của "chủ nghĩa hành chính" có đủ khả năng làm tê liệt mọi công tác trong những nguyên tắc dài dằng dặc. Từ sớm đến tối, họ có đủ phấn khởi và nhiệt tình tự giam mình trong buồng họp không tiếp khách để bàn cãi về những vấn đề rất vô ích như "*vấn đề mua một lọ mực*". Cuối cùng Mai-a đẩy cửa vào và đứng sững lại, sửng sốt: Chung quanh bàn không phải những con người mà những "nửa con người". Thì ra bọn nha lại trong cách mạng muốn cùng một lúc dự hai cuộc họp, nên bắt buộc phải tự cắt ra làm đôi "*đến thắt lưng ở chỗ này, phần còn lại ở chỗ khác*". Để kết luận, Mai-a đề nghị "*một cuộc họp nữa để thủ tiêu tất cả những cuộc họp như thế*".

Trong bài *Thằng nịnh*, Mai-a nguyền rủa bọn nha lại mới hỏng xương sống không cất ngay lưng được, một bọn không có chính kiến, không có cá tính, một loài bò sát nghĩ đến chuyện làm cấp trên vui lòng nhiều hơn là nghĩ đến ích lợi của nhân dân, của cách mạng; cái gì cấp trên đề ra chúng cũng nhắm mắt vâng theo ca ngợi, không bao giờ dám dũng cảm đấu tranh nội bộ. Mai-a đề nghị quét hết cả bọn nịnh thần và những bọn che chở cho chúng ra ngoài cách mạng.

Một nhân vật nữa, *Người cạo giấy*, chăm chỉ, cần cù nhưng không nhìn xa quá tầm mũi, không thắc mắc, không suy nghĩ, không thất vọng, thoải mái một cách quái gở trong những cái tầm thường hàng ngày, làm việc như một cái máy.

Và Mai-a lớn tiếng:

"Là cộng sản
là thử thách
suy nghĩ
muốn làm
dám làm"

lấy "*cái vĩ đại của chủ nghĩa cộng sản*" mà "*soi vào từng công việc nhỏ một*".

Chúng ta còn thiếu những vần thơ đả kích như thế. Thơ chúng ta hiền lành, ngoan ngoãn làm sao! Qua thơ hình như thấy cách mạng tiến dễ dàng, "trời quang, sóng lặng" như trong chuyện thần tiên cho em nhỏ. Tất cả đều "quá tốt đẹp trong một xã hội quá tốt đẹp". Chúng ta chưa vạch được bộ mặt đểu cáng của kẻ thù bên trong, chưa lột mặt nạ được những tư tưởng lạc hậu đội lốt cách mạng, chưa lên án chúng. Chúng ta còn e dè nhiều quá.

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI CẢ NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC

Bài học thứ ba mà Mai-a dạy chúng ta là thái độ dũng cảm đấu tranh cho cái mới. Nhà thơ không phải là người ở lẽo đẽo đi theo hầu thực tế. Thơ phải đi trước thực tế, phải luôn luôn đổi mới. Mai-a hô hào những nhà thơ phải "*xốc tới ngày mai, xốc tới đằng trước*" phải ghê tởm việc mô tả

"những tiếng động của ngày hôm qua".[1]

"Thơ chân chính phải đi trước cuộc đời, dù chỉ là một giờ".

Nhà thơ không phải chỉ mô tả hiện tại mà còn phải vượt quá hiện tại, nhìn thấy tương lai, rọi sáng con đường đi tới.

Một nhà thơ không bao giờ được hài lòng với cái hiện tại.

Cách mạng là biến chuyển, là đổi mới, thơ cũng phải biến chuyển cũng phải đổi mới.

Muốn thế phải dũng cảm đấu tranl. với những lề lối quá thành thuộc, đập vỡ những công thức, chống những kẻ *"thường nêu chiêu bài bảo vệ truyền thống văn nghệ cổ điển của dân tộc để ngăn cản cái mới".*

Với chúng, Mai-a trả lời dứt khoát:

"Có đồng chí cho là tôi đả kích tất cả các nhà thơ cổ điển. Tôi không bao giờ lại làm một việc ngu dại như vậy.

"Tôi chỉ nói không có những nhà thơ cổ điển ngự trị mọi thời đại. Nghiên cứu họ, yêu họ đối với thời đại của họ. Nhưng cái mông bằng đồng đen đồ sộ của họ đừng cản lối những nhà thơ trưởng thành đi lên.

"... Nếu tôi chống lại những nhà thơ cổ điển thì không phải để gạt bỏ họ, mà là để nghiên cứu họ, để dùng được những điểm mà họ có ích cho giai cấp công nhân. Nhưng không nên tiếp nhận họ mà không bàn bạc như thường vẫn xảy ra ở nước ta".

Đề cao nhưng không mù quáng, tiếp tục nhưng có sáng tạo. Chủ trương của Mai-a đối với các nhà thơ cổ điển soi sáng thêm cho chúng ta trong lúc thực hiện đường lối khai thác vốn cũ.

---

(1) Ý câu này nói những tư tưởng tình cảm đã cũ (nguyên chú của Lê Đạt).

Muốn đấu tranh cho cái mới phải can đảm, phải bền bỉ.

"*Lúc nào cũng phải bảo vệ một lập trường văn nghệ nhất định, đấu tranh chống khuynh hướng ngu dân mà người ta vẫn còn thấy trong nước Cộng hoà mười ba tuổi của chúng ta*". Trong "khuynh hướng ngu dân mới" điều nguy hiểm nhất là "quan điểm quần chúng giả mạo" nịnh quần chúng, dựa vào thói quen của quần chúng, dùng số đông quần chúng để bảo vệ phía lạc hậu của quần chúng. Thần thánh hoá quần chúng là hạn chế sự tiến bộ của quần chúng, hạn chế sự tiếp thu cái mới của quần chúng, khuyến khích những rơi rớt xấu xa còn sót lại trong quần chúng. Nên nhớ quần chúng chỉ thành sức mạnh đầy đủ khi có sự lãnh đạo của Đảng. Tách rời hai yếu tố Đảng và quần chúng là một điều có hại cho cách mạng. Quần chúng chưa có ý thức và chưa được lãnh đạo đến nơi đến chốn thường có khuynh hướng thích thú những cái đã quen thuộc (nghĩa là đã cũ hay đương bắt đầu cũ) và bỡ ngỡ trước cái mới.

Về điểm này Mai-a có những ý kiến khó lòng có thể rõ ràng hơn.

Sau khi ca ngợi "*đông đảo quần chúng vô sản và nông dân, những người đang xây dựng chủ nghĩa xã hội... những độc giả chân chính*", Mai-a viết:

"*Nghệ thuật không phải ngay từ lúc sinh ra đã là nghệ thuật quần chúng, nó trở thành một nghệ thuật quần chúng do kết quả của rất nhiều cố gắng phê bình, phân tích giá trị và sự ích lợi của nó, do kết quả của sự phổ biến sâu rộng của Đảng và của chính quyền...*"

Muốn đấu tranh cho cái mới còn phải chống ngay với cái nếp quen trong bản thân người làm thơ. Phải duyệt lại cái cũ cẩn thận, phải đập vỡ tất cả những khái niệm thần tượng mà

nhiều người tôn sùng.

Theo Mai-a, không có những luật lệ bất di bất dịch. Phải có những vần thơ mới từ nội dung đến hình thức để ca ngợi cái mới. Và không gì đáng thẹn bằng để nội dung mới "*thò ra khỏi bộ áo quần thơ cũ ngắn cũn cỡn đến nỗi chỗ nào cũng rách toạc cả*"[1].

Bài thơ không còn là một thứ để ngâm nga nhàn tản, mà là một lời kêu gọi chiến đấu, thì tất cả vần, điệu của bài thơ đều phải phục vụ mục đích ấy. Câu thơ dài hay ngắn, cái đó không quan trọng miễn là nêu bật được cái muốn nói và gây được tác dụng mạnh trong lòng quần chúng cũng để phục vụ mục đích ấy. Mai-a sáng tạo ra nhiều lối gieo vần không hề có trong một quyển mẹo làm thơ nào từ trước đến giờ.

Mai-a đã giải phóng cho thơ Liên Xô. Mỗi nhà thơ tuỳ theo yêu cầu của cách mạng và tuỳ theo điệu tâm hồn của mình, sẽ sáng tạo ra những luật lệ riêng cho mình. Miễn là phục vụ được đòi hỏi của xã hội. Muốn sáng tạo được những bài thơ như thế cần phải lao động. "Thơ không phải là một trò giải trí, mà là nghề nghiệp vô cùng khó khăn, một nghề nghiệp cần thiết và bổ ích"[2].

Trong một cuộc triển lãm thơ, Mai-a nói với anh em công nhân:

"*Các đồng chí, một nhiệm vụ nữa của tôi là phải trình bày để các đồng chí thấy khối lượng công việc tôi đã làm.*

---

(1) Khẩu hiệu "bình cũ rượu mới "không chống lại mà chỉ bổ sung ý kiến này của Mai-a. "Bình cũ rượu mới" là những trường hợp đặc biệt, ở đó lợi dụng hình thức cũ để diễn đạt tư tưởng tình cảm mới có lợi hơn. "Bình cũ rượu mới" không thể là phương châm cho toàn bộ một nền văn nghệ được (nguyên chú của L.Đ.).

(2) En-xa Tờ-ri-ô-lê (Elsa Triolet) viết trong quyển "*Mai-a-kôp-ski, nhà thơ Nga*" (nguyên chú của L.Đ.).

Để làm gì? Để các đồng chí thấy một ngày của nhà thơ, có trước mặt những vấn đề lớn lao của đất nước, không phải chỉ cần tám giờ mà mười sáu, mười tám giờ. Để các đồng chí thấy chúng tôi không có thì giờ nghỉ ngơi, mà lao động bằng ngòi bút ngày này sang ngày khác, không khoanh tay ngủ gật bao giờ".

*

Tôi đã cố gắng giới thiệu đại cương những bài học lớn của Mai-a mà tôi cho là quan trọng nhất đối với thơ ca Việt Nam ngày nay. Đó cũng là những điểm cụ thể và căn bản của chủ nghĩa hiện thực mới.

Có người e rằng vấn đề thơ Mai-a là vấn đề có tính chất hoàn toàn Liên Xô và giới hạn trong khoảng mười năm liền sau Cách mạng Tháng Mười, không thể áp dụng ở nước ta được, vì hoàn cảnh khác nhau.

Đành rằng xã hội Liên Xô và xã hội Việt Nam có khác nhau ở điểm này điểm nọ, nhưng có giống nhau ở một điểm chính yếu là chủ nghĩa Mác và cách mạng. Và vấn đề thơ Mai-a là vấn đề thơ cách mạng. Học tập Mai-a là học tập cái chất cách mạng ấy.

Lối học tập máy móc, ăn sống nuốt tươi thì cố nhiên là chúng ta phản đối. Nhưng một mặt khác chúng ta cũng phản đối cái lối lấy nê một vài điểm khác nhau về hoàn cảnh để làm hàng rào ngăn ảnh hưởng thơ cách mạng của Mai-a.

Được quan niệm đúng, sự áp dụng những bài học của Mai-a có thể thực hiện ở Việt Nam cũng như ở bất cứ một nước nào làm cách mạng theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Trong một thế giới mới đang chiến đấu và xây dựng,

giữa lúc chúng ta cần yêu thêm, ghét thêm, nâng cao lý tưởng xã hội và nhân phẩm con người, chúng ta càng cảm thấy tiếng nói đanh thép của Mai-a là vô cùng cần thiết.

Mai-a qua đời đã hai mươi nhăm năm. Nhưng Mai-a không chết. Một nhà thơ lớn không bao giờ chết. Thơ Mai-a không phải là dĩ vãng. Thơ Mai-a là hiện tại, là tương lai.

Mai-a nhắc nhở chúng ta nhiệm vụ: Ngòi bút của nhà thơ Việt Nam không thể để rỉ trong hoà bình sau hiệp định Giơ-ne-vơ, trong cái đoàn kết nội bộ xuê xoa từ trước tới giờ. Mai-a dạy chúng ta "yêu thương và căm hờn vĩ đại", chiến đấu với địch ngoài thù trong, nhất định không lùi một bước, luôn luôn đi tìm cái mới, cách mạng nội dung và hình thức, đánh bại mọi trở lực trong thơ, ca Việt Nam.

Mai-a kêu gọi chúng ta dũng cảm xông ra hoả tuyến, làm nhà thơ cách mạng, những chiến sỹ trên mặt trận văn nghệ, mài sắc ngòi bút của mình đem góp vào "binh công xưởng" của nhân dân.

LÊ ĐẠT

Văn nghệ, s. 69 (21.4.1955);
s.70 (1.5.1955).

GÓP Ý KIẾN THẢO LUẬN VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU

LÊ QUANG THÀNH

Những ý kiến của chúng tôi xếp thành ba vấn đề:

-Tập thơ *Việt Bắc* có hiện thực không?

- Những chỗ thiếu sót của Tố Hữu

- Tố Hữu là nhà thơ của thời đại

Trong ba vấn đề trên, chúng tôi có nêu một số điểm đồng ý hay không đồng ý với các bạn Hoàng Yến, Vũ Đức Phúc, Hoàng Cầm.

TẬP THƠ VIỆT BẮC CÓ HIỆN THỰC KHÔNG?

Trước hết qua các bài phê bình tập thơ *Việt Bắc*, chúng ta đã thống nhất với nhau thế nào là những tình cảm lớn của thời đại chúng ta. Đó là tình cảm số lớn quần chúng cách mạng đông đảo (chủ yếu là công, nông, binh) đứng lên đấu tranh đánh đổ đế quốc và phong kiến, giành lại hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ.

Trong 8,9 năm qua, tình cảm đó là lòng yêu nước, chí căm thù, ý chí bất khuất bất cứ trước một sức mạnh tàn bạo nào, tình thương yêu giai cấp, tình thương yêu đồng chí, tình

quân dân, tình cán bộ với quần chúng, tấm lòng kính mến Đảng, kính mến lãnh tụ, tình yêu nhân loại cần lao. Tóm lại là tình cảm cách mạng.

Tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu là tập thơ làm trong thời kỳ kháng chiến, và trong đó có một số ít bài làm sau khi hoà bình đã được lập lại. Ở đây, chúng tôi đồng ý với Hoàng Yến về cách đặt vấn đề: tập thơ *Việt Bắc* có nói lên được tình cảm của thời đại chúng ta không? Mà không đồng ý với Vũ Đức Phúc cho Hoàng Yến là chủ quan, gò ý nghĩa tập thơ theo ý của mình. Vì thực tế là phần lớn các bài thơ trong tập thơ *Việt Bắc* làm trong kháng chiến, phản ánh những việc và tình cảm của kháng chiến.

Đó là điểm căn bản để đánh giá tính chất hiện thực trong tập thơ *Việt Bắc*. Điểm thứ hai là những tình cảm lớn đó biểu hiện như thế nào? Tình cảm đó khi thì bộc lộ, khi thì kín đáo, âm thầm, nhưng nói chung đều sâu sắc, thắm thiết.

Hoàng Yến nói: "Một thi phẩm phản ánh được thời đại phải trào lên những dòng thơ *hừng hực* chiến đấu, *đỏ rực* căm thù, có mãnh lực động viên, kích thích hàng triệu người ra mặt trận đấu tranh". Không nhất định như thế. Chúng ta cần có những thiên anh hùng ca thật mạnh, dồn dập, lôi cuốn. Nhưng cũng cần có những bài thơ kín đáo, ý nhị, giản dị và thấm vào lòng người đọc, mà không kém phần sâu sắc. Nếu hai cách diễn đạt ấy mà đều phản ánh đúng sự thật, nói đúng nội dung và tình cảm của chúng ta, chúng ta đều hoan nghênh, và hai cách diễn đạt đều có tác dụng động viên tinh thần quần chúng. Vả lại, như đồng chí Trường Chinh nói: cuộc chiến tranh ái quốc của chúng ta là một cuộc chiến tranh toàn diện. Chúng ta không những chiến đấu ở ngay mặt trận, mà cả ở hậu phương, không cứ ở bộ đội, mà còn ở mọi ngành,

không những trên mặt trận quân sự mà còn ở các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, không phải chiến đấu với kẻ thù hữu hình, mà còn phải chiến đấu với kẻ thù vô hình, tức là những tư tưởng sai lầm của chúng ta nữa. Trong 8,9 năm kháng chiến cũng cần phải soát lại những giá trị cũ, phải nhìn lại xem những tình cảm lạc hậu nào đã rơi đi, và những tình cảm tiến bộ, mới mẻ nào đã xuất hiện, như quan niệm sống và chết, tình gia đình, tình mẹ con, chồng vợ,v.v...

Dựa trên hai điểm đó, chúng ta cùng thảo luận đánh giá tính chất hiện thực trong tập thơ *Việt Bắc*. Ở đây khả năng và trình độ chúng tôi có hạn, chỉ xin đi vào một vài hình ảnh nổi bật nhất trong tập thơ *Việt Bắc*.

Hình ảnh anh bộ đội

Ai cũng nhận thấy rằng Tố Hữu đã để một phần tình cảm quan trọng của mình vào anh bộ đội. Kể từ cách mạng tháng Tám thành công cho đến năm đầu kháng chiến, hình ảnh anh bộ đội chưa xuất hiện trong thơ ca, hay hiện ra một cách không đúng, không đầy đủ.

Năm 1947, trong bài *Cá nước*, Tố Hữu cho ta thấy rõ anh bộ đội chiến đấu vô cùng gian khổ nhưng cũng vô cùng anh dũng và rất mực hiền lành:

Tôi nhích lại gần anh
Người bạn đường anh dũng
Anh chiến sĩ hiền lành
Tỳ tay trên mũi súng

Anh bộ đội của ta chỉ là người nông dân mặc áo lính:

Bố đi đánh giặc còn lâu
Mẹ mày cày cấy ruộng sâu tối ngày

Hoàng Cầm muốn hỏi Tố Hữu từ nguồn gốc sâu xa nào

anh cán bộ và anh bộ đội gặp nhau mà trở nên thân thiết. Nhưng Tố Hữu chỉ cần nhìn thấy bộ đội đối với nhân dân ta là một hình ảnh vô cùng thân thiết, gặp nhau là thương yếu, quý mến nhau:

... Anh người đâu, tôi đâu
Gần nhau là thân thiết
Một thoáng lặng nhìn nhau
Mắt đã tìm hỏi chuyện
Đôi bộ quần áo nâu
Đã âm thầm thương mến

Hình ảnh anh bộ đội ngày càng nổi bật rất rực rỡ trong bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*:

Những đồng chí thân làm giá súng
Đầu bịt lỗ châu mai
Băng mình qua núi thép gai
Ào ào vũ bão
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm
Những bàn tay xẻ núi lăn bom
Nhất định mở đường cho xe ta lên chiến trường tiếp viện

Tố Hữu thật đã tổng kết được những nét điển hình nói lên sự anh dũng phi thường của bộ đội ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Tố Hữu nhìn thấy khi xông lên giết giặc, anh bộ đội dũng mãnh như hổ như báo, ý chí giải phóng Điện Biên vững như đá:

... Nghe trưa nay tháng 5 mồng 7
Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!
Trông bốn mặt, luỹ hầm sập đổ

Tướng quân bay lố nhố cờ hàng
Trông, chúng ta cờ đỏ sao vàng
Rực trời đất Điện Biên toàn thắng

Nếu ta theo dõi hình ảnh anh bộ đội từ bài *Cá nước* qua các bài *Bầm ơi, Bắn, Voi*, rồi đến *Hoa hô chiến sĩ Điện Biên*, ta sẽ thấy rõ anh đội viên thường của chúng ta ngày càng trưởng thành, tình cảm của anh ngày càng phong phú. Hình ảnh anh bộ đội lúc mới xuất hiện đã đáng yêu, thì ngày càng đẹp và càng đáng yêu hơn nữa.

Trong bài *Bắn*, Hoàng Yến có nhận xét hình ảnh "ngon như một đĩa thịt bò tươi" xa lạ với chiến sĩ, người nông dân mặc áo lính, ít khi được thấy "đĩa thịt bò tươi". Chúng tôi thấy nhận xét như thế hơi quá đáng. Bộ đội ta chiến đấu trong hoàn cảnh thiếu thốn, gian khổ, nhưng không đến nỗi không thấy thịt bò tươi bao giờ, nhất là không hiểu nổi ý "ngon như thịt bò tươi" trong thơ Tố Hữu. Không đồng ý với Hoàng Yến, Vũ Đức Phúc phân tích: "Thực tế người ta thèm thuồng những cái gì ít khi được hưởng thụ. Chính vì ít khi anh bộ đội được ăn thịt bò tươi, anh *thèm thịt*, nên ví cái đồn địch như một đĩa thịt bò tươi là rất đúng", và kết luận: "Cái cảm giác đó cũng có tính chất hiện thực mới. Vì anh bộ đội hay ao ước "chất" nhất, mà "chất" nếu không là thịt lợn thì thường là thịt bò". Theo chúng tôi, phân tích như vậy sẽ đi đến nhận xét lung tung (chúng tôi xin tạm dùng chữ lung tung vì chưa tìm được chữ nào cho lọn) bất cứ một cái gì cũng cho là có tính chất hiện thực mới cả. Mà hiện thực mới của chúng ta phải là nêu cho được những người và việc điển hình trong xã hội đang đi tới.

Cũng trong bài này, tôi đồng ý với anh Vũ Đức Phúc là trong phút chờ đợi phát lệnh bắn, Tố Hữu đã diễn tả được

căm thù phẫn nộ trước lúc bắn cháy đồn giặc. Nhưng tôi không đồng ý với chỗ anh Vũ Đức Phúc lập luận: "Một người đã vào sinh ra tử trong bao nhiêu năm trời, nếm đủ mọi mùi tàn ác của đế quốc, một người như Tố Hữu phải đâu là người không cảm thông được nỗi căm hờn giặc, dù chỉ là nghe chuyện mà hình dung ra việc. Một người như vậy, nếu ta kết luận là "tổng kết việc trên tài liệu" thì cũng nên suy nghĩ một chút". Chúng tôi thấy lập luận như thế chưa đúng hẳn. Ai cũng biết Tố Hữu là một thi sĩ cộng sản. Nhưng không nên chỉ căn cứ vào đó mà đánh giá thơ của anh câu nào cũng đúng, cũng hay, hễ muốn nói căm thù là y như biểu lộ được căm thù. Vì như thế dễ sinh ra quá rộng rãi, hoặc thành kiến hẹp hòi đối với một tác phẩm nghệ thuật.

Tình cảm phá đường

Nhận xét về bài *Phá đường* của Tố Hữu, Hoàng Yến cho rằng tình cảm trong bài thơ đó là thứ tình cảm chung chung. Anh viết: "Tôi tự hỏi như thế thì tình cảm của con người phá đường trong kháng chiến với tình cảm đắp đường trong hoà bình khác nhau ở chỗ nào? " Và: "Tinh thần và tình cảm ấy không những riêng cho công việc phá đường mà nó biểu hiện trong mọi công tác phục vụ khác, bất cứ ở đâu và lúc nào…".

Nhưng Hoàng Yến quên một điều khá quan trọng: Hoàn cảnh phá đường khi Tố Hữu tả là ở Bắc Giang về mùa rét, trong thời kỳ đầu của giai đoạn phòng ngự, chứ không phải là tất cả mọi hoàn cảnh phá đường trong toàn quốc trong suốt hai giai đoạn phòng ngự và cầm cự. Cũng không phải là "cảnh lao động thông thường chung chung mà người ta thường bắt gặp bất kỳ ở hậu phương hay tiền tuyến, trong công tác phá hoại hay kiến thiết", mà đấy là nông dân một thôn, một xã theo lời kêu gọi của Chính phủ, đi phá đường

cái quan để chặn xe cơ giới địch, chuẩn bị phá tan tấn công thu đông năm 1947 của địch lên Việt Bắc. Sở dĩ Hoàng Yến thấy lưỡi cuốc phá đường giống lưỡi cuốc đắp đường bởi vì Hoàng Yến chỉ nhìn thấy lưỡi cuốc, chỉ thấy "hì hà hì hục - lục cục lào cào" - hoặc : "anh tài thì em cũng tài, v.v..." mà không chú ý toàn bộ bài thơ, không chú ý phần đầu tả không gian, thời gian cụ thể:

Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế
Gió qua rừng Đèo Khế gió sang
Em là con gái Bắc Giang...

Để nêu lên lòng yêu nước của nông dân Việt Nam, vẽ lên cảnh chuẩn bị, náo nức của một địa phương phá tan tấn công của giặc, Tố Hữu đưa ra một người phụ nữ nông thôn, với những hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, cũng gác bỏ việc nhà đi phục vụ lợi ích kháng chiến. Lợi ích cá nhân, gia đình phục vụ cho lợi ích dân tộc. Người phụ nữ nông thôn đó đã đấu tranh và giải quyết được mâu thuẫn đó một cách vui vẻ, cộng tác với một tinh thần thi đua phấn khởi. Chúng tôi cho như thế chính là hiện thực, bởi vì đã "biểu hiện xác đáng những tính chất điển hình trong những trường hợp điển hình" (Ăng-ghen).

Cũng trong bài này Hoàng Cầm hỏi: " Tại sao lại gió rét? Gió rét có gợi ra được cái gian nan, vất vả của việc phá đường không? Tuyệt nhiên là không?". Có chứ. Ngay anh em cán bộ chúng ta, khi Chính phủ chưa phát áo trấn thủ, nhớ lại những đêm đông rét lạnh ở chiến khu, chúng ta cảm thấy thấm thía cái rét đó lắm. Huống hồ người nông dân chưa được chia ruộng đất, đời sống còn thiếu thốn, giữa đồng rộng đêm khuya gió hút, áo quần phong phanh làm sao không gian nan,vất vả vì gió rét được.

Hình ảnh Hồ Chủ tịch

Theo Hoàng Cầm, hình ảnh Hồ Chủ tịch trong thơ Tố Hữu "mới là một đôi chút bề ngoài của Hồ Chủ tịch. Còn những giờ Người ra tiền tuyến, đến bên cạnh dân công, bộ đội; Người ở nông thôn, bàn bạc, chuyện trò với các phụ lão nông dân...", Hoàng Cầm cho rằng "cách ca ngợi lãnh tụ như thế chưa phải là tình cảm toàn dân đối với Hồ Chủ tịch".

Theo chúng tôi hiểu nếu tả lãnh tụ mà tả tỉ mỉ những khi Người làm việc này, khi làm việc khác, tả từng hành động của Người... thì không thể nào tả hết được. Mỗi một lời nói, mỗi hành động của Người đều có tác dụng giáo dục, động viên quần chúng, đều gây nên những ý nghĩ mới mẻ, tươi đẹp cho chúng ta. Nếu đi theo Người để tả đúng, tả hết những hành động của Người thì sẽ để lấp "cái gì lớn lao sau những chi tiết vụn vặt", chi bằng mang cái máy ảnh mà chụp còn hơn. Nhà văn Tôn-stôi nói: "Công việc của nghệ sĩ trong giai đoạn lịch sử này là khai thác ở trong thực tại cái gì điển hình, cái gì độc giả có thể nhìn bao trùm được, ta liên kết những sự kiện, những ý tưởng, mâu thuẫn vào một hình ảnh sinh động...". Hành động của Hồ Chủ tịch là hành động lãnh đạo, là chỉ rõ đường đi của cách mạng Việt Nam đến thắng lợi, bao trùm tất cả mọi mặt, mọi ngành... Làm thế nào nói lên được cái đó, đồng thời nói lên được tình cảm lớn lao của dân tộc ta đối với Người, và Người đối với dân tộc.

Những câu của Tố Hữu như:

...Các anh chị, các em ơi có phải
Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh
Môi ta thầm kêu "Bác Hồ Chí Minh!"
Và mỗi trận mỗi mùa thu thắng lợi
Đôi mắt Bác hiện lên cười phấn khởi

Ta lớn cao lên bay bổng diệu kỳ
Trên đường dài, hai cánh đỡ ta đi...

đã nêu được sự tin tưởng sắt đá vào lãnh tụ của chúng ta, và dưới sự lãnh đạo của Người, chúng ta đã trưởng thành mau chóng trong chiến đấu.

Hoặc tả sự thông cảm của Hồ Chủ tịch với nhân dân:

Hồn biển lớn đón muôn lời thủ thỉ
Lắng từng câu, từng ý chưa thành
Người là Cha là Bác là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ...

Đọc những câu trên, chúng ta càng cảm thấy Hồ Chủ tịch lúc nào cũng ở bên cạnh mỗi một chúng ta, lắng nghe tâm sự của chúng ta, an ủi, khuyên răn khi ta vấp ngã, chỉ đường cho chúng ta đi...

Trong bài *Sáng tháng 5* cũng như nhiều câu thơ trong các bài thơ khác của Tố Hữu, còn nhiều đoạn ca ngợi Hồ Chủ tịch và hình ảnh Hồ Chủ tịch lúc nào cũng vĩ đại, cũng bao trùm tình cảm chúng ta và cũng đi sâu vào lòng chúng ta.

Chúng tôi cho rằng hình ảnh lãnh tụ trong tập thơ *Việt Bắc* là thành công nhất.

Hai bài thơ làm sau khi hoà bình lập lại

Hoàng Cầm nhận xét: " Bà *Ta đi tới* giống như một vại nước to, đầy tràn, pha loãng một màu sữa. Loãng quá. Tôi thêm(*) một cốc dù nhỏ thôi, nhưng chan chứa những chất sống nuôi dưỡng tâm hồn. Theo ý tôi, giá trị thơ không phải là ở chỗ đầy đủ, mạch lạc về một vấn đề chính trị. Thơ phải

(*) "Tôi thêm": chỗ này báo *Nhân dân* in sai, đúng ra là "Tôi thèm".

đi sâu vào từng góc cạnh của tâm hồn từng lớp người đang xây dựng thời đại mới".

Chúng tôi quan niệm khác Hoàng Cầm.

Không nhất định "muốn nói tất cả phải đi sâu vào một khía" mà có thể tổng hợp lại thành những nét điển hình chung, tiêu biểu nhất và giá trị của thơ cũng chính là ở chỗ nói đầy đủ, mạch lạc một vấn đề chính trị. Còn vấn đề chính trị đó lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp, nông hay sâu lại là vấn đề khác. Một bài thơ mà thiếu sót hoặc sai lầm về chính trị là bài thơ chưa đầy đủ giá trị hay hỏng, bị quần chúng phản ứng ngay. Thắng lợi hoà bình là một thắng lợi vĩ đại, là một bước ngoặt lịch sử của dân tộc ta. Sau khi hoà bình lập lại trên đất nước, toàn thể nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc, gái trai, già trẻ, đủ mọi tầng lớp, đều cảm thấy một niềm vui dạt dào, phấn khởi; chúng ta tưng bừng đón chào thắng lợi mà sau suốt 8,9 năm chiến đấu gian khổ mới giành được. Đúng như lời anh Xuân Diệu, bài thơ *Ta đi tới* đã diễn tả kịp thời và đúng những tình cảm lớn đó.

Ta đi giữa ban ngày
Trên đường cái ung dung ta bước

Cái ung dung đi giữa ban ngày trên đường cái, chúng ta cảm thấy rất thấm thía. Đã hết rồi, bóng dáng những chiếc máy bay giặc lồng lộn bắn phá trên đường giao thông. Đã hết rồi những đêm trường lặn lội trên con đường dài dặc. Bây giờ ta ung dung đi giữa ban ngày. Bầu trời trong xanh của chúng ta cũng không còn bóng dáng tên giặc nào cả:

Mây của ta, trời thắm của ta
Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Nông thôn ta sau 8,9 năm chiến tranh tàn phá, trở lại

cảnh sống hoà bình, cây cối lại tốt tươi, hàng đàn trâu bò thong dong gậm cỏ ở đồng rộng thênh thang, trẻ em đi học được yên tĩnh khỏi bị máy bay giặc đe doạ hàng ngày. Bà mẹ Việt Nam, đã từng chịu nhiều đau xót chia ly tang tóc của chiến tranh, nhưng cũng là những bà mẹ anh hùng, hy sinh rất nhiều cho kháng chiến, giờ đây cũng vui mừng đón hoà bình:

Mẹ ơi lau nước mắt
Làng ta giặc chạy rồi

Nửa nước ta đã hoàn toàn giải phóng. Nhưng chúng ta không bao giờ quên hiện nay nửa nước ta còn khổ cực dưới chế độ thực dân và phong kiến. Tấm lòng nhân dân ta ở miền Nam luôn luôn hướng về Hồ Chủ tịch về Trung ương, miền Bắc luôn luôn nghĩ đến miền Nam; tấm tình Nam Bắc là máy chảy ruột mềm, dù mưu ma kế quỷ đến đâu, kẻ thù cũng không bao giờ chia cắt được đất nước ta, cắt đi nửa khúc ruột của chúng ta. Ý chí thống nhất sắt đá không gì lay chuyển nổi đó đã biểu lộ trong bốn câu bình dị mà vô cùng thắm thiết:

Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
Dù ai rào dậu ngăn sân
Lòng ta vẫn giữ là dân Cụ Hồ.

Nội mấy câu trên, Tố Hữu đã nêu lên được khẩu hiệu đấu tranh trước mắt của toàn dân ta hiện nay: đấu tranh đòi thực hiện thống nhất đất nước. Đồng chí Trường Chinh trong bản báo cáo về "*Chủ nghĩa Mác với vấn đề văn hoá Việt Nam*", có nói "Tuyên truyền cao tới một mức nào đó thì trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật thiết thực tới một mức nào thì nghệ thuật có tính chất rõ rệt tuyên truyền... Một điều chắc chắn là nếu nhà văn nghệ đó thiết thực và trung thành với thời đại thì tác phẩm của họ, nghệ thuật càng cao, càng có ý nghĩa

tuyên truyền mạnh."

Chúng tôi xin lấy câu trên để nhận xét bài *Ta đi tới* của Tố Hữu.

Đến bài *Việt Bắc*. Về căn bản chúng tôi đồng ý với Xuân Trường, Xuân Diệu, bài thơ nói lên tình nghĩa mặn nồng của người cán bộ cách mạng đối với quê hương cách mạng, nơi đã dựng nên chế độ dân chủ cộng hoà của chúng ta. Chúng tôi xin thêm: bài *Việt Bắc* lại nói lên được tương lai của mối quan hệ tốt đẹp giữa nông thôn, thành thị, nói cách khác là tình thân yêu vững chắc đằm thắm giữa công nhân và nông dân.

Chúng tôi hiểu chủ đề của bài thơ là như thế. Do đó chúng tôi cho rằng Hoàng Yến đi lạc chủ đề đó, là chủ đề mà thi sĩ định nói, để nêu lên một chủ đề khác là: "Cái việc từ Việt Bắc tiến về thủ đô là một sự kiện lịch sử lớn lao, đánh dấu bước thắng lợi vĩ đại của dân tộc..." và "tôi quan niệm cái việc tiến về thủ đô là cả một khí thế xuất sơn tiến về đồng bằng, cái khí thế "Nam hạ" mạnh mẽ, bừng bừng không sức gì cản nổi". Hoặc ... "Chưa dựng được trong lòng ta cái Việt Bắc tôn kính, khởi điểm của cách mạng, chủ não của kháng chiến, miếng đất lịch sử đã ghi những chiến thắng lịch sử quyết định bước chuyển biến của cả một giai đoạn chiến tranh".

Sau khi dựng lên cái khuôn như thế, Hoàng Yến lắp bài thơ Việt Bắc vào mà nhận xét là không đạt được, hay chỉ đạt được ở chỗ tả tình "thương người mến cảnh nồng nàn thuỷ chung".

Chúng tôi cho rằng mọi người có thể có một cách đặt vấn đề, một cách nhìn các khía cạnh tình cảm khác nhau, miễn là đạt được yêu cầu chung: phản ánh được sự thật khách quan, những nét điển hình của nó và quá trình tiến lên của nó.

Nhìn một cảnh phá đường, Hoàng Yến thấy cái khía "đau xót đào con đường thân yêu của mình", nhưng Tố Hữu lại nhìn vào khía "gian khổ, vất vả và vui lao động tập thể" của tình cảm phá đường, nhưng cả hai đều nói lên được: lòng yêu nước của người nông dân Việt Nam, ý thức chấp hành chính sách của Đảng của nhân dân ta.

Hoàng Yến còn tách riêng "tình thương mến nồng nàn thuỷ chung" với "quê hương cách mạng".

Chúng tôi nghĩ rằng nhớ Việt Bắc chính là nhớ nơi quê hương cách mạng. Nhớ những đồng bào ở những nơi vắng vẻ nhất, vẫn một lòng nuôi cán bộ. Nhớ phong cảnh, nhưng chủ yếu là phong cảnh:

Mình về có nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật thuở còn Việt Minh
Mình đi mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?

Nhớ người, chủ yếu là nhớ những đồng bào nông dân rất nghèo khổ nhưng rất thương yêu cán bộ, bộ đội:

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi
Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Trong bài thơ của Tố Hữu những cái nhớ "cách mạng" như thế rất nhiều, đọc lên ai cũng thông cảm, nhất là những người công tác cách mạng đã từng ở Việt Bắc. Những chiến công lịch sử kéo qua trước mắt ta: hồi Việt Minh kháng Nhật, Phủ Thông, Đèo Giàng, sông Lô, Phố Ràng, Cao Lạng, Hoà

Bình, Tây Bắc, Điện Biên, v.v.. làm ta càng thêm nhớ. Và ta thấy rõ rằng nhân dân Việt Bắc đã góp phần xứng đáng của mình vào thắng lợi cách mạng. Những hình ảnh đó gắn chặt vào lòng chúng ta. Không cần phải kể lể nhiều lời, dùng nhiều chữ cho mạnh, oai hùng, mới nói lên được những chiến công đó, lại càng không cần kể lại tỉ mỉ từng chiến công một. Cho nên, thơ Tố Hữu đặc sắc ở chỗ nói ít gợi nhiều, dùng chữ giản dị mà tả vẫn đúng.

Việt Bắc cũng là đất nước chúng ta. Việt Bắc rồi đây cũng sẽ được vui tươi, đầm ấm trong mối tình giúp đỡ lẫn nhau giữa miền xuôi và miền ngược, giữa thành thị và nông thôn, mối tình công nông ngày càng chặt chẽ. Đọc bài thơ *Việt Bắc* chúng ta càng yêu, càng nhớ Việt Bắc và càng muốn sao cho việc giao lưu hàng hoá giữa thành thị và nông thôn ngày thêm phát triển, để cho đời sống nhân dân lao động Việt Bắc được tươi đẹp.

Còn như "khí thế xuất sơn, tiến về Nam hạ..." chúng tôi tìm thấy trong bài *Ta đi tới* rồi.

Do tất cả những nhận xét trên, dựa trên chỗ chúng tôi hiểu về chủ nghĩa hiện thực đã nêu từ đầu, chúng tôi đi đến kết luận: Nói chung, tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu có tính chất hiện thực.

NHỮNG CHỖ THIẾU SÓT CỦA THƠ TỐ HỮU (TẬP THƠ *VIỆT BẮC*)

1- Thơ Tố Hữu một vài chỗ còn buồn quá. Ví như bài *Đời đời nhớ Ông*. Nghe tin đồng chí Stalin, người bạn vĩ đại của nhân dân ta, mất, nhân dân ta không ai là không đau xót,

không ai cầm được nước mắt. Đó là một tổn thất không gì bù lại được, mọi người đều đau thương. Về mặt đó, Tố Hữu đã diễn tả rất đúng. Nhưng bài thơ không biến đau thương thành sức mạnh, và không nói lên được tuy Người đã khuất nhưng tinh thần của người vẫn còn, tư tưởng của Người vẫn đang chỉ đạo chúng ta đi. Tuy Tố Hữu có nói:

Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng yêu nước yêu chồng yêu con
Ông dù đã khuất không còn
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường.

Nhưng những câu ấy còn yếu đuối quá. Mà ngay dưới bốn câu đó, lại có mấy câu cuối cùng:

Ngàn tay trắng những băng tang
Nối liền khúc ruột nhớ thương đời người

Thành ra vừa gợi lên được một cái hướng đi lên, lại chìm xuống. Đọc xong bài thơ, buồn quá. Tố Hữu chưa động viên được chúng ta chiến đấu tích cực, hăng hái hơn nữa theo lời đồng chí Stalin thường dạy chúng ta.

Cái buồn đó còn rớt lại trong một số bài thơ khác. Tố Hữu hay dùng những hình dung từ như *phân ly, không nguôi nhớ, hắt hiu, mắt buồn sắp nhắm, nhớ thương, lối cũ, rừng xưa*... Đọc những bài thơ Tố Hữu thỉnh thoảng ta lại vấp một vài câu buồn như thế. Nhân sinh quan của giai cấp tiểu tư sản còn rớt lại trong thơ Tố Hữu.

2 - Một đôi lúc trở lại cầu kỳ, khó hiểu, nhất là bài *Giữa thành phố trụi*. Sau bài *Việt Bắc* là bài rất giản dị, tha thiết dễ hiểu, đến bài *Lại về*, nhiều chỗ khó hiểu rắc rối, đọc lên có cảm tưởng không phải thơ Tố Hữu.

Cách sắp xếp cũng cầu kỳ:

Hà Nội ơi Hà Nội!
Bao giờ
Giữa thủ đô
Cụ Hồ về
Bộ đội
Tiến vào năm cửa ô.

v.v...

3- Không có bài nào nói về cuộc cách mạng ruộng đất long trời lở đất ở nông thôn.

4- Không nêu được một hình ảnh điển hình của thời đại là "anh cán bộ". Trong thời đại chúng ta, hình ảnh người cán bộ là một hình ảnh điển hình, cũng như hình ảnh anh bộ đội. Ở địch hậu, ở vùng tự do, miền xuôi, miền ngược, từ Nam chí Bắc, đâu đâu cũng có cán bộ. Cán bộ với quần chúng như bóng với hình. Tình cảm quần chúng đối với anh cán bộ rất thắm thiết, thân mến. Chúng ta tin rằng tất cả các cán bộ đoàn thể, chính quyền chúng ta đều mong Tố Hữu sẽ nói lên tình cảm của chúng ta, sẽ nêu lên được hình ảnh người cán bộ trong thơ của anh sau này.

TỐ HỮU LÀ NHÀ THƠ CỦA THỜI ĐẠI

Những bài thơ trong tập thơ *Việt Bắc* đã nói lên một phần tình cảm tốt đẹp nhất của con người mới, của một thời đại mới, dưới một chế độ mới. Cụ thể là: tình yêu tổ quốc, yêu quê hương, lòng yêu lãnh tụ, yêu nhân loại cần lao và dũng cảm, lòng tin tưởng vững chắc vào thắng lợi đấu tranh. Thơ Tố Hữu là loại thơ thời sự, phục vụ quần chúng rất kịp thời, Tố Hữu có công trong việc xây dựng, hướng dẫn tình

cảm cho quần chúng tiến lên theo kịp những biến cố lớn của thời đại, nhất là trong bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* và *Ta đi tới*. Thơ Tố Hữu được đông đảo quần chúng ưa thích nhất. Riêng trong anh em cán bộ chúng tôi, anh nào yêu văn nghệ là y như có ít nhất một bài thơ Tố Hữu trong sổ tay của mình.

Do những lẽ trên, mặc dầu Tố Hữu còn nhiều thiếu sót nhưng những thiếu sót đó là chi tiết, phụ thuộc vào bộ phận, mà ưu điểm thì nhiều hơn, lớn hơn, căn bản hơn, Tố Hữu vẫn là nhà thơ của thời đại, và trong hàng ngũ các nhà thơ Việt Nam, Tố Hữu vẫn giữa vững vị trí tiền phong của mình.

LÊ QUANG THÀNH
(*Hà Đông*)

Nhân dân, 21.4.1955;
22.4.1955

TƯ TƯỞNG VÀ TÌNH CẢM TRONG TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CÓ HIỆN THỰC KHÔNG?

NGUYỄN VIẾT LÃM

L.T.S - Hiện nay cuộc tranh luận về tập thơ Việt Bắc *của Tố Hữu đang sôi nổi trên các báo chí cũng như trong các cuộc họp hàng tuần do Hội Văn Nghệ Việt Nam tổ chức. Để cho phong trào được sâu rộng hơn và được có kết quả tốt, chúng tôi sẽ lần lượt cho đăng ý kiến của anh chị em văn nghệ cũng như của các bạn đọc gửi tới, không phân biệt ý kiến tán thưởng hay phản đối.*

Chúng tôi tin rằng sự góp ý kiến xây dựng của tất cả các bạn trong vấn đề này sẽ đẩy mạnh phong trào sáng tác văn nghệ nói chung của giai đoạn hiện tại.(*)

Cuộc tranh luận về thơ Tố Hữu được đặt ra dưới nhiều câu hỏi, nhưng tựu trung vẫn phải giải quyết vấn đề căn bản: tập thơ *Việt Bắc* đã đi đúng con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa chưa.

Thời đại chúng ta dập dồn biến chuyển. Cuộc đấu tranh

(*) Đây là lời toà soạn báo *Độc lập*.

vũ trang chống xâm lược và cuộc đấu tranh chính trị hiện nay, cũng như cuộc đấu tranh tư tưởng của chúng ta vô cùng gian khổ, đòi hỏi những người công tác văn nghệ, phải phản ảnh cho được thực tế khách quan, một thực tế càng ngày càng tiến triển trên những bước đường thắng lợi. Diễn tả được cuộc sống đang lên ấy, chỉ có phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa mới làm được. Và muốn đi đúng đường lối hiện thực, người sáng tác phải nắm vững thế giới quan Mác - Lênin, một thế giới quan cách mạng đòi hỏi sự nhận xét tinh vi, sâu sắc đối với thực tế, thấm nhuần thực chất của các sự kiện lịch sử.

Trong tập thơ *Việt Bắc,* Tố Hữu đã sử dụng thế giới quan cách mạng đó. Chúng ta không nhìn tác phẩm qua con người của Tố Hữu, cũng không nhìn qua tư chất chủ quan của chúng ta. Vấn đề cốt yếu để xác định giá trị nội dung của tác phẩm là phải đối chiếu với sự việc cụ thể trong quá trình của nó. Tố Hữu đã thấy rõ những biến cố lịch sử, nhận thức đầy đủ quy luật phát triển của dân tộc, của con người Việt Nam chiến đấu và trưởng thành, cho nên thơ Tố Hữu đã ghi lại được những nét lớn của con người đang lớn mạnh ấy. Tập thơ *Việt Bắc* đã biểu hiện được hầu hết những tình cảm lớn của thời đại. Đầu tiên là lòng yêu nước và chí căm thù. Mở tập thơ, bài đầu tiên *Cá nước* đã cho thấy ngay được lòng thiết tha đối với đất nước của người cán bộ và người Vệ quốc. Hai người chưa hề quen biết nhưng "chỉ" một thoáng lặng nhìn nhau mắt đã tìm hỏi chuyện, dù chỉ gặp nhau chốc lát trên lưng đèo, họ đã mến thương rồi vì chính họ đã gặp nhau trên đường vinh quang chung, trong lý tưởng cao quý chung: chiến đấu để giành lại đất nước.

Lòng yêu nước chí căm thù ấy đã thấm vào xương tuỷ của mọi người, Kinh cũng như Thượng. Trong bài *Bà mẹ Việt*

Bắc, sự việc cụ thể đã tự nói lên sự áp bức dã man của quân thù và trong giờ phút nghiêm trọng của tổ quốc người lính cụ Hồ tạm gác hạnh phúc riêng của mình, đã trả lời cho mẹ già bảo cưới vợ:

Nó chỉ cười khì
Vợ con gì gấp!
Con còn phải đi
Giữ gìn độc lập!

Cả đến cỏ cây, cả những vật tưởng chừng vô tri giác cũng sùng sục hờn căm:

A! các anh chiến luỹ
Sắt gỗ giăng thành
Cả các anh
Những di lăng, sấu, gạo
Không tiếc lá cành xanh
Vật ngang đường cản giặc

Lòng yêu nước chí căm thù ấy đã làm cho dân tộc chúng ta phấn khởi chiến đấu trong hoàn cảnh vô cùng gian khổ. Cảnh "con bế con bồng" của người phụ nữ phá đường, cảnh "bầm ra ruộng cấy bầm run" của người mẹ chiến sĩ, "màu da vàng nghệ" của người bộ đội là một thực tế cách mạng, chẳng những nó không làm cho những bà mẹ, những người lính thân yêu của chúng ta bé lại, mà càng vĩ đại hơn, vì chính những con người gian khổ thiếu thốn ấy là những con người chiến thắng.

Tô Hữu đã thấy trước bước đường phát triển của sự vật, luyện cho chúng ta chắc niềm tin tưởng cùng với nhân vật trong thơ. Năm 1947 khi chúng ta đứng lên kháng chiến chưa được mấy tháng, biết rằng cuộc chiến tranh ái quốc này còn

phải gian khổ lâu dài nữa, nhưng ngay từ đầu, Tố Hữu đi "giữa thành phố trụi" mà đã thấy:

Ngày mai về lại thủ đô
Ngày mai sống lại từng mô đất này
Ngày mai xanh lại từng cây
Ngày mai lại đẹp hơn rày hơn xưa

Tố Hữu đã nắm chắc quá trình phát triển thắng lợi của toàn bộ cuộc kháng chiến, lại thấy cả sự trưởng thành của từng con người. Đó là một nhận thức duy vật biện chứng. Bài *Phá đường* viết năm 1948, trong thời kỳ lực lượng vật chất, tư tưởng của ta chưa được mạnh, cơ sở đoàn thể còn đương trong thời kỳ xây dựng, sự giáo dục của Đảng chưa đi sâu. Trong hoàn cảnh ấy, người phụ nữ phá đường đã được diễn tả với một trình độ cao tương đối, báo hiệu cho sự xuất hiện cả một thế hệ con người sắp đến. Tố Hữu đã đi đúng mức xây dựng nhân vật điển hình, đã đi trước quần chúng một bước trong sự lãnh đạo quần chúng đi lên. Chúng ta không thể đòi hỏi mức giác ngộ của nhân vật cao hơn nữa. Trong hoàn cảnh ấy, đi xa hơn là rơi vào tiền phong chủ nghĩa.

Sở dĩ dân tộc chúng ta yêu nước căm thù như thế là do Tổ quốc chúng ta đẹp đẽ vĩ đại, đất nước giàu có mà chúng ta không được yên hưởng, quân thù xâm lược dựa vào bọn phong kiến tay sai đã làm cho nhân dân lao động chúng ta sống cảnh cơ cực khốn cùng. Cho nên lúc kháng chiến thành công, nước nhà giải phóng, Tố Hữu đã nói lên được nỗi vui mừng của dân tộc, đã chỉ chúng ta thấy đất nước tươi vui bát ngát trong bài *Ta đi tới*.

Tình yêu lãnh tụ là một tình cảm lớn và phổ biến. Trong lòng của mỗi một người dân Việt Nam, ai lại không tôn thờ hình ảnh của Hồ Chủ tịch, người đã đem lại cho chúng ta

không khí để thở, cơm áo để ấm no và ngày mai tươi sáng. Tố Hữu yêu lãnh tụ và đã thể hiện được tình yêu ấy của dân tộc. Trong văn thơ Việt Nam, có lẽ chưa có bài nào nói lên được thấm thía tình yêu ấy bằng thơ Tố Hữu. Có bạn cho rằng Tố Hữu đã thần thánh hoá lãnh tụ, làm cho quần chúng mất tự tin và ỷ lại, do đó lãnh tụ kém tầm vĩ đại. Tôi đồng ý trên nguyên tắc lãnh tụ không tách rời quần chúng, và sự vĩ đại của lãnh tụ do sự vĩ đại của quần chúng tạo nên. Nhưng tôi cố gắng tìm ở bài thơ "*Sáng tháng Năm*" của Tố Hữu, vẫn không thấy sự tách rời, trái lại lãnh tụ đã khăng khít với nhân dân, giản dị như tất cả những người lao động khác. Bên cạnh những nét hùng tráng cao cả của Hồ Chủ tịch, bài thơ *Sáng tháng Năm* đã chỉ cho ta thấy:

Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ...
... Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà

Thật là đơn giản và gần gũi.

Bên cạnh lãnh tụ, quần chúng không hề nhỏ bé lại, chưa hề mất tự tin. Trái lại, quần chúng đã lớn mạnh và quyết tâm hơn:

Ôi! cái tên yêu Hồ Chí Minh!
Trong sáng lòng anh xung kích
Nửa đêm bôn tập diệt đồn
Vững tay người chiến sĩ nông thôn
Bắt sỏi đá phải thành sắn gạo(*)

Và sở dĩ Hồ Chủ tịch đã có một tác dụng lớn lao trong quần chúng như thế là do:

(*) Lưu ý: ở đây tác giả dẫn thơ có chỗ thiếu chính xác; ví dụ ở câu đầu đoạn trích này.

Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.

chúng ta được Tố Hữu cho thấy rõ: Lãnh tụ do quần chúng xây dựng nên và đã trở lại lãnh đạo, giáo dục quần chúng chiến đấu.

Tinh thần quốc tế của tập thơ *Việt Bắc* cũng chính là tinh thần quốc tế của nhân dân. Tố Hữu đã phát ngôn đúng lòng xót xa của nhân dân ta khi nghe Sta-lin mất. Năm 1953 buổi sáng khi nhận được tin đau xót này, các lớp chỉnh huấn, các đại hội chiến sĩ, các đơn vị bộ đội, trường học nông đoàn, v. .. đều như đứt thở. Trên mặt của đàn con chiến đấu gian khổ, đã phải thấy những nét đau thương vì những giòng nước mắt. Nhưng nhân dân ta đã kịp thời biến đau xót thành hành động. Tố Hữu đã viết:

Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng yêu nước yêu chồng yêu con…

Cuộc chiến đấu gian khổ của nhân dân ta hiện nay không khác cuộc chiến đấu gian khổ của nhiều dân tộc khác. Tiếng nói căm hờn của chúng ta là tiếng nói căm hờn của những anh em chúng ta đang sống dưới nanh vuốt của đế quốc chủ nghĩa. Tố Hữu đã nói lên được sự cảm thông đậm đà ấy.

*

Tố Hữu đã nhất trí với tư tưởng tình cảm chung của dân tộc, đã nói được tiếng lòng của dân tộc một cách thấm thía. Trong giai đoạn lịch sử này cũng như rất lâu về sau dân tộc tính không tách rời giai cấp tính, vì quyền lợi của giai cấp đã nhất trí với quyền lợi của toàn thể dân tộc. Đó là quyền lợi sống còn của tổ quốc trước sự uy hiếp của quân thù. Cho nên chúng tôi không thể đồng ý với một bạn đọc trong cuộc

tranh luận vừa rồi do Hội Văn nghệ Trung ương tổ chức bảo rằng trong giai đoạn đấu tranh vừa qua "Các giai cấp phải tạm thời xoá bỏ thắc mắc quyền lợi của riêng mình để băng mình vào chiến đấu" vì thực tế, băng mình vào chiến đấu là để bảo vệ quyền lợi của bản thân giai cấp mình. Ở đây, các mâu thuẫn đã được thống nhất. Và sự thống nhất ấy phải được hiểu là chí thành, cũng như chính sách mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất của chúng ta đề ra hiện nay, cũng như mọi chính sách khác, đều xuất phát từ lòng chân thành phục vụ quyền lợi của dân tộc trong ấy có quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đó là một thực tế khách quan mà thi sĩ Tố Hữu đã nắm vững.

Những đề tài thi tứ của Tố Hữu, những sự việc nhân vật của thơ Tố Hữu đều đi lên, đó là những thực tế có cánh "đang bay đến một trình độ tư tưởng, tình cảm cao hơn. Đó là lãng mạn cách mạng". Anh bạn nói trên đã cho rằng Tố Hữu sở dĩ có đôi phút buồn là do "anh đã đi vào con đường lãng mạn cách mạng, chứ căn bản thơ Tố Hữu là vui". Tôi xin sẽ bàn đến trong một bài sau về những nhược điểm của thơ Tố Hữu trong tập *Việt Bắc*. Nhưng cách mạng lãng mạn không phải là buồn, không phải là đường lối sai lầm trong sáng tác. Trái lại, hiện thực mà không có lãng mạn sẽ là hiện thực phê bình tự nhiên chủ nghĩa, vì "hiện thực và lãng mạn là hai yếu tố cơ cấu" không xa rời nhau được (Fa-đê-ép).

NGUYỄN VIẾT LÃM

Độc lập, s.96 (23.4.1955)

VẤN ĐỀ PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ Ở LIÊN XÔ

I. Phê bình và tự phê bình đảm bảo cho văn nghệ Liên Xô tiến bộ không ngừng

Các nhà văn nghệ Liên Xô thấm nhuần lời dạy của các lãnh tụ, hiểu sâu sắc rằng phê bình và tự phê bình cần như nước để uống, không khí để thở, có tác dụng nuôi dưỡng, thúc đẩy sự trưởng thành và tiến bộ mãi mãi của văn nghệ cũng như đối với mọi ngành.

Sau khi cuộc chiến tranh ái quốc thắng lợi hoàn toàn, trong khi bắt tay vào hàn gắn những vết thương chiến tranh và kiến thiết hoà bình, Liên Xô đã mở một cuộc vận động lớn phê bình văn nghệ và khoa học. Gần đây, trước và trong Đại hội lần thứ hai của các nhà văn Liên Xô, phong trào phê bình văn nghệ lại được nâng lên một trình độ cao hơn. Nó duyệt lại tất cả công trình 20 năm xây dựng văn nghệ Liên Xô sau Đại hội lần thứ nhất. Trên thế giới, chưa có một nền văn nghệ nào có cuộc phê bình náo nhiệt, sâu sắc như thế. Không những các tác phẩm, mà cả vấn đề phê bình và các nhà phê bình cũng được đem ra mổ xẻ, phân tích. Nhà văn Ê-ren-bua tiếp thu những lời phê bình về những khuyết điểm trong cuốn *Tuyết tan*, tự nhận thiên truyện ngắn đó là một bước lùi trong sự nghiệp sáng tác của mình. Nhà văn Xi-mô-nốp đã phê

bình kịch liệt cuốn *Tuyết tan* cũng được đại hội phê bình giọng bút chiến không đúng của ông.

Báo chí tư sản phản động nhân dịp đại hội này tìm cách vu khống văn nghệ Liên Xô. Một tờ báo Pháp đã bịa ra chuyện nhà văn Ê-ren-bua tại đại hội bị cấm hút thuốc bằng điếu, ngụ ý rằng nhà văn ở Liên Xô không có tự do sáng tác. Thật không có gì ngu xuẩn bằng.

Trong không khí phê bình gay gắt của đại hội, đã có một vài lời than phiền "văn nghệ suy đồi". Nhưng nhà văn Pha-đê-ép đã trả lời: "Thực tế là văn nghệ Liên Xô tiến triển, giành lấy nhiều lực lượng, bao trùm những địa hạt luôn luôn mới, và con số nhà văn có năng lực giải quyết các vấn đề nghệ thuật phức tạp không ngừng tăng lên".

Trình độ phê bình văn nghệ ở Liên Xô đã được nâng lên rất cao. Tuy không tránh được lệch lạc, nó vẫn luôn luôn vượt qua những lệch lạc ấy. Điều cần nhất là phải tin tưởng vào vũ khí phê bình và tự phê bình. Đồng chí Đa-nốp(*) năm 1948, trong khi nhân danh Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên Xô, phê bình những lệch lạc của hai tờ báo *Ngôi sao* và *Lê-nin-gờ-rát* đã nhắc lại lời huấn thị của đồng chí Sta-lin như sau: "Đồng chí Sta-lin đã nhiều lần vạch rõ rằng điều

---

(*) Đa-nốp: tức là Zhdanov, Andrei Alexandrovich (1896-1948), quan chức cao cấp đảng CS Liên Xô. Thời kỳ kháng chiến ở Việt Bắc, có 2 cuốn sách dịch của ông được xuất bản: cuốn *Báo cáo của Ang-đơ-rê Đa-nốp* (Nxb. Sự thật in 6000 cuốn, xong ngày 12.11.1950; nói về tình hình thế giới) và cuốn Andrei Jdanov: *Vài quan điểm văn học nghệ thuật*, Xuân Trường dịch, Nxb. Văn nghệ, 1951. Ở cuốn kể sau có bài phê phán sự lệch lạc của 2 tạp chí *Ngôi sao* và *Leningrad*. Lưu ý: tác giả Nhân Hồng lầm thời điểm: các sự kiện trên xảy ra không phải vào năm 1948 mà là năm 1946, với quyết nghị của Trung ương Đảng CS Liên Xô đóng cửa tờ "*Lenigrad*" và thay đổi thành phần biên tập tờ "*Ngôi sao*". Hai nhà văn bị công kích nặng nề trong vụ này là M. Zoshenko và A. Akhmatova.

kiện chủ yếu cho sự phát triển của chúng ta là mỗi người Xô viết phải nhận thấy sự cần thiết hàng ngày tính sổ công tác, không ngần ngại tự kiểm tra mình, phân tích công tác của mình, can đảm phê phán sai lầm và thiếu sót của mình, nghĩ cách làm cho công tác được kết quả tốt nhất và luôn luôn gắng sức tu dưỡng bản thân. Cái đó cần cho các nhà văn cũng như cho tất cả những người lao động khác. Kẻ nào sợ đưa công tác của mình ra phê phán là một kẻ nhút nhát đáng khinh, không đáng để nhân dân mến yêu".

II. Văn nghệ phải có đảng tính và phê bình văn nghệ phải có nguyên tắc tính đanh thép, sắc bén

Kinh nghiệm của Đảng cộng sản Liên Xô trong việc phê bình hai tờ báo ở Lê-nin-gơ-rát năm 1948 rất đáng cho chúng ta chú ý. Hai tờ báo này đã đăng những tác phẩm văn nghệ dâm ô, thần bí và nói xấu xã hội Xô-viết của hai nhà văn đồi bại theo phái "nghệ thuật vị nghệ thuật". Các đồng chí phụ trách hai tờ báo đó đã phạm sai lầm đặt tình bạn lên trên lợi ích của nhân dân và nhà nước Xô-viết. Đồng chí Đa-nốp đã vạch trần sai lầm vô nguyên tắc của các đồng chí đó, đồng thời phê bình cả Thành uỷ đảng bộ Lê-nin-gơ-rát và sự lãnh đạo của Hội liên hiệp các nhà văn Liên xô kém sáng suốt, thiếu tinh thần đấu tranh phê bình.

Đồng thời đồng chí Đa-nốp đã vạch rõ quan điểm lập trường của chủ nghĩa Mác-Lênin trong văn nghệ: "Chủ nghĩa Lê-nin xuất phát từ nguyên tắc định rằng văn nghệ chúng ta không thể phi chính trị, nó không thể biểu hiện một "nghệ thuật vị nghệ thuật" mà nó phải nhận một nhiệm vụ tiên phong chủ yếu trong đời sống xã hội. Do đó mà có nguyên tắc của chủ nghĩa Lê-nin là trong văn nghệ phải có tinh thần Đảng, đó là điều quý giá nhất mà Lê-nin đã cống hiến cho

khoa học văn chương".

Đồng chí Đa-nốp nêu rõ cần kết hợp tự do chân chính của nhà văn với lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân và phản đối thứ tự do vô nguyên tắc, lợi dụng danh nghĩa Đảng để tuyên truyền chống lại Đảng, bênh vực những tư tưởng lạc hậu, phản động.

Văn nghệ phải có đảng tính nghĩa là phải phục vụ lợi ích của nhân dân lao động, phải là một bộ phận khăng khít của phong trào quần chúng. Đó là lập trường, nguyên tắc bất di bất dịch, đó là điều mà các nhà văn nghệ cần phải được chú ý trước tiên.

Phê bình sai lầm của hai tờ báo văn nghệ nói trên, Đa - nốp phản đối luận điệu cho rằng trong chiến tranh, sách báo xuất bản ít, nhân dân thèm khát lắm rồi, vì vậy một khi hoà bình đã trở lại thì người đọc sẽ ngốn ngấu bất cứ một món văn nghệ nào, dù là của thiu thối. Đa-nốp vạch rõ rằng nhân dân đang cần những món ăn tinh thần lành mạnh giúp sức cho nhân dân khôi phục và kiến thiết Tổ quốc. Nhân dân phản đối văn nghệ lạc hậu, không hài lòng với một thứ văn nghệ không có tư tưởng tiền tiến của xã hội mới. Nhân dân đòi hỏi văn nghệ phải có tác dụng cải tạo xã hội, đóng vai trò tiên phong, nghĩa là đòi hỏi mặt trận tư tưởng phải đặt ngang hàng với mọi mặt trận đấu tranh khác.

Chỉ có đứng trên lập trường Đảng mà phê bình không nhân nhượng những thứ văn nghệ đồi bại, phản động thì mới xây dựng được một nền văn nghệ chân chính của nhân dân lao động.

III. Thế nào là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa?

Văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa chính là văn nghệ có đảng tính. Đây là một phương pháp sáng tác mà nội dung

thì xã hội chủ nghĩa, hình thức thì dân tộc. Đặc tính của nó là biểu hiện thực tế trong sự tiến triển cách mạng nghĩa là không kể nó biểu hiện thời đại nào, nhà văn nghệ cũng phải thấy cái hướng phát triển chính và đề nó ra cho đúng với quy luật lịch sử. Hướng phát triển đó ở Liên Xô là lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Mặt khác phải chú ý rằng xã hội Xô viết hiện nay đang kiến thiết chủ nghĩa cộng sản, khác với xã hội Xô viết hơn 30 năm trước. Con người Xô viết lớn lên thay đổi nhiều lắm. Cho nên phương pháp đó không thay đổi trong nguyên tắc căn bản nhưng vẫn không ngừng phát triển theo kịp với thực tế muôn hình muôn vẻ. Chính vì vậy mà hướng chung là chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mà giữa các nhà văn Xô viết thì thật là trăm hoa đua nở, mỗi người mỗi vẻ, không ai giống ai. Báo *Sự thật* Liên Xô đã giải thích rõ ràng: "Quy luật của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là biểu hiện sự thật của đời sống trong toàn diện của nó, là phản ánh những mâu thuẫn thực tế trong cuộc sống, đấu tranh quyết liệt cho cái mới, cho cái đang nảy nở, chống cái già cỗi, chống cái đang chết". Một mặt phản ánh thực tế, một mặt phải kết hợp làm nhiệm vụ cải tạo tư tưởng và giáo dục những người lao động theo tinh thần xã hội chủ nghĩa. Cho nên chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mỗi bước phát triển là một bước đấu tranh quyết liệt với những khuynh hướng sai lầm như chủ nghĩa phi chính trị, chủ nghĩa công thức, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa thế giới, v.v...Trong thời kỳ chuẩn bị Đại hội các nhà văn Liên Xô lần thứ hai, nó lại phải đấu tranh với "lý luận" muốn vẽ toàn màu hồng vào cuộc đời, lấp liếm những mâu thuẫn có thật trong thực tế, chỉ nói đến mặt tích cực, dấu giếm mặt tiêu cực của đời sống.

Phê bình văn nghệ chính là phải nắm vững quy luật chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đánh tan những khuynh

hướng chống lại chủ nghĩa xã hội, làm nổi bật tư tưởng tính trong sáng, đảng tính đanh thép của văn nghệ nhân dân. Đó là một kinh nghiệm quý báu của văn nghệ Xô viết.

IV. Phê bình nghiêm khắc những khuynh hướng sai lầm không có nghĩa là phủ nhận tất cả nền văn nghệ nhân dân

Chống lại khuynh hướng nhìn đời toàn đẹp là rất đúng. Nhưng trong thời gian chuẩn bị Đại hội lần thứ hai các nhà văn Liên Xô, một hiện tượng lệch lạc đáng chú ý lại nảy ra là có tờ báo văn nghệ *Thế giới mới* nêu ra vấn đề "thành thật trong văn nghệ", vu khống toàn bộ văn nghệ xô viết thiếu thành thật, rồi phủ nhận tác dụng giáo dục của văn nghệ, chế diễu những nhà văn xô viết đang lấy con người xô viết mà sáng tạo hình ảnh tích cực. Đó là một khuynh hướng lệch lạc có tính chất phá hoại, trái với đảng tính, tỏ rõ thiếu tinh thần quý trọng sức lao động của nhà văn. Phủ nhận hoàn toàn như thế không có bổ ích gì cho nhà văn, cũng không giúp được gì cho người đọc. Tại đại hội, nhà viết tiểu thuyết Xô-bô-lép đã nói: "Trong một việc tế nhị, dễ rung động như công việc nhà văn, tình đồng chí là quan trọng bậc nhất. Sự giúp đỡ thân ái có thể làm nên những chuyện thần kỳ. Chẳng hạn có nhà văn bắt đầu chìm ngụp hay đuối sức trong khi sáng tác một cuốn sách hay, hoặc đang vì những điều kiện riêng của mình mà không hoàn thành được tác phẩm, thì sự giúp đỡ thân ái có thể cứu được tác phẩm đó. Trái lại, hờ hững vô tình đối với cảnh ngộ nhà văn thì có thể giết chết một tác phẩm hay mà nhà văn mới bắt đầu viết".

Nhìn lệch, chê bai hoàn toàn cũng như quá khen một cách trống rỗng đều tỏ ra là phê bình thiếu tinh thần trách nhiệm và thiếu tình đồng chí. Vả lại, lấy thành thật làm tiêu chuẩn đâu có phải là đúng. Nhà văn Ê-ren-bua đã nhận xét

rằng một nhà văn có thể rất thành thật nhưng vẫn nhìn đời lệch lạc, sai sự thật.

Văn nghệ Xô viết chống lại khuynh hướng phá hoại, phủ nhận hoàn toàn, vì biết làm đúng lời Gooc-ki đã chỉ bảo: "Phê bình tức là phải chỉ dẫn cách viết giản dị, sáng sủa, có sức mạnh thuyết phục. Nếu nhà văn bị phê bình không tỏ ra là một kẻ thù hiển nhiên hay trá hình của giai cấp vô sản, mà chỉ là viết kém, viết sai làm lệch sự thật, không biết phân biệt cái quan trọng với cái không quan trọng, thì phải chỉ bảo ôn tồn và nghiêm chỉnh cái nào không đúng, tại sao mà hỏng, chỗ nào lệch lạc…

Làm tiêu mòn và huỷ hoại phẩm chất con người, cái đó tuyệt nhiên không phải là nhiệm vụ của phê bình, cái đó công khai biểu lộ tính chất tiểu tư sản, là đối đãi với người như một kẻ thuộc hạng thấp kém hơn nhà phê bình, thế là tỏ ra buồn nản, biếng nhác, không có năng lực đọc tác phẩm hoặc là giận mình bất tài".

Xuất phát từ lập trường Đảng, Gooc-ki rất quý mến văn học Xô viết và thẳng thắn trả lời những nhà phê bình bi quan rằng "họ mù về học thức, kém cỏi trong việc tu dưỡng tư tưởng, cho nên luôn luôn không thể hiểu văn nghệ hiện thời của chúng ta là một hiện tượng lạ lùng, cần được thương yêu và trân trọng biết chừng nào".

Phủ nhận hoàn toàn một tác phẩm hoặc toàn bộ nền văn nghệ nhân dân là bỏ rơi lập trường Đảng. Đó cũng là một kinh nghiệm quý báu của văn học Liên Xô.

Rút kinh nghiệm mấy chục năm qua, Đảng cộng sản Liên Xô hiện nay rất chú trọng tăng cường việc chỉ đạo phê bình, nâng cao trình độ nhà phê bình theo kịp trình độ nhà văn và đòi hỏi họ phải hiểu thấu cuộc đời như nhà văn hoặc hơn nhà

văn, phải có tinh thần chí công vô tư, phải yêu mến nghệ thuật, và giầu tình đồng chí. Về phương pháp phê bình, Đảng cộng sản Liên Xô nhắc nhở cho nhà phê bình văn nghệ nắm vững lời Goóc-ki đã nghiêm khắc kết án lối phê bình giáo điều, công thức "không xuất phát từ tính chất những con người từ những mối quan hệ giữa người với người, từ những sự thật trong cuộc sống cuồn cuộn mà mình đã trực tiếp xem xét".

V. Gắn liền phê bình văn nghệ với cuộc đấu tranh chung của toàn dân

Một điểm sau hết cần chú ý và cần nhấn mạnh trong kinh nghiệm phê bình của Đảng cộng sản Liên Xô là phê bình văn nghệ phải gắn liền với cuộc đấu tranh chung của nhân dân và phải có một ý nghĩa chính trị to lớn.

Trong khi vạch rõ khuyết điểm của hai tờ báo văn nghệ ở Lê-nin-gờ-rát, Đa-nốp đã phê bình thành uỷ Lê-nin-gờ-rát buông lỏng nguyên tắc Đảng không đề cao việc phê bình những hiện tượng xấu trong sáng tác văn nghệ. Thành uỷ Lê-nin-gờ-rát đã bị lôi cuốn vào việc khôi phục thành phố, phát triển công nghiệp mà quên mất tầm quan trọng của việc giáo dục tư tưởng. Đa-nốp đã phân tích tình hình lúc đó, vạch rõ thế giới đã chia ra làm hai phe mà Liên Xô phải làm gương cho toàn thể nhân loại tiến bộ. Văn nghệ Xô-viết không thể chỉ ăn miếng trả miếng với những điều vu khống bỉ ổi của bọn đế quốc đối với văn hoá Xô-viết, mà còn phải dũng cảm tấn công văn hoá đế quốc đang thối nát, suy đồi. Nhà văn Xô viết phải nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc, và hiểu rõ nhiệm vụ quan trọng Đảng đã giao cho là đứng trên hàng đầu của mặt trận tư tưởng, là không được theo đuôi thời cuộc mà phải đi trước thời cuộc, đi trước dẫn đường nhân dân tiến lên. Đa-nốp phân tích rất rành mạch: "Trong điều kiện tiến

triển hoà bình, các nhiệm vụ của mặt trận tư tưởng, thứ nhất là của văn nghệ, không tan biến đi đâu mà trái lại càng phát triển mạnh. Trung ương muốn rằng chúng ta được phong phú về văn hoá, vì thấy rằng làm cho có sự phong phú đó chính là một trong những nhiệm vụ chính của chủ nghĩa xã hội. Trung ương tin rằng đội ngũ văn nghệ Xô viết của thành Lê-nin-gờ-rát vốn rất lành mạnh về tư tưởng và chính trị sẽ sửa chữa mau chóng mọi sai lầm của nó để giữ vững cương vị mà nền văn nghệ Xô viết đã dành cho nó".

Đặt vấn đề phê bình văn nghệ cho Đảng bộ thành Lê-nin-gờ-rát trong nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân Liên Xô, Đa nốp đã chỉ rõ phê bình văn nghệ phải có tác dụng gấp rút nâng công tác văn nghệ lên một trình độ cao, phù hợp với lợi ích của Đảng, của nhân dân, và của Nhà nước".

Hiện nay, việc phê bình văn nghệ của nước ta đang tiến hành trong hoàn cảnh đấu tranh hoà bình gay go và phức tạp. Chúng ta cần nghiên cứu cụ thể kinh nghiệm của Liên Xô để áp dụng vào hoàn cảnh thực tế Việt Nam. Chúng ta phải chú ý gắn liền phê bình văn nghệ vào cuộc đấu tranh chung, đặt cho nó một yêu cầu nhất định là làm cho các nhà văn nghệ cùng Đảng ta, nhân dân ta thông suốt ý nghĩa chính trị của nó, và nhiệt tình ủng hộ nó.

NHÂN HỒNG

Nhân dân, 27.4.1955;
28.4.1955

"VIỆT BẮC" VÀ TỐ HỮU

THẨM LĂNG

Trên báo *Văn nghệ* số 65, Hoàng Yến trong bài *Tập thơ* Việt Bắc *có hiện thực không?* có nêu lên vài điểm dẫn chứng: Thơ Tố Hữu qua cuốn *Việt Bắc* không hiện thực. Tôi cũng đồng ý với Hoàng Yến ở điểm đó, nhưng không có nghĩa là tuyệt đối. Vì một nhà thơ cách mạng, – thơ mang tình cảm – tình cảm đó có lý do gì không hiện thực? Thơ của Tố Hữu được quần chúng đọc và nhớ nhiều. Ngôi sao Tố Hữu trên thi đàn hùng lắm! Vì âm hưởng của thơ Tố Hữu thuần tuý, người đọc thấy thấm thía và rộn lòng. Qua thơ Tố Hữu, tình cảm đất nước, nhạc đất nước thấm vào lòng yêu nước của người đọc. Hình ảnh của đất nước ấm áp quá, khêu gợi quá để cùng thi sĩ thốt lên "*Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!*" Phần căn bản thơ Tố Hữu nằm trong trong câu thơ đó.

Tố Hữu dựng rất nhiều hình ảnh trong thơ của mình. Dù màu sắc đậm đà hay sơ sài, những hình ảnh của Tố Hữu đều sáng sủa và in sâu!

Hình ảnh lãnh tụ Staline của thế giới tự do:

Ông Staline bên cạnh nhi đồng
Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu, miệng ông mỉm cười
.....

Hình ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh trong bài *Sáng tháng Năm*:

Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết nhà sàn đơn sơ
Con bồ câu trắng ngây thơ
Nó đi tìm thóc nhởn nhơ quanh nhà!

Hình ảnh những nhà lãnh tụ đẹp hơn tranh vẽ. Lòng yêu mến Hồ Chí Minh trào lên khi tôi đọc những vần thơ trên đây.

Hình ảnh anh bộ đội:

Tay dao tay súng gạo đầy bao
Chân cứng đạp rừng gai đá sắc!

Hình ảnh chú bé linh động:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
.....

Ở Tố Hữu còn có một điểm đặc biệt về hình ảnh: lấy tình cảm thực để dựng hình ảnh. Bài thơ *Bao giờ hết giặc* đã đưa lên được hình ảnh một bà bủ, một bà cụ bần nông nhiều con lắm cháu. Nhất là thằng Út cũng lại đi "giải phóng" lâu ngày:

Bà bủ nằm ổ chuối khô
Bà bủ không ngủ bà lo bời bời
Đêm nay tháng chạp mùng mười
Vài mươi bữa nữa Tết rồi hết năm
Bà bủ không ngủ bà nằm
Bao giờ thằng Út về thăm một kỳ

Sang hình ảnh quê hương trong thơ Tố Hữu, tôi muốn trở về một vài điểm của bài thơ *Việt Bắc*:

Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao ánh nắng, dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng...

Đẹp thay rừng Việt Bắc, "lâu đài xanh" của người Việt! Những hình ảnh ấy còn được giải ra những vần thơ địa phương tính:

Mình về ta gửi về quê
Thuyền nâu trâu mộng với bè nứa mai
Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đượm cho ai nhớ mình
Trâu về xanh lại Thái Bình
Nứa mai gài chặt tấm tình ngược xuôi

Hình ảnh người lao động trên sông, trên mặt ruộng với tài sản của đất nước do bàn tay lao động mình tạo ra:

Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tầu chạy bốn bề lưới giăng
Than Phấn Mễ, thiếc Cao Bằng
Phố phường như nấm như măng giữa trời
Mái tường ngói mới đỏ tươi
Chợ vui trăm nẻo về vui luồng hàng
Muối Thái Bình ngược Hà Giang
Cầy bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh
Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông(*)

(*) Lưu ý tác giả dẫn sai một số từ trong các câu thơ, ở đây giữ nguyên do yêu cầu tư liệu (NST).

L. Soubotsky có viết: "Chiến tranh kết liễu, những cuộc xây dựng bắt đầu. Tiếng nói của nhà văn lại cất lên giữa tiếng ầm ầm của xưởng máy và công trường. Giúp nhân dân gắn lại những vết thương đau, làm đằm thắm lại những rung động đã mòn mỏi. Đó là sứ mạng cao quý của nghệ thuật..."

Qua những vần thơ trên đây và nhiều vần thơ khác Tố Hữu đã làm nhiệm vụ đó. Đây phải chăng là câu hò tiếng hát của người phụ nữ trên cánh đồng hay đầu mũi con đò buông sông. Những hình ảnh quen thuộc xa xôi trở lại với vần thơ.

Ở cuốn *Việt Bắc* người ta không tìm thấy nữa những vần thơ nóng hổi của Tố Hữu :

Gió, gió ơi, hãy làm giông làm tố
Cuốn trung liên cờ đỏ máu thơm tươi
Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ôi!
Ta ngã cuốn trong dòng người cuộn thác(*)

Từ khi cuộc kháng chiến bùng nổ, mỗi một giây phút nhạc "*Muôn phương chân nện gót rầm rầm*", rõ rệt và gần lại ta hơn. Đáng phàn nàn thi sĩ không cho reo tiếp bản nhạc vĩ đại đó của cách mạng trong tám chín năm qua!

Cũng theo bản chất ấy, người ta chỉ tìm thấy Tố Hữu của cuốn *Việt Bắc* ngồi rít hơi thuốc lào dài với anh bộ đội dưới bóng tre già, hay là đứng cạnh đồng chí pháo binh đợi giờ chiến đấu và nóng nảy thúc giục "*Anh đại bác tôi chờ anh để hát!*" Rồi thi sĩ có một hôm lên đường cùng anh bộ đội:

Sáng nay ra trận lên Tây Bắc
Hai đứa ta cùng đi đánh giặc

(*) Lưu ý: Tác giả bài này dẫn thơ thiếu chính xác: "cuốn tung lên" chứ không phải "cuốn trung liên". Ở đây giữ nguyên vì tính tư liệu của sách này.

Nhưng bỗng nhiên thi sĩ rời xa anh bộ đội hiên ngang và thi sĩ Tố Hữu của ta đã biến người chiến sĩ ra một bức tượng vô cùng đẹp:

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi tay vươn tới
Lá nguy trang reo với gió đèo

Cũng chỉ vì người ta không tìm thấy nữa những vần thơ nóng hổi của thi sĩ Tố Hữu trước năm 1945 nên ông Hoàng Yến đã cay nghiệt nẩy ra ý nghĩ so sánh thơ Tố Hữu thời kỳ đầu và nay. Ông cho rằng. "Thời kỳ trước cách mạng, với nhu cầu cụ thể của nó, thơ Tố Hữu là lá cờ tiền phong hướng dẫn đấu tranh. Với thời đại kháng chiến bây giờ, với đòi hỏi lớn lao gấp bội, thơ Tố Hữu quả chưa làm được nhiệm vụ tiền phong chiến đấu như thời kỳ trước và nếu đem so sánh đối chiếu với mỗi thời đại cái tỷ lệ tương xứng ấy cho ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn thơ Tố Hữu trước kia. Bé vì Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hừng hực chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc. Bé vì chất sống chưa được sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo và công thức".

Tôi đồng ý với Hoàng Yến rằng "Bàn về thơ Tố Hữu nói chung là một vấn đề lớn có nhiều mặt, nhiều phương diện và trong một bài báo ngắn không thể nói hết được ưu khuyết điểm". Nhưng tôi hoàn toàn không đồng ý với Hoàng Yến về điểm so sánh thơ Tố Hữu qua hai thời kỳ. Theo tôi trình bày ở trên, Tố Hữu qua cuốn *Việt Bắc* nặng về ca ngợi nên tình cảm hiện thực về chiến đấu thường bị lu mờ. Xét thơ Tố Hữu cần biết qua Tố Hữu. Tố Hữu trong thời kỳ kháng chiến là một cán bộ trăm công nghìn việc hơn là một thi sĩ với sứ mạng nghệ sĩ của mình. Chính vì giai đoạn kháng chiến đã đòi hỏi Tố Hữu như vậy. Thơ Tố Hữu

sáng tác rất ít, tuy nhiên Tố Hữu đã nói lên được tình cảm quần chúng qua tác phẩm của mình. Tình cảm bài thơ *Bao giờ hết giặc* là tình cảm thật của bà bủ. Tình cảm bài thơ *Bà mẹ Việt Bắc* là tình cảm thật của đường Mé rừng. Tình cảm bài thơ *Cá nước*, *Bầm ơi!* là tình cảm thật của anh bộ đội.

Đọc tác phẩm Tố Hữu, người ta cảm thấy như được nghe những mẩu chuyện con con rất say sưa và kích thích:

Anh kể chuyện tôi nghe
Trận chợ Đồn chợ Rã
Ta đánh giặc chạy re
Hai đứa cười ha hả

Những tình cảm ấy nẩy nở rất thích hợp với thời đại và xã hội. Những tình cảm ấy là những tình cảm ngấm ngầm nằm trong quần chúng, chứng tỏ tư tưởng cách mạng đương ăn sâu vào quần chúng. Những tình cảm ấy là căn bản của sức chiến đấu của dân tộc ta. Nó sửa soạn cho hành động tự giác một cách toàn diện. Lẽ dĩ nhiên nó phải là những tình cảm hiện thực.

Xem bài thơ *Bầm ơi* anh bộ đội nào mà chẳng thấy mình đã có đôi lần nói lên những tình cảm ấy? Bà mẹ nào mà chẳng thấy nhớ con, căm giặc và sao chẳng trở thành bà mẹ nuôi của bộ đội? Xem bài thơ *Cá nước* ai chẳng tin ở sức ta, thấy tiền đồ sáng sủa qua tiếng cười ha hả…

Theo ông Hoàng Yến, Tố Hữu chưa thổi vào thơ ngọn lửa hừng hực chiến đấu của thời đại. Nhưng theo tôi Tố Hữu đã nhóm, đã khơi ngọn lửa đó để nó bốc lên rực rỡ!...

3-1955

THẨM LĂNG

Độc lập, s.97 (30.4.1955)

TIN VĂN HOÁ

Hưởng ứng phong trào phê bình văn học của báo *Văn nghệ*

Hiệu đoàn học sinh trường Sư phạm Trung ương đã mở một cuộc tranh luận về tập thơ "*Việt Bắc*" của Tố Hữu. Các bài phê bình và tranh luận rất nhiều, trong số đó có hơn 10 bài viết rất công phu, ba bài góp ý kiến về bài phê bình của Hoàng Yến, hai bài góp ý về bài của Hoàng Cầm. Ngoài ra còn nhiều bài phê bình tập *Vượt Côn Đảo*, *Vùng Mỏ, Cứu đất cứu mường*... Phong trào phê bình và tranh luận đã làm anh chị em học sinh ban xã hội nâng cao trình độ lý luận văn học của mình lên rất nhiều.

Văn nghệ, số 70 (1.5.1955)

SỔ TAY VĂN NGHỆ

(*trích*)

Thơ của ta đang ở thời kỳ tìm tòi, học hỏi. Gần đây, một số bạn thơ của ta có lẽ muốn theo bước nhà thi sĩ thiên tài L. ı Xô Mai-a-kốp-ski, thí nghiệm một hình thức trình bày câu thơ, là xuống giòng nhiều.

Như trong bài "*Một đêm*" (V.N. số 62) có những câu thơ:

Còn một đêm nay
Một đêm nay nữa
Ngày mai là
Quyết ở
Hay đi?

Thực ra; nếu ghép lại theo lối thường, thì chỉ là hai câu:

Còn một đêm nay - Một đêm nay nữa
Ngày mai là quyết ở hay đi

Nhưng tác giả cắt sẵn hộ ra làm năm khúc, cho người đọc nghỉ hơi ở giữa câu theo ý muốn của tác giả. Chưa biết lối xếp đặt câu thơ như vậy là tốt hay không tốt; các bạn thơ cứ nên tìm tòi, thí nghiệm. Nhưng có một điều chắc: là cái gì thái quá cũng không hay. Hiện nay chúng tôi nhận được đôi bài thơ đã sử dụng lối "leo bậc thang" hoặc "xuống thang gác" ấy một cách vô điều độ:

Chúng tôi

Lớn

Bé

Trẻ

Già

Toàn dân Việt

Đang theo đường

Trung Hoa

Xô Viết

Cố tiến lên

Tất cả mười giòng mà ý thơ không có gì đặc biệt. Tôi chắc người đọc cũng không ai tán thành.

Câu thơ hay hay dở, trước hết ở tự bản thân nó, còn việc xếp đặt là một việc rất phụ. Tôi tưởng trước hết nên học tập nội dung mãnh liệt của hồn thơ Mai-a-kốp-xki là hơn. Vả lại, có lẽ câu thơ Liên Xô có những đặc tính khác với câu thơ Việt Nam, chúng ta nên nghiên cứu cụ thể câu thơ Liên Xô trước khi bắt chước.

HIỆN THỰC[1]

Văn nghệ, s. 68 (11.4.1955)

(*) Lưu ý: Hiện Thực là một bút danh ký dưới các bài trong mục "*Sổ tay Văn nghệ*" của báo *Văn nghệ* năm 1955. Sang 1956, người viết mục này ký là Bạch. Chưa rõ nhà văn nào viết cho mục này ký Hiện Thực; còn người ký Bạch chính là Nguyễn Tuân.

BỔ SUNG Ý KIẾN CỦA TÔI VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

HOÀNG CẦM

CẦN THỐNG NHẤT VỚI NHAU VỀ THÁI ĐỘ PHÊ BÌNH

Tôi sẽ không nói đến những lời gay gắt thiếu bình tĩnh hoặc giọng tán tụng lấy được của một vài bạn trong cuộc tranh luận này. Tôi sẽ nói đến một vấn đề quan trọng hơn.

Tìm tòi, tranh luận về một khía cạnh nào của một nhà thơ hay một tập thơ không phải để phân ngôi thứ trong làng thơ. Bởi vậy không nên hỏi rằng "thế bây giờ thì thơ ai hiện thực nhất?" Nếu thơ Tố Hữu chưa hiện thực thì nói là chưa hiện thực, chứ không nên vì "hiện nay cũng chưa có thơ ai được hoan nghênh như thơ Tố Hữu, thì ta cứ cho là thơ Tố Hữu hiện thực nhất".

Đọc thơ, nếu không tỉnh táo ta dễ rơi vào thói quen "tán" thơ, tỉa tót từng câu từng chữ, suy luận ra hàng nghìn ý nghĩa sâu xa. Đó là lối chơi núi non bộ, thấy hòn non bộ giông giống một cảnh đời thì liền cho nó là cảnh đời, và vui thú với cảnh "đời" nhỏ mọn đó. Chính vì vậy mà hòn non bộ vẫn hấp

dẫn, an ủi được những tâm hồn già yếu, bất lực trước cuộc sống vĩ đại.

Nếu đó chỉ là vấn đề thưởng thức văn nghệ của một số cá nhân thì sự tai hại còn ít. Nhưng nếu đó lại là thái độ phê bình văn nghệ mà người ta đem phổ biến thì thật nguy hiểm vô cùng.

Người phê bình văn nghệ, nhất là ở trường hợp tranh luận về một khía cạnh của tác phẩm như chúng ta đang làm đây, phải có cách nhìn sâu vào cuộc đời, vào thực tại khách quan, mới có thể đem ngòi bút phê bình hướng cho văn nghệ đi lên. Nếu chỉ thoả mãn ở cảnh non bộ, tức là bắt văn nghệ đứng một chỗ, tức là lùi.

HỒN THƠ VÀ LẬP TRƯỜNG

Tiêu chuẩn phê bình văn học là chủ nghĩa hiện thực mới. Nhân dịp phê bình tập thơ *Việt Bắc* chúng ta cùng nhau đem ánh sáng của chủ nghĩa hiện thực mới soi rọi vào tập thơ đó và cùng nhau học tập, luyện chắc ngòi bút phục vụ cách mạng và nhân dân.

Lần này, bổ sung ý kiến mà tôi đã phát biểu, tôi chỉ muốn nói đến *hồn thơ* của thi sĩ, là một mặt trong chủ nghĩa hiện thực mới.

Thái độ của thi sĩ trước cuộc đời, Đảng tính, chiến đấu tính, tư tưởng tính, nghệ thuật tính, dân tộc tính v.v... đều gồm ở hồn thơ của thi sĩ.

Nhưng hồn thơ là gì? Nó vô hình chăng? Hồn thơ là ở thực tế sinh hoạt xã hội, ở giai cấp của bản thân thi sĩ, ở cách nhìn cuộc đời nhìn con người của thi sĩ. Cho nên *hồn thơ gồm*

hai yếu tố thống nhất lại: đó là thực tế xã hội mà thi sĩ đã sống và đang sống và cách nhìn của thi sĩ vào thực tế ấy.

Nhiều khi, thi sĩ có yếu tố thực tế mà cách nhìn sai lạc thì hồn thơ cũng hỏng. Nhiều khi có cách nhìn đúng mà thiếu thực tế thì thơ cũng không có hồn, hoặc chỉ là cái "hồn" rất riêng của bản thân thi sĩ tách rời thực tế, không ích lợi gì cho thời đại.

Ta đã từng nghe, đọc trên báo chí vùng tạm chiếm trước đây một số bài thơ "ngụy" cũng hô hào yêu nước, diệt xâm lăng, cũng thương xót nòi giống, nhưng toàn là những tiếng hão, không có hồn, vì hồn người làm thơ đã xa lìa quần chúng, xa lìa cả đến ý nghĩa của những tiếng kia rồi. Không có rung động thực, nhất định thơ sẽ khô khan hoặc giả tạo. Thi sĩ rung động thế nào thì thơ toát ra như thế.

Hồn thơ tóm lại chính là lập trường, là tâm hồn của thi sĩ. Trong một bài thơ, cái *hồn* đúc lại do lời, do hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu. Nó toát ra ngoài những tiếng, những chữ, tưởng như nó vô hình nhưng chính nó mới là sức tác động tâm hồn người đọc, người nghe.

TRỞ LẠI CÁI YẾU ĐUỐI CỦA HỒN THƠ TỐ HỮU

Bài trước, tôi nói thơ Tố Hữu thường phảng phất buồn. Tôi không phản đối tất cả những bài thơ buồn, vì ta không thể bắt thi sĩ phải làm thơ vui khi thi sĩ muốn diễn tả cái buồn có thật trong lòng mình và trong cuộc đời. Nhưng thơ Tố Hữu phảng phất cái buồn vô duyên cớ, cái buồn tiểu tư sản chứ không phải cái buồn đau xót thấm thía đưa đến căm thù và phấn đấu. Hướng đi lên của thời đại của nhân dân là khoẻ: vui khoẻ, nhớ khoẻ, buồn khoẻ, căm giận khoẻ, yêu thương

khoẻ. Vui buồn yêu ghét của nhân dân cách mạng đều có cái đặc tính là khoẻ khoắn, chắc nịch. Những bà mẹ có con đi bộ đội rất nhớ con, nhưng sâu sắc lành mạnh, thấy đứa con mình ra người, chứ không yếu đuối như bà bủ của Tố Hữu. Bà cụ này không còn sinh lực, loanh quanh với cái nhớ u ám trên ổ chuối khô. Ở bài *Bà mẹ Việt Bắc*, bà cụ này tương đối khoẻ hơn bà bủ và anh bộ đội trong nhiều bài khác, thế mà hồn thơ Tố Hữu vẫn cứ cài vào cho bằng được cái yếu đuối trong ba dòng lục bác:

Phên nan gió lọt lạnh lùng
Ngọn lửa bập bùng, mẻ khóc rưng rưng
Nghẹn ngào chuyện cũ nửa chừng...

Đó, cái hồn yếu đuối của nhà thơ. Đó, cái tiểu xảo của tác giả dùng để khêu gợi một cảnh heo hắt rất không cần thiết cho bài thơ.

Tố Hữu đã bắt cái thực tế (bà bủ, bà mẹ Việt Bắc) nhịp theo cái yếu đuối, cô độc của tâm hồn mình. Nếu nói bà bủ tiêu biểu hay đại đa số bà bủ (nông dân) thì trằn trọc suốt đêm là vì căm thằng địa chủ cướp mất ruộng, vì mừng một tin chiến thắng, vì phải tính chuyện sản xuất thế nào, v.v... Còn đứa con đi bộ đội, nhớ nó nhưng không bao giờ chỉ nhớ loanh quanh với toàn những hình ảnh khổ cực như thế mà mất cả một đêm. Thi sĩ lại bắt ngọn lửa, phên nan ở trên nhà sàn cũng hiu hắt theo chiều tâm hồn vắng lạnh của mình chứ không theo thực tế. Vì thực tế là cảnh nhà sàn đêm khuya, dù bên trong có ôn lại chuyện đau khổ ngày xưa, đối với người dân Việt Bắc cũng như đối với cán bộ kháng chiến không hề có vẻ thê lương ảm đạm. Đó, cách thi sĩ nhìn vào cái nhớ, cái thương của những bà mẹ trong cách mạng, trong kháng chiến. Theo ý tôi, cách nhìn đó là cách nhìn tiểu tư sản.

Còn cách nhìn hoà bình của Tố Hữu thế nào? Đường rộng, cảnh đẹp, đi những bước ung dung đến thống nhất. Bài *Ta đi tới* có một không khí nhẹ nhàng thoải mái, đường mở rộng thênh thang từ Bắc đến Nam. Nó không diễn tả được cái thực chất bước đi của dân tộc sau khi hoà bình lập lại. Chỗ nào giặc còn tạm đóng, nơi ấy còn đe doạ, còn máu, nước mắt. Hoà bình không dễ dàng. Cái mừng hoà bình gắn ngay với lo âu, với căm thù, phấn đấu: Nạn đói đe doạ, địch cưỡng ép di cư, tan cửa nát nhà vì đế quốc Mỹ và bè lũ hiếu chiến. Gió mát hoà bình gắn ngay với mồ hôi kiến thiết, đường sắt, đập, kè, ruộng hoang, nhà máy. Vì vậy bài *Ta đi tới* chỉ có tác dụng trong một lúc bàng hoàng vui sướng khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa ký xong. Nó rất hợp với những tâm hồn xa thực tế đấu tranh, coi hoà bình như cơn gió mát, không còn giặc, không còn máy bay, được đi giữa ban ngày hưởng thắng lợi hoà bình, rồi đi đến thực hiện thống nhất một cách thực ngon lành. Cách nhìn hoà bình thống nhất của tác giả là cách nhìn lạc quan tiểu tư sản, không phải cái lạc quan cách mạng xây dựng trên một lòng tin sắt đá, cụ thể vào từng bước đấu tranh gay go, gian khổ, nhưng vững chãi, quyết thắng.

Khi hoà bình rồi, chính phủ về thủ đô, thi sĩ thấy ngay cảnh biệt ly man mác (*Việt Bắc*). Người ở lại Việt Bắc mất hút vào rừng vào núi, người về xuôi cũng mất hút vào phố phường đông đúc. Bài thơ này trái với cách nhìn cách mạng: Việt Bắc, thủ đô, toàn quốc là một. Vui chung hoà bình, lo chung phấn đấu. Sao tác giả lại chia Việt Bắc và thủ đô ra làm đôi, chia người ở, kẻ về ra làm đôi, cố tình chia cho thành đau khổ để rồi an ủi, hứa hẹn – hứa hẹn rất nhiều mà vẫn bi.

Chia tay Việt Bắc rồi, khi gặp lại Hà Nội, thi sĩ thật là một khách du, đi xa tám năm nay gặp lại một người tình cũ.

Hai người nói với nhau vài câu cửa miệng, nhưng không thực bụng yêu nhau:

Người đi kháng chiến tám năm giời!

Người dân của Hà Nội ở lại thủ đô, từ sau khi lực lượng vũ trang của ta tạm rút ra ngoài, đã cùng với nhân dân toàn quốc, cùng với bộ đội tạo nên ngày 10-10-1954, ngày mà thi sĩ "lại về" Hà Nội. Vùng tạm chiếm, vùng tự do đã "gặp" nhau trong trường kỳ kháng chiến từ tám năm rồi. Tại sao lại cách biệt đến thế? Có *người về, kẻ đợi* thật đấy, nhưng sự thực điển hình vẫn là khối thống nhất đã tạo nên ngày lịch sử đó.

Từ giã Việt Bắc, thấy xa Việt Bắc, mang tâm tình bàng quan của một khách du đi kháng chiến tám năm trở lại Hà Nội, cũng hời hợt, ít thắm thiết với Hà Nội, đó là một điệu tâm hồn của thi sĩ đã hiện ra ngoài lời thơ.

Thành ra từ bài *Ta đi tới* đến bài *Lại về*, tôi thấy hiện ra cái hồn thơ thoải mái nhẹ nhàng, yếu ớt, chênh vênh của thi sĩ. Hồn thơ ấy lạc lõng bên cạnh một sự thật vĩ đại của một thời kỳ lịch sử.

Tôi có thể tóm tắt cách nhìn của Tố Hữu như sau: Nhìn bộ đội: thấp thoáng (*Cá nước*), đi du lịch (*Lên Tây Bắc*), bé bỏng (*Bà bủ*), cuống quýt, hấp tấp (*Bắn*).

Nhìn lãnh tụ thấy mình bé quá, lãnh tụ lớn quá, lãnh tụ che hết quần chúng.

Nhìn Việt Bắc: hiu hắt, xa xôi.

Nhìn Hà Nội ngày giải phóng: lặng lờ, như một vườn hoa nhỏ.

Nhìn hoà bình: tươi mát, gió yên, sóng lặng.

Nhìn thống nhất: thong dong đi là đến.

Đó là cách nhìn tiểu tư sản rất có hệ thống trong suốt tập *Việt Bắc*.

*

Nội dung thơ Tố Hữu có nhiều đức tính gần thời đại, gần con người. Nhưng những ưu điểm của thơ Tố Hữu chưa đủ chất lượng của một ngòi bút hiện thực mới. **Thơ Tố Hữu mới gần thời đại, gần con người mới, chứ chưa phải là thời đại và con người mới đã hiện lên trong thơ Tố Hữu.**(*)

Thơ Tố Hữu có tình yêu nước trong sáng, thiết tha nhưng thiếu cụ thể. Tình yêu nước của thơ Tố Hữu nhẹ quá, dễ bay thoảng.

Vì vậy đa số các bài thơ trong *Việt Bắc* có tác dụng động viên tuyên truyền, nhưng chưa đến một trình độ tư tưởng và nghệ thuật sâu sắc.

Do cách nhìn tiểu tư sản của thi sĩ, nhiều bài có xúc động với thực tế, có dụng ý rất tốt (như bài *Việt Bắc*) bỗng trở nên không đúng. Ví như tác giả gạt đi những đoạn thơ lai láng biệt ly (kiểu Nguyễn Du, Tản Đà) ở bài *Việt Bắc*, giữ lại những đoạn rung động nhiệt thành với thực tế, thì chúng ta có được cả mối tình nhớ Việt Bắc đằm thắm, thân mật. Ta sẽ có mươi lăm dòng ý vị ngọt ngào làm cho ta nhớ Việt Bắc, tác dụng ấy tốt hơn là để người đọc thấy chia ly ngậm ngùi, heo hút, lê thê hàng trăm câu.

Tôi rất đồng ý với nhiều bạn cho rằng thơ Tố Hữu làm ta thêm yêu nước, yêu bộ đội, yêu nhân dân, yêu chiến thắng, yêu hoà bình. Đó là ưu điểm của Tố Hữu. Nhưng nhược điểm của Tố Hữu là những tình yêu đó còn yếu ớt, chưa vững chắc, cụ thể, chưa toát ra ngoài bài thơ thành một sức mạnh truyền cảm mãnh liệt. Đó là một sự thực khách quan chứ không là

(*) Ở bản gốc câu này in chữ đậm (NST).

tưởng tượng do cái "bệnh thời đại trong văn nghệ" mà bạn Vũ Đức Phúc đã gán cho tôi.

KẾT LUẬN

Tôi tin chắc chính Tố Hữu, và một số đông các bạn cũng như tôi, chưa thoả mãn về những ưu điểm của thơ Tố Hữu. Chúng ta đòi hỏi ở các người làm thơ:

- Một tình yêu nước cụ thể hơn, có giai cấp tính rõ rệt, mạnh mẽ hơn;

- Chúng ta đòi hỏi được có những bài thơ truyền cho quần chúng một sức sống khoẻ, lành, vươn lên trong mọi hoàn cảnh, nhất là trong cái thực tế đấu tranh gay go vì hoà bình thống nhất ngày nay;

- Chúng ta đòi hỏi những hồn thơ chứa đựng cái tự hào của dân tộc, của giai cấp công nhân, những điệu tâm hồn biết gạt phăng đi những công thức gò bó tầm thường, mở rộng cánh mà bay lên.

Tôi mượn mấy câu ca dao cũ để chứng dẫn sự đồng tình của tôi đòi hỏi một sức sống mạnh, một tiếng hát cao, hướng dẫn cho cuộc sống con người phát triển.

Có hát thì hát cho bổng, cho cao, cho gió lọt
vào cho chúng chị nghe;
Chị còn ngồi võng ngọn tre,
Gió đưa kẽu kịt chẳng nghe tiếng gì.

Rất nhiều bài thơ của anh, của tôi, của các bạn chúng ta là tiếng hát thấp quá, quần chúng đang "ngồi võng ngọn tre" gió thổi lộng trời, quần chúng không nghe thấy.

Khi sức sống trong văn thơ thấp bé hơn sức sống quần chúng thì chưa thể đi tới hiện thực xã hội chủ nghĩa được.(*)

Thơ hiện thực là thơ mang trọn vẹn những tư tưởng mới. Tư tưởng và con người thời đại không ở chữ ở câu này câu khác mà ở sức mạnh của bài thơ, ở hơi thở trong bài thơ toát ra.

HOÀNG CẦM

Văn nghệ, s. 70 (1.5.1955)

(*)Câu này ở bản gốc in chữ nét đậm (NST).

GÓP Ý KIẾN VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

ĐÔNG HOÀI

Đọc xong bài của Hoàng Cầm (*Văn nghệ* số 67), tôi không có chủ định phê bình lại bài của anh, nhưng tôi thấy cần thiết nhận xét một vài khía cạnh của bài đó.

Hoàng Cầm viết:

"Vì nhiều bài thơ (của Tố Hữu) rộng quá, tổng hợp quá, "chính trị" quá, nên nó bao quát và tất nhiên trở nên chung chung đại lược. "Ta đi tới", ta đi khắp cả và nhất định ta đi tới thống nhất đất nước. Lời đẹp, ý đúng, tình cảm bay rộng khắp nhưng không xoáy chặt vào lòng người".

Theo tôi, trong phạm vi văn học nói chung và thơ ca nói riêng, không thể có một tác phẩm hay một bài thơ nào có thể gọi được là "chính trị". Vì rằng nói tới nội dung của một bài thơ mà quên cái phần tư tưởng tính của nó đi, quên sự thúc đẩy của chủ nghĩa hiện thực đi, tôi e rằng không khéo sẽ bị rơi vào chủ nghĩa tự nhiên. Cái tư tưởng tính đó tức là lập trường chính trị của tác giả đã biến thành lập trường chính trị của con người, của sự việc ở trong tác phẩm. Có điều căn bản là khi diễn tả phải cho xác thực, đừng chụp mũ. Đừng nghiêng về cảm tính, đừng xếch về lý tính.

Nếu trong khi sáng tác (hay phê bình cũng vậy) mà để

cho cảm tính lôi cuốn, thì dễ bị lệch lạc, nông cạn, tầm thường. Và nếu để cho lý tính lôi cuốn, thì dễ bị khô khan, công thức, giả tạo. Cân bằng được hai khả năng đó, tổng hợp lại, đó là sự thành công của văn nghệ.

Có nhiều bài thơ của nhiều tác giả không có cảm xúc gì. Đó là những câu có vần có điệu chứa đựng một cách gượng gạo một ít lý trí để tuyên truyền sống sượng. Theo tôi, thì đừng nên gọi những bài đó là "chính trị quá" mà gọi những bài đó là "lý trí quá", là "không phải thơ". Như thế đúng hơn.

*

Tôi nói tới ý thứ hai: "*Nhiều bài thơ rộng quá, tổng hợp quá, nên nó bao quát và chung chung đại lược*".

Tôi bỗng nhớ tới gần đây người ta hay nói tới "đề tài to" với "đề tài bé". Một số người thích đi tìm những đề tài bé nhưng lại nói lên một cái "ý vĩ đại". Và tới nay Hoàng Cầm lại phê bình các đề tài của Tố Hữu là rộng quá, bao quát quá, chung chung đại lược. Theo tôi, chớ nghiêng về bên nào. Hãy tìm ở những cảm xúc thực của mình mà viết. Có gì viết nấy, có to viết to, có bé viết bé. Đừng "nặn" hoặc "đẻ" ra một cái gì mà mình không có cảm xúc. Đề tài to, đề tài bé, được cả, miễn là nó gợi cảm, miễn là nó có giá trị văn học.

Cụ thể là nó có tác động mạnh, góp phần đắc lực vào cuộc chiến đấu chung. Trong văn học Việt Nam thiếu gì bài đề tài lớn, thí dụ như bài *Đoạt giáo Chương Dương độ* của Trần Quang Khải, bài *Hịch tướng sỹ* của Trần Quốc Tuấn, bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi cũng "chung chung đại lược" nhưng là những tuyệt bút để lại cho đời sau.

*

Phê bình *Ta đi tới* Hoàng Cầm viết:

"Ta đi tới *và* Hoan hô chiến sỹ Điện Biên *giống như một vại nước to, đầy tràn pha loãng một mầu sữa. Loãng quá, tôi thèm một cốc dù nhỏ thôi nhưng chan chứa những chất nuôi sống tâm hồn*".

Tôi không nói tới bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* là bài tôi cũng cho là không hay. Còn bài *Ta đi tới* mà Hoàng Cầm bảo là một vại nước loãng, thì lạ thật. Vậy nếu theo Hoàng Cầm thì cần thêm "chất" gì để cho vại nước đó đặc? Hoàng Cầm bảo "thèm một cốc dù nhỏ nhưng chan chứa những chất nuôi sống tâm hồn". Tôi thấy câu nói của Hoàng Cầm trừu tượng lắm. Theo tôi, trong thơ ca chỉ có những tình cảm lớn mới nuôi sống tâm hồn, mới làm cho người ta yêu đời, ham sống, thích chiến đấu. Chỉ có những tình cảm lớn mới làm cho người ta xông lên chiến đấu. Tôi không rõ cái "chất nuôi sống tâm hồn" của Hoàng Cầm là gì. Nhưng tin chắc không phải là những chất danh từ theo cái kiểu "bể xanh, bồ câu trắng, gió chiến thắng, mây hoà bình...".

*

Hoàng Cầm nói:

"*Theo ý tôi, giá trị thơ không phải ở chỗ đầy đủ, mạch lạc về một vấn đề chính trị*".

Tôi đồng ý với Hoàng Cầm ở một phía nào đó. Nhưng theo tôi thì khác đi một chút nữa: Tư tưởng chính trị mà còn ở trạng thái lý trí thì chưa phải là thơ. Nó phải tiến lên trình độ được tình cảm hoá thật sự, nghĩa là nó biến thành những tình cảm lớn thì mới có thể thành thơ được. Ở đây tôi thấy Hoàng Cầm chưa chú ý tới một chỗ này: Hãy nắm chắc lấy sự cân bằng giữa cảm tính và lý tính để có được cái khách

quan sáng suốt mà bắt lấy những chất gì là "rung động", là "tình cảm", là "tư tưởng tính" ở trong thơ, để phân biệt được với những cái gì là "lý trí", là "khô khan", là "công thức giả tạo", thì việc phê bình mới sát đúng được.

Cần phải nhận rõ rằng: Không phải là ai cũng làm được cái kiểu thơ to rộng như vậy. Phải có một tâm hồn rắn chắc, một tư tưởng vững vàng đi đôi với một lòng yêu nước, yêu nhân dân và căm thù giặc cao độ mới có thể đủ cảm xúc sản xuất được những áng thơ như thế. Còn nếu không thì nó sẽ dễ trở nên buồn cười, thơ chẳng ra thơ, lý luận cũng chẳng ra lý luận. Cho nên phê bình một bài thơ không nên đặt vấn đề: Nó không phải là thơ vì rằng nó đầy đủ mạch lạc về một vấn đề chính trị, mà chỉ nên đặt vấn đề là: Nó có tình cảm không? Nó có truyền cảm được không? Nó có thúc đẩy người ta xông lên chiến đấu không? Nghĩa là nó có phải là thơ hiện thực không? Thế thôi. Vì đặt vấn đề như Hoàng Cầm sẽ có cái nguy hiểm là do thành kiến trước mà nhận xét bài thơ sai với giá trị thực của nó đi.

*

Hoàng Cầm nói:

"*Thơ phải đi vào từng góc cạnh của tâm hồn lớp người đang xây dựng thời đại mới*".

Tôi vẫn thấy Hoàng Cầm rất trừu tượng. Sáng tác thì có thể trừu tượng, nhưng phê bình phân tích một giá trị văn học, theo tôi, trừu tượng là một thiếu sót lớn. Đồng ý với Hoàng Cầm là thơ đi vào góc cạnh của tâm hồn. Nhưng mà "lớp người đang xây dựng thời đại mới" là thế nào? Họ xây dựng bằng cái gì? Nếu không phải là họ xây dựng bằng cái trình độ giác ngộ của họ? Tóm lại đó là cái phần tư tưởng của họ,

những tình cảm lớn của họ. **Một bài thơ tuyệt tác nào của thời chúng ta mà lại không phải chứa đựng một vấn đề chính trị quan trọng? Có điều cách diễn đạt một vấn đề chính trị ở trong một bài thơ nó khác với cách diễn đạt một vấn đề chính trị ở trong một bài xã thuyết lý luận.**(*) Nghĩa là đừng để cho một bài thơ thành những câu có vần và khô khan, mà phải diễn đạt thành những tình cảm lớn của con người mới. Nó phải thành thơ.

Hoàng Cầm nói:

"*Lập trường chính trị trong thơ tức là nói đúng được sự sống và xây dựng được tâm hồn của một người đang sống trong một thời đại cách mạng*".

Tôi thấy Hoàng Cầm nhắc nhiều về chữ "tâm hồn" quá. Nhưng tâm hồn là cái gì? Xây dựng tâm hồn là thế nào? Tôi e rằng Hoàng Cầm quan niệm cái kiểu "tâm hồn" ở trong thơ với cái ý nghĩa duy tâm trừu tượng của nó.

Theo tôi, nói đến lập trường thì phải nói đến tư tưởng. **Trong địa hạt thơ ca phương pháp duy nhất để nâng cao tư tưởng chính là phương pháp cấu tạo những tình cảm lớn.**(**) Và chỉ khi nào có được những tình cảm lớn ở trong người thì "tâm hồn" ta mới lâng lâng cao rộng, đẹp đẽ vô ngần. Nghĩa là tâm hồn ta mới được "xây dựng" như Hoàng Cầm đã nói.

*

Trong việc phê bình thơ Tố Hữu gần đây, nẩy ra cái khuynh hướng "suy diễn".

Người ta suy diễn mạnh nhất là cái buồn ở trong thơ Tố Hữu. Rồi rất nhiều danh từ đã được đặt ra: buồn buồn, tủi tủi,

---

(*) Ở bản gốc đoạn này báo in chữ nét đậm.

(**) Ở bản gốc đoạn này báo in chữ nét đậm.

hiu hắt, cô đơn, lạnh lẽo, ngùi ngùi, rơi rớt, xót xa... Thực ra trong thơ Tố Hữu cũng có cái buồn, cái cô đơn. Nhưng nó không đến nỗi trầm trọng một cách "suy diễn" như thế. Thậm chí có bạn, như Lê Đạt, suy diễn bốn câu thơ Tố Hữu tả Hồ Chủ tịch (*Văn nghệ* 68):

Nhớ ông cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo.

Rồi nói là: "Một ông già tiên phong đạo cốt, nhàn tản đi g. ı một cảnh thần tiên, thong dong một cách rất Lão Trang... Tác giả do cái thích thú chủ quan của mình đẩy lùi hình ảnh lãnh tụ vào quá khứ".

Mấy câu thơ trên đây hỏi có lột tả sự thực? Mắt Hồ Chủ tịch có sáng ngời không? Những ngày kháng chiến ở Việt Bắc, người có mặc áo nâu đeo túi vải không? Trông Người có đẹp tươi không? Có những buổi sáng tinh sương Người có đi công tác? Và tác phong cố hữu của Người có phải là ung dung bình tĩnh không? Và đồng bào Việt Bắc có mến yêu cái vẻ đẹp giản dị của Người không? Ai có thể bảo là không được? Vậy thì những điểm trên đây là một hiện tượng khách quan, Tố Hữu đã lột tả được rất nên thơ.

Ở đây ta cũng cần nhớ rằng Tố Hữu đã tả Hồ Chủ tịch nhiều màu vẻ chứ không phải là một màu một vẻ này.

Vậy mà phê bình là "phong kiến quá", "rất Lão Trang", "đẩy lùi hình ảnh lãnh tụ vào quá khứ" thì quả là một kiểu suy diễn quá đáng, chụp mũ.

Sự "suy diễn" còn tiến tới mức là cố tìm một vài chữ trong một bài nào đó (chỉ một vài chữ thôi) như "mưa lun phun", "gió heo heo", "rét" để chứng minh là tình cảm của Tố

Hữu cô đơn, buồn tủi. Thậm chí người ta tìm những câu tôn sùng lãnh tụ rồi suy diễn là thơ Tố Hữu tả "lãnh tụ xa rời quần chúng", cái kiểu "lãnh tụ phong kiến".

Nhưng cái tôn sùng của chúng ta đi đôi với sự thân mật, giản dị, gần gũi, mến yêu của lãnh tụ. Nó có chút gì là giống với sự thần thánh, như những tên đại phong kiến Tần Thuỷ Hoàng, hay phát xít Hít-le?

Theo tôi cái kiểu suy diễn thơ như thế cũng nguy hiểm không kém cái lối nhại thơ khi mà người ta không ưa một tác giả nào đó.

Một điểm quan trọng nữa mà tôi cũng cần nhấn mạnh là có những anh em như Hoàng Cầm, Lê Đạt đã rơi vào cái quan niệm "nghệ thuật chủ nghĩa". Các bạn đó giải thích thơ ca một cách mới nghe thì là lý luận rất cao siêu, nhưng thực ra thì rất trừu tượng. Đó là phương pháp đem những danh từ "xây dựng tâm hồn, nuôi sống tâm hồn, điệu tâm hồn..." để định nghĩa thơ ca. Các bạn đó vô tình hay cố ý đã tách rời hẳn hoặc coi nhẹ nhiệm vụ căn bản của thơ ca là phục vụ cho một nội dung chính trị cấp thiết nào đó. Như Lê Đạt đã viết trong bài "*Giai cấp tính trong thơ Tố Hữu*" (*Văn nghệ* số 68): "*Thơ Tố Hữu đứng về một phương diện nào mà nói, là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị... Thơ Tố Hữu nhiều chỗ là bài học chính sách tốt. Nhưng là những bài học về chính sách tốt không phải đã là hiện thực, đã công nông. Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là cái điệu tâm hồn của tác giả*".

Tóm lại phê bình thơ Tố Hữu và định nghĩa thơ như cái kiểu trên đây chỉ làm cho độc giả, nhất là độc giả công nông, hoang mang thêm thôi. Người ta cảm thấy rằng thơ ca là cái gì ghê gớm quá, cao siêu quá, không thể dùng nó để phục vụ

cho công tác chính trị của mình được. Rốt cuộc rồi người ta sợ không dám làm thơ, mà chỉ ngồi "xem" làm thơ thôi.

Tôi cho rằng chính cái quan điểm của các bạn đó là hết sức phi hiện thực, phi công nông. Đó là do cái quan niệm tôn sùng kỹ thuật, cái quan điểm kỹ thuật của đường lối văn nghệ cũ, chứ không phải cái quan điểm kỹ thuật của đường lối văn nghệ mới. Nó coi nhẹ phần tư tưởng tính của thơ ca, coi nhẹ cái ý thức phục vụ nhiệm vụ công tác trước khi cầm bút viết.

Chúng ta thường nhắc đi nhắc lại trơn như cháo chảy nào là vấn đề giai cấp tính, nào là vấn đề phục vụ công nông. Nhưng nếu không đem cái ý thức tư tưởng chính trị, cái ý thức đối với công tác, đối với chính sách, đối với nhiệm vụ trước mắt, nghĩa là cái ý thức của một người làm chính trị để diễn đạt thành thơ, thành nghệ thuật, để góp phần vào việc nâng cao tư tưởng và tình cảm của quần chúng, để thiết thực phục vụ công nông, thì nói phục vụ công nông chỉ là nói suông. Người ta thường nói thơ ca phải phục vụ cách mạng. Vậy mà không tuyên truyền cho đường lối chính sách cách mạng, không phục vụ cho công tác chính trị, thì nói phục vụ cách mạng cũng chỉ là nói trên giấy tờ, nói mép.

Việc đó Tố Hữu đã cố gắng làm. Có chỗ anh đã thành công, cũng có chỗ anh chưa đạt. Đấy là điểm ta cần đi sâu, phân tích kỹ. Nhưng theo tôi, trước hết phải hoan nghênh cái đường lối đúng của anh đã. Phê bình với thái độ "coi rẻ" cái đường lối ấy, cho rằng chưa phải là thơ, thơ phải là: những cái gì "nuôi dưỡng tâm hồn", "điệu tâm hồn" kia. Tôi cho rằng cái tư tưởng nghệ thuật ấy, ngay từ xuất phát điểm đã phi công nông, phi hiện thực rồi.

ĐÔNG HOÀI

Văn nghệ, s. 70 (1.5.1955)

VÀI Ý KIẾN VỀ PHÊ BÌNH VĂN NGHỆ

L.T.S. - Cho tới nay, trong cuộc thảo luận về tập thơ Việt Bắc *mỗi người chúng ta mới chỉ nhằm vào một khía cạnh nào đó mà phát biểu ý kiến. Nhưng muốn đánh giá một tác phẩm thì phải nhìn mọi mặt. Đoạn trích đăng dưới đây rút trong báo cáo của* ***Chu Dương*** *đọc lại Đại hội lần thứ II các người công tác văn nghệ Trung Hoa (1953) sẽ soi sáng thêm vấn đề này.*

Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng một ít lý luận phê bình văn nghệ để chuẩn bị cho việc sơ kết cuộc thảo luận về tập thơ Việt Bắc.(*)

*

Phê bình văn nghệ là một phương pháp chủ yếu nhất của sự thúc đẩy và chỉ đạo sáng tác văn nghệ. Sau khi phê phán phim ảnh *Truyện Vũ Huấn*, chúng ta đã tiến hành những cuộc phê bình gắt gao đối với những hiện tượng trong sáng tác văn nghệ có khuynh hướng về tư tưởng giai cấp tư sản, giai cấp tiểu tư sản, cho đến về sáng tác văn nghệ làm bừa bãi không chịu trách nhiệm; đó là sự tất yếu trăm phần trăm, nếu không có sự phê bình ấy, văn học nghệ thuật chúng ta có thể đứng dừng lại hay là đi lạc đường. Vài ba năm nay, công tác phê

(*) Đây là lời toà soạn báo *Văn nghệ*.

bình văn nghệ chúng ta quả là có thành hiệu. Hiện nay trong một số người công tác văn nghệ có cái ý sợ phê bình, ghét phê bình, cái tình ý ấy không thể coi là lành mạnh được.

Nhưng trong công tác phê bình của chúng ta, có những điều chếch lệch thì cần phải sửa chữa. Điều đáng chỉ ra trước hết, là cái thái độ phê bình. Có những nhà phê bình thường thường không phân biệt thứ tác phẩm mà cái khuynh hướng là phản nhân dân, với thứ tác phẩm có khuyết điểm thậm chí có sai lầm mà cái khuynh hướng là tiến bộ; không phân biệt thứ tác giả có ý xuyên tạc sự sống với thứ tác giả kém năng lực nhận thức hoặc kém kỹ thuật biểu hiện mà thành ra miêu tả sự sống không chân thực; rồi trong khi phê bình lấy cùng một thái độ chỉ trích hay công kích.

Bất kỳ khuyết điểm, sai lầm nào cũng phải phê bình; có điều, *miễn nói là tác phẩm không phản nhân dân, thì trước hết phải nhìn nhận chỗ đúng của nó, rồi sau mới phê bình chỗ khuyết điểm và sai lầm, lại còn phải tích cực chỉ vạch đường lối sửa chữa.*(*) Nhà phê bình đối với tác giả thiếu cái thái độ nâng giấc phải có đối với đồng chí, không lấy sự phê bình ngay thẳng và khuyến miễn sốt sắng không lấy sự yêu cầu tha thiết ở tác giả và sự săn sóc về vận mạng sáng tác của họ mà kết hợp với nhau một cách chính xác. Nói chung, phê bình cứ là chỉ trích nhiều mà giúp đỡ ít. Thứ đến là cái phương pháp phê bình. Có những nhà phê bình, khi phê bình một tác phẩm, thường thường không xuất phát từ thực tế mà xuất phát từ công thức giáo điều. Họ hay chỉ trích một cách võ đoán hàm hồ một tác phẩm rằng miêu tả thế này không đúng, nhưng rốt cuộc miêu tả thế nào cho đúng thì ít khi vẽ ra. Nhà phê bình lắm khi lại thiếu tri thức cơ bản sự sống và lý giải sâu sắc hơn

(*) Báo *Văn nghệ* in chữ nghiêng nhấn mạnh đoạn văn này.

tác giả, đồng thời cũng kém năng lực phân tích nghệ thuật cụ thể đối với tác phẩm.

Một số bài phê bình cộc cằn ngang ngược phát biểu trên báo chí với những ý kiến chếch lệch của một số độc giả do những bài phê bình ấy xúi giục bốc lên, lại thêm phương diện lãnh đạo giới văn nghệ đối với sự nghiệp sáng tác văn học nghệ thuật thiếu săn sóc, giúp sức và nâng đỡ, điều đó làm cho ít nhiều tác giả cảm thấy bị đè nén và buồn bực về tinh thần. Cái tâm tình ấy của họ cần phải kiếm cách chuyển biến đi. Sự phê bình của chúng ta phải có giúp cho sáng tạo tính và tích cực tính của tác giả, nghệ thuật gia, phải phát huy cái sức ngầm của sáng tác nghệ thuật, mà không thể làm trái lại. Đồng thời, tác giả chúng ta cũng phải có dũng khí và độ lượng chịu phê bình và chịu cả lời phê bình không đúng, lại phải tích cực, chủ động, lấy tư cách tác giả tham gia vào hoạt động phê bình. Phê bình văn nghệ của chúng ta, cũng như sáng tác còn là trẻ bé; cả hai đều cần có sự nâng đỡ và cần vun quén với nhau.(*)

CHU DƯƠNG

Văn nghệ, s. 70 (1.5.1955)

(*) Không thấy báo in tên dịch giả. Theo tôi (NST)đoạn này trích từ toàn văn báo cáo của Chu Dương nhan đề "Phấn đấu để sáng tạo những tác phẩm văn học nghệ thuật càng nhiều hơn càng hay hơn", bản dịch của Phan Khôi, đăng tạp chí "Văn nghệ" số 2(48) tháng 2/1954 (NST).

VÀI Ý KIẾN VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

L.T.S. Tạp chí Liên Xô "Người Cộng Sản" *(1954) có đăng bài* "Lịch sử văn học và việc phê bình văn học", *chúng tôi trích đăng những đoạn có thể soi sáng và giúp ích cho việc phê bình của chúng ta hiện nay.*(*)

*

Không nhân nhượng những khuyết điểm, có thể thật là khó tính nữa, vì biết rõ rằng văn học của chúng ta (Liên Xô) vẫn chưa thoả mãn được những nhu cầu nghệ thuật càng ngày càng cao của nhân dân; điều đó hoàn toàn khác xa với cái thói càu nhàu tiểu tư sản và cái thói theo thời thượng của bọn nghệ thuật thuần tuý. Đảng vẫn phê bình nghiêm khắc những khuyết điểm của văn học, nhưng Đảng không bao giờ tha thứ cho việc dè bỉu tất cả văn học, và Đảng đã luôn luôn chống lại tất cả mọi mưu đồ phủ nhận những thành tích của văn học theo cái lối hư vô chủ nghĩa. Chính đứng trên lập trường Đảng đó mà Goóc-ki nhận xét tình hình văn học chúng ta; Góc-ky trả lời một cách căm phẫn với những người phê bình *họ vì mù quáng về tri thức và thiếu sự giáo dục về tâm hồn*

(*) Đây là lời toà soạn báo *Văn nghệ*.

nên nhiều khi không thể hiểu rằng nền văn học hiện đại của chúng ta là một hiện tượng kỳ diệu biết bao và cần phải yêu mến và nâng niu nó như thế nào...

Một số người phê bình giới thiệu thiếu tinh thần trách nhiệm đối với những quyển sách có cố gắng tìm tòi trong những vấn đề lý luận phức tạp, nên đôi khi làm cản trở việc mạnh dạn đánh giá những biểu hiện của nền văn học hiện đại và mạnh dạn tranh luận về những vấn đề quan trọng và nóng hổi. Đáng lẽ phải nghiên cứu quyển sách mới một cách nghiêm chỉnh và nhân hậu, phải bênh vực tất cả những cái gì bổ ích và quý giá, phải phê bình một cách có căn cứ và xác đáng những sai lầm của tác giả thì trái lại, một số người phê bình cho là mình đã làm xong nhiệm vụ khi khen một cách qua loa sự mạnh dạn và cố gắng của tác giả, rồi sau đó là tập trung vào tìm kiếm những sai lầm có thực hay tưởng tượng, tìm những chỗ vụng về, để tiến tới phủ nhận hoàn toàn tác phẩm trên cơ sở ấy.

Phê bình chỉ ích khi nó cụ thể, xác đáng và xuất phát từ lập trường đúng. Sự dè bỉu hoàn toàn một tác phẩm không có lợi một chút gì cho tác giả cũng như cho độc giả. Cái giọng của sự phê bình cũng quan trọng, không những đối với các công trình nghiên cứu mà còn đối với những tác phẩm văn học. Nhưng khốn nỗi, đến nay người ta vẫn còn thấy những bài tán tụng rỗng tuếch thay thế cho những bài phê bình phân tích đứng đắn. Một mặt khác thì còn có những bài phê bình như "đánh đòn" đầy một giọng khinh bỉ trịch thượng đối với các tác giả và đầy một chủ định quyết không nhìn thấy một cái gì hay trong những tác phẩm mà họ phê bình...

Hai cách "phê bình" đó, không xuất phát từ nội dung của vấn đề mà chỉ chú ý đến những cái không có dính dáng gì với

mục tiêu của văn học. Cái thói quen tiểu tư sản hay càu nhàu và cái chủ nghĩa hoài nghi rẻ tiền theo "mốt", cũng như những lời nịnh hót hèn hạ và vô nguyên tắc, là trái với tinh thần và truyền thống của nền phê bình Xô-viết. Nền phê bình Xô-viết luôn luôn nghiêm khắc đối với những xu hướng tư tưởng sai lạc nhưng lại đầy lòng chăm chút và bè bạn đối với những tác giả đứng trên một lập trường tư tưởng đúng, mặc dầu họ có ít nhiều sai lầm.

Ngay sau Đại hội các nhà văn Liên Xô lần thứ nhất, Goóc-ki đã yêu cầu Hội các nhà văn Xô-viết chú ý đến cái giọng phê bình.

Goóc-ki viết: "Phê bình phải dạy cho người ta viết giản dị, rõ ràng, và tin tưởng. Nếu nhà văn được phê bình không phải là một kẻ thù rõ mặt hay ẩn hình của giai cấp vô sản, mà chỉ là viết kém, không chính xác, làm méo sự thật, không biết phân biệt cái chính và cái phụ thì ta cần phải bình tĩnh và nghiêm chỉnh giải thích cho họ biết cái gì không đúng, tại sao kém, chỗ nào méo mó...

Làm giảm sút và huỷ hoại giá trị con người, cái đó không phải là nhiệm vụ của sự phê bình, đó là công khai bộc lộ một tính chất tiểu tư sản là coi người ta như một hạng người thấp kém hơn kẻ phê bình, đó là biểu lộ sự chán chê, sự biếng nhát, sự bất lực khi đọc sách, hay sự bực tức thấy chính thân mình là kẻ bất tài".(*)

Văn nghệ, s. 71 (10.5.1955)

(*) Không thấy báo in tên dịch giả.

ĐẶC TÍNH SÁNG TẠO TRONG TẬP THƠ TỐ HỮU

NGUYỄN VIẾT LÃM

Nghiên cứu đặc tính sáng tạo của Tố Hữu trong tập thơ *Việt Bắc* là nói đến vấn đề xây dựng điển hình hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cuộc sống phong phú của chúng ta hiện nay cung cấp cho những người sáng tác văn nghệ nhiều đề tài sinh động, nhiều nhân vật khác nhau trong mọi khía cạnh tình cảm, tư tưởng, tác phong. Khi diễn tả những nhân vật ấy, sự thành công chỉ có thể đạt được khi nào tác giả thấy rõ toàn diện đề tài. Do đó nhu cầu sáng tác đòi hỏi một sự hoà cảm chân thành với nhân vật và một sự trung thành tuyệt đối trong lúc giải quyết sự việc trong tác phẩm. Sự trung thành ấy đối với nghệ sĩ, cũng như đối với tác phẩm, cần thiết như không khí cần cho sự sống (Egorov: *Chống chủ nghĩa chủ quan trong lý luận nghệ thuật*). Đọc tập thơ *Việt Bắc* rất nhiều dịp

chúng ta thấy Tố Hữu đã thận trọng và trung thành trong việc sáng tạo điển hình.

Trước nhất, cần xem con người điển hình phải như thế nào, chúng ta có nên đòi hỏi trong tác phẩm một nhân vật chính diện toàn bích không? Trong thời đại còn có đấu tranh giai cấp, nhân vật, dù là chính diện, vẫn còn nhiều mâu thuẫn trong bản thân. Chính phẩm chất cao nhất của nhân vật lý tưởng là sự tranh chấp cao độ giữa các mâu thuẫn nội tại của bản thân. Cho nên nhân vật điển hình chính diện vẫn còn có những nhược điểm riêng của nó. Chúng ta cũng cần phân biệt nhân vật điển hình trong hiện thực xã hội chủ nghĩa với nhân vật đặc biệt. Nếu xây dựng một nhân vật tuyệt đối không có mâu thuẫn gì, không có nhược điểm gì, nhân vật ấy sẽ tách rời thực tế cuộc sống, sẽ không làm tròn được nhiệm vụ giáo dục, lãnh đạo tư tưởng vả tình cảm cho quần chúng. Vả lại, một nhân vật như thế trong thời đại hiện tại, nhất định không thể nào có được.

Con người trong tập thơ *Việt Bắc* luôn có sự đấu tranh diễn biến, sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa cái đi xuống và cái đi lên.

Chị phụ nữ Bắc Giang phải đấu tranh với cảnh nhà neo bấn, con bế con bồng, với gian khổ mùa đông Việt Bắc để làm công tác.

Anh bộ đội yêu mến của chúng ta, không phải chỉ biết căm thù giết giặc, mà còn có lúc nhớ nhà, nhớ mẹ (bài *Cá nước, Bầm ơi*) đã đấu tranh với những phút thoáng buồn ấy để đứng lên chiến đấu.

Bà Bủ thương nhớ con bồn chồn, nhưng đã đấu tranh, biến tình thương nhớ ấy thành căm thù quân địch.

Trong tập thơ *Việt Bắc* Tố Hữu đã trình bày những con

người chân thực biết căm thù và thương nhớ. Nhân tính rất được tôn trọng. Tác giả không gò ép bắt buộc tất cả đều phải theo một nền nếp tuyệt đối nhất trí mà xoá bỏ cá tính của từng người. Mâu thuẫn tình cảm và tư tưởng luôn luôn được cọ xát và thử thách. Cuộc đấu tranh ấy quả thực diễn ra trong xã hội, trong mỗi một chúng ta. Và cuộc đấu tranh, trong mọi trường hợp của tập thơ, cuối cùng đều thắng lợi.

Có bạn đòi hỏi người phụ nữ phá đường phải tự giác hơn, bà mẹ phải dũng cảm hơn, anh bộ đội phải quyết liệt hơn. Tôi e rằng không thể đúng với thực tế của thời đại có sự việc, dù là một thực tế đang lên, không đúng với mức độ lãnh đạo chung và cũng không đúng đường lối quần chúng trong công tác lãnh đạo cách mạng.

Con người được nói lên trong những bài thơ làm từ những năm 1947, 1948, 1949 thực tế lúc bấy giờ chưa phải là những con người phổ biến nhưng vì tác giả đã thấy trước được bước tiến triển của sự vật, nên đã báo hiệu một thế hệ đang thành hình trong trong những năm sau. Đó là kết quả đấu tranh thắng lợi giữa hai chiều hướng của tư tưởng, tình cảm của thời đại.

Có bạn không đồng ý với những giọt nước mắt của bà mẹ trong tập thơ *Việt Bắc*, cho là đã yếu mềm, giảm sút khí thế của một dân tộc đang chiến đấu. Nhưng chính những lúc tấm lòng của các bà mẹ xót xa ấy là những lúc thử thách của tình cảm con người. Tố Hữu đã không bỏ qua những trường hợp đấu tranh đó và đã có khả năng làm cho chúng ta thông cảm với mọi nỗi đau thương của dân tộc để tăng thêm chí căm thù, đồng thời làm cho chúng ta phấn khởi khi những con người đau khổ ấy đã bước lên sáng chói thắng lợi.

Con người điển hình trong thơ Tố Hữu đầy đủ nhân tính,

gần gũi với chúng ta, con người xương thịt, thực tế có sống và đang tiến mạnh. Đó là một đặc điểm sáng tạo của Tố Hữu.

Một điểm nữa đáng chú ý trong thơ Tố Hữu là sự thắm thiết của tình cảm, văn nghệ là tiếng nói của tình cảm, trong thơ, tình cảm lại càng đọng hơn. Nhưng dân tộc ta đi từ một thời đại bị áp bức mà ra, sự đấu tranh gian khổ, luôn luôn tập trung cảnh giác đối với quân thù, đã làm cho cân não chúng ta căng thẳng. Trong giai đoạn đầu của cách mạng, thường thường thì yếu tố lý trí chiếm ưu thế trong cuộc sống đấu tranh. Tác phẩm văn nghệ phản ánh cuộc sống, trong giai đoạn này, do đó mà ít được thấy rõ vai trò của tình cảm. Tình trạng ấy đã có từ 1945 đến 1950, trong sáng tác hầu như vắng hẳn tình cảm thiên nhiên và tình cảm con người. Không phải tình cảm đã chết héo trong lòng nhân dân qua những ngày gian khổ. Nhưng vì văn nghệ sĩ chưa đi sâu vào quần chúng, chưa hoà cảm sâu sắc với cơ sở nhân dân, đã tách rời lãnh đạo và quần chúng trong sáng tác, nên tác phẩm trở nên khô khan, như cành lá xa rời gốc rễ. Vượt ra ngoài hệ thống khắc khổ ấy, Tố Hữu là người đầu tiên mạnh bạo đề cao tình cảm trong thơ. Thơ Tố Hữu có đặc tính là đậm tình và tha thiết.

Làm được như thế, không phải chỉ vì Tố Hữu bản chất là đậm tình, nhưng Tố Hữu đã kết hợp được cá tính của riêng mình và tập thể tính của quần chúng. Cảm giác đầu tiên của người đọc sau khi đọc xong một bài thơ Tố Hữu là sự rung cảm thấm thía. Ngôn ngữ trong thơ nhẹ nhàng, ý nhị như ca dao. Tiếng nói của nhà thơ ở đây thấm vào lòng người, tha thiết lắng sâu vào tâm khảm, như tiếng nói của mẹ hiền. Và mẹ hiền dạy con thì thường lại có hiệu quả hơn một người cha luôn luôn quát tháo.

Thời đại mới muôn màu muôn sắc. Các nhà thơ có trách

nhiệm diễn tả thời đại theo những đặc tính sáng tạo của riêng mình. Những đặc tính ấy chẳng những không hại gì cho đường lối chung mà còn làm phong phú thêm tập thể tính. Tác phẩm nào không đáp lại nhu cầu của quần chúng, không hoà hợp được với tính chất nhân dân, nhất định không tồn tại được. Về phương diện này, tập thơ *Việt Bắc* đã có nhiều thành công lớn: Nó có một đặc tính sáng tạo và vẫn mang tính chất nhân dân khá sâu sắc.

NGUYỄN VIẾT LÃM

Độc lập, s.98 (7.5.1955)

BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN

Lê Đạt đề cập đến vấn đề giai cấp tính trong thơ Tố Hữu nhưng thực ra Lê Đạt chưa thật nắm vững thế nào là giai cấp tính thể hiện trong thơ.

Tôi thấy chúng ta cần phải xác nhận lại với nhau về cái "tôi". Hoàng Yến, Hoàng Cầm và Lê Đạt đều có đề cập đến cái "tôi". Nhưng thế nào mới là cái tôi đúng, cái "tôi" khách quan, cái "tôi" thực sự của giai cấp, của quần chúng. Cái "tôi" đó phải dựa theo một lập trường, quan điểm thống nhất trên cơ sở vững chắc của chủ nghĩa hiện thực, thật sự khách quan để phê bình. Lê Đạt định nghĩa cái tôi thì đúng, nhưng lúc phê bình thì không sử dụng đúng, đã để cái tôi "cũ" (chủ quan) lồng vào khá nhiều.

"Một tác phẩm được quần chúng hoan nghênh nhất định là có một giá trị nào". Đồng ý với Lê Đạt và tôi muốn nêu lên điều này trong thơ Tố Hữu thành một vấn đề để chúng ta cùng nghiên cứu, vì nói như Lê Đạt... "nhưng hoan nghênh như thế không có nghĩa là đã hiện thực, đã tiêu biểu cái mới". Như thế là phủ nhận trình độ của quần chúng đối với văn

nghệ (tất nhiên tôi nói đến quần chúng cách mạng). Quần chúng biết yêu thích những bài thơ hay mà còn biết phê phán phân tích nữa. Quần chúng còn dạy cho những người làm công tác văn nghệ giá trị của một bài thơ hay nữa, vì nhận xét của quần chúng là xuất phát từ thực tế, từ tình cảm chân thành, từ nguyện vọng sát thực của họ. Nói như vậy không phải không có sự hướng dẫn của người cán bộ văn nghệ sau khi, với lý luận của Đảng đã tổng hợp vấn đề để trả lại, hướng dẫn cho quần chúng. Và nói như vậy không có nghĩa là một tác phẩm được quần chúng hoan nghênh là hoàn hảo không có khuyết điểm.

Người làm thơ phải nói lên tình cảm, nguyện vọng của quần chúng thì người cán bộ hướng dẫn, phân tích cái hay, dở của một tác phẩm văn nghệ cũng phải tổng hợp được ý kiến, nhiệt tình, dư luận tốt, xấu của quần chúng đối với tác phẩm đó. Không nên lồng cái "tôi" chủ quan trong khi tổng hợp mà gán cho đó là của quần chúng. Quần chúng thưởng thức thơ không phải như người thầy bói xem voi.

Quần chúng muốn thơ phải nói lên tình yêu thắm thiết đối với xứ sở, đất nước, đối với nhân dân lao động, với lãnh tụ, với quân đội nhân dân và quần chúng đòi hỏi thơ phải nói lên lòng căm giận của họ đối với quân thù. Quần chúng biết yêu và biết ghét. Thơ phải nói đến nguyện vọng của họ, phải nói đến tương lai của Tổ quốc. Quần chúng còn đòi hỏi những câu thơ trong sáng, giản dị, để ghi, để nhớ.

Nhiều người hoan nghênh thơ Tố Hữu, có nhiều nhiệt tình đối với thơ Tố Hữu, chính vì Tố Hữu đã nói lên được những điều đó. Quần chúng biết rung động khi đọc thơ Tố Hữu nhưng không phải là rung động mù quáng, cũng không phải quần chúng chỉ biết cái hay mà không biết đến khuyết

điểm của thơ Tố Hữu. Quần chúng thích thơ Tố Hữu không phải "thơ Tố Hữu chỉ mới nói được một phần nào quần chúng ở hình thức". Quần chúng ngày nay dưới sự giáo dục của Đảng đã biết đánh giá một tác phẩm đúng mức. Lê Đạt luẩn quẩn giữa quần chúng và thơ Tố Hữu. Lê Đạt công nhận bằng một con mắt ở trên nhìn xuống: "Thơ Tố Hữu nhiều người thuộc thật đấy, dễ hiểu thật đấy..." hay: "Việc tập thơ còn được một số đông trong quần chúng hoan nghênh đủ là bảo đảm cho giá trị của nó trong giai đoạn hiện tại", rồi một mặt khác Lê Đạt lại cho rằng thơ Tố Hữu vẫn xa quần chúng. Chúng ta không thần thánh hoá quần chúng, nhưng chúng ta phải thống nhất với nhau rằng: thơ dễ thuộc, thơ dễ hiểu đối với quần chúng không phải là thơ không có quần chúng tính. Quần chúng thuộc thơ không phải để tiêu khiển mà vì thơ Tố Hữu thấm vào lòng họ, nói lên được tình cảm, ý nguyện của họ.

Quần chúng hoan nghênh thơ Tố Hữu không phải không biết nhận định, không phải là không có căn cứ.

Tôi thấy rằng Lê Đạt cần xem lại cái "tôi" của mình, cần đi sâu vào quần chúng hơn nữa để tìm ra cái "tôi" mới, cái "tôi" của quần chúng, có như thế mới đứng trên một lập trường thống nhất với quần chúng để phê bình thơ và mới sử dụng đúng nghĩa cái "giai cấp tính" khó nhận xét(*) thơ Tố Hữu.

Càng đi vào đoạn sau Lê Đạt càng sa vào sai lầm lớn. Lê Đạt nói: "Thơ Tố Hữu đứng về một phương diện nào mà nói, là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị. Tố Hữu hơn một số anh em làm thơ ở chỗ giải thích chính sách bằng thơ có rung cảm mặc dầu rung cảm còn

(*) "Khó nhận xét": ý hơi khó hiểu, phải chăng là "khi nhận xét"; phải chăng bản gốc chỗ này có lỗi in sai? (NST).

vương vất tàn tích tiểu tư sản. Thơ Tố Hữu nhiều chỗ là những bài học chính sách tốt. Nhưng là những bài học tốt không phải là đã hiện thực, đã công nông. Ý tốt, ý đúng không phải là toàn bộ vấn đề nội dung của Thơ. Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là vấn đề điệu tâm hồn của tác giả. Tôi thấy mức giá trị của điệu tâm hồn tác giả toả ra trong tập thơ là mức tiểu tư sản cách mạng".

Tôi không hiểu Lê Đạt định nói "điệu tâm hồn" trong thơ là gì? Nó có tách rời nội dung và ý của thơ không? Điệu tâm hồn đó có thoát khỏi giai cấp tính không? Nó có phục vụ cho tình cảm lành mạnh, cho công tác cách mạng không? Nếu là một bài thơ làm cho quần chúng yêu thích và thi hành đúng chính sách có phải là một bài thơ không có điệu tâm hồn không? Chính sách là đường lối, chủ trương, là hành động của Đảng, của giai cấp. Văn nghệ chúng ta phục vụ cho quần chúng chẳng phải đi đúng đường lối đó sao? Lê Đạt công nhận thơ Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ cho công tác chính trị. Đúng, chính bởi vì thơ Tố Hữu mang đúng tính chất giai cấp cách mạng mới phục vụ được.

Lê Đạt muốn hạ thấp tác dụng thơ của Tố Hữu nhưng vô tình Lê Đạt đã tách công tác chính trị với lập trường giai cấp, chưa rõ thế nào là một bài thơ "có ích", đã hiểu sai ý nghĩa của thơ giáo dục chính sách.

Nếu điệu tâm hồn tác giả toả ra trong tập thơ là mức tiểu tư sản cách mạng thì không thế nào phục vụ được công tác chính trị hay là làm được bài học chính sách tốt như Lê Đạt đã nhận xét một cách rất mâu thuẫn.

Lê Đạt còn nói: "Nhiều và không nhiều. Nếu bạn chỉ đòi hỏi tập thơ xem được, một tập thơ của một người yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất và so sánh với một vài tập

thơ khác để đánh giá thì quả là có nhiều, nhưng nếu các bạn muốn đòi hỏi hơn ở thơ Tố Hữu một nhà thơ hoạt động cách mạng và bạn tin là còn có nhiều khả năng đóng góp hơn nữa, nếu các bạn muốn đứng vững trên lập trường hiện thực xây dựng một nền thơ Việt Nam chân chính thì chẳng có gì là nhiều cả". Ở đây tôi không muốn nói nhiều đến sai lầm nghiêm trọng của Lê Đạt quan niệm về thơ "của một người yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất" và thơ của Tố Hữu vì như trên tôi đã nói Lê Đạt thực ra đã nắm vững "giai cấp tính" để phê bình thơ đâu, tôi muốn nói chính Lê Đạt đã đòi hỏi quá nhiều ở Tố Hữu, mà đòi hỏi như vậy là chủ quan.

Văn nghệ ta đang trưởng thành và có nhiều hứa hẹn. Thơ Tố Hữu cũng vậy. Ở thơ Tố Hữu tất nhiên còn nhiều khuyết điểm. Cũng không có ai có thể dám quả quyết là thơ Tố Hữu có đầy đủ giai cấp tính và hoàn toàn hiện thực. Vì nói như vậy cũng là chủ quan. Thơ Tố Hữu không thể thoát ra ngoài độ trưởng thành chung của thơ ca Việt Nam. Nhưng trong giai đoạn hiện tại mà nói: thơ Tố Hữu xứng đáng dẫn đầu thơ ca cách mạng Việt Nam.

5-55

LÊ BÁ SUÝ

(*Quân đội*)

*

Thơ Tố Hữu có nhiều đoạn rất hay, rất mạnh. Bốn câu thơ:

Trời không của chúng hay(*)

Đạn ta rào lưới sắt

(*) Có lẽ báo in sai: câu đầu đoạn trích này "*Trời không của chúng bay*" mới đúng.

Đất không của chúng bay
Đai thép ta thắt chặt

mạnh như ngàn cân sắt đập vào đầu quân thù. Thơ tả phấn khởi, căm uất của Tố Hữu có nhiều hiệu năng. Tình cảm trong thơ Tố Hữu lớn rộng. Tố Hữu vạch hướng lên cho quần chúng trong các giai đoạn của cách mạng. Tính chất hiện thực của thơ Tố Hữu nhiều chỗ biến vào tình cảm, thành tin tưởng. Nhưng cũng còn nhiều khuyết và nhược điểm cần khắc phục ngay. Tố Hữu còn nhiều đoạn thơ chịu ảnh hưởng một kỹ thuật cũ. Đôi chỗ tình cảm, và phương pháp suy nghĩ, tìm tứ phảng phất như của những thi sĩ cũ.

Bộ đội chúng tôi rất yêu Tố Hữu. Những năm còn đánh nhau, có những đồng chí thuộc bài thơ *Bầm ơi* đã nói: - "Nếu anh Tố Hữu đến thăm đơn vị ta, chúng mình sẽ đánh một trận thật thắng để đón anh". Tập *Việt Bắc* cũng có những bài, những câu làm chúng tôi thoả mãn. Chúng tôi chờ ở Tố Hữu những bài thơ khác nữa, có phát động giảm tô, cải cách ruộng đất, có hình ảnh Bác, Đảng, quân đội, chính quyền, dân công, v.v... với cái hoàn cảnh điển hình hơn. Thơ Tố Hữu hiện thực cách mạng, sẽ còn hay hơn với sự trưởng thành của cách mạng.

NGÔ LINH NGỌC
(*Khu hàng Giấy*)[1]

*

Khi phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta không thể không chú ý bối cảnh lịch sử tác phẩm đó. Về phần này,

(*) Theo phân cấp hành chính đô thị thời đó, *khu* tương đương với *quận* ngày nay, *tiểu khu* tương đương với *phường* ngày nay (NST)

chúng tôi chưa thấy được rõ ràng trong các bài phê bình tập thơ *Việt Bắc*. Thường thường chúng tôi chỉ gặp những danh từ chung chung nói lên thời đại ta vĩ đại, sức sống của dân tộc cuồn cuộn. Chúng ta không thể chỉ lấy bối cảnh lịch sử chung của cả thời đại để căn cứ vào đó đánh giá tập thơ *Việt Bắc*. Tập thơ này gồm nhiều bài, mỗi bài ra đời ở một giai đoạn khác nhau trong cuộc đấu tranh của dân tộc ta. Có bài làm ra năm 1947, có bài được sáng tác năm 1951, mỗi bài đó chẳng những có bối cảnh lịch sử chung của thời đại, mà còn mang dấu vết riêng của hoàn cảnh trong từng giai đoạn nhỏ một cuộc kháng chiến. Tác giả tập thơ *Việt Bắc* đâu có phải là thánh, cho nên không thể vượt ra khỏi khung cảnh của từng giai đoạn nhỏ đó, không thể tách rời khỏi bước tiến của quần chúng nhân dân, không thể tách rời khỏi hàng ngũ những văn nghệ sĩ của ta ngày nay trong từng giai đoạn đó. Vì vậy, chúng ta đem nhận thức, quan điểm của ta ngày hôm nay để phê phán một bài thơ năm 1947, như bài *Cá nước*, hoặc một bài năm 1948, như bài *Phá đường*, mà không đặt nó vào hoàn cảnh lịch sử của giai đoạn bấy giờ thì thật là một thiếu sót lớn. Nếu chúng ta "đánh bằng" cả hơn hai chục bài thơ trong tập *Việt Bắc*, không để ý đến ý nghĩa giai đoạn của mỗi bài thì e rằng không đánh giá được đúng toàn bộ tập thơ đó. Anh Hoàng Yến có nhận định rằng thơ của Tố Hữu từ sau cách mạng tháng Tám bé nhỏ so với thời đại, Tố Hữu không phải là "ngọn cờ thơ ca" Việt Nam ngày nay. Nhưng thế nào là bé nhỏ? Nếu chúng ta đem tập thơ đó so với cả nhiệm vụ vĩ đại của cuộc cách mạng trong một giai đoạn lâu dài thì chúng ta đã đặt cho nhà thơ một yêu cầu quá cao, không thực tế. Trái lại, đặt mỗi bài thơ vào một giai đoạn nhất định của nó thì mới có thể nói rằng nó to lớn, hay nhỏ bé như thế nào được. Và nếu trong từng giai đoạn ngắn và nhất định đó, Tố Hữu lúc

nào cũng đi tiên phong cả thì tại sao Tố Hữu không thể là ngọn cờ dẫn đầu trong thi ca chúng ta?

ĐỨC MINH

(*Trường Sư phạm Trung ương*)

*

...Nhưng có phải tập thơ *Việt Bắc* buồn lạnh, thiếu tình cảm chiến đấu, thiếu ý thức giai cấp không và sau những thiếu sót trên ta sẽ kết luận về giá trị tập thơ như thế nào?

Trong một thời đại chiến đấu mà thơ không có tính chất chiến đấu là không hiện thực. Nhưng chiến đấu với cái tình cảm bừng bừng, sôi sục chỉ là một mặt của chiến đấu. Còn cái chiến đấu kín đáo mà to tát hơn. Đấy là cái chiến đấu bền bỉ về mặt tư tưởng và tình cảm giữa cái mới và cái cũ phức tạp trong con người. Tình cảm bừng bừng sôi sục chỉ là một khía cạnh trong cái tình cảm chung về chiến đấu và có thể nói nó là biểu hiện cái tình cảm kín đáo khi được đưa lên chín mùi do một điều kiện nào đó về chủ quan và khách quan.

Tình cảm trong tập thơ *Việt Bắc* về mọi mặt là một tình cảm hăng hái chứa đựng và thấm thiết.

Nó có thiếu một khía cạnh chiến đấu sôi sục, nó không nêu được nổi rõ lên cái tình cảm giai cấp. Nhưng ta không thể do đấy mà kết luận hoàn toàn là tập thơ thiếu tính chất chiến đấu hay tính chất giai cấp.

Ta thấy thường ở một bài thơ hay một tập thơ có nhiều bài dù hay đến đâu, cái tình cảm chứa đựng trong mỗi câu, mỗi tiếng không thể luôn luôn cân xứng. Nó vẫn có chỗ tình cảm lép đi một ít, hoặc hơn thế nữa có đôi chỗ trống rỗng. Nhưng tác phẩm thành công hay không là do cái nào nhiều

nhất, cái nào nổi lên trong toàn bộ tác phẩm? Những khuyết điểm có trầm trọng làm hỏng nội dung đi không?

Văn hoá Việt Nam thoát thân từ xã hội phong kiến, thuộc địa có nền kinh tế lạc hậu. Văn hoá Việt Nam nói chung và văn nghệ Việt Nam nói riêng muốn đi đúng đường lối hiện thực, đã phải chiến đấu và còn phải chiến đấu nhiều với cái cũ để đè bẹp nó. Thơ là kết tinh của tình cảm. Tình cảm là phản ảnh sinh hoạt của xã hội nên tình cảm nhà thơ cũng rất phức tạp. Chúng ta đang học tập sáng tác theo đường lối hiện thực. Ngay về mặt quan niệm hiện thực chúng ta cũng đang phải học tập nhiều. Tập thơ *Việt Bắc* có những khuyết điểm của nó không làm cho ta thoả mãn trong việc chọn một tác phẩm thật đầy đủ. Nhưng nhìn toàn tập thơ với một số bài đã tương đối thành công và xét với các tác phẩm chúng ta đang có, tập thơ *Việt Bắc* vẫn rõ rệt là một tác phẩm lớn đối với chúng ta. Với tập thơ ấy, Tố Hữu trước sau vẫn là nhà thơ nói được nhiều nhất và chân thành những nét tình cảm lớn trong các tình cảm lớn của thời đại.

LÊ BẠCH SƠN
(*Miền Nam*)

Văn nghệ, s. 71 (10.5.1955)

THƯ BẠN ĐỌC[1]

Báo *Văn nghệ*, số 69, bài nói Mai-a-kốp-ski, sau khi giới thiệu ngắn về thơ Mai-a-kốp-ski, có viết một câu như sau: "*Ở Việt Nam, bao giờ chúng ta mới có những bài thơ thay thế cho những bài xã luận, những bài thơ trực tiếp giải quyết những vấn đề gay go của thực tế? Bao giờ mới có những bài thơ thoát khỏi những rung cảm tủn mủn của những con người tầm thường nhắm nháp cuộc đời như nhắm rượu?*"

Câu nói đó quá khinh miệt thơ ca Việt Nam, không những rẻ rúng tất cả những thơ ca của các nhà thơ cách mạng và nhà cách mạng làm thơ, từ khi có giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng nghĩa là từ 1930 đến giờ và các nhà thơ ái quốc trước đó; câu nói đó lại miệt thị nền thơ dân tộc của ta, quẳng đi một cách khinh miệt truyền thống thơ ca hiện thực Việt Nam, xuất phát từ ca dao tiến tới những trăm, nghìn bài thơ không những của các nhà cách mạng, mà còn của những nhà thơ khác, của bao nhiêu bộ đội, dân công, công nhân, nông dân trong cuộc trường kỳ kháng chiến. Chúng ta ngưỡng mộ,

(*) Bức thư này đăng cùng trang với bài *Bạn đọc góp ý* trên đây, nhưng báo *Văn nghệ* cho in tách ra như một bài riêng(NST).

thán phục những tài năng lỗi lạc của thế giới, như Mai-a-kốp-ski, chúng ta không những cần học tập hàng ngày văn học của Liên bang Xô Viết, lấy những kinh nghiệm quý báu của người anh cả làm kinh nghiệm lãnh đạo ta sáng tác, mà còn phải học tập hàng ngày những văn hào vĩ đại của thế giới, những văn hào tiến bộ. **Nhưng càng ngưỡng mộ, khâm phục bao nhiêu, chúng ta càng cần phải trân trọng nâng niu những cái gì thực là Việt Nam, càng cần phải bảo vệ những hạt ngọc, dù là nhỏ bé, dù là có vết, nhưng rất quý báu của tổ tiên, cha anh ta để lại, và của chúng ta hiện nay.**(*) Nếu không, thì ai là người làm hộ chúng ta việc đó. Chúng ta chưa sưu tầm vốn cũ được đầy đủ là một chuyện khác, chúng ta hiện nay còn nhiều khuyết điểm là một chuyện khác. Nhưng chủ nghĩa hiện thực xã hội, mà đại diện chính của nó ở Việt Nam hiện nay, theo ý tôi, là thơ ca, chủ nghĩa hiện thực đó không phải chờ đến khi Lê Đạt nói một câu thật là miệt thị như trên, mới xuất hiện. Ngay từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, tức là cách đây 25 năm, đã có những bài thơ đi sát với nhiệm vụ chính trị, nêu cao lòng yêu nước, chí căm thù, có phải toàn là "những rung cảm tủn mủn của những con người tầm thường nhắm nháp cuộc đời như nhắm rượu" cả đâu.

Trong cuộc kháng chiến, thơ văn cách mạng, tuy rằng tiến bộ chậm, nhưng đã nảy nở và lớn mạnh từ trước tới nay chưa hề có.(*) Chỉ có một đầu óc khinh thị cao đến tột bực mới không nhìn thấy những cái đó. Chủ nghĩa hiện thực xã hội chỉ cần điều kiện cần thiết trước tiên là trong xã hội có một giai cấp công nhân có ý thức về nhiệm vụ lịch sử của mình lãnh đạo cách mạng, như thế là nó đã xuất hiện rồi. Trải qua 25 năm trời chiến đấu, giai cấp công nhân càng ngày càng lớn mạnh và

(*) Ở bản gốc, các đoạn này được in chữ nét đậm.

được tín nhiệm. Đó là điều kiện cho thơ ca cách mạng nảy nở, mà nó đã nảy nở rồi. Sao lại có thể quan niệm rằng trước một tình hình lịch sử như thế, thơ ca của ta, nghĩa là tư tưởng, tình cảm của ta kết tinh lại, toàn là "tủn mủn, nhắm nháp cuộc đời" cả.

Quan niệm trên đây của Lê Đạt, tuy làm ta phẫn nộ nhưng cũng rất dễ hiểu. Xưa kia đã có những người chỉ biết ca tụng văn hoá ngoại quốc, còn những cái của mình, chưa in được, hay in trên giấy lèm nhèm thì quẳng đi, cho là thiếu văn minh. Ngày nay, trong hàng ngũ những người công tác văn nghệ, hoặc những người có đọc sách, cũng còn có một số tuy là rất ít, chỉ khư khư ôm lấy một số quyển sách của các nước bạn ta, còn tất cả những cái gì của ta sáng tác thì sẵn sàng bĩu môi chê cái đã. Cũng cần phải nhắc lại một chân lý ai cũng hiểu: tất cả những cái gì là nhân văn, là hiện thực, được coi là tài sản chung của nhân loại, cũng là những cái gì bám chắc lấy mảnh đất của quê hương, noi theo một cách trung thành và sáng suốt truyền thống của dân tộc.

Những kẻ khinh miệt dễ dàng những vốn liếng đã có hay đang có của dân tộc, phủ nhận những cố gắng và tiến bộ rõ rệt của thơ ca cách mạng Việt Nam, những kẻ ấy không phải là biết tôn trọng văn học tiến bộ của thế giới, không phải là biết học tập văn nghệ Liên Xô, mà họ chỉ đại diện cho một xu hướng khinh thị dân tộc "đội lốt" hiện thực xã hội chủ nghĩa mà thôi. Chính vì nó đội lốt như thế nên lại càng nguy hiểm, làm cho nhiều người hiểu nhầm, hay lạc hướng.

VŨ ĐỨC PHÚC

Văn nghệ, s. 71 (10.5.1955)

NHỮNG NHƯỢC ĐIỂM CỦA TẬP THƠ *VIỆT BẮC*

NGUYỄN VIẾT LÃM

Bên cạnh những ưu điểm lớn của tập thơ *Việt Bắc* chúng tôi đã trình bày trong hai bài trước, tập thơ còn mắc phải một số nhược điểm đã làm giảm bớt tác dụng của nó.

Bài *Bao giờ hết giặc* đã giới thiệu cho chúng ta một bà mẹ chưa đúng với nét điển hình dũng cảm của các bà mẹ Việt Nam khác đang chiến đấu. Trong lúc bài *Bầm ơi* cho chúng ta cảm động với tình mẹ con của bà mẹ chiến sĩ và người lính, một thứ tình cảm mới xây dựng trong gian khổ và hy sinh, đẩy chúng ta đi lên, thì bà mẹ trong bài *Bao giờ hết giặc* chỉ thấy đau thương và buồn nản. Toàn bài không hề có câu nào đỡ khí thơ cho vượng dậy, một không khí cô quạnh hắt hiu bao trùm, trong ấy bà bủ ngậm ngùi than khóc. Cố nhiên là nỗi nhớ thương của bà mẹ thật là vô cùng, nhưng ở đây, Tố Hữu đã thủ

tiêu mất sự đấu tranh trong lòng nhân vật, đó là điểm khác nhau giữa con người cũ và con người mới. Đáng lẽ phải chuyển nỗi xót xa kia thành căm thù và tin tưởng, phải thấy bên cạnh sự khổ cực của đứa con bộ đội, có cả nguồn vui của tập thể, Tố Hữu chỉ cho ta thấy những nét tiêu cực, đơn chiếc của bà Bủ mà thôi.

Tính chất buồn, ngậm ngùi ấy còn rơi rớt ở những nơi khác của tập thơ. Bài *Việt Bắc* đã có những câu khêu gợi nỗi " sầu xứ" héo hon của cảnh chia biệt. Việt Bắc quê hương cách mạng của chúng ta đôi lúc đã trở nên một cô gái tương tư:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng măng mai để già

chỉ ngồi nghiền ngẫm nỗi nhớ thương da diết trong lòng, không còn muốn đấu tranh gì nữa. Xét trên toàn bộ bài thơ *Việt Bắc* chúng ta tìm được rất nhiều ưu điểm, nổi nhất là mối tình thắm thiết đối với căn cứ địa, nhưng tác giả đôi lúc đã dễ dãi với cảm tính của mình, nên đã đưa vào bài thơ, ở những vị trí quan trọng đầu tiên của bố cục, "*những mây cùng mù... hắt hiu lau xám... áo chàm đưa buổi phân ly...*".

Những nét buồn tiểu tư sản ấy đã làm giảm bớt rất nhiều chiến đấu tính của tập thơ.

Trong một số bài khác, tác giả còn rơi vào chủ nghĩa tự nhiên. Tuy "*thành phố trụi*" sau cùng vẫn có sáng lên một thắng lợi tương lai, tuy chí căm thù đã thâm nhập được vào những vật vô tri vô giác, nhưng "thành phố trụi" ấy không phải chỉ còn gạch tàn vôi rụng, sấu, gạo, di lăng, mà thực tế sự sống vẫn tiềm tàng trong lòng cảnh tiêu thổ, càng lắng xuống càng sâu sắc dũng cảm hơn. Bài thơ thiếu sinh khí, không có một tiếng nói, một hơi người, cảnh sao mà chết lặng đến thế!

Chất sống thực tế trong thơ còn ít, nên Tố Hữu đã dựng lên những hình ảnh thiếu khía cạnh sắc bén, sự vật trong tập thơ đi giữa một không khí hiền hoà, đôi khi trừu tượng. Ưu điểm về phương diện tổng hợp của tập thơ tuy rất rõ, nhưng khi đi sâu vào chi tiết của tình cảm và hành động, tác giả không đáp lại được sự mong mỏi của quần chúng. Do đó, tập thơ *Việt Bắc* chưa tránh khỏi rải rác những điểm công thức và khái niệm. Tác giả cũng chỉ mới giới thiệu lên những nét đại cương của tình cảm, của những con người thời đại, nhưng chưa nói lên được những băn khoăn, những nguyện vọng cụ thể, những khó khăn hàng ngày trong cuộc sống của quần chúng hiện nay.

Nhãn quan của thi sĩ qua cuộc đời chưa đi vào nhiều mặt. Đọc thơ Tố Hữu, chúng ta thấy nhiều về cái đẹp, cái vĩ đại của dân tộc ta, thấy được sự thắm thiết của tình yêu quê hương, yêu lãnh tụ, nhưng tập thơ chưa chĩa thẳng mũi nhọn vào quân thù. Tố Hữu nặng ca ngợi ta, nhẹ đả kích địch, tính chất chiến đấu do đó mà bị giảm sút.

Một thiếu sót lớn nữa của tập thơ *Việt Bắc* về nội dung đề tài là chưa nói đến nhiệm vụ phản phong. Sự quan trọng của cuộc cách mạng long trời lở đất này chưa được nhắc đến. Chủ trương phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất đã được Đảng và Chính phủ đề ra hơn hai năm nay, Tố Hữu chưa có bài nào nói đến, tuy tập *Việt Bắc* có những bài viết trong thời gian gần đây. Nhà thơ của chúng ta thận trọng, vì chưa trực tiếp đi vào phát động quần chúng mà chưa viết chăng?

Về kỹ thuật, Tố Hữu đã có nhiều cố gắng dùng những tiết điệu dân tộc, những hình thức gần gũi với quần chúng để thơ dễ phổ cập. Nhưng thỉnh thoảng, trong tập thơ, vẫn ngân lên những nhịp điệu cũ. Thơ Tố Hữu không đều bước, cả hình

thức lẫn nội dung. Đọc thơ Tố Hữu chúng ta thấy ánh sáng tiến bộ chiếu sáng một khoảng đường dài, nhưng lại xen vào những khoảng nhỏ mờ tối của chất thơ cũ. Nhất là những bài viết gần đây (*Lại về* trong tập thơ *Việt Bắc*, bài *Quê mẹ* ở ngoài tập...) đã làm cho người đọc ít nhiều lo âu cho bước tiến triển của thơ Tố Hữu. Khi đọc:

Lòng ta như nước Hương Giang ấy

Chúng ta không khỏi nhớ những câu:

Lòng ta như nước Trường Giang ấy
Sớm tối theo chàng đến Phúc Châu...

đượm màu Đường, Tống quá thời.

Hiện tượng không đều ấy trong thơ Tố Hữu đã biểu hiện một cuộc đấu tranh gay gắt trong người tác giả. Chúng ta tin rằng cuộc đấu tranh cuối cùng sẽ thắng lợi.

*

Chúng tôi đã trình bày những nét lớn về ưu điểm và nhược điểm của tập thơ *Việt Bắc*. Còn cần phải đi sâu hơn nữa vào thơ Tố Hữu, đồng thời kết hợp học tập thêm lý luận và công tác thực tế, chúng tôi mới có thể định dứt khoát giá trị của tập thơ. Nhưng một sự thực đầu tiên thấy rõ là thơ của Tố Hữu đã có một tác dụng lớn trong quần chúng vì đã nói lên được nỗi lòng của quần chúng. Đặt tập thơ đúng vào bối cảnh lịch sử của nó chúng ta chắc sẽ đồng ý rằng tác phẩm của Tố Hữu đã một phần đáp ứng được yêu cầu của thời đại. Thơ ca Việt Nam có một hiện tượng lớn phát sinh từ năm 1930 đến nay, từ lúc giai cấp công nhân tự đảm đương lấy trách nhiệm lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, đó là chủ nghĩa hiện thực, đó là ánh sáng của tư tưởng công nhân.

Tố Hữu là người đầu tiên đi theo con đường hiện thực trong thơ, cho đến tập thơ *Việt Bắc*, Tố Hữu vẫn là nhà thơ dẫn đầu phong trào, tuy còn mắc phải một số nhược điểm, tập thơ *Việt Bắc* vẫn là một tác phẩm lớn, góp phần nhất định vào việc giáo dục và động viên quần chúng.

Nghiên cứu thơ Tố Hữu chúng ta càng thấy vững lòng tin tưởng ở đường lối văn nghệ kháng chiến và cách mạng, đường lối duy nhất đúng để xây dựng những tác phẩm vĩ đại, thể hiện được con người mới và cuộc sống mới sinh động, phục vụ quần chúng đấu tranh.

NGUYỄN VIẾT LÃM

Độc lập, s.99 (14.5.1955)

VÀI CẢM TƯỞNG CỦA MỘT ĐỘC GIẢ THÔNG THƯỜNG

TRẦN ĐỘ

Tôi muốn phản ảnh một vài ý kiến thiết thực của một độc giả thông thường, đó là một cán bộ xuất thân là học sinh vào ở bộ đội từ Hà Nội... biên giới cho đến Điện Biên, đã qua nhiều nơi ở Việt Bắc. Chắc chắn độc giả này không đại diện được tất cả nhưng cũng đại diện được một phần nào.

Trong tập thơ *Việt Bắc*, trừ những bài dịch, có hai loại bài. Một loại bài nói về từng người hay việc cụ thể, nhỏ bé (như *Cá nước... Lượm*). Và một loại bài nói về những vấn đề lớn.

Tôi đọc thấy có những bài thích lắm và có những bài không thích, hoặc chán nữa. Những bài thích như: *Cá nước, Phá đường, Bà mẹ Việt Bắc, Lượm, Sáng tháng Năm, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Ta đi tới, Việt Bắc*. Tôi không có lý

luận văn nghệ, tôi thích vì những lẽ sau đây:

1) Thi sĩ đã nói hộ tôi những tình cảm sâu kín, tôi cũng mang máng có mà không biết nói ra thế nào cho được. Khi thấy anh bộ đội (tuy tôi cũng là bộ đội) hiền lành mà gian khổ anh dũng, tôi cũng chỉ biết thì thầm "Anh Vệ quốc quân ơi! sao mà yêu anh thế". Tôi cũng thấy "má anh vàng nghệ" là đáng yêu thật chứ chả có gì là tồi tàn xấu xí cả.

- Lại như đối với *Việt Bắc*, có người bảo tình cảm lê thê đi xuống, hiu hắt, là tôi không chịu. Tôi thấy hay lắm. Sống ở Việt Bắc mấy năm kháng chiến, qua gốc đa lần nào gặp P´c, dự Hội nghị, đi hành quân đêm, ngủ nhà sàn, ăn sắn nướng, v.v... Tôi thấy âu yếm thấm thía lắm. Khi xa Việt Bắc quả thấy một nỗi nhớ kiểu nhớ quê hương sâu và thấm lắm. Nhớ nó man mác, nó buồn, nghĩ đến những làng bản, có cô gái đan nón, có em bé hái măng, có trám bùi, v.v... mà thực tế sau này ít có dịp gặp lại. Nhưng chỉ biết hẹn thầm bao giờ các cụ về Thủ đô chơi, hy vọng sau này giao thông thuận lợi mọi nơi đều sầm uất.

Những câu:

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

có người chê là buồn. Không, tôi đọc đến đấy tôi thấy nhớ lại những cảnh chặt trám, hái măng vui vẻ, của bộ đội và cơ quan. Nay không còn nữa trám rụng, măng già, một nét rất ý vị sâu sắc. Sự thực còn buồn hơn nhiều: có thể là: "Đường đi để rậm, xóm thôn cọp về", tôi đã gặp lại mấy đồng chí ở chợ Chu kể thế. "Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son" thì có gì là buồn. Những làng bản lẻ tẻ dưới chân núi, trông cô đơn

thật, nhưng vào đến nhà, lửa lúc nào cũng đỏ bếp, nước chè ngon sẵn sàng nghi ngút, điếu cầy kêu vang. Không buồn gì đâu, đằm thắm và ấm cúng lắm. Tôi cho rằng buồn là tuỳ người. Đọc bài thơ *Việt Bắc*, từng lời từng điệu cứ như thấm vào người, nhưng nó chỉ làm cho tôi yêu đất nước tươi đẹp thêm, yêu những người dân Việt Bắc hồn hậu thêm, tin tưởng vào tương lai, kiêu hãnh với kháng chiến, với lòng yêu nước của nhân dân thêm. Tôi chả thấy buồn thiu đi, hay buồn đi xuống gì cả. Tôi cho là bài *Việt Bắc* hay lắm. Tôi không tin rằng tôi là tiểu tư sản mà thích lệch. Các bài khác như bài *Điện Biên, Ta đi tới*, cũng thế. Có người bảo nó "chính trị", không phải, đánh ở Điện Biên Phủ, chúng tôi nghĩ tới Bác Hồ, nghĩ tới anh Đồng, nghĩ đến Hội nghị Giơ-ne-vơ ghê lắm. Thắng xong, muốn nhảy lên, muốn kêu lên nói ngay cho Bác biết, cho anh Đồng biết. Có một anh dân công về nói chuyện với người làng còn bịa ra: "Đánh xong một cái, tôi thấy anh chỉ huy Đại đoàn gọi ngay ra-đi-ô sang Giơ-ne-vơ cho Phó Thủ tướng".

Vậy thì đó là tình cảm của quần chúng trong thời đại mới không phải là chuyện chính trị khô khan. Tôi cũng rất thích bài đó vì nó nói hộ cái vui mừng phấn khởi của tất cả chúng tôi, v.v...

2) Những bài thơ đó đều ghi lại một hình ảnh sâu sắc của mỗi thời kỳ đấu tranh của ta.

Ví dụ bài *Phá đường*, tôi nhớ mới đầu kháng chiến có ai đeo ba-lô đi lại nhiều ở đèo Khế, Cao Vân, Quảng Nạp thì mới thấy "rét Thái Nguyên, rét về Yên Thế, gió qua rừng đèo Khế gió sang..." là thấm thía. Ai bảo đó là hình ảnh khổ sở? Không, đó là nghị lực đấu tranh, đó là sự thử thách, và đó cũng là những kỷ niệm sâu sắc. Bài thơ này hay, nhưng chưa

hay lắm vì tình cảm nó chưa đầy đủ, nói chưa hết, chưa sâu, và kết luận hơi yếu!

Lại như bài *Lượm*, biết bao nhiêu là Lượm đã hy sinh như thế. Có những Lượm đã hy sinh ngay ở đồn giặc nữa. Có những Lượm hiện tại đã là cán bộ Đại đội, Tiểu đoàn, đều xuất thân từ liên lạc như thế, đều như con chim chích nhảy trên đường vàng. Bài thơ đó đã ca tụng một lớp thiếu niên trong trẻo anh hùng của đất nước một cách tài tình.

Bài *Voi* tả rất đúng tâm trạng chúng tôi khi mới có vài khẩu pháo nhỏ, khênh ỳ à ỳ ạch; đúng là "con đường Vệ quốc". Chúng tôi cũng thấy những câu ấy đọc một lần là nhớ ngay và nó cứ ngân vang mãi, lắm lúc tưởng như mình cũng làm câu thơ như thế.

Bài *Ta đi tới* cũng hay lắm, nó đúng vào lúc ta đang làm đường rộng thênh thang. Sau khi đình chiến chúng tôi hành quân ban ngày, thấy các chị đi chợ, các em đi học, thuyền buồm căng trên sông, trời có mây bay, v.v... Sau bao nhiêu năm chỉ sống kiểu "con vạc", những ngày tháng 8-54 thật là rộn ràng ý nghĩa, muốn ghi lại... Nhưng nhà thơ Tố Hữu đã ghi hộ.

Hiện thực là gì? Chất sống là gì? Nghệ thuật quần chúng là thế nào? Tôi chưa phân tích được! *Nhưng tôi thấy thơ Tố Hữu (với những bài tôi kể trên) đã nói hộ những tình cảm của quần chúng, kích thích được những yêu, ghét, nhớ nhung, phấn khởi của quần chúng đúng lúc và sâu sắc.*(*) Tôi không tán thành một vài đồng chí phê bình cứ nêu lên tình cảm, sức sống của thời đại phải mạnh mẽ, quyết liệt, hừng hực, băng băng rồi bảo thơ Tố Hữu buồn, hoặc nêu lên sự sống phải thế này phải thế nọ rồi bảo thơ Tố Hữu chưa sống, hình ảnh trong thơ Tố Hữu còn bàng bạc, v.v... Tôi cho rằng những nhà phê

bình đó không chú trọng đến quần chúng, khinh quần chúng và chưa gần quần chúng, chưa hiểu quần chúng bằng thơ Tố Hữu đã hiểu, chính cái "sự sống" cái tình cảm "thời đại" mà các đồng chí ấy nêu lên lại trừu tượng, xa vời lắm lắm.

*

Có những bài thơ của Tố Hữu, tôi không thích vì nói không trúng ý, chủ đề nhạt nhẽo và diễn tả ra gượng gạo. Nhất là bài *Bắn* và bài *Lại về*. Bài *Bắn* tả tình cảm chả ra của anh pháo thủ, mà cũng chả ra là người xem pháo thủ bắn, chả ra của cấp chỉ huy, hay của chiến sĩ. Bài *Lại về* gượng gạo quá. Tôi đọc những bài thơ ấy không thấy rung động.

Về cái buồn tiểu tư sản trong thơ Tố Hữu tôi cũng cảm có, nhưng không phải là có một cách hệ thống và trầm trọng. – Nó chỉ ở một vài bài, một số câu:

Vườn hồng ngớt gió mưa qua
Cờ bay đỏ nắng mái nhà vàng sao.
.....
Biết bao sung sướng tủi hờn
Trông nhau mà tưởng như hồn còn mơ

Nhưng tả bộ đội: "*Bộ nó rõ oai - Vai thì đeo súng - Ngực chéo hai quai – Áo thì thắt bụng – Đầu nó đội mũ – Có cái sao vàng...*"
thì không có chút nào tiểu tư sản cả, mạnh mẽ gọn gàng, đáng yêu, rõ ra hình ảnh một chiến sĩ thân yêu của nhân dân. Hay nói đến Hồ Chủ tịch mà

Ta bên Người Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút

thì từ cán bộ cao cấp đến chiến sĩ, đến người dân thường đều

thấy thế thật: phấn khởi, tin tưởng, thêm nghị lực đấu tranh nhiều lắm.

Về chủ đề. Có người cho thơ Tố Hữu *rộng quá*. Tôi cho là không phải. Thơ của Mai-a-kốp-ski còn rộng hơn nhiều nữa kia. Nhưng cố nhiên Tố Hữu còn kém Mai-a-kốp-ski. Có người bảo Tố Hữu chính đi sâu vào từng khía cạnh của tâm tình. Đòi hỏi Tố Hữu một cách theo ý mình thì không được. Lúc nào nhà thơ đi sâu vào thì nhà thơ đã đi sâu (*Người mẹ Việt Bắc, Lượm*). Còn với điều kiện sống của nhà thơ hiện tại thì *Ta đi tới, Việt Bắc* là sâu sắc và đi vào khía cạnh rồi còn gì?

*

Trên đây là tôi thành thực phát biểu cảm tưởng, ý kiến của một độc giả thông thường đối với thơ Tố Hữu. Và cũng nhân danh độc giả đó đề nghị các nhà phê bình: bớt lý luận dài dòng, phân tích chủ quan, trừu tượng, đôi lúc bộc lộ ý xấu, mà nên thiết thực hơn, chỉ chỗ hay, vạch chỗ dở một cách rõ ràng có nghiên cứu, vô tư cho chúng tôi học với, không nên đem một lô danh từ, vấn đề ra mà không giải quyết được gì cụ thể cả. Xin hiểu cho trình độ và nguyện vọng của những độc giả thông thường. Xin đừng phủ nhận tất cả thẩm mỹ của quần chúng độc giả thông thường đó và đừng bắt các độc giả thông thường đó phải là thi sĩ để thưởng thức thơ.

5-1955

TRẦN ĐỘ

Văn nghệ, s. 72 (21.5.1955)

BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

Tôi được biết và đã được đọc thơ Tố Hữu từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Qua mấy năm trường hoạt động trong hậu địch, sau những lần luồn giặc, đánh giặc chống càn quét khi trở về cơ sở, cán bộ, chiến sĩ và cơ sở gặp nhau bù khú, dí dủm trên ổ rơm là không quên ngâm thơ Tố Hữu, dù là anh lõm bõm năm ba câu, tôi thuộc vài ba đoạn.

Những đêm hành quân qua vùng tạm chiếm, ngồi nấp sau luống khoai chờ đợi vượt đường giây, tuy không được ngâm dù là se sẽ nhưng cũng ngâm trong tư tưởng một đôi câu thơ Tố Hữu thấy truyền cảm thu thú, nhè nhẹ nhưng mạnh mẽ và tin tưởng. Đôi khi chui dưới hầm bí mật từ sáng sớm rồi chả biết trời đã tối chưa, những lúc chờ đợi mong mỏi thời gian trôi nhanh ấy, tôi nhớ rành mạch từng câu:

Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quăng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang

Rồi lại nhớ luôn sang mấy câu thấm thía nhất trong mối tình anh em ruột thịt:

Xác ai nằm ngổn ngang
Bãi tuyết lặng quanh làng
Phố đổ nhà hoang vắng
Mẹ của em đấy ư?
Cái đầu lâu rũ tóc
Máu chảy dài thân cọc...

(*Em bé Triều Tiên*)

Những đoạn trên đồng chí Hoàng Cầm viết: "Không căm thù chỉ thấy ghê rợn". Kêu như vậy ta thấy Hoàng Cầm nặng về chỉ trích, nhẹ phê bình và nếu có phê bình như vậy là thiếu đắn đo, không hiện thực. Mà sự thật hình ảnh trên, Tố Hữu đã truyền cho cán bộ, cho chiến sĩ, nhất là anh em địch hậu đầy chất sống căm thù. Mối tình quốc tế thắm thiết, Tố Hữu nhìn đất nước Triều Tiên xa xôi nhưng gần gũi ruột thịt cũng chung một kẻ thù đế quốc không đội trời chung.

Qua vùng tạm chiếm, qua những cuộc càn quét lớn nhỏ của địch anh em đã được chứng kiến rất nhiều cảnh đau thương tương tự, do đó anh em càng thông cảm khi đọc thơ Tố Hữu. Tố Hữu với anh em là một.

Nói lên những hình ảnh hiếp tróc dã man tàn phá của đế quốc mà bảo "buồn, lạnh lẽo đến ghê rợn, không căm thù, chỉ thấy ghê rợn..." (Hoàng Cầm) thì thật là khó hiểu. Tôi không rõ viết như thế nào mới khơi được chí căm thù của Hoàng Cầm? Bắn vào giữa mục tiêu chưa chắc Hoàng Cầm đã cho là trúng đích.

Chắc Hoàng Cầm đã nghe nhiều bài hát căm thù hoặc đã dự nhiều buổi tố khổ của đơn vị trong chỉnh quân hay trước trận đánh quyết liệt. Anh em chiến sĩ đã rành rọt, nghẹn ngào, uất hận nói lên tất cả những cảnh đau khổ, chết chóc của thân

thế, gia đình mình dưới thời đế quốc phong kiến... Nước mắt hoà nước mắt, mồ hôi quyện mồ hôi thấm vào từng viên đạn... bao nắm tay kiên quyết: thù này phải trả cho xong. Theo Hoàng Cầm, sau những buổi tố khổ đó chỉ có "buồn" rồi tay chống đầu lòng súng... bâng khuâng, chỉ thấy "ghê rợn, không căm thù..." tất nhiên là đi đến hoang mang, cầu an, hưởng lạc... Nhưng trái lại, sau những buổi tố khổ, những người nông dân mặc áo lính đó càng tăng thêm căm thù, trút căm thù đó vào viên đạn qua lòng súng mở đột phá khẩu, phá lô cốt, truy kích tiêu diệt hoàn toàn địch mới thôi.

Trong cuộc chỉnh quân ở Việt Bắc (1953) học tập tài liệu phóng tay phát động quần chúng, tôi đã đi tìm chép thơ Tố Hữu ở những đồng chí LK4, LK5... Say mê, thấm thía và bằng lòng là được chép lại đầy đủ bài thơ "*Hai đứa bé*". Ai đã được đọc bài này đều thấy rõ giá trị và tác dụng của nó.

Rồi hoà bình lập lại, khi về Hà Nội được đọc tập thơ *Việt Bắc*, tôi muốn đọc mãi, có khi phạm vào nội quy thời khắc biểu vì không phải nó buồn mênh mang như Hoàng Cầm buồn, không phải nó không hiện thực hay thiếu chất sống như Hoàng Cầm kêu, cũng không phải nó lạnh lẽo đến nỗi Hoàng Cầm phải ghê rợn. Chính là vì nó cách mạng do nhà thơ cách mạng lâu năm làm. Chính là vì nó đã xuất phát từ trong quần chúng mà ra rồi lại trở về với quần chúng. Nó đã bồi dưỡng giáo dục cho quần chúng vững lòng tin tưởng, kiên quyết đấu tranh vượt mọi khó khăn gian khổ để xứng đáng "làm dân Cụ Hồ". Chính là vì nó sống, nó gần gũi, nó thực tế và nó đã nói lên tuy rằng chưa được tất cả sức đấu tranh không ngừng của toàn dân trong kháng chiến cũng như trong hoà bình. Chính vì vậy mà nhà thơ Tố Hữu đã đạt được yêu cầu trước kia và hiện nay: quần chúng thích ngâm, thích đọc thơ Tố Hữu. Sự thật quá rõ ràng như vậy. Cũng

như hỏi tại sao các em lại chỉ thích gần và yêu anh bộ đội. Có người bảo tại vì anh bộ đội hiền lành? Có người bảo tại vì anh bộ đội hay yêu trẻ. Theo tôi cũng chưa đúng lắm. Chính vì các em biết đích anh bộ đội là con em của nhân dân đã bảo vệ Tổ quốc yêu quý. Ở đây cũng vậy, đích là vì thơ Tố Hữu hiện thực và nhiều chất sống Cách mạng...

NGUYỄN VĂN SÁNG

(*Trung đoàn X*)

*

... Trong xã hội u tối của chúng ta ngày xưa, thơ của Tố Hữu quả là hừng hực đấu tranh. Trong bóng tối dày đặc, một ngọn lửa cũng đủ sáng. Nhưng thời đại của chúng ta là ban ngày, là muôn ánh hào quang đang hiện lên rực rỡ, Tố Hữu chưa lớn được tương xứng, nhưng thi sĩ đã lớn. Những bài thơ căm hờn kêu gọi ngày xưa bây giờ thi sĩ đã thêm cho nó những nét đậm đà những ý thiết tha, những hơi thở của dân tộc.

Chính những cái dịu dàng, ý nhị, thiết tha trong thơ Tố Hữu đã thổi vào lòng người tình yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, sự lạc quan, hy vọng, những nhân tố đó chính có tác dụng rất mạnh để đẩy mạnh tinh thần đấu tranh của dân tộc. Tính chất thời đại, dân tộc, đại chúng của thơ Tố Hữu chính đã có một khả năng hiện thực đáng kể.

XUÂN SÁCH

(*Văn công*)

Văn nghệ, s. 72 (21.5.1955)

Ý KIẾN CỦA CÁC BẠN VĂN NGHỆ

*L.T.S. - Tiếp theo ý kiến một số bạn đọc, chúng tôi trích đăng ý kiến của những anh chị em văn nghệ. **Ban Văn** của Hội Văn nghệ Việt Nam sẽ có một bản nhận định về tập thơ* Việt Bắc *công bố trên báo này.*(*)

*

Có điều này ai cũng phải công nhận là cách điệu của tập *Việt Bắc* khác hẳn tập *Thơ* xuất bản năm 1946. Trong tập *Thơ* 1946, tình cảm của Tố Hữu sục sôi, quằn quại, mãnh liệt, lời thơ ran nóng, hăng say, khi tức tối, uất ức thì gào thét lên, lồng lộn lên, khi vui thì điên loạn lên như trong bài *Huế tháng Tám* là bài kết thúc một giai đoạn và mở đầu một giai

(*) Đây là lời toà soạn báo *Văn nghệ*

đoạn mới trong đời Tố Hữu, sát theo một giai đoạn mới của Cách mạng Việt Nam.

Nhưng từ đó về sau, thơ Tố Hữu êm ả hơn, ngọt ngào hơn, trong sáng hơn. Tâm hồn Tố Hữu lắng xuống như làn sóng biển sau cơn bão táp:

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

hay là:

Suối dài xanh mướt nương ngô
Bốn phương lồng lộng thủ đô gió ngàn

Ngay trong những bài như *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*, cũng đột nhiên có những câu rất lắng lại:

Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam
Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng

Theo ý tôi thì tuy *cách điệu* của hai tập thơ có khác nhau, nhưng nội dung tình cảm vẫn không hề thay đổi. Ta không thể nói Tố Hữu, trước ngày giải phóng, thì cách mạng hơn, căm thù giặc hơn, giàu tinh thần chiến đấu hơn là trong thời kỳ kháng chiến.

Sở dĩ cách điệu khác nhau là hai tập thơ làm trong hai thời đại khác nhau. Tâm hồn nhà thơ cũng là tâm hồn của thời đại và thay đổi theo thời đại.

Cái thuở còn trong vòng xiềng xích, địch mạnh ta yếu, địch có nhà tù, mũi súng, lưỡi lê, mà ta chỉ có hai bàn tay không và tinh thần cách mạng, thì không có cách nào hơn là:

Giương mắt chĩa vào quân thù ác độc
Những ánh lửa xanh lè và hằn học

Hận trào lên khinh cái chết kề bên...

Và la ó, chửi mắng, gào thét, và gào thét nữa:

Tôi chỉ gào và chỉ nhớ còn tôi
Tôi cố thét, sao vẫn còn nhỏ quá!
Những tức tối, trời ơi! không thể hả,
Như một con chó dại bỗng lên cơn,
Tôi lồng lên, tôi cố thét to hơn
Để căm giận trút ào trong tiếng phổi

(*Tranh đấu* - Thơ trước 1945).

Chỉ có như thế mới hả được nỗi uất hận trong lòng, mới động viên được mình và động viên được người khác. Cho nên không thấy làm lạ thơ của Tố Hữu hồi đó - "Trào lên những giòng thơ hừng hực, đỏ rực căm thù" (Hoàng Yến).

Một khi đã được giải phóng rồi, tuy còn phải kháng chiến trường kỳ gian khổ mới đến thắng lợi ngày nay, nhưng chúng ta được ngang nhiên dùng súng và đạn thật để trả lời địch, để tiêu diệt địch, không cần phải nghiến răng gào thét nữa. Nỗi uất hận phải biến thành hành động. Và ở Tố Hữu, cũng như ở tất cả những người kháng chiến, đã biến thành hành động. Hò hét bây giờ chỉ thêm ồn và có thể làm giảm mất một phần sinh lực.

Một mặt khác, chúng ta vừa kháng chiến vừa kiến thiết, tương lai đã nằm trong lòng hiện tại, đỏ rực lên chứ không còn "le lói như ánh sao xa" trong câu thơ ngày nọ. Chúng ta kháng chiến gian khổ, nhưng nghĩ đến tương lai thì lại phấn khởi ngay. Cũng vì thế mà, giữa lòng kháng chiến, vẫn có những vần thơ hiền hoà, lạc quan, lành mạnh.

Cách điệu thay đổi còn là vì Tố Hữu đã chuyển từ thơ tự thuật sang thơ gợi cảm. Trừ một số bài rất ít như *Bắn, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên,* v.v... Tố Hữu thường ghi cảm

xúc của mình, không kể lể, không diễn tả, không lý luận như hồi trước nữa. Có khi anh không nói thành lời, mà để người đọc tiếp tục cảm xúc cái cảm xúc của mình. Chính vì thơ anh gợi cảm, cho nên vai trò của người đọc trong việc thưởng thức thơ rất quan trọng. Người đọc cũng phải tích luỹ được trong tâm hồn mình một số cảm xúc nào đó, một số tình ý, một số hình ảnh nào đó, nghĩa là người đọc cũng phải có một quá khứ, một lịch sử, thì mới góp được phần của mình trong việc xây dựng bài thơ. Người ta thường bảo "hương gây mùi nhớ", nhưng cùng một mùi hương, có người nhớ đến việc này, có người nhớ đến việc kia và có người không nhớ gì cả, là vì thế.

Trong tập *Việt Bắc*, có nhiều câu thơ chỉ toàn là những tên đất ghép lại, mỗi tên đất đều gợi lên một sự kiện lịch sử, một kỷ niệm của cuộc kháng chiến, một tình yêu đối với non sông đất nước. Nhà thơ nhắc lại, thấy đầy đủ lắm rồi, không còn phải nói thêm. Nói thêm là thừa.

Thơ cũng có một sức mạnh gợi cảm như hội hoạ, như âm nhạc, như kịch tuồng. Nhưng một bài thơ không lợi dụng được thị giác như một bức hoạ, không lợi dụng được thính giác như một bài nhạc, không lợi dụng được thị giác và thính giác như một màn kịch. Thơ chỉ đánh được vào tình cảm. Đó là yếu điểm(*) mà cũng là nhược điểm(**) của thơ. Nếu không nắm vững điều đó thì có thể thấy bài thơ nào cũng "bất lực", cũng chưa "sôi nổi", chưa "dựng" được cái này, cái nọ.

*

(*) Yếu điểm: chỗ trọng yếu (point important).

(**) Nhược điểm: chỗ thiếu sót, chỗ yếu ớt (theo Đào Duy Anh: *Hán Việt từ điển*).

Một tác phẩm khi xuất bản ra mọi người đều có quyền khen hay chê, mà chính tác giả cũng muốn người ta khen và cả chê nữa. Đành rằng khen hay chê không nhất thiết lúc nào cũng phải cho đúng. Nhưng cần phải thận trọng. Bởi vì, người ta sáng tác mà mình phê bình cũng giống như người ta hát mà mình đánh nhịp. Đánh nhịp thì phải thành tâm và thận trọng, nếu không, mình đánh nhịp sai, thì người hát vững cũng dễ lạc điệu!

TRƯƠNG CHÍNH

Văn nghệ, s. 73 (1.6.1955)

MỐI TÌNH DÂN TỘC TRONG TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU

VŨ ĐÌNH LIÊN

Một trong những tình cảm lớn mà tập thơ *Việt Bắc* đã xây dựng là mối tình tha thiết giữa cán bộ và chiến sĩ miền xuôi với đồng vào miền núi. Mối tình ấy đã nẩy nở trong cách mạng và kháng chiến, mối tình ấy đã được Hồ Chủ tịch vun trồng, bông hoa tươi đẹp đầu tiên đã nở trên bờ sông Đà, trong khu tự trị Thái Mèo. Tố Hữu đã nói lên cho chúng ta mối tình tha thiết ấy. Trong tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu bài thơ *Việt Bắc* là bài thơ thắm thiết nhất.

Mười lăm năm cách mạng và kháng chiến, 15 năm cùng chịu đựng gian khổ, đùm bọc lấy nhau, cùng chiến đấu cùng thắng lợi, người cán bộ cách mạng, người chiến sĩ quên làm sao được nơi quê hương thứ hai của mình, quên làm sao được đồng bào miền núi:

Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Chúng ta không lấy làm ngạc nhiên thấy Tố Hữu thiết tha với Việt Bắc. Điều đó là tất nhiên. Trái lại chỉ đáng ngạc nhiên là một nhà văn, một nhà thơ sau 10-15 năm sống ở Việt Bắc mà không viết được một tác phẩm nào, to hay nhỏ, về Việt Bắc.

Nhưng có người cho rằng tình thân thiết nhớ tiếc ấy của Tố Hữu có vẻ yếu đuối vì không nói, hay nói ít đến căm thù giặc, đến chiến đấu, thi sĩ chỉ nói lên những cái nhớ nhung nhỏ bé, những kỷ niệm tầm thường. Chúng tôi không quan niệm như vậy. Chính những kỷ niệm nhỏ bé thân mật ấy trong cuộc chung sống hàng ngày của cán bộ, chiến sĩ với đồng bào miền núi, đã xây dựng nên mối tình thắm thiết ấy. Chính những kỷ niệm ấy làm cho nhớ từng giờ từng phút, "bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người".

Nhớ cảnh:

Mình đi có nhớ những ngày
Mưa nguồn nước lũ, những mây cùng mù

Nhớ người:

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi
Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Nhớ cảnh trong đó luôn luôn nhớ người:

Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đỏ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình

Nhưng không phải Tố Hữu không nhớ đến những cảnh

chiến đấu anh dũng:

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc những đoàn
Dấu chân nát đá, muôn tàn lửa bay
Nhìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên(*)

Nhưng trong những kỷ niệm hùng dũng ấy, Tố Hữu vẫn thấy thấm thía hơn cả mối tình đoàn kết thân ái, ruột thịt, không những giữa người với người mà giữa cả cảnh vật với người nữa:

Núi giăng thành luỹ sắt dày
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng

Ai đã từng ở đồng bằng, biết những trở ngại, khó khăn của đồng bằng trong khi chiến đấu với quân địch thì mới thấy rõ tác dụng của núi rừng Việt Bắc, do đó mà yêu quý núi rừng Việt Bắc, nhìn núi rừng sẽ không thấy là "âm u" mà sẽ thấy là "kín đáo", không thấy "ma thiêng nước độc" mà thấy " đất lành người tốt".

Chúng ta đều nhận thấy, qua bài thơ *Việt Bắc*, mối tình dân tộc thiết tha của Tố Hữu; nhưng có người cho rằng yêu mến nhớ thương đó của Tố Hữu không có " hướng đi lên". Trái lại tôi thấy mối tình đó là một mối tình cách mạng.

(*) Lưu ý: trong các đoạn thơ trích dẫn có thể có chỗ thiếu chính xác.

Mối tình dân tộc ấy là một mối tình cách mạng bởi vì trước hết nó đã phá được những thành kiến chia rẽ dân tộc mà thực dân, phong kiến, hàng trăm năm hàng nghìn năm, đã cố đào sâu. Điểm thứ hai là chế độ dân chủ nhân dân tiến tới xã hội chủ nghĩa cũng nhằm một mục đích là tranh đấu để thực hiện quyền tự do và bình đẳng, sự đoàn kết anh em giữa các dân tộc lớn nhỏ. Tố Hữu đã thấm nhuần tư tưởng đó, tư tưởng đó ăn sâu vào tình cảm, biến thành tình cảm hồn nhiên. Điểm thứ ba là mối tình ấy hướng về tương lai; Tố Hữu đã phác hoạ cả một hình ảnh tương lai của Việt Bắc:

Ngày mai về lại thôn hương
Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về
Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng
Than Phan Mễ, thiếc Cao Bằng
Phố phường như nấm như măng giữa trời
Mái trường ngói mới đỏ tươi
Chợ vui trăm nẻo về khơi luồng hàng
Muối Thái Bình ngược Hà Giang
Cầy bừa Đông Xuất muối đường tỉnh Thanh
Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng
Chiều Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông
Áo em thêu chỉ biếc hồng
Mùa xuân ngày hội " lùng tùng" thêm tươi.

Nhưng có người đã phê bình đoạn thơ này của Tố Hữu là khô khan, không phải là thơ vì nó chỉ " phổ biến chính sách mậu dịch". Trái lại tôi thấy trong những câu thơ trên đây lòng

thiết tha của Tố Hữu đối với hạnh phúc của đồng bào miền núi. Yêu quý đồng bào miền núi chính là ở chỗ biết thông cảm với những nỗi thiếu thốn của đồng bào. Đồng bào miền núi khổ như thế nào, thiếu những gì, Tố Hữu đều biết. Ai đã được nghe đồng bào miền núi than thân: suốt đời "ăn nhạt nằm giốc" thì mới thấy việc chở muối lên miền ngược không phải chỉ là một vấn đề buôn bán mà là vấn đề bảo đảm hạnh phúc cho đồng bào miền núi, cũng như tất cả những sản phẩm khác của nông dân và công nhân miền xuôi là cần thiết để tô điểm đời sống của đồng bào miền núi; ngược lại những sản phẩm phong phú của miền núi sẽ cung cấp cho sinh hoạt của đồng bào miền xuôi thêm đầy đủ:

Mình về ta gửi về quê
Thuyền nâu trâu mộng với bè nứa mai
Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm cho ai nhớ mình
Trâu về xanh lại Thái Bình
Nứa mai gài chặt mối tình ngược xuôi

Sản phẩm của núi rừng Việt Bắc phong phú như vậy mà bao nhiêu năm đồng bào miền núi sống thiếu thốn cực khổ dưới ách bóc lột của phong kiến thực dân. Thơ của Tố Hữu gián tiếp nói lên được cả cái căm thù ấy. Những năm ở Việt Bắc, tôi vẫn thường suy nghĩ không hiểu sao đồng bào miền núi hay ở những cánh đồng quang đãng bên cạnh đường giao thông lớn, Tố Hữu hẳn cũng đã thông cảm với hoàn cảnh đó của đồng bào miền núi nên nghĩ đến hình ảnh tương lai:

Phố phường như nấm như măng giữa trời

Tôi thấy trong những câu thơ của Tố Hữu không phải chỉ là một bản thống kê những hàng hoá, mà cả một lòng tự hào vì những nguồn lợi tự nhiên phong phú của đất nước, vì

những khả năng sáng tạo của nhân dân lao động Việt Nam, cả một niềm tin tưởng vào chế độ của chúng ta sẽ phát huy được tất cả những khả năng ấy. Tố Hữu tiếp tục cái truyền thống tốt đẹp của ca dao cũ thường vẫn ca tụng những sản phẩm của nhân dân lao động. Tôi nhớ lại những câu ca dao cổ như câu:

Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu
Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu ruộm thâm

Tôi lại nhớ lại những bài thơ Ma-i-a-cốt-xki(*) viết để giới thiệu những sản phẩm của nền kỹ nghệ Xô viết trong những kế hoạch 5 năm đầu tiền, hay trong thời kỳ phục hưng kinh tế sau nội chiến. Những bài thơ đó, cũng như những câu thơ của Tố Hữu, cũng như những câu ca dao cổ của ta, không phải bắt nguồn từ những khái niệm khô khan về kinh tế mà nó kết tinh cả một lòng yêu quý lao động, tự hào dân tộc, yêu quý đất nước, yêu quý đồng bào.

Mối tình dân tộc trong thơ của Tố Hữu không phải là một mối tình trừu tượng hay thuần lý – như có người đã bảo những bài thơ gần đây của Tố Hữu nhiều lý trí mà ít tình cảm, – trái lại mối tình ấy rất cụ thể như ta đã thấy ở trên đây, nó chứng tỏ một sự thông cảm sâu sắc giữa thi sĩ với đồng bào. Cũng vì vậy cho nên thơ của Tố Hữu mới đậm đà, thiết tha như vậy.

Nhưng có người lại phê bình bài thơ *Việt Bắc* có một giọng buồn. Tố Hữu nhớ Việt Bắc như nhớ một người tình.

Trước hết bài thơ *Việt Bắc* không phải chỉ có những đoạn mà người ta cho là "buồn", nó cũng có những đoạn hùng dũng (đánh giặc) hay tưng bừng (chiến thắng và hình ảnh tương lai). Sau nữa, phải quan niệm cho đúng thế nào là buồn. Có phải

(*) Chỗ này bản gốc phiên âm không chính xác tên riêng Maiakốpxki.

cứ "nhớ" là buồn không? Người cán bộ cách mạng và kháng chiến sau 15 năm chung sống với đồng bào Việt Bắc bây giờ trở về thủ đô, làm sao mà không nhớ được. Ngược lại đồng bào Việt Bắc làm sao mà không nhớ những anh cán bộ, bộ đội đã đem lại cho đồng bào những ngày sống vui vẻ, thân mật, đã đem lại tin tưởng và phấn khởi cho đồng bào?

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn, trong ngần tiếng ca...

(*Lên Tây Bắc*)

Tố Hữu đã nói lên được mối tình nhớ tiếc ấy, mà không ngần ngại gì mà so sánh nó với tình yêu.

Nhớ ai như nhớ người yêu.

Nói như vậy có phải là thu hẹp mối tình dân tộc vào giới hạn của một mối tình cá nhân không? Không. Mối tình dân tộc cũng như lòng yêu tổ quốc chỉ sâu sắc khi nào có cụ thể: Yêu ai, yêu cái gì, yêu như thế nào. Cũng chính vì so sánh mối tình dân tộc đó với tình yêu, cho nên Tố Hữu đã nói lên được tất cả cái đằm thắm thiết tha của mối tình ấy. Trong cái kho tàng ca dao cũ của dân tộc ta, những câu hay nhất, thấm thía nhất cũng là những câu diễn tả tình yêu, hay mượn những lời tình tứ của trai gái để nói lên những ý nghĩ hay tình cảm cao quý khác, cũng như trong mấy câu sau này của Tố Hữu:

Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm, cho ai nhớ mình.

Trong bài thơ *Việt Bắc* nhiều câu đã đạt được cái trong sáng giản dị và thấm thía của những câu ca dao hay:

Mình về có nhớ ta không
Nhìn mây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.

...

Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng măng mai để già

...

Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người.

...

Những lời thơ du dương có phải là những lời thơ yếu đuối không? Sức mạnh của thơ không phải chỉ ở chỗ âm điệu hùng dũng, lời thơ mạnh mẽ, mà còn ở chỗ nội dung tình cảm cũng như hình thức câu thơ thấm thía vào trong tâm hồn, nhẹ nhàng nhưng mà lâu dài và sâu sắc. Thơ của Tố Hữu có cái du dương thấm thía ấy, chính bài thơ *Việt Bắc* nhờ đó mà có tác dụng sâu vào tâm hồn. Từ chỗ nhận thức phải đoàn kết thân ái như ruột thịt với đồng bào thiểu số, Tố Hữu đã tiến lên những tình cảm tha thiết nồng nàn, như ruột thịt máu mủ, như một đôi trai gái say mê, lưu luyến nhau.

Đấy là bản sắc của Tố Hữu, bản sắc của Tố Hữu là tình yêu, tình yêu của một chiến sĩ cách mạng đã đi xa hơn là lý trí, đã tiến sâu vào tình cảm, đã vượt qua lý trí mà đạt tới những lời thơ tha thiết của tâm hồn. Ở Tố Hữu không phải là tình cảm đã không theo kịp lý trí mà chính là lý trí đã vươn đến tình cảm cách mạng. Tố Hữu là nhà thơ đã nói lên được sâu sắc mối tình yêu nồng nàn giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số, cũng như Tô Hoài là nhà văn đã làm cho chúng ta hiểu biết, gần gũi và quí mến đồng bào thiểu số hơn cả.

Mấy nghìn năm phong kiến và gần một trăm năm dưới ách thống trị của thực dân, những người con cùng một mẹ, những anh em ruột thịt đã bị chia rẽ, đã sống cực khổ, nay lại gặp nhau, vui mừng sung sướng trong đại gia đình của Tổ

quốc Việt Nam, được như vậy là nhờ ơn của Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ, nhờ có cách mạng và kháng chiến. Chúng tôi cũng cảm ơn những nhà thơ như Tố Hữu, những nhà văn như Tô Hoài và nhiều nhà thơ, nhà văn miền xuôi, miền núi khác đã làm cho chúng tôi thấy thấm thía hơn mối tình dân tộc ấy. Những nhà văn nghệ sĩ ấy góp một phần không nhỏ vào công trình xây dựng và phát huy mối tình đoàn kết thân ái và tươi đẹp giữa các dân tộc anh em chúng ta. Trong những ngày vui mừng đón chào Khu tự trị Thái Mèo, chúng tôi vui thích đọc lại tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và nhất là đọc lại bài thơ *Việt Bắc* mà tác giả đã đặt làm nhan đề của cả tập thơ, với một ý nghĩa thật là chân thành và sâu sắc, để nói lên mối tình dân tộc thiết tha ấy.

Những con sông từ núi rừng Bắc Bộ, từ giải núi Trường Sơn đều theo một hướng chảy ra biển Đông, nối liền miền núi và đồng bằng, tượng trưng cho mối tình bất diệt của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Mối tình ấy bất diệt như hình ảnh của Hồ Chủ tịch bất diệt trong lòng tất cả mọi người, mọi dân tộc trên đất nước chúng ta.

Mình về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi ngớ Người.
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người.

VŨ ĐÌNH LIÊN

Tổ quốc, s.12 (5.6.1955)

TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC TRONG TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

HOÀI THANH

Cả tập thơ *Việt Bắc* xây dựng trên một tình yêu lớn: tình yêu nước. Giá trị tập thơ, tác dụng tập thơ là ở đó. Yêu nước với anh Tố Hữu là yêu nhân dân, trước hết là yêu nhân dân lao động, yêu lãnh tụ của nhân dân lao động và của toàn dân. Yêu nước cũng là yêu quê hương đất nước, yêu tất cả những cảnh vật nó gắn liền với đời sống của nhân dân.

Trong tập *Việt Bắc* cũng như trong ca dao, trong *Truyện Kiều* và trong nhiều áng thơ xưa, cảnh gắn chặt với người. Trong câu ca dao:

Trăm năm vì lỗi hẹn hò
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa

Cây đa và bến đò là những nhân vật cần thiết trong câu chuyện trăm năm lỗi hẹn. Anh Tố Hữu cũng vậy. Anh không nói cảnh để mà nói cảnh. Anh gợi cảnh là để gắn nó với người. Từ cái "bóng tre trùm mát rượi" trên câu chuyện thân thiết giữa hai người đến cái hình ảnh

Xa xôi đầu xóm tre xanh
Có bà ru cháu nằm khoanh lòng già

Cảnh với người như hình với bóng. Có người ấy, câu chuyện ấy, tiếng ru ấy thì phải có cảnh ấy.

Nhưng chỉ có tre không đủ. Nhà thơ đã lồng hình ảnh anh bộ đội "mồm nở tươi, mặt vàng thắm" vào cái khung cảnh

Cánh đồng quê tháng mười
Thơm nức mùa gặt hái

tạo cho bài thơ một cái không gian rất quen thuộc, rất đầm ấm trong tâm trí mọi người Việt Nam.

Anh Tố Hữu luôn luôn gợi lên cái cảnh những đồng lúa. Hình ảnh "chú bé loắt choắt, cái xắc xinh xinh..." mà chúng ta đều nhớ cũng hiện lên trong cảnh ấy:

Đường quê vắng vẻ
Lúa trổ đòng đòng
Ca-lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng

Liền đó em bị một viên đạn của quân thù giết chết. Trong phút chốc, tưởng chừng như chúng nó đã thắng. Nhưng mà không:

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Hình ảnh em bé hy sinh giản dị mà anh dũng tuyệt vời trên cánh đồng ngát mùi hương lúa cũng là hình ảnh chính nghĩa thắng phi nghĩa, cái sống thắng cái chết ngay giữa lúc chính nghĩa và sự sống đang bị quân thù chà đạp. Cho nên liền sau đó hình ảnh "chú bé loắt choắt, cái xắc xinh xinh..." lại hiện lên trong bài thơ và sẽ ghi mãi trong lòng người, không một viên đạn nào giết nổi. Cũng như không một sức mạnh bạo tàn nào ngăn được những cánh đồng lúa của ta mỗi mùa lại một lần thơm mùi sữa và mãi mãi vẫn còn xanh.

*

Cảnh gắn bó với người. Người đi xa, cảnh nhắn lời chờ đợi. Mấy câu sau đây là của nhà thơ Liên Xô Xi-mô-nốp nhưng cũng là thơ Tố Hữu vì anh đã chuyển nó thành những câu thơ rất Tố Hữu và cũng rất Việt Nam:

Chúng tôi đợi các anh về!
Rừng xanh vọng tiếng đồng quê nhắn lời
Rừng xưa quê cũ xa rồi
Đêm đêm còn vọng giọng lời thiết tha

Người về, cảnh vui mừng rộn rã. Về cũng không nhất thiết là về nhà mình. Vì trên đất nước cụ Hồ, chỗ nào lại không phải là "cái nhà của mình" như đồng bào Thượng ở Liên khu Năm vẫn thường nói. Anh bộ đội "lên Tây Bắc" có thể không phải là người Tây Bắc nhưng anh cất bước là:

Mỗi bước, vàng theo đồng lúa chín
Lửa vui từng mái nứa tươi xanh

Lấy cảnh mà tả người như thế này thì thật là đẹp. Anh bộ đội được dựng lên như một nhân vật thần thoại, mỗi bước đi là trăm hoa đua nở dưới chân. Mà hình ảnh ấy tuyệt nhiên không có gì là huyền hoặc. Nó hoàn toàn đúng với sự thực vĩ đại trong thời đại chúng ta:

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca.

*

Nhưng nông thôn trong tập thơ *Việt Bắc* không phải chỉ có những cảnh đầm ấm tươi sáng. Anh Tố Hữu còn gợi lên

những cảnh cơ cực trước đây thơ văn ta ít biết đến. Cho nên người của anh thật đúng là người nông dân và cảnh cũng đúng là cảnh nông thôn chưa phát động. Anh chưa nói lên được cho sâu sắc nguồn gốc của những cảnh đời cơ cực. Anh chưa nhìn được rõ mặt mũi thằng địa chủ như anh vẫn nhìn rất rõ mặt mũi thằng đế quốc. Nhưng từ cái cảnh ngô khoai bề bộn, con bế con bồng của chị dân công phá đường, cái cảnh "Phên nan gió lọt lạnh lùng" của bà mẹ Việt Bắc, cái ổ chuối khô của bà bủ trằn trọc nhớ con đến cảnh bà bầm vừa cấy vừa run giữa mưa phùn, gió núi, ướt dầm manh áo tứ thân, tất cả những cảnh cơ cực ấy đã nói lên cái thực tế nông thôn trước đây và tấm lòng yêu mến lo lắng của anh đối với người nông dân lao động.

*

Trở lên là cảnh sắc nông thôn. Sau đây là một ít cảnh sắc rừng núi. Vẫn một sự khăng khít ấy giữa người và cảnh. Đồng bào Việt Bắc nhớ Bác:

Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi, rừng núi trông theo bóng Người

Anh Xuân Diệu đã có phân tích bức tranh nhỏ này. Tôi cũng đồng ý với anh. Người đi qua rồi mà rừng núi vẫn chưa hết ngạc nhiên sung sướng, vẫn tha thiết trông theo. Bức tranh hiện lên như trong một câu chuyện thần tiên mà vẫn rất thực, vì nó nói lên được một sự thực rất lớn là lòng nhân dân ta thiết tha hướng về Lãnh tụ.

Chúng ta đã rất xa cái thời đại mà con mắt người miền xuôi nhìn lên rừng chỉ thấy ghê rợn, chỉ thấy những ma thiêng

nước độc, những "bà chúa đại ngàn" tai ác. Những khi máy bay giặc đi lùng từng bóng người để giết, chúng ta đã quý mến biết bao nhiêu những khu rừng kín đáo. Anh Tố Hữu đã nói lên được sự thống nhất ấy giữa người và cảnh:

Núi giăng thành luỹ sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng

Bởi vì giặc mà chiếm được thì không những đau khổ cho người, mà

Đau cả lòng sông, đau cỏ cây

Anh không nghĩ như tác giả hai câu lục bát lạc hướng căm thù mà anh Hoàng Yến trước đây đã đề cao một cách không đúng:

Con đường số bảy của tao
Nó đi theo giặc tao đào nó đây.

Thật là giận cá chém thớt. Ai lại nỡ nói như vậy, nghĩ như vậy nhất là đối với những con đường, công trình mồ hôi nước mắt của chúng ta, huyết mạch trong cơ thể của dân tộc ta.

Trong thơ anh Tố Hữu cũng như trong ca dao xưa, sự khăng khít giữa người và cảnh có khi đến cái mức cùng hoà làm một. Khi ca dao xưa thỏ thẻ:

Bầu ơi! thương lấy bí cùng

thì không chỉ là câu chuyện ví người với cây bầu cây bí. Khi anh Tố Hữu trông thấy:

Bác ngồi đó lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng, ruộng đồng nước non

thì cũng không phải là ví Bác như Trời xanh, Biển rộng... Mà Trời xanh, Biển rộng... cả quê hương đất nước của chúng ta

cùng với Bác là một. Cho nên sau đó mới có câu:

Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước
Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau

*

Những câu thơ nói cảnh trong tập *Việt Bắc* không nhiều. Cảnh gợi lên cũng chỉ gợi bằng một vài nét. Nhưng chỉ vài nét mà rất đậm đà, rất phong phú và chan chứa tình người. Nó không phải là những cảnh êm êm, đẹp đẹp, mà thường là những cảnh có in dấu bàn tay người, do sức lao động, sức chiến đấu của người sáng tạo ra hoặc cải tạo lại. Nếu ta tưởng nó chỉ êm êm đẹp đẹp, là vì ta chỉ nhìn thấy hình thái bề ngoài mà không đo được cả cái chiều sâu tình cảm của nó. Nhìn bề ngoài thì cánh đồng Điện Biên sau chiến thắng

Hoa mơ lại trắng, vườn cam lạ vàng

chỉ là một cảnh êm đẹp. Nhưng trong bài thơ anh Tố Hữu, cũng như trong sự thực, cảnh êm đẹp này gắn liền với bao nhiêu cảnh khác như cảnh

Những đồng chí chèn lưng cứu pháo
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm...

Phải vượt qua bao nhiêu gian khổ, hoa mơ mới *lại* trắng, vườn cam mới *lại* vàng. Thường những cảnh trong tập thơ *Việt Bắc* đều thế. Tiêu biểu nhất về phương diện này có lẽ là cái cảnh:

Đêm lịch sử, Điện Biên sáng rực
Trên đất nước, như huân chương trên ngực
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng

Nói đến cái đẹp vô cùng của Tổ quốc, những cảnh Tố Hữu nghĩ đến nhiều nhất cũng là những cảnh do sức người xây dựng:

Rừng cọ, đồi chè, đồng xanh ngào ngạt

Ngay trên bến nước Bình Ca, cái phần đẹp nhất cũng là những chuyến phà rào rạt tình người kháng chiến.

Từ lâu trong một bài thơ hồi còn nhỏ, anh đã viết:

Xuân bước nhẹ trên cành non lá mới
Bạn đời ơi, vui chút với trời hồng
Vườn sây hoa là bởi có tay trồng

Câu thơ chưa được ổn lắm, nhưng nó chứng tỏ quan điểm nhân dân, quan điểm lao động của anh Tố Hữu đã thành hệ thống từ xưa. Nếu ta so sánh với bức tranh trẩy chùa Hương sau đây của Vũ Phạm Hàm thì càng thêm rõ. Trong bức tranh này, người cơ hồ chỉ là một ít đường nét ghi thêm vào cho cảnh vật thêm xinh:

Mặt trời gác bóng cây xê xế
Tản vân in đáy nước rành rành
Chim trời mấy chiếc lênh đênh
Cây mai thụ rập rềnh năm bảy lá
Chú tiểu tử ruổi rong bến đá
Lũ ngư ông quảy cá qua cầu
Cỏ cây xanh ngắt một mầu

Trong thơ anh Tố Hữu cái quan hệ giữa người và cảnh ngược hẳn lại.

Bài *Việt Bắc* là bài tương đối có nhiều cảnh sắc thiên nhiên nhưng trong cảnh sắc thiên nhiên luôn luôn vẫn chen vào những cảnh người lao động. Tôi nhớ lại mấy câu trong một bài ca cách mạng có người nói là của Tăng Bạt Hổ nhưng thực ra chưa biết chắc là của ai, bài *Á-tế-á*,(*) rất phổ biến vào đầu thế kỷ này:

(*) *Á-tế-á* là cách đọc Hán Việt đối với từ *Asia* viết bằng chữ Hán. "Á-tế-á" chỉ có nghĩa là châu Á.

Này thử đứng trên đầu đỉnh núi
Cõi Đông Nam ngảnh lại mà trông
Sông xứ Bắc, bể phương Đông
Nếu không dân cũng là không có gì

Nghĩ như vậy có đúng không? Đó lại là một vấn đề khác. Nhưng có lẽ anh Tố Hữu cũng nghĩ vậy. Trong bài *Việt Bắc* của anh, bên cạnh cái cảnh thiên nhiên rực rỡ:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

là cái khí thế hiên ngang của người lao động:

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Cái cảnh đầm ấm:

Mùa xuân mơ nở trắng rừng

gắn liền với cái hình ảnh đậm đà:

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Thiên nhiên hoặc có kém phần tươi thắm thì tình người lại càng thêm tươi thắm trong cái tiều tuỵ của thiên nhiên nhưng vẫn cùng với thiên nhiên là một:

Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son.

*

Cảnh gắn với người, cùng với người là một cơ thể không thể phân chia. Chúng ta không chỉ là chúng ta, chúng ta còn là nhà cửa, ruộng đồng, sông núi, trời biển của chúng ta. Cái chân lý ấy, tập thơ *Việt Bắc* nêu lên rất rõ. Đất nước chúng ta là một phần của chúng ta. Cái ý thức chủ nhân luôn luôn thấm nhuần câu thơ Tố Hữu. Cái tự hào về dân tộc bao gồm cả cái tự hào về đất nước:

Ngửng đầu lên: trong sáng tuyệt trần
Tháng tám mùa thu xanh thắm
Mây nhở nhơ bay
Hôm nay ngày đẹp lắm
Mây của ta, trời thắm của ta.

Những câu như thế, đọc lên con người chúng ta tưởng như nở nang thêm. Ta cảm thấy đứng trên đất nước tươi đẹp của chúng ta cũng như đứng trước hình ảnh tươi cười của Lãnh tụ:

Ta lớn cao lên bay bổng diệu kỳ
Trên đường dài hai cánh đỡ ta đi

Sau cách mạng tháng Tám, anh Tố Hữu đã nói lên cái vui của đất nước vừa thoát ách giặc:

Trời đất mênh mông, xanh xanh cỏ nội
Chim kêu chim trên gió, hoa tìm hoa
Ngẩng đầu ca tám hướng Tiến quân ca

Hồi bấy giờ, bàn tay chúng ta vừa nắm lại chủ quyền, chúng ta chưa có cái thế của ngày nay. Câu thơ anh Tố Hữu cũng chưa cắm được sâu vào đất nước. Từ đó đến nay trải qua tám chín năm chiến đấu, chủ quyền chúng ta nắm chắc hơn, câu thơ anh Tố Hữu nói về đất nước cũng chắc hơn. Nhất là những câu sau này trong bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên:*

Chúng bay chui xuống đất!
Chúng bay chạy đằng trời!
Trời không của chúng bay
Đạn ta rào lưới sắt
Đất không của chúng bay
Đai thép ta thắt chặt!

Của ta, trời đất, đêm ngày
Núi kia, đồi nọ, sông này của ta!

Một khi chủ quyền chưa nắm được thì người anh ít vui, cảnh của anh cũng ít vui. Anh Tố Hữu không như những nhà thơ đi ngao du nhàn tản ngày xưa trong cảnh nhà tan nước mất. Trong thời nô lệ, bị giặc đày lên Công Tum, anh nhìn ra hai bên đường:

Đồng xanh rợn ý quê hương
Bơ vơ tiếng hát bên nương nắng chiều

Hồi bấy giờ mùa xuân đến, anh thấy:

Lá xanh không mát dạ khô vàng
Hoa thơm không át mùi xương máu
Nắng chỉ lây buồn trên áo tang

Giờ đây, nghĩ đến Huế hồi xưa, anh vẫn còn thấy:

Mây núi hiu hiu chiều lặng lặng
Mưa nguồn gió biển nắng xa khơi

Có người nói thơ anh Tố Hữu buồn. Tôi cũng nghĩ cảnh và người trong thơ anh có đôi khi buồn hơi nhiều. Nhất là tôi nghĩ nhiều về điểm này: bàn tay giặc đành là tàn ác; nhưng dầu ác đến đâu nó vẫn không đủ sức mà dập tắt hết những cái vui của người, làm mờ ám hết những vẻ đẹp của cảnh. Và những cái vui cái đẹp ấy chính cũng là biểu thị một khía của cái lực lượng quật lại quân thù. Trong phim *Bạch mao nữ*,(*) cánh đồng cao lương vẫn đẹp, Hỉ Nhi và Đại Xuân vẫn có những phút vui ngay giữa lúc ách thống trị của địa chủ còn hết sức nặng nề. Biểu hiện sự sống bị áp bức mà chỉ toàn một

(*) *Bạch mao nữ*: phim truyện Trung Quốc, được chiếu rộng rãi ở Hà Nội và các địa phương miền Bắc từ đầu năm 1955; báo chí miền Bắc đương thời đưa nhiều tin và bài về phim này. (NST).

mầu đen thì lại là đánh giá quá cao lực lượng địch. Nhưng nói thế không phải là nói thơ anh Tố Hữu toàn một mầu đen. Từ hồi 1938, anh đã có những câu:

Ồ vui quá! Rộn ràng trên vạn nẻo
Dưới muôn trời và sau dấu muôn chân
Cũng như tôi tất cả tuổi đương xuân
Chen bước nhẹ trong gió đầy ánh sáng.

Tôi chỉ muốn nói trong một đôi bài thơ anh cái phần buồn hơi quá mức làm cho bài thơ trĩu xuống. Hay đúng hơn nó có một thứ buồn hiu quạnh, bơ vơ rất khó chuyển thẳng sang căm thù, hành động.

Nhưng thơ anh căn bản không phải là bi quan, tiêu cực; căn bản là thơ chiến đấu. Tôi lại tự hỏi: trong hoàn cảnh nước ta, nếu thơ chiến đấu chỉ toàn một giọng phấn khởi thì đã hợp với lòng người chưa? Đã phù hợp với thực tế khách quan chưa? Hôm chúng ta rút khỏi Bồng Sơn để giao lại cho đối phương tạm quản, nhiều em thiếu nhi ôm lấy các anh bộ đội khóc làm ướt cả vạt áo của các anh. Khi tôi kể lại chuyện này thì có người nói là không nên kể. Nhưng trong khoá họp Quốc hội vừa rồi, khi nói đến đồng bào miền Nam, Bác nghẹn ngào, tiếng nói của Bác đứt quãng làm cho hàng chục vạn đồng bào miền Nam nghe tiếng Bác qua đài phát thanh không cầm được nước mắt.

Về phương diện này bài *Ta đi tới* là một bài rất đúng mức. Sung sướng phấn khởi rất nhiều nhưng không phải chỉ có sung sướng phấn khởi. Anh Hoàng Cầm nói: "Đường rộng, cảnh đẹp, đi những bước ung dung đến thống nhất. Bài *Ta đi tới* có một không khí nhẹ nhàng, thoải mái, đường mở rộng thênh thang từ Bắc đến Nam... Nó rất hợp với những tâm hồn xa thực tế đấu tranh, coi hoà bình như cơn gió mát,

không còn giặc, không còn máy bay, được đi giữa ban ngày, hưởng thắng lợi hoà bình, rồi đi đến thực hiện thống nhất một cách thực ngon lành". Tôi không hiểu vì sao anh Hoàng Cầm lại có thể nghĩ như vậy.

Không khí bài thơ quả thật là thoải mái (thoải mái chứ không phải nhẹ nhàng) nhưng chỉ thoải mái từ 17 vĩ tuyến trở ra. Qua 17 vĩ tuyến, ý thơ, cảnh thơ, giọng thơ đổi khác. Tại sao nói đến Việt Bắc, anh Tố Hữu không nói là nơi chôn rau cắt rốn mà nói đến Đồng Tháp Mười anh lại nói:

Ai về thăm bưng biền Đồng Tháp
Việt Bắc miền Nam, mồ ma giặc Pháp
Nơi chôn rau cắt rốn của ta?

Nếu chỉ xét về hình thế là một giải đất dài thì khu Năm có khác gì khu Bốn mà sao nói đến khu Năm anh lại nói:

Ai đi Nam Ngãi, Bình Phú, Khánh Hoà
Ai vô Phan Rang, Phan Thiết
Ai lên Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc
Khu Năm dằng dặc khúc ruột miền Trung

Và Huế nữa:

Ai về với quê hương ta tha thiết

Câu thơ xót biết bao!

Rồi những câu này:

Ai vô đó với đồng bào, đồng chí
Nói với Nửa Việt Nam yêu quý

và còn nhiều câu nữa.

Tả rất ít nhưng qua lời thơ là cả hình ảnh đau xót của miền Nam đang bước vào một cuộc đấu tranh gian khổ mới và những lời nhắn thiết tha của miền Bắc.

Những câu thơ như vậy, làm sao lại có thể nói là "đi

những bước ung dung đến thống nhất" và "đi đến thực hiện thống nhất một cách thực ngon lành"?

Trái lại, lời thơ ở đây cũng như ở nhiều chỗ khác trong tập *Việt Bắc* có một cái gì ray rứt, xót xa.

*

Thơ của anh Tố Hữu như một cây súng, luôn luôn anh muốn nó nhằm cho thật trúng, bắn cho thật trúng. Có thể về mặt này mặt khác, anh thiếu sự chú ý bồi dưỡng để cho sức công phá của nó được mạnh hơn. Nhất là nó không nói được nhiều đến những cảnh sống bình thường trong đó vẫn tiềm tàng sức đấu tranh vô tận của nhân dân ta. Em bé của anh chỉ là em bé liên lạc, bà mẹ chỉ là bà mẹ chiến sĩ, anh nông dân cơ hồ cũng chỉ là anh nông dân mặc áo lính. Đó là khuyết điểm của anh. Nhưng tuyệt đối không thể nào gán cho thơ anh cái cốt cách ưu du nhàn tản. Thơ anh cũng như con người anh luôn luôn vươn tới một cái gì, không một lúc nào nó ngừng lại để triền miên trong hưởng thụ. Những khi nói lên cái đẹp của cảnh, cái phấn khởi của người thì cũng không phải là để nghỉ ngơi, thoả mãn mà chỉ là lấy thêm sức để tiến lên trong một cuộc đấu tranh không ngừng, không nghỉ, không mỏi nhằm thực hiện cái điều anh đã tự hứa với mình, đã nhắn cùng bè bạn gần hai mươi năm trước đây là:

Xây thế giới cao quá trời xa thẳm

Nói một cách khác tức là cái lý tưởng của người cộng sản mà trước mắt cụ thể là giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương.

Cái tinh thần suốt đời hy sinh phấn đấu ấy cho chủ nghĩa cộng sản, tấm lòng thiết tha yêu nước ấy là bó đuốc đã soi sáng cả bước đường của anh, đã soi sáng cả thơ anh. Quê

hương đất nước trong thơ anh cũng đượm một mầu ánh sáng ấy. Cảnh sắc quê hương ở đây hoặc đầm ấm, rực rỡ tươi, hoặc cũng có khi u ám, xót xa, nhưng luôn luôn đáng yêu, đáng quý vô cùng vì nó gắn liền với những hình ảnh thân yêu nhất của chúng ta: hình ảnh Lãnh tụ ta, bộ đội ta, nhân dân ta. Bóng tre trên đèo, ánh sao đầu súng, cánh đồng lúa thơm, gió ngàn lồng lộng cho đến cả hàng lau hiu hắt, đáy nước bóng thông, tất cả cảnh sắc quê hương với ta như "thịt với xương, tim óc dính liền" không một sức gì rứt ra được.

Ta có thể tiếc ánh sáng ấy trong thơ anh không toả ra được sâu hơn nữa, rộng hơn nữa, nhưng có một điều nhất định không thể nghi ngờ: ánh sáng ấy là ánh sáng duy nhất đúng để soi vào mọi cảnh cũng như mọi việc, mọi người. Xuyên qua những câu thơ của anh nó sẽ giúp mắt ta nhìn thêm rõ, chân ta bước thêm hăng và nếu ta đã từng lạc hướng, nó sẽ giúp ta xây dựng lại cho bản thân ta một trời đất mới, một cuộc đời mới.

HOÀI THANH

Văn nghệ, s. 74 (10.6.1955)

GÓP Ý KIẾN VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*" CỦA TỐ HỮU

TÚ MỠ

Có nhiều người bảo rằng chính trị làm khô khan con người cho nên thơ kháng chiến thiếu tính chất lãng mạn là hồn của thơ. Tập thơ *Việt Bắc* đã chứng tỏ rất hùng hồn rằng tưởng như vậy là sai, và thơ Tố Hữu là tiêu biểu nhất về lãng mạn Cách mạng, lãng mạn của thơ kháng chiến.

Một đặc điểm của thơ Tố Hữu là rất giàu tình cảm và một đặc điểm nữa là tình cảm ấy chính là tình cảm của nhân dân.

Người kháng chiến mừng gì hơn mừng chiến thắng. Tố Hữu đã tả cái mừng đó một cách hồn nhiên:

Trận chợ Đồn, chợ Rã
Ta đánh giặc chạy re
Hai đứa cười ha hả

và rất tưng bừng:

Tin về về nửa đêm
Hoả tốc, hoả tốc
Ngựa bay lên dốc
Đuốc cháy sáng rừng
Chuông reo tin mừng
Loa kêu từng cửa
Làng bản đỏ đèn đỏ lửa.

Tố Hữu thực đã thông cảm với nhân dân khi tả cái mừng của một *Bà mẹ Việt Bắc* gặp con bộ đội về thăm nhà, vui sướng rất chất phác khi trông thấy con đã lớn lên trong kháng chiến cả về thân thể, cả về tinh thần:

Thoạt trông thấy nó
Tôi chẳng biết ai
Nó cao hơn bố
Tôi chỉ bằng vai
... Bộ nó rõ oai....
... Trước nó lam lũ
Bây giờ thấy sang...

Và bài *Ta đi tới* đã nói lên tất cả nguồn phấn khởi của quần chúng nhân dân sau khi hoà bình đã được lập lại, được "đi giữa ban ngày" bước "ung dung trên đường cái". Thật là tả đúng sự vui sướng thông thường của nhân dân. Điểm vào đó sự rung cảm của nhà thơ nhìn theo:

Mây nhởn nhơ bay,
Hôm nay trời đẹp lắm
Mây của ta, thắm của ta...(*)

Người cách mạng giận ghét gì hơn giận ghét địch. Tố Hữu đã tả cái căm thù anh dũng của một người "lính Cụ Hồ" khi nghe bà Mé kể lại tội ác của quân cướp nước.

Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi.
Mẹ ơi đừng khóc
Nước độc lập rồi.

Cái căm thù ấy nổi bật trong lời của chiến sĩ Điện Biên Phủ quyết tâm tiêu diệt giặc, không để chúng chạy thoát.

(*) Chỗ này trích thơ sai chệch một vài chữ.

Chúng bay chui xuống đất,
Chúng bay chạy đằng trời
Trời không của chúng bay
Đạn ta rào lưới sắt
Đất không của chúng bay
Đai thép ta thắt chặt

Lời thơ thật là mạnh và rất "bộ đội".

Tố Hữu đã nói lên tất cả lòng khinh bỉ của nhân dân căm ghét lũ tay sai của địch, chỉ trong bốn câu thơ tứ tự:

Thằng châu con chó
Cúp đuôi chạy dài
Mả bố nhà nó
Nịnh Tây hết thời

Ở đây ta thấy Tố Hữu, nhà thơ trữ tình lại kiêm cả trào phúng rất chua cay.

*

Một nhược điểm của thơ Tố Hữu mà nhiều bạn phê bình đã nói tới, là cái rây rớt của lãng mạn tiểu tư sản còn toát ra một thứ buồn rười rượi trong một vài bài thơ.

Như bài *Giữa thành phố trơ trụi* với những câu:

Đông lạnh ghê người
Chiếc lá vèo rơi xuống cỏ
Tường xiêu loét đỏ
Mái gẫy sườn đen
Mảng buồng son kính vỡ rêu lên

cho ta thấy Tố Hữu còn để tâm hồn vương víu cái cảm sầu của những nhà "thơ thẩn" lối cũ, nhưng chỉ là thoảng qua chốc lát, ta lại thấy nhà thơ cách mạng nổi dậy ngay trong câu:

Bàn tay đã nắm lời thề
Ra đi quyết phá, ngày về quyết xây
Từ trong đổ nát hôm nay
Ngày mai đã đến từng giây từng giờ.

Nhà thơ cách mạng của chúng ta khác nhà thơ thường ở chỗ đó.

Trong bài *Lên Tây Bắc*, ta thấy Tố Hữu có cái xúc cảm như Bà huyện Thanh Quan với những câu:

Cỏ ngập đồng khô mờ lối cũ
Tan hoang làng cháy khói căm thù

trong đó ta thấy cái căm thù không được hừng hực, và có cái cảm xúc như "*Chinh phụ ngâm*" với những câu:

Lại những ngày đi vắt với sương
Ngô bung, xôi nhạt nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua rét nhức xương

Tôi chắc người chiến sĩ đi lên Tây Bắc đánh giặc chả ai có những xúc cảm như vậy.

Đến bài *Bao giờ hết giặc* thì ta thấy Tố Hữu tả thực chứ không phải hiện thực. Tố Hữu đã nói đúng tâm lý một Bà Bủ tầm thường nằm ổ chuối khô, nhớ con đi bộ đội, thương con gian khổ, khiến người đọc chỉ thấy cái khổ.

Tuy trong bài thơ ấy có câu:

Càng lo, càng nghĩ, càng căm, càng thù

nhưng câu ấy không đủ vớt vát lại những cái bi đát, và cái mà ý kiến riêng tôi cho là nguy hiểm nhất là không rõ rệt Bà Bủ căm thù gì, căm thù ai.

Tình thương yêu của thơ Tố Hữu đất dào dạt.(*) Tố Hữu

(*) Có lẽ phải là "rất dào dạt" (bản gốc in sai?).

yêu anh bộ đội. Trong bài *Cá nước*, có người thấy tả những cử chỉ thường thường, gặp nhau chỉ trong chốc lát "chia nhau điếu thuốc lào" thì cho là hời hợt, nhưng tôi thấy cử chỉ thường thường ấy ngụ một tình thân mật rất thắm thiết. Thơ Tố Hữu tài tình và lý thú cũng ở chỗ đó.

Tố Hữu yêu chú bé liên lạc, điển hình của những cháu trung dũng của Bác Hồ. Ngay trong những nét phác tả chú bé ấy ta đã thấy yêu rồi.

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh
Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhẩy trên đường vàng.

Tấm lòng tôn kính lãnh tụ đã được tả trong bài *Sáng tháng Năm*. Tác phong giản dị của Hồ Chủ tịch chỉ tóm tắt trong ba câu thơ:

Bác ngồi Bác viết, nhà sàn đơn sơ.
Con bồ câu trắng ngây thơ
Nó đi tìm thóc nhở nhơ quanh nhà.

Câu cuối này hình như trước là "Nó đi tìm thóc trên bồ công văn", sau mới đổi lại, nhưng tôi cho rằng cứ để như cũ lại hay hơn.

Và chỉ một câu này:

Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh.
Môi ta thầm kêu: "Bác Hồ Chí Minh!"

đủ tả lòng nhân dân luôn luôn hướng về Hồ Chủ tịch, tin

tưởng vững chắc vào sự lãnh đạo sáng suốt của Người.

Lòng bộ đội yêu quý vũ khí đã được tả rất vui nhộn và hóm hỉnh trong bài *Voi*, khiến ta thấy khẩu đại bác thực như một người bạn chiến đấu của các chiến sĩ pháo binh.

Tình quyến luyến của những người kháng chiến đối với núi rừng Việt Bắc đã được nói lên trong bài thơ từ biệt. Tuy có vẻ ngậm ngùi như tình của đôi người yêu trước khi chia tay, nhưng rất đằm thắm, trung hậu trong những lời gắn bó, hẹn hò.

Tình quốc tế đã được nói lên trong bài *Em bé Triều Tiên* với câu:

Em bé ơi giữa súng rền
Ngày mai tươi mát hát trên đất Triều

và trong bài *Đời đời nhớ Ông* với câu:

Yêu con, yêu nước, yêu nòi,
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu.

thực là những lời thơ nồng nhiệt, tả được tình quốc tế của đại chúng.

*

Thơ Tố Hữu rất nhiều hình ảnh đẹp. Tuy công việc bề bộn, nhưng nhà thơ trong Tố Hữu cũng cố tranh thủ được những phút rung cảm với thiên nhiên, nên mới nẩy ra những câu tuyệt đẹp như:

- Trên đồi quê trăng non mới hé
- Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo
- Lá ngụy trang reo với gió đèo
- Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương

- Nhớ sao tiếng sáo rừng chiều
Chầy đêm nện cối đều đều suối xa

Do đó, thơ Tố Hữu tươi sáng, lai láng hồn thơ dân tộc.

Lời thơ của Tố Hữu rất trau chuốt, nôm na như ca dao, vần phong phú, âm điệu êm dịu. Mọi tầng lớp nhân dân, quân đội, cán bộ, tuy sở thích khác nhau nhưng mỗi người đều thấy trong tập thơ *Việt Bắc* những bài vừa ý riêng mình để ngâm nga, học thuộc, nhớ lâu.

Riêng tôi, tôi thấy Tố Hữu đã thành công nhất trong những bài viết theo thể thơ vốn cũ, quen thuộc với đại chúng. Những bài ấy được phổ biến và truyền tụng sâu rộng hơn cả.

Trong những cuộc phê bình trước đây, các bạn đã phân tích khá nhiều về vấn đề hiện thực trong thơ Tố Hữu. Tôi cũng đồng ý là một tập thơ *Việt Bắc* chưa phản ảnh đầy đủ tất cả mọi mặt của cuộc kháng chiến anh dũng của quân dân ta, lý do tại Tố Hữu vì hoàn cảnh công tác chưa được sống thực sát với quần chúng công nông binh. Nhưng tôi thấy tập thơ *Việt Bắc* đã nói lên được những nét điển hình và những khía cạnh tiêu biểu tình cảm của những người kháng chiến, và trong số nhà thơ cách mạng của chúng ta – thực ra còn hiếm hoi quá – Tố Hữu là người tiêu biểu nhất, và có thể coi là một nhà thơ lãng mạn cách mạng của thời đại.

24-5-1955

TÚ MỠ

Văn nghệ, s. 75 (20.6.1955)

THƠ TỐ HỮU
ĐI VÀO THỰC TẾ QUẦN CHÚNG

NGUYỄN ĐÌNH THI

Mở cuốn sách nhỏ in những bài thơ của Tố Hữu, mắt tôi đọc, nhưng lòng tôi đã như động tới những ngày không thể quên, từ những năm mới kháng chiến. Tôi nhớ lại những ngày lo âu hồi cuối năm 1947, khi quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn và ào ạt tiến lên Việt Bắc. Tố Hữu vừa ở khu Bốn ra, một lần anh đi với tôi từ Thái Nguyên xuống Bắc Giang. Tôi vẫn nhớ tiếng cười, tiếng huýt sáo và giọng nói chuyện vui của anh, trên dọc đường, gặp mỗi đoàn bộ đội, mỗi bóng áo chàm, mỗi sườn đồi trồng sắn, mỗi ngã ba, tôi luôn luôn có cảm tưởng như anh sắp cất tiếng hát. Rồi những ngày quân Pháp từ trên đổ về, từ dưới tràn lên, những đêm mưa rét, súng nổ, lửa cháy, chúng tôi sống giữa những gia đình gồng gánh chạy tơi tả, và những anh bộ đội, du kích bắn nhau với giặc, bám lấy từng bờ đá, gốc tre. Sau trận Sông Lô, đi qua những làng cháy trụi bên ven con sông im lặng, chúng tôi gặp những mái lá còn xanh của đồng bào mới trở về. Quân giặc cuối cùng đã phải tháo chạy. Khắp Việt Bắc, cuộc sống lại nhóm lên. Một đêm, trong một xóm nhỏ vùng núi Phú Thọ, Tố Hữu thức suốt sáng, làm bài thơ ca ngợi chiến thắng và những người làm nên chiến thắng ấy: đó là bài *Cá nước*.

Chiến thắng Việt Bắc của bộ đội và nhân dân ta đã làm cho Tố Hữu tạo nên được một chiến thắng Việt Bắc trong thơ. Anh viết liền một hơi những bài *Bà mẹ Việt Bắc, Lượm, Bao giờ hết giặc*, rồi đến *Bầm ơi, Voi, Giữa thành phố trụi, Phá đường*. Tôi cùng đi với anh theo các đồng chí pháo binh, ban ngày hành quân, đến tối, anh trung đội trưởng chạy tìm cho chúng tôi một ống dầu dọc, và Tố Hữu đã viết ngay bài hành khúc *Voi ơi*, để sáng hôm sau, bộ đội có thơ hát cho nhẹ vai gánh đại bác. Anh nói chuyện với bà cụ chủ nhà chúng tôi ở, và anh ngồi bên bếp viết ngay *Bà bủ không ngủ, bà lo bời bời*. Những con người thực, những sự việc thực của đời sống hàng ngày lúc đó như một luồng sống ào ạt thổi vào tâm hồn anh, làm nảy lên những bài thơ như "măng mọc sau mưa xuân", như những đoá hoa đồng tươi thắm.

*

Thơ Tố Hữu trước cách mạng là ngọn lửa cháy trong tâm hồn một người tuổi trẻ yêu nước, yêu đời, yêu những người cực khổ, được Đảng chỉ cho thấy con đường cách mạng, nhưng chưa kịp biết cuộc sống thực, cuộc sống cơm áo, mồ hôi nước mắt của quần chúng lao động. Trong nhà ngục, chí bất khuất của người thanh niên vẫn gầm lên hoặc hát lên tha thiết, anh quyết vì Đảng chiến đấu đến cùng, ngọn lửa của anh luôn luôn cháy bỏng, – nhưng khi lắng nghe tiếng đập của cuộc sống bên ngoài, anh mới nghe thấy tiếng chim kêu, gió thổi, tiếng dơi chiều, tiếng ngựa hí. Khi anh nói *dưới đường xa, nghe tiếng guốc đi về*, mà bỗng làm ta lay động cả tâm hồn, là vì anh vừa nói đến một cái gì rất thực trong cuộc sống hàng ngày của những con người thực. Tiếng hát của Tố Hữu lúc ấy sôi nổi và cảm động, nhưng còn thiếu gốc rễ trong

những cái rất thực ấy của đời sống quần chúng. Vì vậy tiếng hát của anh chưa thoát ra được ảnh hưởng của thơ ca lãng mạn bấy giờ. Ta nghe trong *Đá uy nghiêm trầm mặc dưới trời tro* còn hơi thở của *Điêu tàn*, hoặc trong *Bạn đời ơi, vui chút với trời hồng* còn phảng phất câu thơ Xuân Diệu.

Ngay lúc đó, có những bài thơ của Tố Hữu đã bắt được rễ chắc hơn trong đời sống thực của nhà tù và những con người thực anh gặp lúc đó, trong cuộc đấu tranh hàng ngày của những chiến sĩ cách mạng, như bài *Nghĩa đời trong ba tiếng, Châu Ro*, hoặc đoạn thơ thất ngôn *Than ôi, xưa cũng chốn này đây* trong bài *Tiếng hát đi đầy*. Những khi ấy, hơi thơ hiện thực đã chớm lên. Những bài ca dao tiền khởi nghĩa, nói lên lời của nông dân chống đi phu, chống thóc tạ, trồng đay, cũng mở ra một hướng mới. Nhưng nhìn về căn bản, cho đến sau cách mạng, khi Tố Hữu nói lên niềm vui giải phóng, khi anh ca ngợi *Tình khoai sắn*, khi anh muốn bay múa trong *Đêm hoa đăng* kỷ niệm cách mạng, thơ của anh vẫn là *tự biểu hiện* của anh, và tâm hồn tự ca hát ấy vẫn còn chưa bắt liền được mạch sống với những vất vả, lo lắng, vui buồn của quần chúng.

Kháng chiến nhào nặn lại xã hội Việt Nam, như trong một trận động đất. Quần chúng đông đảo vào trong lửa cháy, thành những người anh hùng mới, đổ máu giành sống còn cho Tổ quốc, đổ mồ hôi làm thay đổi cuộc đời. Bước chuyển biến trong thơ Tố Hữu phản ảnh sự thay đổi lớn lao ấy của thực tế Việt Nam, mà con mắt đảng viên của anh đã nhận ra. Nhà thơ không đặt vấn đề tự nói mình nữa mà muốn nói anh bộ đội, bà cụ áo chàm, em bé giao thông, những con người thực hàng ngày sống chung quanh, những con người bình thường mà vĩ đại. Thơ Tố Hữu chuyển mạnh, đi hẳn vào thực tế của quần chúng cách mạng.

*

Bước chuyển ấy trước hết là chuyển đề tài. Nhưng chỉ chuyển đề tài mà thôi chưa đủ. Có nhà thơ mượn đề tài công nông binh để tự biểu hiện mình, có người muốn nói công nông binh nhưng đi vào quần chúng như "chắt chắt vào rừng xanh". – Muốn biểu hiện quần chúng một cách trung thành, nhà thơ phải hiểu quần chúng, thuộc quần chúng, tự hoà vào quần chúng, đến trình độ nghe được bằng tai của quần chúng, nhìn được bằng mắt của quần chúng, nói được bằng tiếng nói của quần chúng.

Bước chuyển của Tố Hữu sang thơ hiện thực, không những chỉ là chuyển đề tài, mà là chuyển cả hồn thơ và tiếng nói. Đó là nhờ trong nhà tù, trong hoạt động cách mạng, anh đã thu được một cái vốn sống của quần chúng mà trước kia anh chưa biết đường nói ra rõ ràng. Thực tế quyết liệt của kháng chiến ném công việc làm thơ vào giữa cuộc hành quân vất vả của pháo binh hay nỗi lo âu thắt ruột của bà mẹ chiến sĩ, sự lay động đến gốc rễ của tâm hồn người làm thơ và cái trách nhiệm sâu xa mà người làm thơ cảm thấy trên vai, khi nhìn vào những sống chết hàng ngày của quần chúng, – tất cả những cái đó đã giúp cho Tố Hữu đập vỡ được nốt cái vỏ lãng mạn cũ còn kìm thơ anh lại. Mới cách ít lâu, anh còn viết:

Nhân loại trườn lên trên biển máu.
Đang mơ xuân đến với môi cười.

những câu đẹp, chữ và hình ảnh lôi cuốn người làm thơ. Đến nay anh nói:

Tôi ở Vĩnh Yên lên,
Anh trên Sơn Cốt xuống.
Gặp nhau lưng đèo Nhe
Bóng tre trùm mát rượi

Tình cảm và tiếng nói của anh trở lên mộc mạc đơn giản, – cái đơn giản thực thà của cuộc chiến đấu nghiêm khắc. Tôi còn muốn dẫn nhiều đoạn thơ của anh, đạt tới cái thật chất đơn giản của sự sống. Những "tiếng guốc đi về" ngày trước ít vang động trong thơ anh. Nay trong mỗi bài đều nghe thấy tiếng thở của đời sống, của những con người ta gặp hàng ngày. Từ cây tre, tảng đá, từ tiếng chim kêu, gà gáy đều thay đổi.

Xưa, trên đường đi đày, giữa đèo cao núi thẳm anh nghe

Gà đâu gáy động im lìm
Mơ mơ mấy xóm tranh chìm trong mây

Nay cùng anh vệ pháo, anh hát:

Ta bế ta bồng
Voi lên ta vác
Vai ta vai sắt
Chân ta chân đồng
Ta đi qua rừng
Lau tre san sát
Voi nghe ta hát
Núi dội vang lừng
Ta bước lên đèo
Ta leo lên dốc
Voi ơi, khó nhọc
Khó nhọc cũng trèo

Tôi không thể không dừng lại bài *Voi* ấy của Tố Hữu, một bài thơ mà tôi nghĩ là rất quý cho thơ Việt Nam. Tôi muốn chép lại cả bài thơ ở đây. Trong tiếng hát của anh pháo binh chúng ta nghe như vang dội tiếng hò của người kéo gỗ. Bài thơ vui đùa mà chắc nịch, thật lạc quan, nó mang tính chất chiến đấu của những người lao động, thấy rằng do sức lao động của

mình mà làm được tất cả. Lao động ấy xưa kia là nỗi khổ nhục, vì phải dùng để cung phụng cho bọn áp bức bóc lột, thì ngày nay trở nên vui tươi, vì nó phục vụ cho người lao động. Tôi thiết nghĩ cái điển hình nhất trong đời sống quần chúng chính là lao động, là chiến đấu. Bài *Voi* đã đem vào thơ ta tiếng hát khoẻ mạnh và tự hào của quần chúng lao động và chiến đấu, Cùng một giòng ấy, bài *Phá đường* uyển chuyển hơn, nhưng theo tôi không được chắc mạnh bằng. Đó là những bài thơ hiện thực mang nhiều cái "mới" đang sinh thành trong đời sống chúng ta. Tố Hữu đã tìm biểu hiện quần chúng trong hình thái sinh hoạt điển hình tức là lao động, mà lao động chính là chiến đấu của quần chúng. Cũng do biểu hiện được sinh hoạt lao động, những bài thơ ấy mang một tình cảm lạc quan có cơ sở vững chắc, hướng rộng về tương lai.

*

Tố Hữu chuyển sang hiện thực và đi vào biểu hiện quần chúng không phải bài nào cũng thành công và trong một bài, không phải câu nào cũng thành công. Nhưng phương hướng chung của thơ anh đã rất rõ. Tố Hữu không biểu hiện những con người quần chúng một cách cứng nhắc, giả tạo. Mỗi nhân vật của anh đều khá rõ nét, không lẫn lộn với nhau, những trường hợp anh đưa ra khác nhau và những tình cảm của nhân vật thơ anh cũng nhiều vẻ. Nhà thơ nhìn vào cuộc sống thực và cố trung thành với quần chúng thực chung quanh anh chứ không suy luận ra những nhân vật, tình cảm cho đúng với một kiểu "hiện thực xã hội chủ nghĩa" nào tưởng tượng ra trong óc. Một điểm chứng tỏ tính chất hiện thực ấy của thơ Tố Hữu là những con người anh mô tả đều rất rõ bản sắc dân tộc. Anh bộ đội hiền lành "tì tay trên mũi súng" ấy là anh bộ

đội Việt Nam của năm 1947, còn quen tì tay trên cán cuốc, khi ngồi nghỉ ngoài đồng. Bà mẹ ấy, em bé ấy, chị nông dân đi phá đường ấy, là bà mẹ, em bé, là chị nông dân Việt Nam. Khung cảnh đất nước, ánh sáng bầu trời, bóng tre, màu lúa, hay tiếng mưa trong núi, rồi tấm áo nâu hay vạt áo chàm, nét mặt con người, giọng cười câu nói, cho đến lối nhìn, nghe, lối ví von, tất cả những cái ấy quyện vào nhau tạo cho những bài thơ Tố Hữu một "không khí" dân tộc không thể nào đem tách ra thành từng điểm "một, hai, ba" được. Tính chất dân tộc làm cho những nhân vật "sống" một cách cụ thể, in sâu vào lòng người. Và ngược trở lại, chính nhờ đi vào đời sống quần chúng, mà Tố Hữu đã hiểu được đất nước và biết yêu dân tộc một cách sâu sắc hơn trước.

Lòng yêu nước của Tố Hữu trước hết là lòng yêu những người của đất nước, những người nông dân chịu thương chịu khó, làm nhiều mà nói ít, hiền lành mà anh dũng, giản dị mà trung hậu, bền gan bền chí, rất dễ vui, ngay trong kháng chiến gian khổ. Tình yêu ấy của Tố Hữu dịu dàng, đằm ấm, chan chứa kính mến và đượm cả xót thương, có đôi khi đến bùi ngùi. Mỗi khi đọc lại những câu bà ru cháu trong bài *Cá nước*, tôi không thể ngăn được mình như nghe thấy tiếng võng đưa kẽo kẹt, đầu một "xóm tre xanh" nào.

Cháu ơi cháu lớn với bà
Bố mày đi đánh giặc xa chưa về
Cháu ngoan cháu ngủ đi nhe
Mẹ mày ra chợ bán chè bán rau
Bố đi đánh giặc còn lâu
Mẹ mày cày cấy ruộng sâu tối ngày

Khi Tố Hữu tả *Bà bủ nằm ổ chuối khô* nhớ con suốt đến sáng, bài thơ ngắn gọn, những câu thơ gân guốc, và như

những tảng đất của một luống cày, những cảnh đất nước phác ra vừa đủ, đời sống đất nước, người của đất nước rõ mồn một.

Bà bủ nằm ổ chuối khô
Bà bủ không ngủ bà lo bời bời
Đêm nay tháng chạp mồng mười
Vài mươi bữa nữa tết rồi hết năm.

Và lòng người mẹ thương con ấy cũng là lòng thương không cùng của bà mẹ Việt Nam.

Nhà còn ổ chuối lửa rơm
Nó đi đánh giặc đêm hôm sưởi gì
Năm xưa cơm củ ngon chi
Năm nay cơm gié nhà thì vắng con
Bà bủ gan ruột bồn chồn
Con gà đã gáy đầu thôn sáng rồi.

Diễn tả sự sống dân tộc, cũng nhờ đi vào quần chúng, cố gắng nói tiếng nói của quần chúng, Tố Hữu đã tìm được tiếng nói Việt Nam trong sáng của ca dao. Trong những bài thơ nhiều hơi lãng mạn cũ, câu thơ của Tố Hữu mới đọc thì thấy bóng bẩy chải chuốt, nhưng đem soi ra thì còn sạn vì những *bởi* những *với*, những *của*, những chữ trừu tượng và cầu kỳ, những cách đặt câu trúc trắc hoặc lai. Trong một câu thơ còn thấy những chữ cố gắng gắn vào nhau để tạo nên hình ảnh. Đi vào quần chúng, tìm cách diễn đạt dân tộc, câu thơ của Tố Hữu trở nên liền mạch, chữ sau theo chữ trước, câu trước nối với câu sau, tự nhiên như chân tay nối với thân thể, như những bước đi của một người sống. Và tiếng nói Việt Nam luôn luôn hát lên thành âm nhạc trong thơ Tố Hữu. Có những câu thơ trong suốt, mới nhìn không thấy gì lạ cũng như khi ta nhìn vào một giòng suối. Nhưng đọc rồi nhớ mãi, cái ngọt của nước suối ấy uống không chán.

Nhà em phơi lúa chưa khô
Ngô chửa vào bồ sắn thái chưa xong
Nhà em con bế con bồng
Em cũng theo chồng đi phá đường quan...

hay là:

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh...
... Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

NGUYỄN ĐÌNH THI

Văn nghệ, s. 77 (14.7.1955)

LẬP TRƯỜNG GIAI CẤP VÀ ĐẢNG TÍNH, VẤN ĐỀ HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN

NGUYỄN ĐÌNH THI

ĐẶT VẤN ĐỀ GIAI CẤP NHƯ THẾ NÀO?

Trong cuộc thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* có bạn nêu lên vấn đề "giai cấp tính" và cho rằng "giai cấp tính" ấy, tức là cái "điệu tâm hồn" của nhà thơ. Theo bạn đó, "giai cấp tính" của thơ Tố Hữu là tiểu tư sản cách mạng. Chứng cớ là tập thơ *Việt Bắc* không có bài nào nói đến Đảng và giai cấp công nhân, và "điệu tâm hồn" của Tố Hữu nhiều buồn rơi rớt.

Tôi chưa nói "điệu tâm hồn" của Tố Hữu có buồn rơi rớt hay không. Theo tôi nghĩ, trước hết cách đặt vấn đề "giai cấp tính là điệu tâm hồn" như trên đây, đã sai từ đầu và làm nẩy ra nhiều lầm lẫn.

Mỗi nhà thơ có tâm hồn riêng, cũng như mỗi con người có một nét mặt, một tính nết. Có nhà thơ là tiếng kèn trận, có nhà thơ là tiếng sáo véo von. Có nhà thơ là dòng suối trong thấm thía, có nhà thơ là dòng thác dữ xô đẩy. Nói "tính chất vô sản" là "điệu tâm hồn" này hay "điệu tâm hồn" kia, cũng khác nào nói tất cả những cán bộ là phải mặc áo nâu, ai

không mặc áo nâu thì không phải là cán bộ. Sự lầm lẫn nguy hiểm đó đưa tới chỗ bắt người sáng tác phải chịu cái "khuôn chết" của một thứ "giai cấp tính" mơ hồ.

Thực tế của thời đại chúng ta có cả tiếng kèn lẫn tiếng sáo, dòng suối và dòng thác, và còn "trăm hoa đua nở" nữa. Nên trong thơ ca hiện thực, chúng ta cần rất nhiều tiếng nói khác nhau của các nhà thơ. Vấn đề chủ yếu là nhà thơ mưu lợi ích cho ai? Cho một thiểu số thống trị, hay cho nhân dân cách mạng? Cho những giai cấp bóc lột áp bức hay cho quần chúng lao động? Nhà thơ nhìn nhận xã hội này là của ai? Và tương lai là của ai? Đó là lập trường, quan điểm giai cấp của nhà thơ.

QUẦN CHÚNG LAO ĐỘNG LÀ ANH HÙNG CỦA THỜI ĐẠI

Những bài thơ của Tố Hữu không nói trực tiếp đến Đảng và giai cấp công nhân (tất nhiên nếu nói được thì càng tốt) nhưng đều phản ảnh sự thực căn bản là quần chúng lao động làm ra lịch sử. Thơ Tố Hữu cho ta thấy những người nông dân lao động bình thường chính là những người gánh cả kháng chiến trên vai và làm cho kháng chiến thắng lợi. Chỉ có tư tưởng của giai cấp công nhân, chỉ có Đảng mới soi được ánh sáng đó vào ý thức và tâm hồn nhà thơ.

Anh bộ đội rất hiền lành, trong bài *Cá nước*, cùng với người mẹ già của anh ở "đầu xóm tre xanh", và người vợ anh "cày cấy ruộng sâu tối ngày", đấy chính là những người đã làm cho *tàu giặc đắm sông Lô... máu tanh đến bây giờ...*, làm cho *cánh đồng quê tháng mười*, sau những ngày quân giặc

lồng lộn, vẫn *thơm nức mùa gặt hái*. Anh chiến sĩ có thể đi đánh giặc ở tiền tuyến là vì ở quê nhà mẹ anh, vợ anh, hàng ngày cặm cụi làm ruộng nuôi con anh, và ngược trở lại, cánh đồng quê nhà anh đến mùa vẫn vàng, vẫn chín, cũng là vì có anh ở tiền tuyến. Tất cả kháng chiến là công sức của quần chúng và quần chúng bao giờ cũng vẫn còn, không sức gì tiêu diệt được, vì chỉ có bàn tay quần chúng hàng ngày làm ra được tất cả sự sống của xã hội. Bỏ mất ý nghĩa đó, thì đọc bài *Cá nước* chỉ còn thấy câu chuyện tâm tình của anh bộ đội nhớ nhà, có người lại nói "tiểu tư sản", hình như các anh bộ đội không biết nhớ mẹ, nhớ con, nhớ vợ bao giờ!

Những lời kể chuyện rất thực thà, đơn giản của "bà mẹ Việt Bắc" nghèo khổ cũng vậy, đó là những câu thơ anh hùng ca của thời đại chúng ta. Từ cuộc đời nô lệ, *bữa đói bữa no, ngày đôi bát ngô*, những thằng quan châu có quyền bắt người nghèo như bắt trâu bò, từ đêm dài tối tăm ấy, những đứa con "lành như đất" của các bà mẹ nông dân can đảm đã làm ra cách mạng. Đến khi mẹ gặp lại con, nhà thơ viết mấy câu giản dị:

Tôi ôm lấy nó
Tôi kể trước sau
Nỗi nhà mất bố
Nỗi anh chết tù
Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi
"Mé ơi đừng khóc
Nước độc lập rồi!"

Tôi nghĩ không có cảnh "Nhạc Phi với mẹ" nào so sánh được với cảnh gặp gỡ giữa người mẹ và người con ấy của cách mạng chúng ta.

Có những bài thơ của Tố Hữu đã truyền cho chúng ta cảm thấy cái vĩ đại trong đời sống giản dị của quần chúng. Đó không những vì tài năng của nhà thơ, mà căn bản là vì *trong thực tế*, chính quần chúng vĩ đại thực, chính quần chúng thực sự làm ra lịch sử bằng lao động hàng ngày của mình.

TIN VÀO QUẦN CHÚNG THỰC

Tố Hữu tin vào quần chúng thực, quần chúng sống hàng ngày, có vui buồn, đôi khi còn những lo lắng quanh quẩn nữa.

Nếu một anh chính trị viên thấy một chiến sĩ có lúc nhớ nhà mà đến phê bình luôn là "tiểu tư sản hiu hắt", thì anh chính trị viên ấy không hiểu gì về bộ đội và cũng không thể nào được bộ đội nghe theo. Một bà mẹ nghèo, đêm mùa đông sắp đến tết, bà cụ nằm trên ổ chuối khô bồn chồn nghĩ đến đứa con đi bộ đội, quên cả mình đang rét, đang khổ, chỉ thương con vất vả ở mặt trận. Nếu một anh cán bộ thấy bà mẹ ấy mà cho là "tiểu tư sản" hoặc lạc hậu, chẳng đáng nói đến, thì anh cán bộ ấy cũng không làm cán bộ được. Nhà thơ là người chính trị viên, người cán bộ tâm hồn của quần chúng, nếu không dám đi vào quần chúng đang sống thực, chỉ tô vẽ ra một hình ảnh giả tạo của quần chúng, cho hợp với mong muốn của mình, thì những sáng tác chỉ là những mảnh giấy, chạm phải cơn bão thực của đời sống sẽ bị thổi rách tan, bay đi đâu mất.

Tố Hữu biết người chiến sĩ trên đèo Nhe nhớ nhà lắm vì gia đình anh chiến sĩ ấy còn nghèo đói, vất vả, nhưng chính vì biết yêu gia đình quê hương mà người chiến sĩ đánh cho "giặc chạy re". Tố Hữu nhìn thấy lòng yêu con của bà mẹ nông dân chất phác là một lòng yêu không cùng. Vì thương đứa con ra

đi "giải phóng" bà mẹ ấy có thể làm những việc chuyển trời. Và cũng chỉ có những đứa con của những bà mẹ ấy mới có thể chân đi đất mà dẫm qua dây thép gai của đồn giặc.

Tố Hữu còn nhìn thấy trong đời sống vất vả, gian nan của quần chúng, đã hé lên ánh sáng của ý thức mới, ý thức người lao động từ nay làm chủ vận mệnh của mình, và tươi vui với cuộc sống mới do mình làm ra, do mình bảo vệ. Chú bé Lượm, với tiếng nói thật thà của đứa trẻ, đã bảo chú nó

Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà.

Chị nông dân Bắc Giang lo việc nhà, con mọn, nhưng trong đêm rét, vẫn vui vẻ phá đường, vì chị biết chị phá đường đây là để giữ lấy ngô sắn, giữ lấy đời sống cho đứa con đang ngủ ngoan đợi mẹ về.

Thơ Tố Hữu yêu đời và tin tưởng ở tương lai là do lòng tin thực sự đó vào quần chúng.

Đảng tính trong thơ Tố Hữu chính là ở chỗ luôn luôn tin quần chúng, cố gắng gần quần chúng, nói đúng đời sống của quần chúng, nói thế nào cho quần chúng hiểu, tìm ra cái mới do quần chúng sáng tạo, để đem dắt dẫn cho quần chúng tiến lên. Từ quần chúng mà ra và trở về với quần chúng. Đó là đảng tính của người chiến sĩ văn nghệ thực sự làm nhiệm vụ văn nghệ mà Đảng giao cho, giữa cuộc chiến đấu gay go, phức tạp hàng ngày của quần chúng.

YÊU NƯỚC TRÊN CƠ SỞ GIAI CẤP

Lòng yêu nước trong thơ Tố Hữu gốc rễ cũng ở quần chúng. Thơ Tố Hữu tự hào, yêu từ ngọn lúa, ánh nắng của đất

nước, là vì đất nước ấy ngày nay đã là của nhân dân. Ta thường nói: người cộng sản là người yêu nước nhất. Người cộng sản yêu quý đất nước vì nhìn thấy đất nước là bao nhiêu công sức mồ hôi nước mắt của những bàn tay lao động đời này qua đời khác làm ra. Người cộng sản tự hào về Đảng vì thấy nhờ Đảng soi đường mà quần chúng tự giải phóng được, sức lao động sáng tạo của nhân dân phát triển được đến vô cùng làm cho đất nước đẹp thêm mãi, và những con người trước kia chưa hề được sống như con người, nay mới thành con người thật.

Không phải thơ Tố Hữu không còn khuyết điểm, nhưng chúng ta cần nhận rõ trong thơ Tố Hữu, những vấn đề Đảng, giai cấp, quần chúng, dân tộc, không thể tách rời ra được. Mà sở dĩ như vậy là vì *trong thực tế* hàng ngày của xã hội ta, Đảng, giai cấp, quần chúng, dân tộc không thể tách rời nhau được. Chúng ta thử nhìn chế độ thống trị của bọn địa chủ, và tư sản mại bản ở miền Nam nước ta hiện thời. Mồm chúng cũng nói dân tộc, nói quốc gia, giống nòi, nhưng quyền làm chúa đất và bóp cổ dân cày, quyền bóc lột áp bức của chúng đi ngược hẳn với nhân dân. Chúng không thể yêu nước vì chúng chỉ có bám đít đế quốc mới sống được. Nhìn thấy sông Khung hay cánh đồng Tháp Mười, nhìn thấy chú bé áo nâu nhảy nhót tự do trên đường, nhìn thấy một người trong sạch, khảng khái, chúng hằn học, muốn giết, muốn giam cầm, muốn phá hoại.

Những bọn chó săn của đế quốc, địa chủ, dù có đưa ra chiêu bài nghệ thuật quốc gia dân tộc gì để lừa bịp những người ngay thật, chúng cũng không thể nào hiểu và yêu được nghệ thuật mang sức sống mạnh mẽ và trong sáng của nhân dân ta. Chúng chỉ có thể thích thú và bắt chước "lối sống" và thứ nghệ thuật vô tổ quốc kiểu Mỹ, dựa vào sự sa đoạ và lưu

manh hoá con người.

"Nghệ thuật vị nghệ thuật" kiểu tư sản cũng vậy, có nói tìm cái mới, phá cái cũ, nhưng thực chất vẫn không thể thoát ra khỏi cái cũ được, thực chất nó cũ kỹ, lụ khụ, bế tắc và chỉ đẻ ra được những quái thai chết yểu, vì nó xa rời quần chúng, là những người đang thực sự làm đổi mới cuộc đời.

Người yêu nước không thể không yêu nhân dân, và nếu đi vào nhân dân, thì không thể không thấy Đảng sống giữa nhân dân, như ánh sáng của ban ngày.

Thơ Tố Hữu mang được hơi thở của quần chúng, và dạt dào lòng yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, chính là nhờ có ánh sáng của Đảng từ bên trong tâm hồn chiếu ra.

ĐỜI SỐNG RIÊNG CỦA NHÀ THƠ VÀ QUẦN CHÚNG

Trên bước đường chuyển vào thực tế quần chúng, nhà thơ Tố Hữu ít nói đến mình. Nhưng trong khi tìm cách tả cho đúng thực anh bộ đội, bà mẹ chiến sĩ hoặc em bé giao thông, thì Tố Hữu đã tự tạo được cái điệu thơ riêng, cái cá tính mà trong thơ Tố Hữu trước Cách mạng, ta chưa thấy thành hình hẳn. Trong khi nhà thơ nói đến những con người khác, mà ta nghe được rõ những điều không nói ra, trong tâm hồn anh. Trong khi đi vào cuộc sống chung quanh, nhà thơ đã tự tìm thấy mình.

Nhưng ngoài việc mô tả quần chúng, Tố Hữu cũng tự đem mình ra nói trong mấy bài thơ: *Giữa thành phố trụi, Lên Tây Bắc, Bắn.*

Cái "tôi" mà nhà thơ nói lên trong mấy bài thơ đó không

lúc nào là một cá nhân tự quay vào mình, tự đóng cửa tâm hồn để soi gương, mà trái lại đó là một tâm hồn đang muốn suy nghĩ, ca hát, căm giận cùng với những cảnh, những người của kháng chiến.

Nhưng đọc ba bài thơ, tôi cảm thấy một giọng nói, những tình cảm, những cảnh vật và con người khác với trong những bài thơ mô tả quần chúng.

Khi tả những cảnh đẹp những tình cảm muốn bay lên, thì những cái đẹp và bay lên ấy của nhà thơ chơi vơi, có khi cầu kỳ:

Ta lại bước đi trên đường đá rát
Gõ gót vui nghe tiếng hát
Của mỗi hòn gạch nát mỗi cành khô

(*Giữa thành phố trụi*)

Cái *gõ gót* ấy khác hẳn với *ta đi lên đèo, ta leo lên dốc* của anh chiến sĩ pháo binh.

Một mặt khác, khi nói đến căm thù, những cảnh chết chóc mà nhà thơ đưa ra thường như một bức ảnh tỉ mỉ nhưng ghê rợn:

Thây chúng nó tung lên từng miếng đỏ
Đầu chúng nó óc phọt ra ngoài sọ

Trái lại, ta hãy nghe anh vệ quốc trong *Cá nước* nói đến quân giặc chết:

Rồi Bông Lau, Ỷ La,
Ba trăm thằng tan xác
Cành cây móc thịt da,
Thối inh rừng Việt Bắc,
Tàu giặc đắm sông Lô
Tha hồ mà uống nước

Máu tanh đến bây giờ
Chưa tan mùi bữa trước.

Ta nghe thấy tiếng anh chiến sĩ cười thắng trận và ta cảm thấy lòng anh căm thù và khinh quân giặc chứ không phải anh thích thú cảnh máu xương.

Trong bài *Bắn*, người đọc thấy nhà thơ nóng nẩy vì căm thù, nhưng anh *không có việc* giữa lúc chiến sĩ đang bận túi bụi và hết sức căng thẳng. Những lời giục "*Sao mà lâu thế nhỉ*", "*Anh còn đợi chờ gì?*" "*Chúc đồng chí bắn thẳng vào cho đúng*" "*Ơi các anh xung kích dưới cỏ âm thầm*", tất cả càng làm cho sự nóng nẩy, bồn chồn của nhà thơ trái ngược với người chiến sĩ mà ta cảm thấy đang lầm lì, bình tĩnh, cố gắng sửa soạn trận đánh cho thật chu đáo. Rồi khi tác giả gọi "*Anh đại bác tôi chờ anh để hát*", thì ta nghĩ: bao nhiêu chiến sĩ sắp lăn vào chỗ sống chết, đâu có phải chỉ để cho nhà thơ hát.

Nhìn chung, khi nhà thơ Tố Hữu tự nói đến mình (trong mấy bài thơ trên đây), tôi thấy những ý nghĩ và tình cảm của anh còn kém gắn bó với quần chúng. Do đó, sự sống trong thơ kém thực chất của lao động và chiến đấu, cảnh nhiều hơn tình, chữ nhiều hơn ý, lời nói nhiều hơn việc làm.

Không phải đó là vì nhà thơ đã nói đến mình quá nhiều. Trái lại, trong ba bài thơ, ta chưa thấy rõ hình bóng cuộc đời của nhà thơ ra sao. Nhà thơ làm gì giữ thành phố trụi, hay giữa các chiến sĩ, anh ở đâu tới, đi đâu, anh có yêu ai không, tình yêu của anh có ảnh hưởng gì đến sự suy nghĩ hoặc lòng căm thù của anh không, tất cả những cái đó đều còn mờ nhạt, hoặc chưa có hình bóng.

Đời sống riêng của nhà thơ còn như bị nén lại, và hình như nhà thơ cho rằng những chuyện riêng của mình là không

đáng nói giữa cuộc đấu tranh sống chết của quần chúng. Nhưng thực ra khi nhà thơ đã nói "tôi" thì chính quần chúng hỏi "đồng chí là ai, và đến có việc gì? " Cái "tôi" ấy lúc bấy giờ là của quần chúng chứ không phải của riêng nhà thơ nữa.

Vì nhà thơ mới nói đến mình một cách chung chung nên những gắn bó của cuộc đời ấy với sự sống chết của quần chúng cũng mới chung chung. Có lúc tôi nghĩ trong bài *Bắn*, giả thử ý căm thù chung được gắn vào lòng căm thù riêng của thi sĩ, – ví dụ nhà thơ nhắc đến một kỷ niệm hay một người thân yêu trong đời mình, – thì có lẽ ý căm thù của bài thơ sẽ "sống" và mạnh lên rất nhiều. Và ví dụ nhà thơ nói rõ cho ta thấy vận mệnh của anh và của thơ anh gắn bó với công việc chiến đấu của các chiến sĩ như thế nào, thì có lẽ người đọc không bị cảm giác "nhà thơ không có việc" như khi nghe câu kết *Anh đại bác tôi chờ anh để hát.*

Nhà thơ chỉ có thể lớn do thời đại phản ảnh vào bản thân mình. Tiếng sáo của nhà thơ chỉ có thể rung động và vang xa khi nào có luồng gió của thời đại, của nhân dân thổi vào.

Nhưng đời sống riêng của nhà thơ mang được hơi thở của quần chúng, thì nó cũng sẽ lớn lao, sâu sắc và nhà thơ tự nói đến mình càng rõ rệt lại càng gần gụi với mọi người. Theo tôi, những vấn đề riêng của nhà thơ mà gắn bó nhất với quần chúng là cái lao động của nhà thơ, tức là việc làm thơ, và tình yêu là một tình cảm căn bản của mọi người.

NGUYỄN ĐÌNH THI

Văn nghệ, s. 78 (21.7.1955)

NHÀ THƠ LỚN LÊN VỚI THỜI ĐẠI(*)

Nay hoà bình, kháng chiến thắng lợi, những người kháng chiến chào Việt Bắc về xuôi. Cái ý nghĩa của tất cả lời chào ấy theo tôi cũng ở mấy câu, như một nút động thứ hai của bài thơ, khi nhìn về tương lai.

Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng...

Hoà bình tới, chiến tranh đã chấm dứt, "từ thôn quê chuyển về thành thị" đời sống sẽ thay đổi, nhưng chúng ta không muốn để cho phai nhạt mất những cái quý báu mà Việt Bắc đã rèn luyện cho mỗi con người trong kháng chiến: cái đạo đức giản dị, trong sạch, cái tinh thần chiến đấu gian khổ, tự lực cánh sinh. Ngay từ lúc ấy nhà thơ đã nhìn thấy phải đấu tranh với cái mệt mỏi, muốn nghỉ ngơi, hưởng lạc, nó sẽ có thể nẩy ra trong lòng mỗi người, khi về giữa "nhà cao, phố đông, đèn sáng". Nhưng không, *nhà cao chẳng khuất non xanh*, ta về nhưng lòng ta vẫn ở với Việt Bắc. Ta nhớ bà mẹ

(*) Ba bài đăng báo của Nguyễn Đình Thi về tập *Việt Bắc* thật ra nằm trong một bài viết chung. So với toàn văn bài viết đó (*Tập thơ Việt Bắc* // trong sách *Mấy vấn đề văn học* của Nguyễn Đình Thi; in lần 2, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1958, tr.143-177) thì các bài đăng báo bỏ một đoạn dài 8 trang, nằm giữa kỳ đăng thứ hai và thứ ba. Sưu tập này không in thêm đoạn đó (NST).

trên nương vẫn còn cháy lưng vì nắng, ta nhớ em gái hái măng, em phải được sống một cuộc đời mới. Chỉ có phấn đấu nữa, ra sức xây dựng đất nước mới của chúng ta, cho Việt Bắc trở nên giầu có sung sướng, ta mới làm cho lòng thương nhớ Việt Bắc thành sức mạnh. Nhận ra được phương hướng đó, bản hợp tấu khi thiết tha, khi hùng tráng, khi thánh thót, khi sôi sục, đã kết thúc bằng những âm thanh trong sáng chan hoà.

Nhớ ông cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người

Hồ Chủ tịch rời Việt Bắc để đưa dân tộc ta tới những ngày mới.

TƯ TƯỞNG PHẢI BÁM CHẮC LẤY THỰC TẾ

Tôi đã phải trích dẫn nhiều, và nhắc lại những câu thơ mà bạn đọc đã nghe nhiều người giải thích mỗi người một cách. Và chính tôi khi trích dẫn hoặc phân tích cũng thấy rằng được mặt này thì thiếu mặt kia. Đó là vì trong những câu thơ ấy đã có những con người, những sự việc, những tình cảm, ý nghĩ có thực của một giai đoạn lịch sử còn đang nóng hổi trong mỗi chúng ta. Khi có dấu vết sự sống, thì tác phẩm nghệ thuật cũng mang được cái dồi dào của sự sống, nó làm cho mọi phân tích đều vẫn cứ chưa nói hết được.

Nhưng tôi đã không ngại bỏ sót nhiều điểm khác mà nhằm theo dõi những bước cố gắng của Tố Hữu để làm cho thơ anh lớn lên về tư tưởng. Vì tôi nghĩ đó là một điều còn

hiếm trong văn nghệ chúng ta ngày nay. Chúng ta còn ít suy nghĩ quá trong cuộc sống và trong sáng tác. Mỗi người làm nghệ thuật còn chưa nhận hết trách nhiệm của mình trong cuộc chiến đấu của nhân dân. Nghệ thuật mới của chúng ta phải là nghệ thuật có những suy nghĩ sâu sắc, những tình cảm lớn lao. Phục vụ đối với người nghệ sĩ nghĩa là đem hết sức suy nghĩ, và đem hết tâm hồn vào cuộc đấu tranh của quần chúng.

Nhưng sự suy nghĩ và rung cảm của người nghệ sĩ phải luôn luôn bắt nguồn và nhào nặn trong thực tế quần chúng, nó đổi mới và phát triển không ngừng. Và rút lại đến cùng, quyết định cho sự sáng tác, chính là thực tế cuộc sống. Tác phẩm nghệ thuật xét đến gốc vẫn là một phản ảnh của cuộc sống. Điều đó không làm giảm sút giá trị suy nghĩ và rung cảm của người nghệ sĩ mà trái lại nó bảo đảm cho sự suy nghĩ và rung cảm ấy không bao giờ cạn.

Nhìn lại thơ Tố Hữu trong giai đoạn về sau, bên sự trưởng thành về tư tưởng, chúng ta cũng phải nhận thấy có một thiệt thòi rất lớn nó giới hạn sự sáng tác của nhà thơ và làm cho sự sáng tác ấy chật vật thêm rất nhiều: là nhà thơ không có nhiều điều kiện (hay là anh chưa cố gắng tạo cho mình thêm điều kiện?) sống hàng ngày giữa thực tế quần chúng, ở những nơi đấu tranh điển hình nhất, – như là ngày đầu kháng chiến. Do đó, cái phần "tươi mới", cái tính chất còn ròng ròng sự sống của thơ Tố Hữu về sau này không được như trước. Những hình ảnh đạt nhất mà anh tạo ra là những hình ảnh có tính chất so sánh và tổng quát (*Đêm lịch sử Điện Biên sáng rực,* v.v...). Ít những hình ảnh dựng ngay lên một con người, một hành động, một phong cảnh cụ thể đang sống trước mắt chúng ta. Thơ Tố Hữu về sau thiếu cái luồng rung động trong giây phút mà còn lâu mãi của bài *Cá nước*, hay

Lượm, thiếu cái nhuần nhuỵ tự nhiên của những cái đang sống, của con người đi lại, nói cười, của ngọn lúa có hạt mưa phùn rơi, của cái đêm đông có gà gáy sáng.

Tôi có cảm tưởng nhiều khi nói đến chiến sĩ ngoài mặt trận, hay chị dân công trên đèo, nhà thơ phải dùng sức tưởng tượng mà bồi đắp cho những hình ảnh về thực tế mà anh đã thâu lượm được từ trước. Có lúc sự bồi đắp ấy thành công vì cái vốn cũ của nhà thơ đủ dồi dào, nhưng cũng nhiều lúc, sự bồi đắp đó đuối sức, vì thực tế đã vượt lên những trình độ mới mà không sức tưởng tượng nào có thể đuổi kịp và giúp ta biểu hiện lên được. Những khi ấy, hình ảnh trong thơ trở nên chung chung, làm cho ý của câu thơ bị phơi trần ra, không sống lên linh động được. Ví dụ như những câu tả chiến sĩ Điện Biên:

Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi ngủ hầm
mưa dầm cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn, v.v...

Nhưng cái ảnh hưởng rõ rệt và thiệt thòi nhất của sự thiếu thực tế đó là *nhà thơ chưa sáng tác được về cải cách ruộng đất*. Vì thực tế của cải cách ruộng đất là một thực tế vĩ đại và mới mẻ, nó làm cho nông thôn và người nông dân có một biến đổi về chất lượng, đang từ một thời đại lịch sử này sang một thời đại lịch sử khác, đang từ một cuộc sống kéo dài từ hàng nghìn năm sang hẳn một cuộc sống mới. Bản thân nhà thơ vốn đã không sống cuộc đời bị địa chủ áp bức bóc lột, mà bây giờ lại không được tham gia trong một phần nào

vào thực tế cuộc đấu tranh của nông dân đang lật nhào giai cấp địa chủ, thì tôi nghĩ thật khó tạo ra hình ảnh gì cho sống, cho thực về cuộc đấu tranh đó. Cái vốn cũ của nhà thơ về nông thôn và nông dân, tới cuộc cải cách ruộng đất, đã bị vượt quá xa. Và thiếu thực tế ấy, thì sự suy nghĩ, tình cảm, ý thức giai cấp của nhà thơ, cũng còn thiếu hẳn một phần căn bản, và không nẩy nở đến mức có thể của nó, cũng như mũi tên còn giương trên nỏ mà chưa có đủ sức để bắn đi và chưa thật rõ đích để bắn đúng.

CON ĐƯỜNG CỦA THƠ TỐ HỮU

Thơ Tố Hữu còn đang tiến và có những thành công làm cho chúng ta thấy được rằng nó sẽ còn tiến xa. Theo tôi nghĩ, thơ Tố Hữu chưa phải đã phản ảnh được đầy đủ cuộc kháng chiến và thời đại vĩ đại của chúng ta, có thể nói nó phản ảnh còn nhiều thiếu sót lớn nữa. Nhưng điều căn bản là con đường mà thơ Tố Hữu vạch ra đã rõ, và là con đường đúng: đó là con đường phục vụ lợi ích của quần chúng, bám chắc lấy cuộc đấu tranh của quần chúng và không lúc nào rời ánh sáng chính sách của Đảng. Đó là con đường đi hẳn vào thực tế, và đem hết sức suy nghĩ và tình cảm để tìm hiểu và soi sáng thực tế ấy.

Con đường tiến lên của thơ Tố Hữu sẽ do thực tế cuộc đấu tranh của dân tộc của giai cấp làm cho rõ nét, và nẩy nở thêm. Tôi chỉ có mấy ý kiến, cũng như những đề nghị còn chưa được chắc chắn, cần suy nghĩ và bàn thêm.

Tôi cảm thấy Tố Hữu cần đi vào thực tế nhiều hơn nữa. Tôi vẫn không thể quên những ngày anh ngồi bên ổ chuối của bà bủ nghe bà kể chuyện hoặc đi theo đại đội pháo binh đầu

tiên của quân đội ta. Ngày nay, thực tế quần chúng đã tới một quy mô khác, và nhà thơ cũng đã ở một trình độ khác. Nhưng dù bằng cách nào, nhà thơ vẫn cần được thấy đời sống hàng ngày và cuộc đấu tranh của quần chúng ở những nơi và những mặt điển hình. Đó vẫn là cái nguồn căn bản của tất cả mọi sáng tác.

Tôi mong nhiều sáng tác của Tố Hữu thuộc về loại kể chuyện hoặc mô tả nhân vật quần chúng, cùng một dòng với những bài thơ của anh ngày đầu kháng chiến. Vì tôi thấy những bài đó đã đánh dấu một bước chuyển căn bản trong thơ của anh. Và tôi nghĩ nhiệm vụ thứ nhất của mọi ngành nghệ thuật, kể cả thơ ca, vẫn là biểu hiện thực tế cuộc sống, biểu hiện những con người, nhất là những người lao động, là anh hùng của thời đại chúng ta. Nếu nhìn vào truyền thống thơ ca của dân tộc ta, từ những bài ca dao nói chuyện con cò đến *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, tôi nghĩ truyền thống lớn ấy vẫn là mô tả và biểu hiện con người và xã hội.

Trong khi biểu hiện cuộc sống, dưới ánh sáng của tư tưởng Mác Lê-nin, tôi thấy Tố Hữu cần đi sâu hơn nữa vào cái lao động sáng tạo của con người. Trong đấu tranh gay go hàng ngày của quần chúng, luôn luôn có sáng tạo của lao động, và có tất cả những quan hệ tỉ mỉ của đời sống lao động. Có tình yêu, có vợ chồng, con cái, có bè bạn, xóm giềng, có những vất vả của con người làm ra hạt gạo, miếng vải. Biểu hiện cuộc đấu tranh của quần chúng mà thiếu những cái đó là thiếu mất một phần căn bản. Có đi sâu vào đời sống và lao động hàng ngày của quần chúng mới có thể nói thẳng với lòng người và những tư tưởng mới tới được mức thật và giản đơn, tước bỏ được mọi hoa hoè hoặc khung khổ không cần thiết. Tại sao đã bao năm, chưa có một bài thơ của Tố Hữu tả tình yêu của anh chiến sĩ mà nhà thơ yêu mến hết sức?

Và tại sao chưa có một bài thơ tình yêu của Tố Hữu, hoặc những bài cho ta thấy rõ đời sống riêng của nhà thơ hơn? Gần đây, bài *Quê mẹ* đã có một cái gì mới về phương diện ấy, nhà thơ đã thoải mái và chân thành mà kể chuyện mình, và câu chuyện riêng của đời anh đã gắn liền với vận mệnh của Huế và của mọi người. Vì khi nhà thơ biết nhìn sâu sắc và khách quan vào thực tế của bản thân thì có nhiều khía cạnh thấy được dấu vết của thời đại trong ấy.

Cuối cùng, tôi nghĩ Tố Hữu đã trả về cho chúng ta cái nguồn dân tộc và tiếng nói dân tộc trong thơ. Câu thơ của anh trong những bài như *Việt Bắc*, hay *Quê mẹ* đã có dáng dấp câu thơ cổ điển, đồng thời nó mang sự suy nghĩ và cách nói mới của thời đại chúng ta. Nhưng câu thơ của Tố Hữu còn chưa được đều, có lẽ vì nhà thơ chưa có công phu gọt rũa hơn. Tôi mong đợi anh chú ý nâng cao tiếng nói và hình thức dân tộc hơn nữa, và làm cho hình thức ấy không đóng khung lại, mà phát triển lên. Đến lúc thơ Việt Nam cần đón lấy những tìm tòi rất lớn hiện nay của những nhà thơ tiền tiến trên thế giới, nhất là ở các nước bạn. Và nhà thơ Việt Nam cũng đến lúc có trách nhiệm đem tiếng nói của dân tộc chúng ta góp chung vào văn nghệ quốc tế.

NGUYỄN ĐÌNH THI

Văn nghệ, s. 79 (28.7.1955)

ĐỒNG BÀO MIỀN NAM VỚI THƠ TỐ HỮU

TRỌNG ANH

Qua nhiều chuyến công tác cơ sở ở Liên khu 5, tôi thấy đồng bào rất hoan nghênh và ham thích thơ Tố Hữu. Từ anh bộ đội, anh cán bộ đến nhân dânlao động đều quen với thơ Tố Hữu, ngâm thơ Tố Hữu.

Ở một vùng sau lưng địch tỉnh Quảng Nam, trên một quãng đường dài không quá 5 cây số, đầu trên đầu dưới là đồn bốt địch, đoạn giữa chi chít những lô cốt địch, đồng bào trong thôn rủ nhau đi phá đường. Trong khi ra sức đào, cuốc, đập, họ hát đủ bài, đủ điệu. Xen vào, có giọng lanh lảnh vang lên:

Thằng Tây mà cứ vẩn vơ,
Có hố này chờ chôn sống mày đây.
Ớ anh ớ chị nhanh tay,
Nhanh tay ta cuốc chôn thây quân thù.

Hết anh này đến chị kia, mỗi người tiếp nhau mỗi đoạn trong cả bài thơ *Phá đường*. Họ ngâm, hò, hát, quên cả mệt nhọc.

Họ khúc khích cười trong câu hát:

Hì hà hì hục,
Lục cục lào cào,

Anh cuốc em cuốc,
Đá lở đất nhào...

Rồi nhường cho một chị kết thúc bằng giọng hò khoan trong trẻo:

Đêm nay gió rét trăng lu,
Rộn nghe tiếng cuốc chiến khu phá đường.

Cũng ở vùng sau lưng địch, có những anh du kích đánh giặc rất tài, sản xuất rất giỏi, luôn luôn đọc lên *Bài ca của người du kích* mà Tố Hữu đã dịch của dân ca Nam-tư. Hôm ấy, một đêm trăng, tôi đi họp với mấy tổ du kích ở Đ.H..Vừa đến địa điểm đã nghe mấy câu đối đáp theo điệu giã gạo:

Anh ơi mau trở về quê,
Vợ anh vò võ một bề canh suông.

Tức thì một giọng khác đáp lại:

Thương chồng em hãy theo chồng,
Ở đây chiến đấu, anh không thể về!

Mỗi người lắp vào một câu. Hết ngâm đến hò, hết hò đến hố, bài thơ dứt, lại được lắp lại nhiều lần. Anh em nói:

- Khi nào mệt, hát bài này lên là đánh giặc cứ hăng như thường.

Năm 1952, xã T. H. đang ra sức cứu đói. Một đội văn công về công tác ở xã. Bài *Bầm ơi!* do đội văn công trình bày làm cho đồng bào cảm xúc mạnh. Những giọt nước mắt chảy ướt gò má của các mẹ, các chị. Chưa dứt cuộc biểu diễn đã có người đến xin và nhờ chép hộ bài thơ. Qua hết xóm này đến thôn kia, trên chuyến về, đội công tác đã được nghe lại những câu thơ thốt ra từ miệng các mẹ:

Con đi trăm núi nghìn khe,
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm,

Con đi đánh giặc mười năm,
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi

Một bà cụ nói với chúng tôi:

- Rõ ràng là con tôi cũng nhớ, cũng hiểu nỗi khổ của cha mẹ, của bà con xóm làng, nhưng mà nước tan thì nhà phải mất, cho nên nó gắng công đánh giặc, thì mình cũng phải ra sức tăng gia sản xuất.

Ngày 16-5-1955 là ngày bộ đội ta hoàn thành việc chuyển quân, tập kết ở Liên khu 5. Trước đó mấy hôm, tôi xuống công tác ở một xã. Đồng bào ngỏ ý xin những bài thơ nói về Hồ Chủ tịch. Đồng bào muốn có thơ nói về Bác để mừng Sinh nhật Bác một cách thân thiết, kín đáo. Tôi chép bài *Sáng tháng 5* tặng đồng bào. Khi nhận được bài thơ, nét mặt mọi người tươi hẳn lên:

Bác bảo đi là đi!
Bác bảo thắng là thắng!
Việt Nam có Bác Hồ,
Thế giới có Stalin.
Việt Nam phải tự do,
Thế giới phải hoà bình!
Chúng con chiến đấu hy sinh,
Tấm lòng son sắt đinh ninh lời thề

Đồng bào nói:

- Đúng y như vậy, chúng tôi xin coi đó là một lời thề. Cho đến bây giờ, tuy đồng bào sống dưới chế độ phát xít của Mỹ - Diệm, tôi tin rằng lời thơ vẫn ghi trong lòng mọi người.

Một số bài thơ khác như *Em bé Triều Tiên, Nếu thầy mẹ chết*, được học sinh rất thích. Họ dùng làm bài học, biểu diễn trong các buổi họp, liên hoan, để nâng cao lòng yêu nước, chí

căm thù giặc. Những bài *Đợi anh về*, *Bắn*, được phổ biến rộng rãi. Cũng như những đồng chí chiến sĩ của Quân đội Liên Xô, người cán bộ và chiến sĩ của ta ở miền Nam đã ghi bài *Đợi anh về* trong cuốn sổ tay hoặc học thuộc lòng. Một bạn văn nghệ đem phổ nhạc bài thơ ấy và trình bày trong nhiều đêm văn nghệ; bài ấy được quần chúng hoan nghênh và xin chép lại.

*

Sau ngày hoà bình được lập lại, bài *Ta đi tới* là bài đồng bào biết nhiều hơn cả. Ở đâu cũng nghe đọc, nghe ngâm, cũng chuyền tay nhau chép lại. Trên những chuyến đò dọc, trên sông Thu Bồn, ở Quảng Nam, anh lái đò say sưa cất giọng hát:

Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
Dù ai rào dậu ngăn sân,
Lòng ta vẫn giữ là dân Cụ Hồ.

Đến đầu tháng 9-1954, đối phương tiếp thu toàn tỉnh Quảng Nam, anh chị em cán bộ bề bộn công việc. Thế mà đi đến đâu, đồng bào cũng "yêu cầu đọc cho nghe bài *Ta đi tới* rồi hãy đi", hoặc năn nỉ: " Anh chép lại cho chúng tôi bài thơ ấy." Ngày tạm giao càng đến gần, đồng bào càng học bài thơ cho thật thuộc.

Tôi nhớ khi tôi còn công tác ở Phòng thông tin Quy Nhơn, đồng bào thường đến mua tập thơ *Việt Bắc* hay xin chép lại bài *Ta đi tới*. Tập thơ *Việt Bắc* gửi vào không đủ bán. Riêng một ngày đầu, đồng bào chen nhau mua hết 200 cuốn. Người ở Cực Nam ra mua, người ở Quảng Nam, Quảng Ngãi vào mua. Họ mua đủ thứ sách báo, nhưng cuối cùng thì "yêu cầu đồng chí cho tập thơ *Việt Bắc*".

Trong các đêm phát thanh, người nghe thường yêu cầu chúng tôi trình bày nhiều lần bài *Ta đi tới*. Họ bảo: "Càng nghe càng thấm thía". Đến khi biết chúng tôi để đĩa hát, có người đến yêu cầu mua cho được đĩa hát đó.

Một chị từ Cực Nam ra thăm bà con ở Bình Định, ghé ngủ nhờ ở đồn công an, mượn tập thơ *Việt Bắc* đọc suốt một đêm. Sáng ngày, chị ấy nài mua lại cho được tập thơ. Chị trao đổi ý kiến với các đồng chí công an về tập thơ *Việt Bắc* và cuối cùng đọc thuộc một đoạn dài trong bài *Ta đi tới*:

...Bắc Nam liền một biển
Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một Cụ Hồ
Lòng ta chung một thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam.

Chị nói:

- Thật là đúng y như lòng dạ chúng tôi.

Đó là lòng người dân miền Nam cảm thông với tác giả tập thơ *Việt Bắc*. Tôi nghĩ rằng: Hiện nay miền Nam là vùng đối phương tạm thời kiểm soát, nhưng trong ấy ngoài này vẫn là một, sống chung trên một lãnh thổ, không sức nào chia cắt được. Dù hiện nay, bè lũ Mỹ - Diệm thực hiện một chế độ phát xít đầu độc nhân dân miền Nam bằng một thứ văn hoá ngu dân, dâm ô, đồi trụy, thì những bài thơ của Tố Hữu nói đúng tâm tình và nguyện vọng tha thiết của nhân dân, vẫn giữ mãi trong lòng đồng bào miền Nam, có một sức mạnh thúc giục mọi người ra sức đấu tranh để mau làm cho Nam-Bắc "liền một biển" và đất nước Việt Nam không có giới tuyến ngăn đôi.

TRỌNG ANH

Nhân dân, 7.8.1955

Ý KIẾN KẾT THÚC CUỘC THẢO LUẬN VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

Viết theo ý kiến của Ban văn Hội Văn nghệ Việt Nam và đã được Ban văn thông qua

HOÀNG TRUNG THÔNG

Cuộc thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* là cuộc phê bình rộng lớn đầu tiên trong phong trào văn nghệ nước ta. Đã mấy tháng nay nhiều cuộc họp trong trường học, trong xí nghiệp, trong đơn vị bộ đội, thảo luận về thơ Tố Hữu. Hàng trăm bài phê bình từ khắp nơi gửi về báo *Nhân dân* và báo *Văn nghệ*. Đã đến lúc chúng ta có thể rút ra những nhận định chính về tập thơ *Việt Bắc* đồng thời đánh giá những ưu khuyết điểm của cuộc phê bình vừa qua.

I

NHẬN ĐỊNH VỀ TẬP THƠ "*VIỆT BẮC*"

Yêu nước trên cơ sở giai cấp

Lòng yêu nước là tình cảm nổi bật trong thơ Tố Hữu ngót hai chục năm nay từ khi anh mới bước chân vào con đường cách mạng và con đường thơ ca.

Trong tập thơ *Việt Bắc*, lòng yêu nước mạnh mẽ đó có những phát triển mới. Đó là giai đoạn thơ Tố Hữu đi sâu vào đời sống thực của quần chúng lao động. Lòng yêu nước trong thơ anh có một nội dung giai cấp rõ rệt.

Nhận định này về căn bản trái ngược với ý kiến một số bài phê bình cho rằng bản chất thơ Tố Hữu là bản chất *tiểu tư sản cách mạng*, chủ nghĩa ái quốc trong tập thơ *Việt Bắc* là chủ nghĩa ái quốc *lãng mạn tiểu tư sản.*

Đây là điểm mấu chốt của bao nhiêu ý kiến khác nhau. Con người mới hay không mới, thực hay không thực, tình cảm yếu đuối hay lành mạnh, tư tưởng sai hay đúng, tất cả bấy nhiêu vấn đề của một số bài phê bình nêu ra đều xoay xung quanh vấn đề lập trường giai cấp.

Qua tập thơ *Việt Bắc*, ta nhận thấy rõ lòng yêu nước và lòng yêu nhân dân là một.

Lòng yêu nước trong thơ Tố Hữu trước hết là lòng yêu những người lao động và chiến đấu của đất nước. Hầu hết những nhân vật được biểu hiện lên trong tập thơ đều là những người nông dân lao động, từ anh bộ đội nghỉ chân trên lưng đèo Nhe, anh pháo binh vác voi ra trận, bà mẹ trên nhà sàn Việt Bắc đến bà bủ nằm ổ chuối khô, hay chị phụ nữ phá đường. Ngay từ đầu kháng chiến, trong khối toàn dân đoàn kết giết giặc, Tố Hữu đã nhận rõ nông dân là lực lượng trụ cột. Anh đem hết nhiệt tình biểu hiện họ lên thành những nhân vật chủ yếu của thơ anh.

Tố Hữu không tô vẽ lên nhân vật quần chúng những nét sơn hào nhoáng, giả tạo. Tình cảm của nhân vật thơ anh được biểu hiện lên từ bản chất giai cấp, từ đời sống thực.

Người bộ đội chiếm một địa vị quan trọng trong tập thơ *Việt Bắc* chính là người nông dân nghèo khổ

Bữa đói bữa no
Chạy ăn chẳng đủ
Ngày hai bát ngô
Lên rừng đào củ

Vào bộ đội được sự rèn luyện của Đảng của giai cấp công nhân, những người nông dân mặc áo lính đó chan chứa tình yêu nước, yêu nhân dân. Quyền lợi giai cấp và quyền lợi dân tộc nhất trí, đời họ gắn chặt với cách mạng và kháng chiến. Từ nhân dân mà ra, họ anh dũng vì nhân dân mà chiến đấu.

Gian khổ bao nhiêu cũng quyết tâm vượt qua. Càng gian khổ càng hăng hái tin tưởng.

Con đường gieo neo
Là đường Vệ quốc
Tha hồ đèo dốc
Ta hò ta reo

Chỉ có một quân đội như thế mới *lấy thân làm giá súng đầu bị lỗ châu mai,* anh dũng hy sinh không bờ bến.

Những tình cảm người bộ đội trong thơ Tố Hữu không phải máy móc, một chiều chỉ biết đạn lửa chiến trường, *một đi không trở lại*. Khi Tố Hữu nói:

Chắc có lúc lòng anh
Nhớ nhà anh nhớ lắm

là Tố Hữu đã thấu hiểu nỗi lòng người chiến sĩ. Tình cảm đó diễn tả sâu sắc trong bài *Bầm ơi!* Ở đây tình yêu gia đình, yêu đồng chí, yêu nước đã quyện lấy nhau. Phải chăng đó là "những tình cảm nhỏ bé của những nhân vật bộ đội nhỏ bé?" hay chính là những nét tình cảm sâu sắc cao quý của người chiến sĩ Việt Nam đã được biểu hiện rõ rệt trong thơ Tố Hữu.

Những bà mẹ lao động Việt Nam cũng được Tố Hữu

biểu hiện lên với lòng kính yêu đằm thắm. Đó là những bà mẹ nông dân nghèo khổ, cần cù, chất phác, thắt lưng buộc bụng nuôi con. Đó là những bà mẹ ở hậu phương lòng luôn luôn hướng về tiền tuyến, theo rọi từng bước chân của những đứa con đi giết giặc. Bà mẹ Việt Bắc, bà bầm, bà bủ, những hình ảnh bà mẹ nông dân nghèo khổ đã được vẽ lên bằng những nét đậm đà không thể nào phai nhạt.

Chính vì biểu hiện lòng yêu nước thiết tha của những người lao động nghèo khổ mà lòng yêu nước trong thơ Tố Hữu thật vững chắc và có sức rung động mạnh mẽ.

Lòng yêu giai cấp và lòng yêu nước đó kết hợp chặt chẽ trong lòng yêu lãnh tụ. Tố Hữu đã viết nhiều về Hồ Chủ tịch và đã gợi lên những tình cảm sâu sắc của nhân dân đối với lãnh tụ. Bà mẹ Việt Bắc thiết tha yêu kính Cụ Hồ là vì *Cụ Hồ mở nước, chia thóc cho dân*. Anh chiến sĩ Điện Biên ra trận lòng hướng về Bác là vì biết rằng: *Ta đi, Bác vẫn nhìn theo từng ngày*. Người dân Hà Nội *đêm đêm nhìn ảnh Cụ, mặt Người nhìn ấm lòng,* và:

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Hồ Chủ tịch là *quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ*, lời của Bác là *lời non nước, tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau.* Người đã gắn chặt với lòng chị dân công tải đạn, anh thợ má vàng thuốc pháo và anh chiến sĩ xung kích diệt đồn. Lãnh tụ từ quần chúng mà ra, kết tinh cao nhất trí tuệ thông minh của quần chúng. Những hình ảnh về lãnh tụ trong bài *Sáng tháng Năm* có khi còn trừu tượng, khó khăn chưa biểu hiện được những tình cảm kính yêu giản dị mà thắm thiết của quần chúng. Nhưng không phải vì vậy mà cho rằng lãnh tụ ở đây đã bị "thần thánh hoá", "tách rời ra khỏi quần chúng", "làm

cho quần chúng bé nhỏ đi". Cũng như nói Bác Hồ *ung dung yên ngựa bên đường suối reo* không phải là "đẩy lùi lãnh tụ vào quá khứ".

Lòng yêu nước và yêu giai cấp, yêu lãnh tụ trong thơ Tố Hữu nhất định không thể là lòng yêu nước của giai cấp tiểu tư sản, mà chính là lòng yêu nước của giai cấp công nhân.

Nhưng một số anh em lại cho rằng: Lòng yêu nước trong thơ Tố Hữu căn bản là đúng, "thật khó mà tìm thấy một khuyết điểm về ý nghĩa chính trị", thơ Tố Hữu "tuyên truyền chính sách tốt" thật, nhưng đó chỉ mới là đề tài, là chính sách, là chính trị. Một người "tiểu tư sản cách mạng" cũng có thể viết đúng về nông dân, về lãnh tụ, về quốc tế v.v... Cũng những anh em đó nói: Điều quan trọng là phải xét xem cái "hồn thơ" cái "điệu tâm hồn" của thi sĩ đã là của giai cấp chưa? Đó mới thật là cốt tuỷ của thơ, là chỗ rung động sâu kín nhất mà nhà thơ không thể tự dối mình hay dối người được. Đó là sự chân thành của người cầm bút. Thực tế khách quan (chính sách, chính trị) có thể tốt đúng, nhưng điệu tâm hồn của nhà thơ vẫn có thể yếu đuối lệch lạc như thường. Điệu tâm hồn mới thật quyết định nội dung tình cảm của nhà thơ.

Mới nghe thì lý luận đó có vẻ tinh tế và cũng dễ xuôi tai. Nhưng đi sâu mới thấy đó là một lý luận chủ quan, siêu hình nấp sau những danh từ "hồn thơ" "điệu tâm hồn" rất bóng bảy, rất kêu, dễ choáng tai, nhưng rất lầm lạc.

Thứ lý luận này đã lấy điệu cảm xúc riêng của mỗi thi sĩ (hừng hực, bừng bừng...) thay thế cho lập trường và quan điểm giai cấp. Nó tách rời hiện thực khách quan phản ảnh trong tác phẩm với tình cảm chủ quan của thi sĩ, và coi tình cảm chủ quan là quyết định. Hoàng Cầm cho rằng: "thật khó mà tìm thấy một khuyết điểm về ý nghĩa chính trị trong tập

thơ *Việt Bắc*" nhưng lại cũng cho rằng "hồn thơ Tố Hữu là hồn thơ yếu đuối".

Chúng ta càng khó hiểu khi Lê Đạt cho rằng thơ Tố Hữu "giải thích chính sách tốt" (tức là nguyện vọng cao nhất của công nông) biểu hiện "chính sách có rung cảm" và "được số đông trong quần chúng hoan nghênh" mà lại là không phải là thơ công nông, chỉ là mức tiểu tư sản cách mạng!

Đối với các đồng chí đó, thì có lẽ chính trị, chính sách, và thực tế đều chỉ là cái vỏ mà tất cả các thi sĩ đều có thể biểu hiện lên giống nhau. Điệu tâm hồn mới thật là tình cảm thực của thi sĩ. Mà điệu tâm hồn của Tố Hữu là "rơi rớt nhiều tính chất ngậm ngùi buồn buồn ít hành động". Bản chất thơ Tố Hữu vì thế là bản chất tiểu tư sản cách mạng.

Các đồng chí đó đã cắt đứt chính sách với tình cảm, lập trường tư tưởng với tâm hồn, lấy ngọn làm gốc, lấy hiện tượng làm bản chất.

Từ sai lầm căn bản đó một số bài phê bình càng ngày càng đi xa hơn: Bà mé vừa kể chuyện vừa khóc rưng rưng cũng là tiểu tư sản, cảnh phá đường giữa đêm gió rét trăng lu cũng là tiểu tư sản. Rồi *Việt Bắc, Lại về* và cả *Ta đi tới* nữa cũng đều là những cuộc hẹn hò, những lời gặp gỡ, những tình cảm lạc quan tiểu tư sản!

Bản chất tiểu tư sản là gì? Dù là tiểu tư sản cách mạng đi nữa thì bản chất giai cấp tiểu tư sản vẫn là bấp bênh, dao động, khi thuận chiều thì bốc anh hùng rơm, khi khó khăn thì nghiêng ngả, buồn nản hoài nghi; Cái gốc của nó vẫn là tự do. Chỉ nhìn thấy mình mà không nhìn thấy quần chúng, lấy cái lợi ích của cá nhân mình mà đánh giá cả thế giới.

Phải chăng thơ Tố Hữu chứa đựng bấy nhiêu yếu tố của bản chất tiểu tư sản?

Trái lại, từ căn bản giai cấp công nhân đang lãnh đạo cách mạng, Tố Hữu đã nhìn người nhìn cảnh sâu sắc. Những nét hình ảnh của quê hương đất nước được Tố Hữu biểu hiện lên, nhất là trong bài *Ta đi tới* và *Việt Bắc*, đều mang sức sống mãnh liệt của dân tộc, của những người lao động làm ra lịch sử. Những con người trong tập thơ *Việt Bắc* đều luôn luôn lo lắng đến vận mạng của giai cấp và dân tộc, gắn chặt quyền lợi của giai cấp và dân tộc, đời sống riêng và vận mệnh chung trong một tình cảm tin tưởng và lạc quan cách mạng.

Bà bủ nằm nhớ con suy nghĩ:

Năm xưa cơm củ ngon chi
Năm nay cơm gié nhà thì vắng con

là đã hiểu sự khác nhau giữ hai chế độ cũ và mới mặc dầu nông thôn chưa phát động.

Anh bộ đội ra trận diệt thù:

Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.

đã hiểu rằng giết giặc cũng là đập tan được một ách nặng đè trên đầu giai cấp.

Đến người mẹ trong bài *Đời đời nhớ Ông*:

Ngày mai dân có ruộng cày
Ngày mai độc lập ơn này ơn ai

Thì ý thức giai cấp đã rõ rệt. Ruộng đất và độc lập gắn chặt vào nhau trong tình cảm người nông dân lao động.

Chính từ căn bản giai cấp đó mà trong toàn bộ tập thơ *Việt Bắc* toát lên một tinh thần tự hào dân tộc rất cao. Lòng tự hào dân tộc đó biểu hiện sảng khoái nhất trong hai bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* và *Ta đi tới*. Đó không thể là lòng tự hào của tiểu tư sản mà nhất định là lòng tự hào của một

giai cấp đang giữ chắc được đất nước và cầm chắc vận mạng của mình.

Giai cấp tính và đảng tính trong thơ không phải chỉ là có một số bài thơ nói về công nhân hay về Đảng. Chúng ta rất yêu cầu các nhà thơ viết về công nhân và Đảng. Nhưng điều trước tiên, điều cần thiết là tư tưởng tình cảm trong thơ phải có lập trường của giai cấp và của Đảng.

Tố Hữu chưa có một bài thơ về công nhân, nhưng tư tưởng công nhân đã chỉ đạo cho tình cảm thơ ca của Tố Hữu. Tư tưởng công nhân đã soi rọi cho tư tưởng, tình cảm của những nhân vật trong thơ Tố Hữu.

Trong tập thơ *Việt Bắc* thỉnh thoảng còn một ít tình cảm bùi ngùi (*Bao giờ hết giặc*), heo hút (*Lên Tây Bắc*), lạnh lẽo (*Những thành phố trụi*) v.v... Những tình cảm này một phần nào đã hạn chế bản chất hiện thực của thơ anh, nhưng nó không đến độ làm cho tập thơ biến chất thành tiếng nói của tình cảm "tiểu tư sản cách mạng".

Cái khuyết điểm chủ yếu của tập thơ *Việt Bắc* là ở chỗ cuộc đấu tranh chống phong kiến chưa được biểu hiện lên rõ, nhất là trong những bài thơ sau này của Tố Hữu.

Tố Hữu nhìn thấy sâu sắc cuộc đời của người nông dân dưới ách đế quốc và lòng yêu nước thiết tha của họ. Nhưng trong thực tế cách mạng Việt Nam, cuộc đấu tranh chống phong kiến không thể nào thiếu sót được trong đời sống của người nông dân lao động. Tố Hữu hiểu nhiều cảnh đời đói cực của người nông dân nhưng chưa thông cảm hết nỗi khổ của người nông dân trong cái tròng tô tức.

Anh thấy kẻ thù đế quốc rất rõ và anh đã tập trung ngọn lửa căm thù vào nó. Nhưng đối với giai cấp địa chủ anh chưa nhìn thấy rõ hình thù và chưa đập thẳng vào nó.

Không phải chúng ta đòi hỏi Tố Hữu phải có những bài thơ về cải cách ruộng đất từ những ngày đầu kháng chiến. Nhưng đến một giai đoạn phát triển của cách mạng, khi vấn đề tô tức đặt ra, nhất là khi có cuộc phát động quần chúng cải cách ruộng đất thì lòng căm thù đế quốc và căm thù địa chủ gắn chặt vào nhau trong thực tế tình cảm những người nông dân lao động Việt Nam.

Tố Hữu biểu hiện những người chiến sĩ Điện Biên ngày đêm anh dũng hy sinh không dựa trên cơ sở tình cảm đó, là một thiếu sót. Ngay cả trong bài *Việt Bắc* là bài thơ Tố Hữu gửi gắm nhiều tình cảm thiết tha mặn nồng nhất của mình với người nông dân lao động miền núi, những hình ảnh, những tình cảm về cải cách ruộng đất cũng không có. Đó là khuyết điểm chủ yếu của tập thơ *Việt Bắc*.

Chính sách và nghệ thuật

Tố Hữu tha thiết đem nghệ thuật thơ ca phục vụ chính sách của Đảng.

Chính sách không phải là những mệnh lệnh chính trị ngăn cản người nghệ sĩ nói lên tình cảm chân thực của mình và thực tế của cuộc sống. Chính sách vừa là lý trí nhưng cũng vừa là tình cảm. Chính sách là đường lối kết tinh lại từ nhiều mặt của sự sống.

Nhà thơ không phải tự khép chặt mình trong những khẩu hiệu của chính sách mà biết nhìn thấy chính sách trong cuộc đấu tranh dồi dào và sâu sắc của quần chúng.

Đọc thơ Tố Hữu người ta ít nghĩ đến chính sách, nhưng thực tế thì tư tưởng của chính sách, tình cảm của chính sách vào sâu trong chúng ta. Cuộc đời của bà mẹ, hình ảnh chị phá đường hay em bé liên lạc, những cảnh vác voi ra trận hay cuộc chiến đấu anh dũng trên chiến trường đều là những

nhân vật, sự việc và hình ảnh biểu hiện lên từ sự sống.

Những con người thực, việc thực đó đã lần lượt hiện lên trong tập thơ *Việt Bắc*, có máu có thịt, và có suy nghĩ, có tâm hồn. Cuộc sống cơm áo, mồ hôi nước mắt của quần chúng lao động không còn là những danh từ trừu tượng khô khan, mà đã thành những hình ảnh rất thực. Bàn tay cấy mạ, tiếng hát ru con, ổ chuối khô, vạt áo tứ thân phai bạc, những tiếng nói câu cười, nỗi đau thắt ruột hay niềm tin tưởng vui tươi cùng với những khóm tre, bụi lúa, con đường gốc đa, tất cả những hình ảnh thực của cuộc sống đã được nhào nặn lại để sáng tạo nên những bài thơ chứa chan tình cảm: *Cá nước, Bầm ơi, Phá đường, Lượm, Voi*... Tố Hữu không từ chính sách suy luận ra nhân vật và sự việc. Anh từ cuộc sống dựng lên những con người, những sự việc tự nó bật lên những tư tưởng, tình cảm có chính sách.

Nhiều bài phê bình đều nói thơ Tố Hữu giàu tình cảm: Mến thương và thắm thiết. Giàu tình cảm, thực chất cũng là giàu sự sống.

Ngay cả những bài thơ sau này của Tố Hữu *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Ta đi tới, Việt Bắc*, mà nhiều người cho là những bài thơ có nhiều tư tưởng tính đánh dấu sự lớn lên của thơ Tố Hữu, thì tính chất trữ tình cũng rất mạnh rất sắc. Có thể nói những bài thơ đó mang nhiều tư tưởng tính mà ít sự sống được không? Có thể nói những bài thơ tổng hợp nhiều mặt của sự sống rồi nâng lên trình độ tư tưởng rộng lớn là kém hiện thực hơn những bài thơ nói một góc cạnh của tình cảm hay một mẩu của cuộc đời không? Không nên so sánh như vậy và cũng không nên coi đó là một khuyết điểm của người làm thơ. Vấn đề chính là tìm xem từ trong những bài thơ đó sự sống đã được biểu hiện lên đến mức độ nào, cảm

xúc, tình cảm, tư tưởng của bài thơ có bắt nguồn từ thực tế cuộc sống hay không, hay chỉ là những khẩu hiệu chính trị.

Thơ trữ tình không phải chỉ gợi lên những tình cảm trong phạm vi đời sống bình thường. Ngày nay trong cuộc đấu tranh chính trị gay gắt chúng ta còn cần có những bài thơ thay cho những bài diễn văn bốc lửa. Chúng ta vừa muốn có những bài thơ đi sâu vào một mẩu nhỏ của cuộc sống, chúng ta vừa thèm đọc những bài thơ rộng rãi bao la "có những cái vỗ cánh hùng mạnh của tư tưởng".

Tập thơ *Việt Bắc* đã có cả hai phương diện đó.

Nhưng trong một số bài thơ của Tố Hữu sự sống còn nghèo, sức rung cảm chưa mạnh, tình cảm của nhân vật chưa gắn chặt với thực tế cuộc sống. Những bài này đã hạn chế phần nào tính chất hiện thực của tập thơ *Việt Bắc*. Tình cảm nhớ thương con trong bà bủ rất thực nhưng chưa gắn được với tình yêu nước mạnh mẽ cũng rất thực trong lòng bà mẹ cố nông. Người chiến sĩ đi lên Tây Bắc lặng lẽ quá. Hình ảnh anh hiện lên rất đẹp giữa núi rừng. Nhưng tình cảm anh đối với quê hương đất nước ra sao? – chưa được nhà thơ biểu hiện. Bước chân nhà thơ vắng vẻ giữa thành phố trụi chưa hoà nhịp được lời ca xây dựng mai sau. Tình cảm của nhà thơ với nỗi lòng người chiến sĩ trong bài *Bắn* cũng vẫn còn xa nhau dù hai người cùng đứng bên nòng súng nhằm thẳng vào mặt quân thù.

Những bài thơ phản ảnh bước chuyển vĩ đại của kháng chiến sau này của Tố Hữu đều là những bài thơ mang hơi thở nóng hổi của cuộc sống. Thực tế đấu tranh vĩ đại bên ngoài đã xô vào thơ Tố Hữu những luồng sóng lớn. Đó là những bài thơ tổng hợp sự sống trong những nét tình cảm điển hình. Nhưng nó còn "ít những hình ảnh dựng ngay lên một con

người, một hành động, một phong cảnh cụ thể đang sống trước mắt chúng ta". Nhất là bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên.*

Nhưng không phải vì vậy mà tập thơ *Việt Bắc* đã rơi vào chủ nghĩa công thức nặng nề như một số nhà phê bình đã phân tích.

Những nhà phê bình này muốn thơ phải xuất phát từ thực tế cuộc sống và không rơi vào lối biểu hiện một chiều. Đó là một yêu cầu rất đúng. Nhưng từ yêu cầu đó mà bắt Tố Hữu phải biểu hiện tâm trạng bà bủ từ năm 1947 "trằn trọc suốt đêm là vì căm thù thằng địa chủ cướp mất ruộng", bắt Tố Hữu làm bài thơ *Ta đi tới* ngay khi hiệp định Giơ-ne vừa ký kết xong phải biểu hiện được "lòng tin cụ thể vào từng bước đấu tranh gay go gian khổ" như Hoàng Cầm, thì thật là những yêu cầu quá xa thực tế.

Hình thức dân tộc

Thơ Tố Hữu gần gũi với quần chúng, rung động sâu sắc trong lòng quần chúng vì nội dung tư tưởng tình cảm của nó, và một mặt nữa, vì ngôn ngữ và nhịp điệu của thơ Tố Hữu nằm trong truyền thống thơ ca của dân tộc.

Cốt cách dân tộc hiện lên rất rõ. Càng là những bài lấy lời của quần chúng biểu hiện lên tâm trạng và đời sống của quần chúng, Tố Hữu càng chú ý đến thể thơ dân tộc, âm điệu dân tộc (*Phá đường, Bà mẹ Việt Bắc, Bầm ơi, Voi, Việt Bắc, Đời đời nhớ Ông,* v.v...)

Và cũng vì vậy tình cảm thơ Tố Hữu càng chan chứa thiết tha mang được cái giản dị tự nhiên của tâm hồn quần chúng. Thơ Tố Hữu vì vậy rất dễ vào quần chúng. Và ai đã đọc thơ Tố Hữu nếu không nhớ cả bài cũng nhớ vài câu. Có những bài thơ đã thành tiếng hát ru em của các mẹ già, em nhỏ ở nông thôn. Vì thế chúng ta không ngạc nhiên khi thơ Tố Hữu vang xa

trong những làng xóm nhỏ tít mũi Cà Mau hay những trạm liên lạc xa xôi trên đỉnh núi Cực Nam Trung Bộ. Ở các nông thôn Liên khu 4 giữa các cuộc nhóm họp cán bộ thường đọc thơ Tố Hữu. Anh du kích ở địch hậu, anh bộ đội ở đồn biên phòng đều coi thơ Tố Hữu là người bạn chiến đấu.

Tố Hữu thường dùng nhiều nhất là thể thơ lục bát mà câu thơ lục bát của anh rất giàu có. Nó vừa kết hợp được điệu lục bát rất cổ của bình dân *Nhà em con bế con bồng, Em cũng theo chồng đi phá đường quan* vừa phảng phất lối đối từng vế của những câu thơ cổ điển trong *Kiều* hay *Chinh phụ*:

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân.

Và đây là một câu thơ mà một chữ "thương" láy đi láy lại tạo nên cái dáng điệu chỉ thơ ta mới có:

Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một thương ông thương mười.

Trừ một số câu thơ kém mà nhiều bạn đã trích trong bài *Lại về* phần lớn là câu thơ lục bát của Tố Hữu đều uyển chuyển. Những câu thơ lục bát hay nhất của Tố Hữu tiếp tục được cái truyền thống của ca dao và thơ ca cổ điển Việt Nam.

Trong những thể thơ bốn chữ, năm chữ Tố Hữu cũng có nhiều sáng tạo. *Bà mẹ Việt Bắc, Lượm, Voi*, cùng một thể thơ mà mỗi bài có những nhịp điệu khác nhau do sự việc, hình ảnh và tình cảm của từng bài quyết định. Đọc những bài thơ đó, ta phảng phất nhớ lại những bài vè kể chuyện của quần chúng. Nhưng ở đây, Tố Hữu đã phát triển và nâng cao nhịp điệu và ngôn ngữ lên, làm cho những bài thơ đó còn giữ hơi vè mà đã thành thơ phong phú, súc tích.

Những bài thơ của Liên Xô, Nam Tư... đã được Tố Hữu

Việt Nam hoá thành những bài thơ rất quen thuộc với nhịp điệu tình cảm của nhân dân ta.

Tuy nhiên, hình thức trong những bài *Những thành phố trụi, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* hãy còn lúng túng chưa ổn định. Tố Hữu muốn phá vỡ thể thơ, uốn cho nhịp thơ rung động theo nhịp tình cảm của mình. Nhưng những bài thơ đó của anh có nhiều chỗ chưa đạt. Chúng ta mong đợi Tố Hữu cố gắng nâng cao hơn nữa tiếng nói và hình thức dân tộc trong thơ anh.

Sự chuyển biến về hình thức nghệ thuật dân tộc rất rõ rệt trong thơ Tố Hữu từ tập thơ trước kháng chiến đến tập *Việt Bắc*.

Sự chuyển biến đó chứng tỏ Tố Hữu ngày càng đi sâu vào con đường phục vụ quần chúng, đi sâu vào con đường hiện thực của thơ ca. Vì nói đến chủ nghĩa hiện thực không thể không nói đến hình thức dân tộc.

II

VÀI NHẬN XÉT VỀ CUỘC PHÊ BÌNH

Lần đầu tiên chúng ta mở một cuộc phê bình rộng lớn về một tác phẩm văn nghệ. Cuộc phê bình đã được sự hưởng ứng nhiệt liệt của bạn đọc các nơi và sự tham gia đông đảo của giới văn nghệ. Trên báo chí, trong các hội nghị, chúng ta cũng đã đề cao được tinh thần mạnh dạn phát biểu ý kiến.

Chúng ta cũng có thể nói: trong cuộc thảo luận lần này ngòi bút phê bình của chúng ta lần đầu cũng đã đụng chạm đến những vấn đề lớn của thơ ca: Tập thơ *Việt Bắc* có hiện

thực không? Giai cấp tính trong tập thơ *Việt Bắc*. Nhân vật điển hình trong tập thơ *Việt Bắc,* v.v... Ngòi bút phê bình không còn vờn quanh vấn đề, phát biểu ý kiến hời hợt, trốn tránh những góc cạnh gay go nữa.

Nhiều bài báo, nhiều ý kiến phát biểu có khi thống nhất có khi trái ngược nhau đều có thể giúp cho tác giả và những người làm văn nghệ suy nghĩ thêm được nhiều vấn đề. Đó là thắng lợi tốt đẹp của cuộc phê bình.

Tuy vậy, cuộc phê bình tập thơ *Việt Bắc* vừa qua bộc lộ nhiều khuyết điểm lớn, mà ban Văn của Hội có nhiệm vụ hướng dẫn cuộc phê bình phải chịu trách nhiệm chính.

Phê bình văn nghệ tức là đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ, không thể tách rời khỏi đấu tranh chính trị trước mắt của chúng ta. Trong khi mở ra cuộc phê bình tập thơ *Việt Bắc* ban Văn đã không nắm vững được nguyên tắc đó để đề ra những mục đích yêu cầu thích đáng. Cuộc thảo luận kéo dài đã nhiều khi rơi vào những tranh cãi vụn vặt, chiếm rất nhiều thì giờ và trang báo.

Ban Văn đã không hướng dẫn cho cuộc thảo luận đi vào những ưu điểm và thiếu sót của tập thơ, trực tiếp giúp ích cho những nhiệm vụ đấu tranh hiện thời của nhân dân ta.

Bọn đế quốc và tay sai đang muốn thổi vào phong trào văn nghệ của chúng ta một luồng gió độc: "Văn nghệ tách rời chính trị". – Một số đồng chí chúng ta trong khi phê bình tập thơ *Việt Bắc* ít nhiều đã rơi vào khuynh hướng đó, ban Văn không kịp thời đề ra và tích cực đấu tranh lại. Đó là khuyết điểm chủ yếu của cuộc phê bình.

Ngoài ra còn một khuyết điểm nữa không kém phần quan trọng là: *thái độ phê bình*.

Thái độ phê bình trong văn nghệ cũng không thể nào

khác được thái độ phê bình và tự phê bình trong đời sống chính trị hằng ngày của chúng ta. Phải biết phân biệt bạn, thù, kiên quyết đấu tranh chống lại những tư tưởng phản nhân dân nhưng thành khẩn và ái hộ(*) vạch ra những sai lầm của bạn và tìm hết sức biểu dương những cái hay cái đúng.

Cái nguyên tắc căn bản đó, nhiều lúc cuộc phê bình đã bỏ rơi mất. Nhiều bài phê bình, nhiều ý kiến phát biểu đã rơi vào lối tranh cãi tư sản lỗi thời, có khi đã dùng những lời độc ác hoặc thô bỉ để mạt sát lại ý kiến của người khác. Đó không phải là thái độ xứng đáng của những ngòi bút phê bình văn học của chúng ta.

Thái độ đó đã biểu lộ nhiều lần trong các cuộc phê bình, nhưng ban Văn không kịp thời uốn nắn và hướng dẫn, tưởng rằng cứ để phát biểu lung tung như vậy mới là đảm bảo "tự do tư tưởng".

Những khuyết điểm trên đây đã hạn chế nhiều những kết quả tốt đẹp của cuộc phê bình.

III

KẾT LUẬN

Cuộc thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* đã mang lại cho chúng ta những bài học lớn. Bài học đó là con đường đi của thơ Tố Hữu, con đường phục vụ lợi ích của cách mạng của quần chúng.

Người làm thơ phải đem hết nhiệt tình đi vào thực tế cuộc sống, biểu hiện lên những con người chính yếu của xã

(*) Ái hộ: thương yêu và che chở (theo Đào Duy Anh: *Hán Việt từ điển*, 1932).

hội, những con người lao động và chiến đấu trong những tình cảm chân thực và sâu sắc.

Người làm thơ phải nắm vững chính sách của Đảng, lấy ánh sáng của chính sách Đảng soi rọi vào cuộc sống và tình cảm tư tưởng mình.

Người làm thơ phải đi sâu vào hình thức dân tộc, phát triển và nâng cao tiếng nói và hình thức dân tộc để cho nhịp điệu của thơ mình gần gũi quần chúng, chứa đựng được nội dung tư tưởng tình cảm của thời đại. Và trong khi đi vào phương hướng dân tộc, nhà thơ không phải tự xoá mờ mình đi mà chính là để tạo một cá tính cho mình.

Đó là con đường hiện thực của tập thơ *Việt Bắc* mà cũng là con đường hiện thực mà thơ ca Việt Nam đã mạnh mẽ đi theo.

HOÀNG TRUNG THÔNG

Văn nghệ, s. 81 (11.8.1955)
Nhân dân, 11.8.1955; 12.8.1955

PHỤ LỤC

LỜI DẪN

Để bạn đọc và bạn nghiên cứu đủ tài liệu tìm hiểu, bên cạnh sưu tập các bài báo trên, người sưu tầm in thêm sau đây tập thơ Việt Bắc *theo văn bản 2 lần in thành sách riêng đầu tiên: bản in thứ nhất xong ngày 8.12.1954 và bản in thứ hai, xong ngày 15.4.1955.*

NST

TỐ HỮU

Việt Bắc

tập thơ

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

THƠ

Hội Văn Hoá Cứu Quốc Việt Nam
xuất bản 1946

Nhân dân là bể
Văn nghệ là thuyền
Thuyền xô sóng dậy
Sóng đẩy thuyền lên

Thuyền ra khơi xa
Gió căng buồm rộng
Buồm là Lạo động
Gió là Đảng ta

CÁ NƯỚC

Tôi ở Vĩnh Yên lên
Anh trên Sơn Cốt xuống
Gặp nhau lưng đèo Nhe
Bóng tre trùm mát rượi

Anh là Vệ quốc quân
Tôi là người cán bộ
Hai đứa mỏi như chân
Nghỉ hơi ngồi một chỗ

Gặp nhau mới lần đầu
Họ tên nào có biết
Anh người đâu, tôi đâu
Gần nhau là thân thiết.

Một thoáng lặng nhìn nhau
Mắt đã tìm hỏi chuyện
Đôi bộ áo quần nâu
Đã âm thầm thương mến

Giọt giọt mồ hôi rơi
Trên má anh vàng nghệ
Anh Vệ quốc quân ơi
Sao mà yêu anh thế!

Tôi nhích lại gần anh
Người bạn đường anh dũng
Anh chiến sĩ hiền lành
Tì tay trên mũi súng

Anh kể chuyện tôi nghe
Trận chợ Đồn chợ Rã
Ta đánh giặc chạy re
Hai đứa cười ha hả

Rồi Bông Lau, Ỷ La
Ba trăm thằng tan xác
Cành cây móc thịt da
Thối inh rừng Việt Bắc

Tàu giặc đắm sông Lô
Tha hồ mà uống nước
Máu tanh đến bây giờ
Chưa tan mùi bữa trước

Mồm anh nở rất tươi
Mặt anh vàng thắm lại
Cánh đồng quê tháng mười
Thơm nức mùa gặt hái

Xa xôi đầu xóm tre xanh
Có bà ru cháu nằm khoanh lòng già:
Cháu ơi cháu lớn với bà
Bố mày đi đánh giặc xa chưa về
Cháu ngoan cháu ngủ đi nhe
Mẹ mày ra chợ bán chè bán rau
Bố đi đánh giặc còn lâu
Mẹ mày cày cấy ruộng sâu tối ngày

Anh có nghe thấy không
Ơi người anh Vệ quốc?

Chắc có lúc lòng anh
Nhớ nhà anh nhớ lắm
Ơi người bạn hiền lành
Mắt nhìn xa đăm đắm

Trưa nay trên đèo cao
Ta say sưa vài phút
Chia nhau điếu thuốc lào
Nào anh hút tôi hút

Rồi lát nữa chia đôi
Anh về xuôi tôi ngược
Lòng anh và lòng tôi
Mang nặng tình cá nước

19

PHÁ ĐƯỜNG

Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế
Gió qua rừng Đèo Khế gió sang

Em là con gái Bắc Giang
Rét thì mặc rét, nước làng em lo
Nhà em phơi lúa chưa khô
Ngô chửa vào bồ, sắn thái chưa xong
Nhà em con bế con bồng
Em cũng theo chồng đi phá đường quan
Con ơi con ngủ cho ngoan
Sang canh trăng lặn buổi tan mẹ về

Trên đồi quê
Trăng non mới hé
Đường thì dài, hố xẻ chưa sâu
Chưa sâu thì cuốc cho sâu
Có anh có chị cùng nhau ta đào

Hì hà hì hục
Lục cục lào cào
Anh cuốc em cuốc
Đá lở đất nhào
Nào anh bên trai
Nào em bên nữ
Ta thi nhau thử
Ai nào hơn ai!

Anh tài thì em cũng tài
Đường dài ta xẻ, sức dai ngại gì
Đường đi ngoắt ngoéo chữ chi
Hố ngang hố dọc chữ i chữ tờ
Thằng Tây mà cứ vẩn vơ
Có hố này chờ chôn sống mày đây
Ớ anh ớ chị nhanh tay
Nhanh tay ta cuốc, chôn thây quân thù

Đêm nay gió rét trăng lu
Rộn nghe tiếng cuốc chiến khu phá đường...

1948

BÀ MẸ VIỆT BẮC

Đêm nay trên sàn
Bập bùng ngọn lửa
Mé kề nguồn cơn
Chuyện nhà chuyện cửa:

Con mé có ba
Trai hai gái một
Gái gả chồng xa
Trai còn đứa rốt

Thằng hai ngày trước
Trồn vào chiến khu
Nó đi cứu nước
Làm lính cụ Hồ.

Một hôm lính lệ
Theo thằng quan Châu
Đến nhà hoạnh họe
Con mày đi đâu?

Tôi sợ khiếp quá
Lạnh chân lạnh tay
Đứng trơ như đá
Hồn bay vía bay

Ông Ké lắc đầu
Một hai không biết
Nó đỏ mũi trâu
"Nói không, ông giết!"

Nó giật mái tranh
Nó tìm lục khắp
Lấc láo nhìn quanh
Như thằng căp cắp

Nó tung đĩa bát
Nó đập *héc vài*(*)
Nó gầm nó quát
Đá đít tạt tai

(*) Chảo trâu.

Suốt ngày nó phá
Nó chẳng thấy gì
Nó trói thằng cả
Lội ông Ké đi

Nó khảo nó tra
Bố con như tử
Rồi tha ông già
Còn con nó giữ

Nó nộp cho Tây
Đày đâu không biết
Biền biệt lâu ngày
Nghe đồn nó chết

Nó lành như đất
Tội nghiệp con tôi
Tây nó giết mất
Con ơi, con ơi!

Phên nan gió lọt lạnh lùng
Ngọn lửa bập bùng mẻ khóc rưng rưng
Nghẹn ngào chuyện cũ nửa chừng

Từ đó ở nhà
Gieo neo túng quá
Hai ông bà già
Vợ thằng con cả

Rồi ông Ké mất
Nhà lại còn hai
Mẹ con quần quật
Kiếm ăn qua ngày

Bữa đói bữa no
Chạy quanh chẳng đủ
Ngày đôi bát ngô
Lên rừng đào củ

Tưởng rồi chết tất
Biết đâu có ngày
Trời còn có mắt
Cụ Hồ về ngay

Cụ Hồ ra lệnh
Đuổi Nhật đuổi Tây
Cụ Hồ cho đánh
Lấy hết châu này.

Thằng Châu con chó
Cúp đuôi chạy dài
Mả bố nhà nó
Nịnh Tây hết thời

Ôi trời sướng quá
Dân kéo về Châu
Rầm rập hể hả
Mổ bò mổ trâu

Cờ treo đỏ chói
Trên nóc trên cây
Pí lè(*) inh ỏi
Suốt đêm suốt ngày

Cụ Hồ mở nước
Chia thóc cho dân
Tôi cũng lĩnh được
Tôi cũng có phần

Rồi ba tháng sau
Thằng hai ngày trước
Chẳng biết ở đâu
Chạy về bất chợt

(*) Kèn ở miền ngược.

Thoạt trông thấy nó
Tôi chẳng biết ai
Nó cao hơn bố
Tôi chỉ bằng vai

Bộ nó rõ oai
Vai thì đeo súng
Ngực tréo hai quai
Áo thì thắt bụng

Đầu nó đội mũ
Có cái sao vàng
Trước nó lam lũ
Bây giờ thấy sang

Tôi ôm lấy nó
Tôi kể trước sau
Nỗi nhà mất bố
Nỗi anh chết tù

Mắt nó đỏ nọc
Nó cầm tay tôi:
Mé ơi đừng khóc
Nước Độc lập rồi!

Tôi bảo con tôi:
Mày đi tao nhớ
Tuổi đã lớn rồi
Liệu mà cưới vợ

Nó chỉ cười khì
Vợ con gì gấp!
Con còn phải đi
Giữ gìn Độc lập!

Ở chơi ít bữa
Nó hát cả ngày
Dọn nhà sửa cửa
Xới vườn luôn tay

Rồi nó xung phong
Vào Nam đánh giặc
Bao giờ giặc xong
Lại về Việt Bắc!

Tôi bảo: mày đi
Mày lo cho khoẻ
Đừng nghĩ lo gì
Ở nhà có mé...

Từ ấy đến nay
Ngày đêm tôi khấn
Tôi mong có ngày
Nó về, thắng trận...

GIỮA THÀNH PHỐ TRỤI

Đến làm chi đây? Ta đã biết
Đô thành ta phá hết, lâu rồi!

Tìm chi đây giữa đống gạch vôi
Hoang tàn đổ nát?
Ta đi trên đường đá rát
Đông lạnh ghê người
Chiếc lá vèo rơi xuống cỏ
Tường xiêu loét đỏ
Mái gãy sườn đen
Mảng buồng son kính vỡ rêu lên
Ô cửa mắt tròn thăm thẳm
Ai lên tiền tuyến đường muôn dặm?

Lại ngồi dưới gốc di lăng
Ở đây còn có ai chăng với mình?
- Có!
- Ai nói đó?

A! các anh chiến luỹ!
Sắt gỗ giăng thành
Cả các anh
Những di lăng, sấu, gạo
Không tiếc lá cành xanh
Vật ngang đường cản giặc
Các anh nữa, những dòng chữ sắc
– Thân cây tảng đá góc phòng –
Phá tan tấn công Mùa Đông của Pháp
Bằng than bằng gạch bằng sơn
Nét muôn tay hằn vạn đại căm hờn.

Ta lại bước đi trên đường đá rát
Gõ gót vui nghe tiếng hát
Của mỗi hòn gạch nát mỗi cành khô:
Ngày mai về lại Thủ đô
Ngày mai sống lại từng mô đất này,
Ngày mai xanh lại từng cây
Ngày mai lại đẹp hơn rày hơn xưa,
Mùa đông dài lạnh sẽ qua
Phố ta lại dựng, nhà ta lại về,
Bàn tay đã nắm lời thề
Ra đi quyết phá, ngày về sẽ xây
Từ trong đổ nát hôm nay
Ngày mai đã đến từng giây từng giờ...

1947

LÊN TÂY BẮC

Sang nay ra trận lên Tây Bắc
Hai đứa ta cùng đi đánh giặc
Tay dạo tay súng gạo đầy bao
Chân cứng đạp rừng gai đá sắc

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều
Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo
Núi không đè nổi vai vươn tới
Lá ngụy trang reo với gió đèo

Quê hương anh đó gió sương mù
Và rú rừng đây của chiến khu
Cỏ ngập đồng khô mờ lối cũ
Tan hoang làng cháy khói căm thù

Anh đi tìm giặc, tôi tìm anh
Người lính trường chinh áo mỏng manh
Mỗi bước vàng theo đồng lúa chín
Lửa vui từng mái nứa tươi xanh

Po Tào Mường Khủa Mường Tranh
Mường La Hát Lót chân anh đã từng

Anh về cối lại vang rừng
Chim reo quanh mái, gà mừng dưới sân
Anh về sáo lại ái ân
Đêm trăng hò hẹn trong ngần tiếng ca

Nhưng rồi khói từ xa gió thổi
Núi kêu anh bộ đội lên đường

Lại những ngày đi, vắt với sương
Ngô bung, xôi nhạt, nước lưng bương
Đêm mưa rình giặc tai thao thức
Mùa lại mùa qua rét nhức xương

Ai biết trưa nay giữa bụi bờ
Anh nằm sưởi nắng mắt lơ mơ
Tôi ngồi không ngủ nghe anh thở
Khe khẽ lòng ngâm lên tiếng thơ

1948

BAO GIỜ HẾT GIẶC

Bà bủ nằm ổ chuối khô
Bà bủ không ngủ bà lo bời bời
Đêm nay tháng chạp mồng mười
Vài mươi bữa nữa Tết rồi hết năm
Bà bủ không ngủ bà nằm
Bao giờ thằng út về thăm một kỳ ?
Từ ngày nó bước ra đi
Nó đi Giải Phóng đến khi nào về ?
Bao giờ hết giặc về quê?
Đêm đêm bà bủ nằm mê khấn thầm
Bà bủ không ngủ bà nằm
Càng lo càng nghĩ càng căm càng thù
Ngoài phên gió núi ù ù
Mưa đêm mưa tự chiến khu mưa về

Đêm nay bộ đội rừng khe
Mưa ướt dầm dề, gió buốt chân tay

Nó đi đánh giặc đêm này
Bước run bước ngã bước lầy bước trơn
Nhà còn ổ chuối lửa rơm
Nó đi đánh giặc đêm hôm sưởi gì ?
Năm xưa cơm củ ngon chi
Năm nay cơm gié nhà thì vắng con
Bà bủ gan ruột bồn chồn
Con gà đã gáy đầu thôn sáng rồi.

1948

BẦM ƠI

Ai về thăm mẹ quê ta
Chiều nay có đứa con xa nhớ thầm

Bầm ơi có rét không bầm
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu
Bầm ơi sớm sớm chiều chiều
Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nghe
Con đi trăm núi ngàn khe
Chưa bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi

Con ra tiền tuyến xa xuôi
Yêu bầm yêu nước cả đôi mẹ hiền
Nhớ thương con, bầm yên tâm nhé
Bầm của con, mẹ Vệ quốc quân
Con đi xa cũng như gần
Anh em đồng chí quây quần là con
Bầm yêu con yêu luôn đồng chí
Bầm quý con, bầm quý anh em
Bầm ơi, liền khúc ruột mềm
Có con có mẹ còn thêm đồng bào
Con đi mỗi bước gian lao
Xa bầm nhưng lại có bao nhiêu bầm
Bao bà cụ từ tâm làm mẹ
Yêu quý con như đẻ con ra
Cho con nào áo nào quà
Cho củi con sưởi cho nhà nghỉ ngơi
Con đi, con lớn lên rồi
Chỉ thương bầm ở nhà ngồi nhớ con
Nhớ con, bầm nhé đừng buồn
Giặc tan, con lại về luôn với bầm.

Mẹ già tóc bạc hoa râm
Chiều nay chắc cũng nghe thầm tiếng con...

1948

LƯỢM

Ngày Huế đổ máu
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè

Cháu bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

- Cháu đi liên lạc
Vui lắm chú à

Ở đồn Mang Cá
Thích hơn ở nhà!

Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân
- Thôi chào đồng chí!
Cháu đi xa dần

Cháu đi đường cháu
Chú lên đường ra
Đến nay tháng sáu
Chợt nghe tin nhà.

Ra thế
Lượm ơi!

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"
Sợ chi hiểm nghèo
Đường quê vắng vẻ

Lúa trổ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng

Bỗng loè chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi!
Chú đồng chí nhỏ
Một giòng máu tươi!

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng

Lượm ơi, còn không?

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng

1949

EM BÉ TRIỀU TIÊN

Em bé Triều Tiên ơi
Mẹ của em đâu rồi?

Tìm đâu mẹ của em
Có ai đây mà hỏi
Giặc bồn bề lửa khói

Xác ai nằm ngổn ngang
Bãi tuyết lặng quanh làng
Phố đổ nhà hoang vắng

Mẹ của em đấy ư
Cái thân trắng lắc lư
Đầu giây treo lủng lẳng?

Cha của em đấy ư
Cái đầu lâu rũ tóc
Máu chảy dài thân cọc ?

Không, không phải em ơi
Mẹ của em đây rồi!
Mẹ em đây người dân công tải đạn
Mẹ em đây người nữ cứu thương
Cha em đây giữa chiến trường
Mặt đen khói đạn, chặn đường giặc lui

Anh của em đã đến đây rồi
Anh chí nguyện
Con bác Mao đã đến
Anh đã đến bên nôi em cháy dở
Với cha em giết hết loài man rợ
Cho mẹ em xây lại tổ mềm
Cho em sướng cho em ca múa
Trên đồng hoa bãi lúa
Nhịp sóng vui muôn thuở của Triều Tiên

Bé em ơi giữa súng rền
Ngày mai tươi mát hát trên đất Triều...

1951

BẮN

Chúng ta ở đây
Trên đầu chúng nó
Đại bác ta sau rèm tre nghểnh cổ
Trông xuống khoanh đồi đỏ
Ngon như một đĩa thịt bò tươi
Dưới kia chúng nó đang cười
Cười đi nhé, chúng bay ơi, rồi chết!

Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta, bay căng thịt loã lồ
Con em ta bay quẳng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang!

Chúng bay cười?
- Đến giờ chưa đồng chí?

Năm phút nữa? Sao mà lâu thế nhỉ!
Anh pháo binh anh còn đợi chờ gì?
Anh còn trông anh còn ngắm từng ly
Anh sửa lại cho ngay nòng súng
Chúc đồng chí bắn thẳng vào cho đúng
Xé tan đồn nát xác chúng ra!
Có tiếng kèn gì thổi dưới đồi xa
Cờ chúng nó phất phơ đầu cột ấy
Chúng nó chào cờ! Ôi lá cờ hôi tanh biết mấy
Kéo bao lần qua máu của ta!
Anh pháo binh anh chưa bắn đi à?
Một phút nữa?
Đầu tôi cháy bùng lên như cục lửa
Sướng bao nhiêu chốc nữa sẽ thành than
Sẽ ra tro tất cả trại đồn tan
Thây chúng nó tung lên từng miếng đỏ
Đầu chúng nó óc phụt ra ngoài sọ

Ơi các anh xung kích dưới cỏ âm thầm
Hãy sẵn sàng tay mác nhảy lên đâm
Giết, bắt sống, không mống nào được thoát!
Anh đại bác, tôi chờ anh để hát!

1948

VOI[1]

Voi là voi ơi
Voi yêu voi quý
Voi nằm voi nghỉ
Voi nghỉ voi chơi

Voi là voi ơi
Voi ta đầu thép
Voi cong chân đẹp
Voi nghểnh vòi cười

Voi là voi ơi
Voi con voi mẹ
Voi nặng voi nhẹ
Nào đi, trưa rồi!

(*) Đại bác

Voi là voi ơi
Voi đi đánh nhé
Voi gầm voi ré
Voi xé tơi bời

Ta bế ta bồng
Voi lên ta vác
Vai ta vai sắt
Chân ta chân đồng

Ta đi qua rừng
Lau tre san sát
Voi nghe ta hát
Núi dội vang lừng

Ta đi lên đèo
Ta leo lên dốc
Voi ơi khó nhọc
Khó nhọc cũng trèo

Con đường gieo neo
Là đường Vệ Quốc
Tha hồ đèo dốc
Ta hò ta reo
Voi là voi ơi
Đường đi dằng dặc

Chông gai cũng mặc
Ta vui ta cười

Một tí nữa thôi
Đứng trên đầu địch
Nhanh lên đến đích
Tới rồi voi ơi!

Hoan hô voi ta
Hoan hô Vệ pháo
Yêu voi cởi áo
Lau cho voi nhà

Nào Voi nào Vệ
Ta quyết một lòng
Voi hăng voi nhé
Trận này lập công!

1948

ĐỢI ANH VỀ

dịch thơ Simonov

Em ơi đợi anh về
Đợi anh hoài em nhé
Mưa có rơi dầm dề
Ngày có dài lê thê
Em ơi em, cứ đợi.

Dù tuyết rơi gió nổi
Dù nắng cháy em ơi
Bạn cũ có quên rồi
Đợi anh về em nhé!

Tin anh dù vắng vẻ
Lòng ai dù tái tê
Chẳng mong chi người về
Thì em ơi cứ đợi!
Em ơi em, cứ đợi!
Dù ai nhớ thương ai

Chẳng mong có ngày mai
Dù mẹ già con dại
Hết mong anh trở lại
Dù bạn viếng hồn anh
Yên nghỉ nấm mồ xanh
Nâng chén tình dốc cạn
Thì em ơi mặc bạn
Đợi anh hoài em nghe
Tin rằng anh sắp về!

Đợi anh anh lại về
Trông chết cười ngạo nghễ
Ai ngày xưa rơi lệ
Hẳn cho sự tình cờ
Nào có biết bao giờ
Bởi vì em ước vọng
Bởi vì em trông ngóng
Tan giặc bước đường quê
Anh của em lại về

Vì sao anh chẳng chết ?
Nào bao giờ ai biết
Có gì đâu em ơi
Chỉ vì không ai người
Biết như em chờ đợi.

1947

BÀI CA CỦA NGƯỜI DU KÍCH

dịch dân ca Nam Tư

– Anh ơi mau trở về quê
Vợ anh vò võ một bề canh suông
_ Thương chồng em hãy theo chồng
Ở đây chiến đấu, anh không thể về!

– Anh ơi mau trở về quê
Con anh nó khóc đỏ hoe cả tròng
_ Con tôi có khó giòng giòng
Ở đây chiến đấu, cha không thể về!

– Anh ơi mau trở về quê
Mẹ anh già yếu bên hè chờ mong
_ Mẹ ơi đừng giận đừng trông
Ở đây chiến đấu, con không thể về
– Anh ơi mau trở về quê
Nhà anh giặc đốt đã loe lửa hồng
– Cháy nhà thì cháy cam lòng
Ở đây chiến đấu, tôi không thể về!

– Anh ơi mau trở về quê
Đời anh chết trẻ làm gì uổng thân
– Tôi dù chết mất tuổi xuân
Miễn là thắng lợi, được phần tự do

1948

CHO ĐỜI TỰ DO

dịch dân ca Nam Tư

Chuyện rằng ở xứ Coóc-đon
Có người mẹ đến mồ con sụt sùi
Khóc rằng: Con của mẹ ơi
Con vàng con ngọc bỏ đời đi đâu
Để cho bố khóc mẹ sầu
Đất ơi trả lại con đầu cho ta
Con nghe thấy tiếng mẹ già
– Mẹ ơi, đừng khóc nữa mà héo hon
Đất đen phủ nặng mình con
Nhưng giòng nước mắt mẹ còn nặng hơn
Mẹ đừng khóc bên mồ con nữa
Trở về lo nhà cửa mẹ ơi
Nhắn cho nhà biết một lời
Rằng con mẹ chết cho đời tự do

1949

A-LIÊU-SA NHỚ CHĂNG

dịch thơ Simonov

A-liêu-sa nhớ chăng
Những con đường Smô-lăng
Mưa dầm dề dai dẳng
Các chị em nhọc nhằn từng chặng
Ngực gầy ôm vò sữa che mưa
Thầm lau nước mắt tiễn đưa
Lạy trời phù hộ cho ta lên đường
Thân gái cũng can trường chiến sĩ
Yêu quê hương hùng vĩ
Như lòng xưa chứa chan
Cồn xanh quanh quất đường quan
Bước đi trăm dặm mà ngàn lệ sa
Xóm làng trắng bãi tha ma
Chừng đây hồn nước non Nga tụ về
Chừng đây sau dậu rào quê
Tổ tiên giang cánh chở che cho mình

Rủ nhau về họp cầu xin
Thương đàn con cháu chẳng tin có trời

Ta đã biết bạn ơi đất nước
Đâu chỉ nhà ta được nâng niu
Mà làng quê những sớm chiều
Với cây giá gỗ thân yêu bên mồ

A-liêu-sa nhớ Bô-ri-xốp
Tiếng khóc than xé ruột nhà nào
Lệ người thiếu nữ tuôn trào
Và người mẹ goá mái đầu hoa râm
Áo tang trắng lạnh ướt đầm
Biết làm sao nói biết làm sao khuây
Xót lòng ta tính sao đây
Nhưng người mẹ đã đoán ngay nhủ mình:
– Các con ơi buổi chiến tranh
Đi đi mẹ đợi các anh trở về

Chúng tôi đợi các anh về!
Rừng xanh vọng tiếng đồng quê nhắn lời

Rừng xưa quê cũ xa rồi
Đêm đêm còn vọng giọng lời thiết tha
Bạn với ta xông pha lửa đạn

Nguy bao phen thoát nạn sống còn
Lòng càng vui với nước non
Nước non Nga ta yêu dấu
Ta vui với đời ta chiến đấu
Trên đất đau thương xương máu gia đình
Ta vui vì mẹ Nga sinh
Vui vì một sớm chiến chinh lên đường
Có người vợ rất yêu thương
Hôn ta ba bận, lệ thường tiễn đưa

1949

HÀNH KHÚC

dịch thơ Aragon

Giữa hồi phản phúc
Tối đen tù ngục

Suối đã đục giòng
Chỉ lệ còn trong

Tai nghe những tiếng ré điên cuồng
Những lời tán tỉnh, lời quay quắt

Giặc *xanh*(*) đến với lũ diều hâu
Che ánh mặt trời, đen mặt đất

Chúng bảo ta : Rồi bay đói khát
Và giằng tay cướp bát cơm ta

(*) Giặc Đức mặc quần áo xanh.

Chúng bảo ta: Rồi bay chết rét
Và dân ta ăn tuyết nằm băng
Chúng bảo ta: Phải quăng đốt sách
Chủ đi đâu, chó xích theo sau

Chúng bảo ta : Cúi đầu tôi mọi
Phải phục tùng không nói năng chi

Chúng bảo ta : Tất cả phải quỳ
Những đứa khoẻ thì đi sang Đức

Chúng bảo ta : Tên này vào ngục
Những tên kia tống cổ đi đày

Nhưng chúng quên còn những người ngay
Lòng căm giận và bao người trẻ

Nhưng chúng quên quyết tâm bao kẻ
Mất hay còn một lẽ mà thôi

Chúng ta như ào ào gió lốc
Chúng ta như lửa bốc trong lò

Phất cờ lên dành lại tự do
Không liều lĩnh, không hy sinh vô ích

Chúng ta đi đánh quân thù địch
Chúng ta đi cứu nước non ta!

Đuổi đuổi đi những thằng chủ mới
Quân giặc cướp, giết người, quân phản bội

Phân rõ trắng đen, phân rõ chính tà
Phải xứng danh Tổ quốc chúng ta!

Phải giành lại từ tay gian ác
Từng trái đồi ngọn núi vườn hoa

Phải giành lại từ tay quân giặc
Từng cửa nhà mồ mả ông cha

Bao đồng cỏ ngàn xưa đẫm máu
Và cả trời hiền hậu bao la

Mây không vẩn giặc không còn bóng
Tất tất cả kêu lên giải phóng

Những gì ta yêu phải cứu thoát ra
Tự mình ta, tự mình ta.

1950

NẾU THẦY MẸ CHẾT

dịch thơ Ethel Rosenberg

Nếu thầy mẹ chết, mai sau
Các con sẽ hiểu vì đâu bỗng ngừng
Đời xuân tiếng hát nửa chừng
Sách còn để mở, tay dừng giữa trang
Việc còn để đó dở dang
Vì đâu nửa kiếp lỡ làng bỗng rơi!

Cũng đừng khóc nữa con ơi
Vì đâu giá hoạ những lời vu oan
Vì đâu nước mắt chảy tràn
Vì đâu vùi dập muôn vàn bất công
Nỗi niềm ngay thẳng trắng trong
Mai sau người sẽ rõ lòng mẹ cha!

Mai sau đời sẽ hát ca
Mai sau cây cỏ nở hoa trên mồ
Đời ta phơi phới tự do
Hoà bình thân ái tắt lò chiến tranh

Các con đem tuổi xuân xanh
Cần lao xây dựng lòng thành vui tươi
Tin yêu giá trị con người
Mà thầy mẹ giữ trọn đời cho con

1953

BÀI CA THÁNG MƯỜI

Thuở Anh chưa ra đời
Trái đất còn nức nở
Nhân loại chửa thành người
Đêm ngàn năm man rợ

Nước mắt máu mồ hôi
Đong hàng bát hàng bát
Bán đổi lấy cơm ôi
Nhặt từng hạt từng hạt

Từ khi Anh đứng dậy
Trái đất bắt đầu cười
Và loài người từ đấy
Ca bài ca Tháng Mười

Những mắt buồn sắp nhắm
Bừng dậy thấy tương lai
Những bàn tay lại nắm
Cờ đỏ qua đêm dài

Những đầu lên máy chém
Nhìn đao phủ hiên ngang:
"Muôn năm Đảng Cộng sản!
"Chào Xô-Viết Liên bang!"

Ơi người Anh dũng cảm
Luỹ thép sáng ngời ngời
Đây Việt Nam Tháng Tám
Em Liên Xô Tháng Mười!

Hoan hô Sta-lin
Đời đời cây đại thọ
Rợp bóng mát Hoà bình
Đứng đầu sóng ngọn gió!

Hoan hô Hồ Chí Minh
Cây hải đăng mặt biển
Bão táp chẳng rung rinh
Lửa trường kỳ kháng chiến!

1950

ĐỜI ĐỜI NHỚ ÔNG

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh
Ông Sta-lin bên cạnh nhi đồng
Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu, miệng ông mỉm cười

Trên đồng xanh mênh mông
Ông đứng với em nhỏ
Cổ em quàng khăn đỏ
Hướng tương lai
Hai ông cháu cùng nhìn

Sta-lin! Sta-lin!
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi *Sta-lin!*

Mồm con thơm sữa xinh xinh
Như con chim của hoà bình trắng trong

Hôm qua loa gọi ngoài đồng
Tiếng loa xé ruột xé lòng biết bao
Làng trên xóm dưới xôn xao
Làm sao, ông đã... làm sao, mất rồi!
Ông Sta-lin ơi! Ông Sta-lin ơi!
Hỡi ôi Ông mất! Đất trời có không?
Thương cha thương mẹ thương chồng
Thương mình thương một thương Ông
thương mười
Yêu con yêu nước yêu nòi
Yêu bao nhiêu lại yêu Người bấy nhiêu

Ngày xưa khô héo quạnh hiu
Có Người mới có ít nhiều vui tươi
Ngày xưa đói rách tơi bời
Có Người mới có được nồi cơm no

Ngày xưa cùm kẹp dày vò
Có Người mới có tự do tháng ngày
Ngày mai dân có ruộng cày
Ngày mai độc lập ơn này nhớ ai

Ơn này nhớ để hai vai
Một vai ơn Bác một vai ơn Người
Con còn bé dại con ơi
Mai sau con nhé trọn đời nhớ Ông

Thương Ông mẹ nguyện trong lòng
Yêu làng yêu nước yêu chồng yêu con
Ông dù đã khuất không còn
Chân Ông còn mãi dấu son trên đường

Trên đường quê sáng tinh sương
Hôm nay nghi ngút khói hương xóm làng
Ngàn tay trắng những băng tang
Nối liền khúc ruột nhớ thương đời đời

5-1953

SÁNG THÁNG NĂM

Vui sao một sáng tháng Năm
Đường về Việt Bắc lên thăm Bác Hồ
Suối dài xanh mướt nương ngô
Bốn phương lồng lộng thủ đô gió ngàn

Bác kêu con đến bên bàn
Bác ngồi Bác viết, nhà sàn đơn sơ
Con bồ câu trắng ngây thơ
Nó đi tìm thóc nhởn nhơ quanh nhà.

Bàn tay con nắm tay Cha
Bàn tay Bác ấm vào da vào lòng
Bác ngồi đó, lớn mênh mông
Trời xanh biển rộng ruộng đồng nước non

Bác Hồ, cha của chúng con
Hồn của muôn hồn!
Cho con được ôm hôn má Bác
Cho con hôn mái đầu tóc bạc
Hôn chòm râu mát rượi hoà bình!

Ôi! cái tên kính yêu Hồ Chí Minh!
Trong sáng lòng anh xung kích
Nửa đêm bôn tập diệt đồn
Vững tay người chiến sĩ nông thôn
Bắt sỏi đá phải thành sắn gạo
Anh thợ, má anh vàng thuốc pháo
Cánh tay anh đầy sẹo lửa gang
Ơi những em đốt đuốc đến trường làng
Và các chị dân công mòn đêm vận tải!

Các anh chị, các em ơi, có phải
Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh
Môi ta thầm kêu Bác: "Hồ Chí Minh"!
Và mỗi trận mỗi mùa vui thắng lợi
Đôi mắt Bác hiện lên cười phấn khởi
Ta lớn cao lên, bay bổng diệu kỳ
Trên đường dài hai cánh đỡ ta đi...

Bác Hồ đó, là lòng ta yên tĩnh
Ôi người Cha đôi mắt mẹ hiền sao!

Giọng của Người không phải sấm trên cao
Thấm từng tiếng, ấm vào lòng mong ước
Con nghe Bác tưởng nghe lời non nước
Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau...

Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị
Màu quê hương bền bỉ đậm đà
Ta bên Người, Người toả sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút

Bác Hồ đó, ung dung châm lửa hút
Trán mênh mông thanh thản một vùng trời
Không gì vui bằng mắt Bác Hồ cười
Quên tuổi già, tươi mãi tuổi đôi mươi
Người rực rỡ một mặt trời cách mạng
Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người

Hồ Chí Minh
Người ở khắp nơi nơi...
Hồn biển lớn đón muôn lời thủ thỉ
Lắng từng câu từng ý chưa thành
Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ
Người ngồi đó, với cây chì đỏ
Chỉ đường đi từng bước từng giờ

Không gì vinh bằng chiến đấu dưới cờ
Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại!

Con nhớ hết mỗi lời Người dạy:
"Kháng chiến gian nan, kháng chiến trường kỳ"
Bác bảo đi là đi!
Bác bảo thắng là thắng!
Việt Nam có Bác Hồ
Thế giới có Sta-lin
Việt Nam phải tự do
Thế giới phải hoà bình!

Chúng con chiến đấu hy sinh
Tấm lòng son sắt, đinh ninh lời thề!

Bắt tay Bác tiễn ra về
Nhớ hoài buổi sáng mùa hè chiến khu

5-1951

HOAN HÔ CHIẾN SĨ ĐIỆN BIÊN

Tin về nửa đêm
Hoả tốc hoả tốc
Ngựa bay lên dốc
Đuốc chạy sáng rừng
Chuông reo tin mừng
Loa kêu từng cửa
Làng bản đỏ đèn đỏ lửa

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên!
Hoan hô đồng chí Võ Nguyên Giáp!
Sét đánh ngày đêm xuống đầu giặc Pháp
Vinh quang Tổ quốc chúng ta
Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà!
Vinh quang Hồ Chí Minh,
Cha của chúng ta ngàn năm
sống mãi

Quyết chiến quyết thắng,
cờ đỏ sao vàng vĩ đại!

Kháng chiến ba ngàn ngày
Không đêm nào vui bằng đêm nay
Đêm lịch sử, Điện Biên sáng rực
Trên đất nước, như huân chương trên ngực
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng!

Điện Biên vời vợi nghìn trùng
Mà lòng bốn biển nhịp cùng lòng ta
Đêm nay bè bạn gần xa
Tin về chắc cũng chan hoà vui chung

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi,
ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt.
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn
Những đồng chí thân chôn làm giá súng
Đầu bịt lỗ châu mai
Băng mình qua núi thép gai

Ào ào vũ bão,
Những đồng chí chèn lưng cứu pháo
Nát thân, nhắm mắt, còn ôm
Những bàn tay xẻ núi, lăn bom
Nhất định, mở đường cho xe ta lên chiến
trường tiếp viện
Và những chị, những anh
ngày đêm ra tiền tuyến
Mấy tầng mây, gió lớn mưa to
Dốc Pha Đin chị gánh anh thồ
Đèo Lũng Lô anh hò chị hát
Dù bom đạn xương tan thịt nát
Không sờn lòng, không tiếc tuổi xanh

Hỡi các chị, các anh
Trên chiến trường ngã xuống
Máu của anh chị, của chúng ta,
không uổng
Sẽ xanh tươi đồng ruộng Việt Nam
Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam
Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng.

Lũ chúng nó phải hàng, phải chết
Quyết trận này tiêu diệt Điện Biên

Quân giặc điên
Chúng bay chui xuống đất ?
Chúng bay chạy đằng trời ?
Trời không của chúng bay
Đạn ta rào lưới sắt
Đất không của chúng bay
Đai thép ta thắt chặt!
Của ta, trời đất, đêm ngày
Núi kia, đồi nọ, sông này của ta!
Chúng bay chỉ một đường ra:
Một là tiêu diệt hai là tù binh.
Hạ súng xuống, rùng mình run rẩy
Nghe, pháo ta lừng lẫy thét gầm!

Nghe, trưa nay, tháng 5 mồng 7
Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!
Trông, bốn mặt, luỹ hầm sập đổ
Tướng quân bay lố nhố cờ hàng
Trông, chúng ta cờ đỏ sao vàng
Rực trời đất Điện Biên toàn thắng!
Hoan hô chiến thắng Điện Biên!
Tiếng reo núi vọng sông rền
Đêm nay chắc cũng về bên Bác Hồ
Bác đang cúi xuống bản đồ

Chắc là nghe tiếng quân hò quân reo
Từ khi vượt núi qua đèo
Ta đi, Bác vẫn nhìn theo từng ngày
Tin về mừng thọ đêm nay
Chắc vui lòng Bác, giờ này đợi trông.
Đồng chí Phạm Văn Đồng
Ở bên đó, chắc đêm nay không ngủ
Tin đây Anh, Điện Biên Phủ hoàn thành
Ngày mai vào cuộc đấu tranh
Nhìn xuống mặt bọn Bi-đô, Smit
Anh sẽ nói: "Thực dân, phát xít
Đã tàn rồi!
Tổ quốc chúng tôi
Muốn độc lập hoà bình trở lại
Không muốn lửa bom đổ xuống đầu con cái
Nước chúng tôi và nước các anh
Nếu còn bom lửa chiến tranh
Ở Việt Nam, các anh nên nhớ
Chính nghĩa thật là đáng sợ!
Và trận thắng Điện Biên
Cũng mới là bài học đầu tiên!"
Nhân dân Việt Nam anh dũng
Đã cầm súng tiến lên
Nhất định hoàn toàn thắng lợi!

5-1954

TA ĐI TỚI

Ta đi giữa ban ngày
Trên đường cái, ung dung ta bước
Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường Bắc Sơn–Đình Cả–Thái Nguyên
Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên
Đường cách mạng, dài theo kháng chiến
Đến hôm nay đường xuôi về biển
Mới tinh khôi màu đất đỏ tươi!
Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!
Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát
Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca

Ai qua Phú Thọ
Ai xuôi Trung Hà
Ai về Hưng Hoá
Ai xuống khu Ba

Ai vào khu Bốn
Đường ta đó, tự do cuồn cuộn
Bốt đồn Tây đã cuốn sạch rồi!
Sông Thao nao nức sóng dồi
Ai về Hà Nội thì xuôi cùng thuyền.

Ờ đã chín năm rồi đấy nhỉ!
Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ
Bắp chân, đầu gối vẫn săn gân!
Ngẩng đầu lên : trong sáng tuyệt trần
Tháng Tám mùa thu xanh thắm
Mây nhởn nhơ bay
Hôm nay ngày đẹp lắm!
Mây của ta, trời thắm của ta
Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà!
Đã tan tác những bóng thù hắc ám
Đã sáng lại trời thu tháng Tám
Trên đường ta về lại Thủ đô
Cờ bay quanh tóc bạc Bác Hồ!

Mẹ ơi lau nước mắt
Làng ta giặc chạy rồi!
Tre làng ta lại mọc
Chuối vườn ta xanh chồi
Trâu ta ra bãi ra đồi

Đồng ta lại hát hơn mười năm xưa...
Các em ơi, đã học chưa ?
Các anh dựng cho em trường mới nữa
Chúng nó chẳng còn mong dội lửa
Trường của em đứng giữa đồi quang
Tiếng các em thánh thót quanh làng.

Ai đi Nam Bộ
Tiền Giang, Hậu Giang
Ai vô thành phố
Hồ Chí Minh
Rực rỡ tên vàng

Ai về thăm bưng biền Đồng Tháp
Việt Bắc miền Nam, mồ ma giặc Pháp
Nơi chôn rau cắt rốn của ta!
Ai đi Nam – Ngãi – Bình-Phú – Khánh Hoà
Ai vô Phan Rang, Phan Thiết
Ai lên Tây Nguyên, Công Tum, Đắc Lắc
Khu Năm dằng dặc khúc ruột miền Trung!
Ai về với quê hương ta tha thiết
Sông Hương, Bến Hát, Cửa Tùng
Ai vô đó, với đồng bào, đồng chí
Nói với Nửa Việt Nam yêu quý
Rằng: nước ta là của chúng ta

Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà!
Chúng ta con một cha, nhà một nóc
Thịt với xương, tim óc dính liền.

Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân
Dù ai rào dậu ngăn sân
Lòng ta vẫn giữ là dân Cụ Hồ!

Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng
Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng
Những bàn chân của Hóc Môn, Ba Tơ,
Cao Lạng
Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu
Những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!

Ta đi tới trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!

Ta đi tới, không thể gì chia cắt
Mục Nam Quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đầu
Bắc Nam liền một biển
Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một Cụ Hồ
Lòng ta chung một Thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam!

8-1954

VIỆT BẮC

– Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

– Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

– Mình đi có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù
Mình về có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai
Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Mình về còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi mình có nhớ mình
Tân Trào Hồng Thái, mái đình cây đa ?

– Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô
Nhớ sao lớp học i tờ

Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chảy đêm nện cối đều đều suối xa...

Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng dọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành luỹ sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.

Ai về ai có nhớ không ?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng

Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà
Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc những đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.

Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng

Ai về ai có nhớ không ?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch Thu Đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu.

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền
Mười lăm năm ấy, ai quên
Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hoà
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

– Nước trôi nước có về nguồn
Mây đi mây có cùng non trở về
Mình về ta gửi về quê
Thuyền nâu trâu mộng với bè nứa mai
Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm, cho ai nhớ mình
Trâu về, xanh lại Thái Bình
Nứa mai gài chặt mối tình ngược xuôi
– Nước trôi lòng suối chẳng trôi
Mây đi mây vẫn nhớ hồi về non
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhoà
Nứa mai mình gửi quê nhà
Nước non đâu cũng là ta với mình
Thái Bình đồng lại tươi xanh
Phên nhà lại ấm, mái đình lại vui.

– Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng ?
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng ?
Mình đi ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc tưng bừng thêm vui ?

– Đường về, đây đó gần thôi
Hôm nay rời bản về nơi thị thành
Nhà cao chẳng khuất non xanh
Phố đông càng giục chân nhanh bước đường
Ngày mai về lại thôn hương
Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về
Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng
Than Phấn Mễ, thiếc Cao Bằng
Phố phường như nấm như măng giữa trời
Mái trường ngói mới đỏ tươi
Chợ vui trăm nẻo về khơi luồng hàng
Muối Thái Bình ngược Hà Giang
Cày bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh
Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông
Áo em thêu chỉ biếc hồng

Mùa xuân ngày hội "lùng tùng" thêm tươi
Còn non, còn nước, còn trời
Bác Hồ thêm khoẻ, cuộc đời càng vui.

– Mình về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường suối reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi, rừng núi trông theo bóng Người...

– Lòng ta ơn Bác đời đời
Ngược xuôi, đôi mặt một lời song song
Ngàn năm xưa nước non Hồng
Còn đây, ơn Bác nối dòng dài lâu
Ngàn năm non nước mai sau
Đời đời ơn Bác càng sâu càng nồng.

Cầm tay nhau hát vui chung
Hôm sau mình nhé, hát cùng Thủ đô.

10-1954

LẠI VỀ

Hà Nội ơi Hà Nội!
Cay đắng tám năm ròng
Quê ta thành đất giặc
Ôi ngàn năm Thăng Long!

Năm cửa ô rào thép
Xe gíp bụi mù đường
Nghênh ngang bầy mũ đỏ
Tanh trường học nhà thương

Còi hét ga Hàng Cỏ
Đêm này nó chạy đâu
Bóng tối đè mái phố
Bay đâu lũ diều hâu ?

Xé ruột lòng thao thức
Giày đinh nghiến nửa đêm

Tim đập dồn trống ngực
Ai đấm cửa ngoài thềm ?

Đầu phố ai kêu đó
Ú ớ mấy thằng say
Cuồng loạn quay đèn đỏ(*)
Quỷ sứ cười đêm ngày!

Hà Nội ơi Hà Nội!
Đến bao giờ bao giờ
Hết đêm dài đen tối
Ngày mai đỏ rực cờ ?

Hà Nội ta không mất
Nước Hồ Gươm vẫn trong
Đêm đêm nhìn ảnh Cụ
Mắt Người nhìn ấm lòng

Hà Nội ta không khuất
Hoả Lò thêm Nhà Tiền

Những đứa con vào chật
Hà Nội ơi vùng lên!

(*) Đèn đỏ của những hộp đêm

Giành lại bao năm tháng
Giành lại mỗi người con
Từng ngọn đèn tươi sáng
Từng giọt nước lành ngon!

Hà Nội ơi Hà Nội!
Bao giờ
Giữa Thủ đô
Cụ Hồ về
Bộ đội
Tiến vào năm cửa ô ?

Về đến đây rồi Hà Nội ơi!
Người đi kháng chiến tám năm trời
Hôm nay về lại đây Hà Nội
Ràn rụa vui lên ướt mắt cười

Đường quen phố cũ đây rồi
Thủ đô tươi dậy mặt người như hoa
Vườn hồng ngớt gió mưa qua
Cờ hoa đỏ nắng mái nhà vàng sao
Tay vui sóng vỗ rạt rào
Người về kẻ đợi mừng nào mừng hơn ?
Biết bao sung sướng tủi hờn
Trông nhau mà tưởng như hồn còn mơ!

Hồ Gươm xanh thắm quanh bờ
Thiên thu hồn Nước mong chờ bấy nay!
Bây giờ đây lại là đây
Quốc kỳ đỉnh Tháp sao bay mặt Hồ

10-1954

MỤC LỤC

5 *Lời dẫn*

7 *Phác thảo tiến trình thảo luận và tranh luận*

15 *Xuân Trường* - Vài ý nghĩ khi đọc tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

26 *Xuân Diệu* - Đọc tập thơ *Việt Bắc*

53 *A.T* - Hai cuộc thảo luận về *Việt Bắc* và *Vượt Côn Đảo*

55 *Hoàng Yến* - Tập thơ *Việt Bắc* có hiện thực không?

70 *Hoàng Yến* - Đọc thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

90 *Minh Tranh* - Tình yêu trong tập thơ *Việt Bắc*

101 *Tin ngắn Văn nghệ;* Cuộc họp thứ nhất thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu tại trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam

103 *Vũ Đức Phúc* - Hoàng Yến chưa nắm vững vấn đề hiện thực

117 *Hoàng Cầm* - Tập thơ *Việt Bắc* ít chất sống thực tế

136 *Tin văn hoá:* Hai cuộc nói chuyện văn nghệ

137 Cuộc hội nghị phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu lần thứ hai sôi nổi và tiến bộ rõ rệt

139 Cuộc họp thứ ba thảo luận tập thơ *Việt Bắc*

140 *Tin văn hoá:* Các cuộc họp phê bình tập thơ *Việt Bắc*

141 *Hiện Thực* - Sổ tay văn nghệ (*trích*)

142 *Lê Đạt* - Giai cấp tính trong thơ Tố Hữu

155 *Vũ Đức Phúc* - Phản đối cái buồn của Hoàng Cầm khi đọc thơ Tố Hữu

172 *Nhân Hồng* - Chúng ta tiếp thu di sản của nhà thơ Xô viết vĩ đại như thế nào?

175 *Phan Cự Đệ* - Đọc tập *Việt Bắc*: Tình cảm chưa theo kịp ý thức con người

184 *Nguyễn Văn Phú* - Vài điểm non yếu trong nghệ thuật tập thơ *Việt Bắc*

199 *Hoài Việt* - Không đồng ý với Hoàng Yến và Hoàng Cầm

205 *Lê Đạt* - Học tập Maiakovski, phát huy sức sống mới của thi ca Việt Nam

220 *Lê Quang Thành* - Góp ý kiến thảo luận về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

237 *Nguyễn Viết Lãm* - Tư tưởng và tình cảm trong tập thơ *Việt Bắc* có hiện thực không?

244 *Nhân Hồng* - Vấn đề phê bình văn nghệ ở Liên Xô

253 *Thẩm Lăng* - Việt Bắc và Tố Hữu

259 *Tin văn hoá:* Hưởng ứng phong trào phê bình văn học của báo Văn nghệ

260 *Hiện Thực* - Sổ tay *Văn nghệ* (*trích*)

262 *Hoàng Cầm* - Bổ sung ý kiến của tôi về tập thơ

Việt Bắc

271 *Đồng Hoài* - Góp ý kiến về tập thơ *Việt Bắc*

279 *Chu Dương* (Trung Quốc) - Vài ý kiến về phê bình văn nghệ (*trích dịch*)

282 Vài ý kiến về phê bình văn học

285 *Nguyễn Viết Lãm* - Đặc tính sáng tạo trong tập thơ Tố Hữu

290 Bạn đọc góp ý kiến (*Lê Bá Suý - Ngô Linh Ngọc - Đức Minh - Lê Bạch Sơn*)

299 Thư bạn đọc (*Vũ Đức Phúc*)

302 *Nguyễn Viết Lãm* - Những nhược điểm của tập thơ *Việt Bắc*

307 *Trần Độ* - Vài cảm tưởng của một độc giả thông thường

313 Bạn đọc góp ý kiến về tập thơ "*Việt Bắc*"(*Nguyễn Văn Sáng - Xuân Sách*)

317 Ý kiến của các bạn văn nghệ (*Trương Chính*)

322 *Vũ Đình Liên* - Mối tình dân tộc trong tập thơ *Việt Bắc*

331 *Hoài Thanh* - Tình yêu quê hương đất nước trong tập thơ *Việt Bắc*

345 *Tú Mỡ* - Góp ý kiến về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

352 *Nguyễn Đình Thi* - Thơ Tố Hữu đi vào thực tế quần chúng

361 *Nguyễn Đình Thi* - Lập trường giai cấp và đảng

tính, vấn đề hiện thực và lãng mạn
371 *Nguyễn Đình Thi* - Nhà thơ lớn lên với thời đại
378 *Trọng Anh* - Đồng bào miền Nam với thơ Tố Hữu
383 *Hoàng Trung Thông* - Ý kiến kết thúc cuộc thảo luận về tập thơ *Việt Bắc*

400 Phụ lục
VIỆT BẮC tập thơ

404 *Cá nước*
408 *Phá đường*
410 *Bà mẹ Việt Bắc*
418 *Giữa thành phố trụi*
420 *Lên Tây Bắc*
422 *Bao giờ hết giặc*
424 *Bầm ơi*
426 *Lượm*
429 *Em bé Triều Tiên*
431 *Bắn*
433 *Voi*
436 *Đợi anh về*
438 *Bài ca của người du kích*
440 *Cho đời tự do*
441 *A-liêu-sa nhớ* chăng

444 *Hành khúc*
447 *Nếu thầy mẹ chết*
449 *Bài ca Tháng Mười*
451 *Đời đời nhớ ông*
454 *Sáng tháng Năm*
458 *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*
463 *Ta đi tới*
468 *Việt Bắc*
475 *Lại về*

*

479 **Mục lục**

TƯ LIỆU THẢO LUẬN 1955 VỀ TẬP THƠ "VIỆT BẮC"
Lại Nguyên Ân *sưu tầm và biên soạn*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản: **Bùi Việt Bắc**

Chịu trách nhiệm bản thảo: **Phạm Ngọc Luật**

Biên tập: **Thái Hà**

Sửa bản in: **Vân Trang**

Trình bày: **Đắc Huy**

Vẽ bìa: **Lưu Chí Cương**

Chế bản: **Đông Tây**

Thực hiện liên kết xuất bản: NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh
Tel & Fax: (04) 7733041
Email: sach32bt@hn.vnn.vn
Website: www.nhasachdongtay.com.vn

In 800 cuốn khổ 13x19 cm Tại KS - XD – Bộ Xây dựng
Số đăng ký KHXB số 1881-XB-QLXB/20-VHTT ngày 24/12/2004. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2005

TƯ LIỆU THẢO LUẬN 1955 VỀ TẬP THƠ

VIỆT BẮC

DT0339

Giá: 50.000VNĐ

Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh - Website: www.nhasachdongtay.com.vn